

HSK 3.0 NEW STANDARD • CẤP ĐỘ 5 (TRUNG CẤP)

TẬP 1 (1/2) • TỪ #001 - #530

SỔ TAY TỔNG HỢP TỪ VỰNG HSK 5 (3.0)

Bản phát hành chuẩn in ấn A4 được chia nhỏ tiện lợi để dễ dàng tải về, học tập mọi lúc mọi nơi và in ấn đóng sổ tay cầm tay nhỏ gọn.

**TẬP 1: Gồm 530 Từ Vựng Chọn Lọc**

Thứ tự từ #001 đến #530 trên tổng số 1059 từ

**Âm Hán Việt Viết Hoa Chuẩn Mực**

Kích hoạt phản xạ từ vựng qua tiếng mẹ đẻ

**Tích Hợp QR Code Tương Tác**

Quét mã nghe phát âm chuẩn & tập viết chữ Hán

⚡ KHÔNG GIAN HỌC TRỰC TUYẾN**Quét Mã QR Để Học & Nghe Phát Âm**

Dùng camera điện thoại quét mã QR để mở ngay kho từ vựng trực tuyến trên FoxHSK: Nghe phát âm giọng Bắc Kinh, tập viết từng nét bút và làm bài trắc nghiệm.

<https://foxhsk.com/vocabulary?standard=3.0&level=5> →





☆ CẤU TRÚC 1 THẺ TỪ VỰNG CHUẨN TRÊN FOXHSK

Áp dụng chuẩn UI V3 đồng bộ toàn hệ thống

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#001

安慰

ān wèi

an ủi, động viên

当朋友在工作和生活中遭遇挫折时，及时送上一句真诚温暖的安慰往往能给予他莫大的前行力量。

Dāng péng yǒu zài gōng zuò hé shēng huó zhōng zǎo yù cuò zhé shí, jí shí sòng shàng yí jù zhēn chéng wēn nuǎn de ān wèi wǎng wǎng néng jǐ yǔ tā mò dà de qián xíng lì liàng.

Khi bạn bè gặp phải vấp ngã trong công việc và cuộc sống, một lời an ủi chân thành ấm áp kịp thời thường sẽ tiếp thêm cho họ nguồn sức mạnh to lớn để bước tiếp.

23 nét

HÁN VIỆT: AN ỦY

1 Cấp độ & Từ loại: Xác định phân loại ngữ pháp (Động từ, Danh từ, Phó từ...) để đặt câu đúng ngữ cảnh.

3 Pinyin Đầy Đủ: Đầy đủ dấu thanh điệu giúp phát âm chuẩn xác ngữ âm phổ thông.

5 Câu Ví Dụ Thực Tế: Ứng dụng từ vựng vào ngữ cảnh câu thực tế, tách riêng 3 dòng rõ ràng: Chữ Hán, Pinyin và bản dịch tiếng Việt.

2 Chữ Hán Tiêu Chuẩn: Kiểu chữ Noto Serif SC rõ ràng, hiển thị đúng từng nét bút chuẩn thi HSK.

4 Nghĩa Tiếng Việt: Bản dịch tự nhiên, chuẩn văn phong tiếng Việt hiện đại.

6 Hán Việt (VIẾT HOA 100%): Chia khóa vàng giúp người Việt hiểu sâu gốc từ, mở rộng vốn từ vựng cấp số nhân!



1. Đòn Bẩy Âm Hán Việt

Tiếng Việt có hơn 70% từ mượn gốc Hán. Học chữ Hán kết hợp âm Hán Việt giúp bạn thuộc từ trong 5 giây mà không cần học vẹt!



2. Ôn Tập Ngắt Quãng SRS

Áp dụng nguyên lý đường cong quên lãng Ebbinghaus: Ôn lại sau 1 ngày, 3 ngày, 7 ngày và 14 ngày trên website FoxHSK với thuật toán SRS.



3. Quét QR Luyện Nghe Nói

Mỗi trang tài liệu đều có mã QR dẫn trực tiếp về bài học trực tuyến để bạn nghe giọng đọc chuẩn và luyện trắc nghiệm phản xạ.

THỐNG KÊ TỪ LOẠI HSK 5 (3.0) • TẬP 1

Tập này: 530 từ vựng

347

Danh từ

117

Động từ

37

Tính từ

2

Đại từ

4

Số & Lượng từ

23

Từ loại khác



HSK 5 (3.0)

Danh từ

#001

安慰

ān wèi

an ủi, động viên

当朋友在工作和生活中遭遇挫折时，及时送上一句真诚温暖的安慰往往能给予他莫大的前行力量。

Dāng péng yǒu zài gōng zuò hé shēng huó zhōng zāo yù cuò zhé shí, jí shí sòng shàng yí jù zhēn chéng wēn nuǎn de ān wèi wǎng wǎng néng gǔ yǐ yú tā mò dà de qián xíng lì liàng.

Khi bạn bè gặp phải vấp ngã trong công việc và cuộc sống, một lời an ủi chân thành ấm áp kịp thời thường sẽ tiếp thêm cho họ nguồn sức mạnh to lớn để bước tiếp.

23 nét

HÁN VIỆT: AN ỦY

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#002

岸

àn

bờ (sông, biển, hồ)

游轮在清晨薄雾中缓缓驶离码头，两岸连绵起伏的山峦倒映在平静的江水中。

Yóu lún zài qīng chén bó wù zhōng huǎn huǎn shǐ lí mǎ tóu, liǎng àn lián miǎn qǐ fú de shān luán dào yǐng zài píng jìng de jiāng shuǐ zhōng.

Du thuyền từ từ rời bến trong làn sương sớm mờ ảo, dãy núi trập trùng hai bên bờ soi bóng xuống dòng sông êm ả.

14 nét

HÁN VIỆT: NGẠN

HSK 5 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#003

岸上

ànrshang

trên bờ, phía trên bờ

当万米载人深潜器凯旋靠泊时，岸上等候多时的科研人员爆发出热烈欢呼与掌声。

Dāng wàn mǐ zài rén shēn qián qì kǎi xuán kào bó shí, àn shàng děng hòu duō shí de kē yán rén yuán bào fā chū rè liè huān hū yǔ zhǎng shēng.

Khi tàu lặn có người lái vạn mét thắng lợi cập bến, các cán bộ nghiên cứu khoa học chờ đợi đã lâu ở phía trên bờ trên bờ đã bùng nổ những tràng pháo tay reo hò nhiệt liệt.

22 nét

HÁN VIỆT: NGẠN THƯỢNG

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#004

按摩

àn mó

mát-xa, xoa bóp bấm huyệt

传统中医推拿按摩通过精准刺激人体经络穴位，能有效疏通气血、缓解肌肉紧张与关节酸痛。

Chuán tǒng zhōng yī tuī ná ān mó tōng guò jīng zhǔn cì jī rén tǐ jīng luò shù xué, néng yǒu xiào shū tōng qì xué, huǎn jiě jī ròu jīn zhāng yǔ guān jié suān tòng.

Nghệ thuật xoa bóp bấm huyệt Đông y truyền thống thông qua việc kích thích chuẩn xác các huyệt vị kinh lạc trên cơ thể người có thể đã thông khí huyết hiệu quả, xoa dịu căng cơ và đau mỏi khớp xương.

23 nét

HÁN VIỆT: ÁN MA

HSK 5 (3.0)

Động từ

#005

拔

bá

nhổ lên, rút ra; nổi bật, bật mạng vượt lên

我国积极实施战略科学家与拔尖创新人才专项培养计划，为科技自立自强筑牢人才基石。

Wǒ guó jī jí shí shī zhàn lüè kē xué jiā yǔ bá jiān chuàng xīn rén cái zhuān xiàng péi yǎng jì huà, wéi kē jì zì lì zì qiáng zhù láo rén cái jī shí.

Nước ta tích cực thực thi kế hoạch bồi dưỡng chuyên án nhân tài đổi mới sáng tạo xuất chúng vượt trội và nhà khoa học chiến lược, củng cố nền tảng nhân tài vững chắc cho tự chủ tự cường khoa học công nghệ.

10 nét

HÁN VIỆT: BÁT

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#006

白酒

báijiǔ

rượu trắng, rượu trắng truyền thống Trung Hoa

我国传统固态酿造纯粮白酒工艺融合了深厚的非遗文化底蕴与现代生物发酵技术。

Wǒ guó chuán tǒng gù tài niàng zào chún liáng bái jiǔ gōng yì yǒng hé le shēn hòu de fēi yí wén huà di yùn yǔ xiàn dài shēng wù fā jiào jì shù.

Quy nghệ nấu rượu trắng hạt thuần lên men thể rắn truyền thống của nước ta dung hợp kỹ thuật lên men sinh học hiện đại và bề dày văn hóa di sản phi vật thể sâu sắc.

22 nét

HÁN VIỆT: BẠCH TỬU

HSK 5 (3.0)

Động từ

#007

拜访

bài fǎng

thăm viếng, bài phỏng, đến thăm (trang trọng)

青年学者专程前往中科院院士所拜访求教，老先生毫无保留地分享了自己半导体领域的科研心得。

Qīng nián xué zhě zhēng cháng zhūn chéng qián wǎng zhōng kē yuán yuàn shì yú suǒ bài fǎng qiú jiào, lǎo xiān shēng háo wú bǎo liú dì fēn xiǎng le zì jǐ zài bàn dào tǐ lǐng yù de kē yán xīn dé.

Nhà khoa học trẻ đã đích thân đến thăm nơi ở của Viện sĩ Viện Hàn lâm Khoa học Trung Quốc để thỉnh giáo, bậc tiền bối đã không giấu giếm chia sẻ trọn vẹn những tâm đắc nghiên cứu của mình trong ngành bán dẫn.

24 nét

HÁN VIỆT: BÀI PHỎNG

HSK 5 (3.0)

Động từ

#008

版

bǎn

phiên bản

老师鼓励大家积极版，勇于探索新的知识。老师鼓励大家积极版，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí bǎn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực phiên bản, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

11 nét

HÁN VIỆT: BẢN

HSK 5 (3.0)

Động từ

#009

扮演

bǎn yǎn

đóng vai, sắm vai, đảm nhận vai trò

在全球应对气候变化与推动低碳绿色转型的多边进程中，中国积极扮演着全球生态文明建设引领者与贡献者的核心角色。

Zài quán qiú yīng duì qì hòu biàn huà yǔ tuī dòng dī tàn lǜ sè zhuǎn xíng de duō biān jìn chéng zhōng, zhōng guó jī jí bǎn yǎn zhe quán qiú shēng tài wén míng jiàn shè yīn lǐng zhě yǔ gòng xiàn zhě de hé xīn jué sè.

Trong tiến trình đa phương toàn cầu ứng phó với biến đổi khí hậu và thúc đẩy chuyển đổi xanh ít phát thải, Trung Quốc đang tích cực đảm nhận vai trò hạt nhân là người dẫn dắt và người đóng góp quan trọng trong công cuộc xây dựng văn minh sinh thái thế giới.

23 nét

HÁN VIỆT: BẢN DIỄN



HSK 5 (3.0)

Động từ

#010

棒

bàng

tuyệt vời

老师鼓励大家积极棒，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí bàng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực tuyệt vời, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

11 nét

HÁN VIỆT: BÔNG

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#011

包围

bāo wéi

bao vây, vây quanh, vây bọc

塞罕坝林场建设者用数十年的青春热血筑起了一道百万亩绿色林海长城，成功抵御并包围了南侵的浑善达克沙漠风沙。
Sāi hǎn bà lín chǎng jiàn shè zhě yòng shù shí niǎn de qīng chūn rè xuè zhù qǐ le yī dào bǎi wàn mù lǜ sè lín hǎi cháng chéng, chéng gōng dǐ yù bìng bāo wéi le nán qīn de hún shàn dà kè shā mò fēng shā.
Những người xây dựng Nông trường Rừng Saihanba bằng tuổi xuân và dòng máu nóng suốt hàng chục năm đã dựng xây nên bức tường thành rừng cây xanh bạt ngàn triệu mẫu, ngăn chặn và bao vây thành công bao cát sa mạc Hunshandake xâm lấn xuống phía Nam.

17 nét

HÁN VIỆT: BAO VI

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#012

包装

bāo zhuāng

đóng gói, bao bì; bao bì đóng gói

国家全面推行绿色低碳快递包装标准，大力推广可降解植物纤维环保包装材料与可循环周转箱。
Guó jiā quán miàn tuī xíng lǜ sè dī tàn kuài dì bāo zhuāng biāo zhǔn, dà lì tuī guǎng kě jiàng jiě wú xiǎn wéi huán bǎo bāo zhuāng cái liào yǔ kě xún huán zhōu zhuǎn xiāng.
Nhà nước phổ biến toàn diện tiêu chuẩn đóng gói chuyển phát nhanh xanh ít phát thải, đẩy mạnh áp dụng vật liệu bao bì bảo vệ môi trường bằng sợi thực vật có thể phân hủy sinh học cùng thùng luân chuyển tái sử dụng tuần hoàn.

23 nét

HÁN VIỆT: BAO TRANG

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#013

薄弱

bó ruò

mỏng manh, yếu kém, điểm nghẽn xung yếu

国家深入实施强基计划与补短板工程，聚焦基础工业软件与高端传感器等薄弱环节全力攻坚破局。
Guó jiā shēn rù shí shī qiáng jī jì huà yǔ bǔ duǎn bǎn gōng chéng, jù jiāo jī chǔ gōng yè ruǎn jiàn yǔ gāo duān chuán gǎn qì děng bó ruò huán jié quán lì gōng jiàn pò jú.
Nhà nước đi sâu thực thi chương trình củng cố nền tảng và dự án bù đắp các điểm nghẽn, tập trung dốc toàn lực tạo bước đột phá tại các khâu xung yếu còn yếu kém như phần mềm công nghiệp nền tảng và cảm biến cao cấp.

24 nét

HÁN VIỆT: BẠC NHƯỢC

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#014

保卫

bǎo wèi

bảo vệ, gìn giữ (chủ quyền, an ninh)

人民军队枕戈待旦、严阵以待，时刻保持高度戒备状态，坚决捍卫国家主权、安全与领土完整。
Rén mín jūn duì zhēn gē dài dàn, yán zhèn yǐ dài, shí kè bǎo chí gāo dù jǐè bèi zhùàng tài, jiǎn jué hàn wèi guó jiā zhǔ quán, ān quán yǔ lǐng tǔ wán zhěng.
Quân đội nhân dân gối gươm đợi trời sáng, dàn trận sẵn sàng chiến đấu, luôn luôn giữ vững trạng thái cảnh giác cao độ, kiên quyết bảo vệ chủ quyền, an ninh và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.

26 nét

HÁN VIỆT: BẢO VỆ

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#015

保养

bǎo yǎng

bảo dưỡng, chăm sóc duy tu (máy móc, cơ thể)

高铁动车组在完成每日长途高密度运营后，均会进入动车段检修车间接受极其严格的夜间一级深度保养。
Gāo tiě dòng chē zǔ zài wán chéng měi rì cháng gāo mì dù yùn yíng hòu, jūn huì jìn rù dòng chē duàn jiàn xiū chē jiàn jiē shòu jí qí yán gé de yè jiān yī jí shēn dù bǎo yǎng.
Đoàn tàu cao tốc sau khi hoàn thành các chuyến vận hành đường dài dày đặc mỗi ngày đều sẽ vào xưởng kiểm tu bảo dưỡng để tiếp nhận quy trình bảo dưỡng chuyên sâu cấp một vào ban đêm với cùng nghiêm ngặt.

27 nét

HÁN VIỆT: BẢO DƯỠNG

HSK 5 (3.0)

Động từ

#016

报答

bào dá

báo đáp, đền đáp ơn nghĩa

谁言寸草心，报得三春晖；广大青年学子立志刻苦攻读，以优异的学术成果报答父母与师长的培育之恩。
Shuí yán cùn cǎo xīn, bào dé sān chūn huī; guǎng dà qīng nián xué zǐ lì zhì kù gōng dú, yì yōu yì de xué shù chéng guǒ bào dá fù mǔ yǔ shī zhǎng de péi yù zhī ēn.
Ai rằng tấc cỏ lòng son, đền sao cho xiết bóng vầng dương xuân; đông đảo sinh viên thanh niên lập chí miệt mài đèn sách, dùng những thành quả học thuật xuất sắc để đền đáp công ơn nuôi dưỡng của cha mẹ và thầy cô.

22 nét

HÁN VIỆT: BÁO ĐÁP

HSK 5 (3.0)

Động từ

#017

报警

bào jǐng

báo cảnh sát, phát tín hiệu báo động

国家智能电网调度中心配备了全自动毫秒级故障预警与声光智能报警联动系统。
Guó jiā zhì néng diàn wǎng diào dù zhōng xīn pèi bèi le quán zì dòng háo miǎo jí gù zhàng yù jǐng yǔ shēng guāng zhì néng bào jǐng lián dòng xì tǒng.
Trung tâm điều độ lưới điện thông minh quốc gia trang bị hệ thống liên động báo động thông minh bằng âm thanh ánh sáng và cảnh báo sớm sự cố cấp độ mili-giây tự động hoàn toàn.

20 nét

HÁN VIỆT: BÁO CẢNH

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#018

抱怨

bào yuàn

than vãn, oán trách, phàn nàn

面对科研攻关中遇到的暂时阶段性挫折，真正的勇者从不盲目抱怨外界环境，而是向内反思、积极寻找突破路径。
Miàn duì kē yán gōng guān zhōng yù dào de zàn shí jiàn xié xíng cuò zhé, zhēn zhèng de yǒng zhě cóng bù máng mù bào yuàn wài jiè huán jīng, ér shì xiàng nèi fǎn sī, jī jí xún zhǎo tú pò lù jīng.
Đứng trước những vấp ngã gián đoạn nhất thời trong quá trình nghiên cứu khoa học, người dũng cảm chân chính không bao giờ than vãn oán trách hoàn cảnh bên ngoài một cách mù quáng, mà luôn tự soi xét vào bên trong để tích cực tìm kiếm con đường đột phá.

22 nét

HÁN VIỆT: BẢO OÁN



HSK 5 (3.0)

Danh từ

#019

悲剧

bēijù

bi kịch, thảm kịch, chuyện đau buồn

安全生产人命关天，各部门必须压实安全生产主体责任，坚决防范遏制重特大安全事故悲剧发生。

Ăn quán shēng chān rén mìng guān tiān, gè bù mén bì xū yā shí ān quán shēng chān zhǔ tǐ zé rèn, jiǎn jué fáng zhì zhòng tè dà ān quán shì gù bēi jù fā shēng.

Sản xuất an toàn liên quan trực tiếp đến tính mạng con người, các ban ngành bắt buộc phải siết chặt trách nhiệm chủ thể sản xuất an toàn, kiên quyết ngăn chặn kiểm chế bi kịch thảm kịch tai nạn an toàn đặc biệt lớn xảy ra.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: BI KỊCH

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#020

悲伤

bēishāng

đau buồn, bi thương, sầu muộn

面对特大自然灾害造成的巨大创伤，灾区人民化悲伤为力量，在全国人民支援下团结重建美好家园。

Miàn đối tè dà zì rán zāi hài zào chéng de jù dà chuāng shāng, zāi qū rén mín huà bēi shāng wéi lì liàng, zài quán guó rén mín zhī yuán xià tuán jié chóng jiàn měi hǎo jiā yuán.

Đứng trước tổn thương to lớn do thiên tai đặc biệt nghiêm trọng gây ra, nhân dân vùng thiên tai biến đau buồn bi thương thành sức mạnh, đoàn kết tái thiết mái nhà tươi đẹp dưới sự chi viện của nhân dân cả nước.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: BI THƯƠNG

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#021

北极

běi jí

Bắc Cực

我国“雪龙2”号极地科考破冰船成功完成了北极高纬度深远海冰区综合科学考察任务，获取了大量珍贵的极地环境实测数据。

Wó guó "xuě lóng 2" hào jí dì kē kǎo pò bīng chuán chéng gōng wán chéng le běi jí gāo wēi dù shēn yuǎn hǎi bīng qū zōng hé kē xué kǎo chá rèn wù, huò qǔ le dà liàng zhēn guì de jí dì huán jìng shí cè shù jù.

Tàu phá băng khảo sát vùng cực "Tuyết Long 2" của nước ta đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ khảo sát khoa học tổng hợp vùng băng biển sâu xa vĩ độ cao Bắc Cực, thu thập được khối lượng lớn dữ liệu đo đạc thực tế môi trường vùng cực quý báu.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: BẮC CỰC

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#022

背包

bēibāo

ba lô, túi đeo lưng, túi hành lý

年轻的野外地质科考队员背起沉重的科考专业背包，踏着晨光坚定地走向荒原峡谷进发。

Nián qīng de yě wài dì zhì kē kǎo duì yuán bèi qǐ chén zhòng de kē kǎo zhuān yè bēi bāo, tà zhe chén guāng jiān dìng dì xiàng huāng yuán xiá gǔ jìn fā.

Những đội viên khảo sát khoa học địa chất dã ngoại trẻ tuổi đeo chiếc ba lô túi đeo lưng chuyên dụng khảo sát nặng trĩu trên vai, vững bước tiến vào hẻm núi hoang nguyên dưới ánh ban mai.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: BỐI BAO

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#023

被动

bèi dòng

bị động, thể bị động

在日趋激烈的高新技术国际竞争中，唯有坚定推进高水平科技自立自强，才能彻底摆脱处处受制于人的被动局面。

Zài rì qū jī liè de gāo xīn jì shù guó jì jìng zhēng zhōng, wéi yǒu jiān dìng tuī jìn gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng, cái néng chè di bǎi tuō chù chù shòu zhì yú rén de bèi dòng jú miàn.

Trong cuộc cạnh tranh quốc tế về công nghệ cao ngày càng khốc liệt, chỉ có kiên định đẩy mạnh tự chủ tự cường khoa học công nghệ ở trình độ cao mới có thể thoát khỏi hoàn toàn cục diện bị động bị chèn ép phụ thuộc ở mọi nơi.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: BỊ ĐỘNG

HSK 5 (3.0)

Động từ

#024

辈

bèi

thế hệ

老师鼓励大家积极辈，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí bèi, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực thế hệ, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 9 nét

HÁN VIỆT: BỐI

HSK 5 (3.0)

Đại từ / Danh từ

#025

本人

běn rén

bản thân tôi, đích thân tôi; đương sự

在办理重大不动产过户或大额金融信托业务时，必须由申请人本人携带有效法定身份证件现场核验确认。

Zài bàn lǐ zhòng dà bù dòng chǎn guò hù huò dà é kim róng xìn tuō yè wù shí, bì xū yóu shēn qīng rén běn rén xié dài yǒu xiào fǎ dìng shēn fèn zhèng jiàn xiàn chǎng hé yàn què rèn.

Khi làm thủ tục sang tên quyền sở hữu bất động sản trọng đại hoặc nghiệp vụ ủy thác tài chính giá trị lớn, bắt buộc phải do đích thân người nộp đơn mang theo giấy tờ tùy thân hợp pháp có hiệu lực để kiểm tra xác nhận trực tiếp.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: BẢN NHÂN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#026

鼻子

bí zi

mũi

天气突然剧烈变冷，他的鼻子感觉有点儿不舒服。

Tiān qì tū rán jù liè biàn lěng, tā de bí zi gǎn jué yǒu diǎn bù shū fú.

Thời tiết đột ngột trở lạnh dữ dội khiến mũi anh ấy cảm thấy hơi khó chịu.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: TỶ TỬ

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ

#027

比方

bǐ fāng

ví dụ, tỷ dụ; so sánh

科普专家打了一个极其通俗生动的比方，把量子纠缠现象巧妙比作一对心有灵犀、无论相隔多远都能瞬间共鸣的孪生兄弟。

Kē pǔ zhuān jiā dǎ le yí gè jí qí tōng sù shēng dòng de bǐ fāng, bǎ liàng zǐ jiū chán xiàn xiàng qiāo miào bǐ zuò yí duì xīn yǒu líng xī, wú lùn xiāng gé duō yuǎn dōu néng shùn jiǎn gòng míng de luàn shēng xiōng dì.

Chuyên gia phổ biến kiến thức khoa học đã đưa ra một ví dụ so sánh vô cùng dễ hiểu và sinh động, ví von hiện tượng vướng víu lượng tử một cách tài tình như cặp anh em song sinh tâm linh tương thông có thể cộng hưởng tức thì bất kể cách xa nhau bao tròng.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: TỶ PHƯƠNG



HSK 5 (3.0)

Danh từ

#028

比重

bǐ zhòng

tỷ trọng, tỷ lệ phần trăm; trọng lượng riêng

随着产业结构转型升级的加速推进，战略性新兴产业增加值占国内生产总值的比重实现了持续稳步提升。

Suí zhe chǎn yè jié gòu zhuǎn xíng shēng jí de jiǎ sù tuī jìn, zhàn lüè xīng xīng chǎn yè zēng jiǎ zhí zhàn guó nèi shēng chǎn zǒng zhí de bǐ zhòng shí xiǎn le chí xù wěn bù tí shēng.

Cùng với sự đẩy nhanh chuyển dịch năng cấp cơ cấu ngành nghề, giá trị gia tăng của các ngành công nghiệp mới nổi mang tính chiến lược chiếm tỷ trọng trong tổng sản phẩm quốc nội (GDP) đã tăng trưởng ổn định và vững chắc.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: TỶ TRỌNG

HSK 5 (3.0)

Đại từ

#029

彼此

bǐ cǐ

lẫn nhau, hai bên, đôi bên

在长期的跨国科研项目协作中，两国科学家坦诚相待、密切配合，结下了彼此深厚信任的崇高友谊。

Zài cháng qī de kuà guó kē yán xiàng mù xié zuò zhōng, liǎng guó kē xué jiā tǎn chéng xiāng dài, mì qiè pèi hé, jié xià le bǐ cǐ shēn hòu xìn rèn de chóng gāo yǒu yì.

Trong suốt quá trình hợp tác nghiên cứu khoa học xuyên quốc gia lâu dài, các nhà khoa học hai nước đã đối đãi chân thành, phối hợp khăng khít, kết nên tình bạn cao đẹp với sự tin tưởng lẫn nhau sâu sắc.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: BỈ THỈ

HSK 5 (3.0)

Phó từ

#030

必

bì

ắt, ắt hẳn, nhất định phải, tất yếu

天下难事必作于易，天下大事必作于细；做科学研究必须脚踏实地、循序渐进。

Tiān xià nán shì bì zuò yú yì, tiān xià dà shì bì zuò yú xì; zuò kē xué yán jiū bì xū jiǎo tà shí dì, xún xù jiàn jìn.

Việc khó trong thiên hạ ắt làm từ việc dễ, việc lớn trong thiên hạ ắt làm từ việc tỉ mỉ; làm nghiên cứu khoa học bắt buộc phải chân thật vững vàng, tuần tự từng bước.

📖 11 nét

HÁN VIỆT: TẤT

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#031

必需

bì xū

thiết yếu, bắt buộc phải có

水和新鲜空气是维系地球上一切生命体繁衍生息所不可或缺的基本必需条件。

Shuǐ hé xīn xiān kōng qì shì wéi xì dì qíu shēng yǐ qiè shēng mìng tí fán yǎn shēng xī suǒ bù kě huò quē de jī běn bì xū tiáo jiàn.

Nước và bầu không khí trong lành là những điều kiện thiết yếu cơ bản không thể thiếu để duy trì sự sinh sôi nảy nở của muôn loài sinh linh trên Trái Đất.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: TẤT NHU

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#032

毕竟

bì jìng

rốt cuộc, suy cho cùng, dầu sao thì

面对初入场年轻人的偶尔失误应当多予包容与指引，毕竟经验的积累需要时间的沉淀。

Miàn duì chū rù chǎng nián qīng rén de ǒu ěr shí wù yīng dāng duō yǔ bāo róng yǔ zhǐ yǐn, bì jìng jīng yàn de jī lěi xū yào shí jiān de chén diàn.

Đứng trước những sai sót tình thoảng của các bạn trẻ mới vào nghề chúng ta nên bao dung và tận tình chỉ bảo, rốt cuộc thì sự tích lũy kinh nghiệm luôn cần có thời gian lắng đọng.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: TẤT CẢNH

HSK 5 (3.0)

Động từ

#033

闭幕

bì mù

bế mạc, kết thúc (đại hội/hội nghị)

为期一周的世界青年科学家高峰论坛在国家会议中心圆满落幕，发表了重磅联合科学宣言。

Wéi qī yí zhōu de shì jì jiè qīng nián kē xué jiā gāo fēng lùn tán zài guó jiā huì yì zhōng xīn yuán mǎn bì mù, fā biǎo le zhòng bàng lián hé kē xué xuān yán.

Diễn đàn Thượng đỉnh Các Nhà Khoa học Trẻ Thế giới kéo dài một tuần đã bế mạc kết thúc mỹ mãn tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia, công bố tuyên ngôn khoa học liên hợp quan trọng.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: BẾ MÀN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#034

闭幕式

bì mù shì

lễ bế mạc

在亚运会闭幕式上，绚丽夺目的全息数字光影秀与动人音乐向全世界展现了中华文化的独特魅力。

Zài yà yùn huì bì mù shì shàng, xuàn lì duó mù dì quán xī shù zì guāng yǐng xiù yǔ dòng rén yīn yuè xiàng quán shì jiè zhān xiǎn le zhōng huá wén huà de dú tè mèi lì.

Tại lễ bế mạc Đại hội Thể thao châu Á, màn trình diễn ánh sáng kỹ thuật số hologram rực rỡ lồng lộng cùng âm nhạc lay động lòng người đã phô diễn sức hút độc đáo của văn hóa Trung Hoa trước toàn thế giới.

📖 33 nét

HÁN VIỆT: BẾ MÀN THỨC

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#035

边境

biān jìng

biên cảnh, khu vực biên giới

国家大力推进沿边沿海开放开发战略，将昔日封闭偏远的边境口岸城市打造成了通商互联的国际贸易枢纽新高地。

Guó jiā dà lì tuī jìn yán biān yán hǎi kāi fàng kāi fā zhàn lüè, jiāng xī rì fēng bì piān yuǎn de biān jìng kǒu àn chéng shì dǎ zào chéng le tōng shāng hù lián de guó jì mào yì shū niǔ xīn gāo dì.

Nhà nước đẩy mạnh chiến lược mở cửa khai thác phát triển vùng ven biên giới ven biển, biến các thành phố cửa khẩu biên giới xa xôi hẻo lánh năm nào thành vùng cao điểm đầu mối thương mại quốc tế thông thương kết nối mới.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: BIÊN CẢNH

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#036

编辑

biān jí

biên tập, người biên tập, chỉnh sửa

这位资深出版社总编辑用一生心血审校了数千部优秀学术专著，甘为人梯、默默奉献。

Zhè wèi zī shēn chū bǎn shè zǒng biān jí yòng yì shēng xīn xuè shěn xiào le shù qiān bù yōu xiù xué shù zhuān zhù, gān wéi rén tī, mò mò fèng xiàn.

Vị tổng biên tập nhà xuất bản giàu kinh nghiệm này đã dành trọn tâm huyết cả cuộc đời để hiệu đính thẩm định hàng nghìn cuốn chuyên khảo học thuật xuất sắc, âm thầm cống hiến làm bộ phận cho các thế hệ tác giả.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: BIÊN TẬP



HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#037

变动

biàndòng

biến động, thay đổi biến chuyển

面对国际大宗商品价格剧烈变动与市场外部冲击，国家采取有力措施切实保持国内物价总水平基本稳定。

Miàn duì guó jì dà zōng shāng pǐn jià gé jiù liè biàn dòng yǔ shì chǎng wài bù chōng jī, guó jiā cǎi qǔ yǒu lì cuò shī qiè shí bǎo chí guó nèi wù jià zōng shuǐ píng jī běn wěn dìng.

Đứng trước cú sốc bên ngoài của thị trường và biến động thay đổi dữ dội của giá cả hàng hóa cơ bản quốc tế, Nhà nước áp dụng các biện pháp đặc lực giữ vững ổn định cơ bản mặt bằng giá cả chung trong nước.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: BIẾN ĐỘNG

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Động từ / Danh từ

#038

便利

biàn lì

thuận tiện, tiện lợi; tạo thuận lợi

政务服务“一网通办”改革让数据多跑路、群众少跑腿，为广大市民企业提供了极大高效便利。

Zhèng wù fú wù "yī wǎng tōng bàn" gǎi gé ràng shù jù duō pǎo lù, qún zhòng shǎo pǎo tuǐ, wèi guǎng dà shì mǐn qì yè tí gōng le jí dà gāo xiào biàn lì.

Cải cách hành chính công "Một cửa điện tử toàn trình" giúp dữ liệu chạy nhiều hơn, người dân đi lại ít hơn, mang lại sự thuận tiện và hiệu quả to lớn cho đồng đảo người dân và doanh nghiệp.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: TIỆN LỢI

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#039

便条

biàn tiáo

mẩu giấy ghi chép, giấy nhắn, giấy nhỏ

清晨出门前往实验室前，他在餐桌上给熟睡的家人留下了一张写满温馨关怀话语的小便条。

Qīng chén chū mén qián wǎng shí yàn shì qián, tā zài cān zhuō shàng gěi shú shuì de jiā rén liú xià le yī zhāng xiě mǎn wēn xīn guān huái huà yǔ de xiǎo biàn tiáo.

Sáng sớm trước khi rời nhà đến phòng thí nghiệm, anh đã để lại trên bàn ăn một mẫu giấy nhắn nhỏ tràn ngập những lời dặn dò quan tâm ấm áp cho người thân đang say giấc nồng.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: TIỆN ĐIỀU

HSK 5 (3.0)

Động từ

#040

便于

biàn yú

tiện cho, thuận lợi cho, dễ dàng cho việc

空间站舱内各项仪器设备均采用了标准化模块化接口与醒目的人体工学彩色标签，便于航天员在失重环境下高效操作。

Kōng jiān zhàn cāng nèi gè xiàng yí shì bēi cǎi yòng le biāo zhǔn huà mó kuài huà jiē kǒu yǔ xǐng mù de rén tǐ gōng xué cǎi sè biāo qiān, biàn yú háng tiān yuán zài shī zhòng huán jīng xià gāo xiào cāo zuò.

Mọi trang thiết bị dụng cụ bên trong khoang trạm vũ trụ đều áp dụng giao diện chuẩn hóa mô-dun cùng nhãn dán màu công thái học bắt mắt, tiện lợi cho các phi hành gia thao tác hiệu quả cao trong môi trường không trọng lực.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: TIỆN VỤ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#041

宾馆

bīn guǎn

khách sạn

这家四星级宾馆紧邻火车站，客房整洁舒适，交通极为便利。

Zhè jiā sì xīng jī bīn guǎn jìn lín huǒ chē zhàn, kè fáng zhěng jié shū shì, jiāo tōng jí wéi biàn lì.

Khách sạn 4 sao này nằm ngay sát ga tàu hỏa, phòng ốc sạch sẽ tiện nghi, đi lại vô cùng thuận tiện.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: TÂN QUÁN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#042

饼

bǐng

bánh, bánh dẹt tròn; tấm tròn

中秋佳节阖家团聚，全家人围坐在一起品尝传统手工五仁月饼，其乐融融、洋溢着温馨幸福。

Zhōng qiū jiā jié hé jiā tuán jù, quán jiā rén wéi zuò zài yì qí pīn cháng chuán tǒng shòu gōng wú rén yuè bǐng, qí lè róng róng, yáng yì zhe wēn xīn xìng fú.

Tết Trung Thu gia đình đoàn tụ sum vầy, cả nhà quây quần ngồi bên nhau cùng thưởng thức bánh bánh trung thu thập cẩm ngũ nhân làm thủ công truyền thống, vui vẻ hòa thuận, ngập tràn hạnh phúc ấm áp.

📖 9 nét

HÁN VIỆT: BÁNH

HSK 5 (3.0)

Động từ

#043

饼干

bǐng gān

bánh quy

老师鼓励大家积极饼干，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí bǐng gān, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực bánh quy, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: BÁNH CAN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#044

病毒

bìng dú

vi-rút (virus)

科研攻关团队夜以继日、分秒必争，终于成功解析了该新型突变病毒的核心蛋白质分子三维结构。

Kē yán gōng guān tuán duì yè yǐ jì rì, fēn miǎo bì zhēng, zhōng yú chéng gōng jiě xī le gāi xīn xíng tú biàn bìng dú de hé xīn dàn bái zhī fēn zǐ sǎn wéi jié gòu.

Đội ngũ nghiên cứu khoa học đã miệt mài ngày đêm tranh thủ từng giây từng phút, cuối cùng đã giải mã thành công cấu trúc không gian 3 chiều của phân tử protein cốt lõi thuộc loại virus đột biến mới này.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: BỆNH ĐỘC

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#045

玻璃

bō li

thủy tinh, kính

这座现代化的地标性摩天大楼采用了先进的高性能双层真空隔音隔热中空玻璃幕墙。

Zhè zuò xiān dài huà de dì biāo xìng mó tiān dà lóu cǎi yòng le xiān jìn de gāo xìng néng shuāng céng zhēn kōng gé yīn gé rè zhōng kōng bō lí mù qiāng.

Tòa nhà chọc trời mang tính biểu tượng hiện đại này sử dụng hệ thống vách kính hộp chân không hai lớp cách âm cách nhiệt hiệu năng cao tiên tiến.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: PHA LY



HSK 5 (3.0)

Danh từ

#046

博客

bókè

trang blog, trang nhật ký mạng, blogger

知名科普学者通过个人学术博客，用通俗易懂生动活泼的语言向广大公众解读前沿量子科技进展。

Zhǐ míng kē pǔ xué zhě tōng guò gè rén xué shù bókè, yòng tōng sù yì dòng huó sù yǐ dòng shēng dòng huó pō de yǔ yán xiàng guāng dà gōng zhòng jiě dú qián yán liàng zǐ kē jì jìn zhǎn.

Nhà học giả phổ biến khoa học nổi tiếng thông qua trang blog nhật ký mạng học thuật cá nhân đã dùng ngôn ngữ sinh động dễ hiểu để giải thích tiến triển công nghệ lượng tử tiên phong cho đông đảo công chúng.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: BÁC KHÁCH

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#047

博览会

bó lǎn huì

hội chợ triển lãm, hội chợ triển lãm quốc tế

中国国际进口博览会作为全球首个以进口为主题的国家级大型综合博览会，为世界各国企业共享中国市场提供了开放平台。

Zhōng guó guó jì jìn kǒu bó lǎn huì zuò wéi quán qiú shǒu gè yí jìn kǒu wéi zhǔ tí de guó jiā jí dà xíng zōng hé bó lǎn huì, wèi shì jì gè guó qì yè gòng xiǎng zhōng guó shì chǎng tí gòng le kāi fàng píng tái.

Hội chợ Nhập khẩu Quốc tế Trung Quốc (CIIE) với tư cách là hội chợ triển lãm tổng hợp quy mô lớn cấp quốc gia lấy chủ đề nhập khẩu đầu tiên trên thế giới đã mang lại nền tảng mở rộng lớn để doanh nghiệp các nước cùng chia sẻ thị trường Trung Quốc.

📖 35 nét

HÁN VIỆT: BÁC LÃM HỘI

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#048

博士

bó shì

tiến sĩ

经过五年的潜心科研与论文撰写，李明顺利通过答辩并获得了工学博士学位。

Jīng guò wǔ nián de qián xīn kē yán yǔ lùn wén zhǔn xiě, lǐ míng shùn lì tōng guò dá biàn bīng huò dé le gōng xué bó shì xué wèi.

Sau 5 năm miệt mài nghiên cứu khoa học và viết luận án, Lý Minh đã bảo vệ thành công và nhận được học vị tiến sĩ kỹ thuật.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: BÁC SĨ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#049

博物馆

bó wù guǎn

bảo tàng, viện bảo tàng

走进国家历史博物馆的青铜器展厅，一件件历经数千年风雨沧桑的国宝重器令人肃然起敬。

Zǒu jìn guó jiā lì shǐ bó wù guǎn de qīng tóng qì zhǎn tīng, yí jiàn jiàn lì jīng shù qiān nián fēng yǔ cāng sāng de guó bǎo zhòng qì líng rén sù rán qǐ jìng.

Bước vào gian trưng bày đồ đồng của Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, từng món bảo vật quốc gia uy nghiêm trải qua hàng nghìn năm thăng trầm đều bề khiến ai nấy đều trầm trồ kính cẩn.

📖 31 nét

HÁN VIỆT: BÁC VẬT QUẢN

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#050

补偿

bǔ cháng

bồi thường, bù đắp, đền bù (kinh tế, sinh thái)

国家建立了跨流域重点江河源头生态保护补偿机制，切实保障了上游水源涵养区生态保护者的合法权益。

Guó jiā jiàn lì le kuà liú yù zhòng diǎn jiāng hé yuán tóu shēng tài bǎo hù bù cháng jī zhì, qiè shí bǎo zhàng le shàng yú shuǐ yuán hán yǎng qū shēng tài bǎo hù zhě de hé fǎ quán yì.

Nhà nước đã thiết lập cơ chế chi trả bồi thường bảo vệ sinh thái đầu nguồn các dòng sông trọng điểm liên lưu vực, bảo đảm thiết thực quyền lợi hợp pháp của những người bảo vệ sinh thái vùng giữ nguồn nước đầu nguồn phía thượng lưu.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: BỔ THƯỜNG

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ

#051

补贴

bǔ tiē

trợ cấp, phụ cấp; tiền trợ cấp

国家财政对农户购买新型高效低排放绿色农机给予大额专项补贴，有力推动了农业机械化绿色转型。

Guó jiā cái zhèng duì nóng hù gòu mǎi xīn xíng gāo xiào dī pái fàng lǜ sè nóng jī jǔ yǔ dà é zhuān xiàng bǔ tiē, yǒu lì tuī dòng le nóng yè jī xiè huà lǜ sè zhuǎn xíng.

Ngân sách tài chính quốc gia đã cấp khoản tiền trợ cấp chuyên đề lớn cho bà con nông dân khi mua sắm máy móc nông nghiệp xanh phát thải thấp hiệu quả cao kiểu mới, thúc đẩy mạnh mẽ sự chuyển đổi xanh cơ giới hóa nông nghiệp.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: BỔ THIẾP

HSK 5 (3.0)

Phó từ

#052

不曾

bù céng

chưa từng, chưa bao giờ

面对前进道路上的荆棘挫折与风险挑战，功勋科学家为国奉献的赤子初心不曾发生任何动摇。

Miàn duì qián jìn dào lù shàng de jīng jí cuò zhé yǔ fēng xiǎn tiǎo zhàn, gōng xūn kē xué jiā wèi guó fèng xiàn de chì zǐ chū xīn bù céng fā shēng rén hé dòng yáo.

Đứng trước những chông gai trắc trở và rủi ro thử thách trên con đường tiến lên phía trước, tấm lòng son phụng sự Tổ quốc của người nhà khoa học có công lao chưa từng chưa bao giờ có bất kỳ sự lung lay dao động nào.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: BẮT TẮNG

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#053

不得了

bù dé liǎo

vô cùng, ghê gớm, cực kỳ, chết mất thôi

听说自己的母校在国际大学生程序设计大赛中夺冠，同学们高兴得不得了。

Tīng shuō zì jǐ de mú xiào zài guó jì dà xué shēng chéng zhàng xù shè jì dà sài zhōng duó guān, tóng xué men gāo xìng dé bù dé liǎo.

Nghe tin trường cũ của mình giành giải quán quân trong Cuộc thi Lập trình Sinh viên Quốc tế, các bạn học sinh vui mừng khôn xiết.

📖 35 nét

HÁN VIỆT: BẮT ĐẮC LIỄU

HSK 5 (3.0)

Cụm từ / Động từ

#054

不敢当

bù gǎn dāng

không dám nhận, không dám nhận lời khen quá lời

面对国际同行专家的极高盛赞与热情夸奖，老科学家谦逊地微笑着连连摆手表示“不敢当、不敢当”。

Miàn duì guó jì tóng háng zhuān jiā de jí gāo shèng zàn yǔ rè qíng kuā jiǎng, lǎo kē xué jiā qiān xùn dì wēi xiào zhe lián lián bǎi shǒu biǎo shì "bù gǎn dāng, bù gǎn dāng".

Đứng trước những lời khen ngợi nhiệt tình và sự tôn vinh rất cao của các chuyên gia đồng nghiệp quốc tế, vị nhà khoa học lão thành mỉm cười khiêm tốn xoa tay liên tục nói "Tôi không dám nhận, tôi không dám nhận".

📖 33 nét

HÁN VIỆT: BẮT CẢM ĐƯƠNG



HSK 5 (3.0)

Động từ

#055

不顾

bù gù

bất chấp, không màng, không đoái hoài

面对突发汹涌的山洪险情，消防救援战士不顾个人安危纵身跃入湍急洪流中，成功营救遇险群众。

Miàn duì tū fā xiōng yǒng de shān hóng xiǎn qíng, xiāo fáng jiù yuán zhàn shì bù gù gè rén ān wēi zòng shēn yuè rù tuān jí hóng liú zhōng, chéng gōng yíng jiù chū yú xiǎn qún zhòng.

Đứng trước tình huống hiểm nghèo lũ quét cuốn cuộn ập đến bất ngờ, người chiến sĩ cứu hỏa bất chấp sự an nguy của bản thân đã lao mình vào dòng nước lũ chảy xiết, giải cứu thành công người dân gặp nạn.

25 nét

HÁN VIỆT: **BẮT CỐ**

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#056

不利

bù lì

bất lợi, không có lợi, có hại

科研人员克服深海高压高盐强腐蚀等极端不利环境影响，成功获取了珍贵的海底地质岩心标本。

Kē yán rén yuán kè fú shēn hǎi gāo yā gāo yán qiǎng fǔ shí děng jí duǎn bù lì huán jīng yíng xiāng, chéng gōng huò qǔ le zhēn guì de hǎi dī dī zhī yán xīn biāo běn.

Các cán bộ nghiên cứu đã khắc phục những ảnh hưởng của môi trường bất lợi không có lợi cực đoan như ăn mòn mạnh, độ mặn cao và áp lực cao biển sâu, thu thập thành công mẫu vật lõi đá địa chất đáy biển vô giá.

24 nét

HÁN VIỆT: **BẮT LỢI**

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#057

不良

bù liáng

bất lương, xấu xa, không tốt, kém

学校与家庭密切配合，引导青少年坚决自觉抵制网络不良诱惑，树立崇高积极的人生理想。

Xué xiào yǔ jiā tíng mì qiè pèi hé, yǐn dǎo qīng shào nián jiān jué zì jué dī zhì wǎng luò bù liáng yōu huò, shù lì chóng gāo jī jí de rén shēng lǐ xiǎng.

Nhà trường và gia đình phối hợp chặt chẽ, định hướng các em thanh thiếu niên kiên quyết tự giác bài trừ những cám dỗ xấu xa không tốt xấu trên mạng internet, xác lập lý tưởng nhân sinh tích cực cao đẹp.

20 nét

HÁN VIỆT: **BẮT LƯƠNG**

HSK 5 (3.0)

Phó từ

#058

不免

bù miǎn

không tránh khỏi, khó tránh

初次离开家乡独自去遥远的异国求学，年轻学子的心中不免会涌起浓浓的思乡之情。

Chū cì lí kāi jiā xiāng dú zì qù yǎo yuǎn de yì guó qú xué, nián qīng xué zǐ de xīn zhōng bù miǎn huì yǒng qǐ nóng nóng de sī xiāng zhī qīng.

Lần đầu tiên rời xa quê hương một mình đi du học nơi đất khách xa xôi, trong lòng người trẻ khó tránh khỏi dâng lên nỗi nhớ nhà da diết.

21 nét

HÁN VIỆT: **BẮT MIỄN**

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#059

不耐烦

bù nài fán

sốt ruột, nôn nóng, mất kiên nhẫn

面对客户反复提出的细节疑问，接待人员始终保持温和微笑，没有一丝不耐烦。

Miàn duì kè hù fǎn fù tí chū de xì jié yí wèn, jiē dài rén yuán shǐ zhōng bǎo chí wēn hé wēi xiào, méi yǒu yì sī bù nài fán.

Đứng trước những câu hỏi tỉ mỉ lặp đi lặp lại của khách hàng, nhân viên tiếp đón luôn giữ nụ cười hòa nhã, không hề tỏ ra chút sốt ruột hay khó chịu nào.

35 nét

HÁN VIỆT: **BẮT NẠI PHIỄN**

HSK 5 (3.0)

Phó từ / Cụm từ

#060

不能不

bù néng bù

không thể không, buộc phải, ắt phải

看到完全自主研发的大国重器成功试飞的那一刻，现场所有人不能不为之深深震撼与自豪。

Kàn dào wán quán zì zhǔ yán fā de dà guó zhòng qì chéng gōng shì fēi de nà yí kè, xiàng chǎng suǒ yǒu rén bù néng bù wéi zhī shēn shēn zhèn hàn yǔ zì háo.

Vào khoảnh khắc nhìn thấy đại khí quốc gia hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển bay thử thành công, tất cả mọi người tại hiện trường không thể không bị chấn động sâu sắc và cảm thấy vô cùng tự hào.

32 nét

HÁN VIỆT: **BẮT NĂNG BẮT**

HSK 5 (3.0)

Phó từ

#061

不时

bù shí

thỉnh thoảng, chốc chốc, luôn luôn

在生机盎然的国家热带雨林公园深处徒步科考，林间不时传来珍稀鸟类清脆悦耳的婉转鸣叫声。

Zài shēng jī àng rán de guó jiā rè dài yǔ lín gōng yuán shēn chù tú bù kē kǎo, lín jiān bù shí chuán lái zhēn xī niǎo lèi qīng cuī yuē ěr de wǎn zhuǎn míng jiào shēng.

Đi bộ khảo sát khoa học sâu bên trong Công viên Rừng mưa Nhiệt đới Quốc gia tràn trề sức sống, giữa rừng cây thỉnh thoảng lại vang lên tiếng hót líu lo lạnh lốt trong trẻo của những loài chim quý hiếm.

25 nét

HÁN VIỆT: **BẮT THỜI**

HSK 5 (3.0)

Phó từ / Tính từ

#062

不停

bù tíng

không ngừng, liên tục không ngắt

国家超级计算中心数万个算力节点夜以继日不停运转，为全球气候模拟提供了强劲算力支撑。

Guó jiā chāo jí jì suàn zhōng xīn shù wàn gè suàn lì jié diǎn yè yǐ jì rì bù tíng yùn zhuǎn, wèi quán qiú qì hòu mó nǐ tí gōng le qiáng jīng suàn lì zhī chēng.

Hàng vạn nút năng lực tính toán của Trung tâm Siêu máy tính Quốc gia ngày đêm vận hành không ngừng liên tục, mang lại điểm tựa năng lực tính toán mạnh mẽ cho việc mô phỏng khí hậu toàn cầu.

25 nét

HÁN VIỆT: **BẮT ĐÌNH**

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Danh từ / Phó từ

#063

不幸

bù xìng

bất hạnh, không may, đau buồn

在特大自然灾害抢险救援一线，救灾官兵全力搜救每一位不幸受困群众，用生命守护生命。

Zài tè dà zì rán zāi hài qiǎng xiǎn jiù yuán yì xiàn, jiù zāi guān bīng quán lì sōu jiù měi yí wèi bù xìng shòu kùn qún zhòng, yòng shēng mìng shǒu hù shēng mìng.

Nơi tuyến đầu cứu nạn cứu hộ thiên tai đặc biệt lớn, cán bộ chiến sĩ cứu nạn dốc toàn lực tìm kiếm cứu giúp từng người dân không may bất hạnh mắc kẹt, dùng sinh mệnh để bảo vệ sinh mệnh.

25 nét

HÁN VIỆT: **BẮT HẠNH**



HSK 5
(3.0)

Động từ năng
nguyên

#064

不许

bù xǔ

không được phép, nghiêm cấm,
không cho phép

微电子纳米级芯片超净实验室实行极高标准管理, 严禁不许任何未经严格除尘的物品进入车间。

Wēi diàn zǐ nà mǐ jí xīn piàn chāo jīng shí yàn shì shí xíng jí gāo biāo zhǔn guǎn lǐ, yán jìn bù xǔ rèn hé wèi jīng yán gé chú chén de wù pǐn jìn rù chē jiān.

Phòng thí nghiệm siêu sạch chip cấp độ nanomet vi điện tử thực thi quản lý tiêu chuẩn cực cao, nghiêm cấm không được phép không cho phép bất kỳ đồ vật nào chưa qua xử lý khử bụi nghiêm ngặt đi vào phân xưởng.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : BẮT HỨA

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#065

不易

bù yì

không dễ dàng, khó khăn, gian nan

回顾百年来科技报国的艰辛历程, 我们深知今天取得的举世瞩目科技成就来之不易、弥足珍贵。

Huí gù bǎi nián lái kē jì bào guó de jiān xīn lì chéng, wǒ men shēn zhī jīn tiān qǔ dé de jù shì zhǔ mù kē jì chéng jiù lái zhī bù yì, mí zú zhēn guì.

Nhìn lại chặng đường gian khổ dùng khoa học phục vụ Tổ quốc trong trăm năm qua, chúng ta thấu hiểu sâu sắc rằng những thành tựu khoa học công nghệ khiến cả thế giới dõi theo đạt được ngày hôm nay là vô cùng gian nan không dễ dàng, quý giá vô ngần.

📖 19 nét

HÁN VIỆT : BẮT DỊCH

HSK 5 (3.0)

Động từ / Phó từ

#066

不止

bù zhǐ

không chỉ, vượt quá; không ngớt,
không ngừng

高水平对外开放不仅惠及中国自身的高质量发展, 更惠及了“一带一路”共建国家数以亿计的普通民众。

Gāo shuǐ píng duì wài kāi fàng bù jǐn huì jí zhōng guó zì shēn de gāo zhì liàng fā zhǎn, gèng huì jí le "yí dài yí lù" gòng jiàn guó jiā shù yǐ yì jì de pǔ tōng mǐn zhòng.

Mở cửa đối ngoại ở trình độ cao không chỉ đem lại lợi ích cho sự phát triển chất lượng cao của chính Trung Quốc, mà hơn thế nữa còn tạo phúc cho hàng trăm triệu người dân bình dị tại các nước cùng tham gia xây dựng 'Vành đai và Con đường'.

📖 20 nét

HÁN VIỆT : BẮT CHỈ

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#067

不足

bù zú

không đủ, thiếu thốn; khuyết điểm,
thiếu sót

经过深入复盘反思, 团队清醒认识到了在前期需求调研方面的经验不足。

Jīng guò shēn rù fù pǎn fǎn sī, tuán duì qīng xǐng rèn shí dào le zài qīan qī xū qiú diào yán fāng miàn de jīng yàn bù zú.

Sau khi đánh giá nhìn nhận lại sâu sắc, toàn đội đã nhận thức rõ ràng về sự thiếu hụt kinh nghiệm trong công tác khảo sát nhu cầu ban đầu.

📖 20 nét

HÁN VIỆT : BẮT TÚ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#068

部位

bù wèi

bộ phận, vị trí (trên cơ thể hoặc
máy móc)

外科微创手术机器人搭载的高清三维内窥镜系统, 能够以数十倍放大清晰呈现深部病灶部位的微血管结构。

Wài kē wēi chuàng shǒu rǎo zài de gāo qīng sān wéi nèi kuī jīng xì tǒng, néng gòu yǐ shù shí bèi fàng dà qīng xī chéng xiàn shēn bù bìng zhuān bù wèi de wēi xuè guǎn jié gòu.

Hệ thống nội soi 3D độ nét cao trang bị trên robot phẫu thuật nội soi ngoại khoa có thể phóng đại hàng chục lần để hiển thị rõ nét cấu trúc vi mạch máu tại vị trí ổ bệnh nằm sâu bên trong cơ thể.

📖 20 nét

HÁN VIỆT : BỘ VỊ

HSK 5 (3.0)

Động từ

#069

猜

cāi

đoán, phỏng đoán

元宵佳节, 市民们兴致勃勃地聚集在灯谜长廊下竞猜灯谜。

Yuán xiāo jiā jié, shì mǐn men xìng zhì bó bó jí jù zài dēng mí cháng láng xià jīng xiǎng cāi dēng mí.

Dịp Tết Nguyên tiêu, người dân hào hứng quây quần dưới hành lang đèn lồng cùng nhau trò tài đoán câu đố đèn.

📖 13 nét

HÁN VIỆT : SAI

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#070

猜测

cāi cè

đoán mò, suy đoán, phỏng đoán

科学探索必须建立在严谨实测数据与严密逻辑推理基础之上, 决不能凭主观空想随意猜测。

Kē xué tàn suǒ bì xū jiàn lì zài yán jǐn shí cè de shù jù yǔ yán mǐ luó jí zhǔ zhǐ shàng, jué bù néng píng zhǔ guān kōng xiǎng suí yì cāi cè.

Thăm hiểm khoa học bắt buộc phải xây dựng trên nền tảng suy luận logic chặt chẽ và số liệu đo đạc thực tế nghiêm cẩn, tuyệt đối không được tùy tiện phỏng đoán suy đoán dựa vào ảo tưởng chủ quan.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : SAI TRẮC

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ

#071

裁判

cái pàn

trọng tài; phán quyết trọng tài

在国际击剑锦标赛决赛中, 主裁判依托高清高速电子录像回放系统做出了极其公正准确的判罚。

Zài guó jī jiàn jiǎn biāo sài jué sài zhōng, zhǔ cái pàn yì tuō gāo qīng gāo sù diàn zǐ lù xiàng huí fàng xì tǒng zuò chū le jí qí gōng zhèng zhūn què de pàn fá.

Trong trận chung kết giải vô địch đấu kiếm quốc tế, trọng tài chính dựa vào hệ thống phát lại video điện tử tốc độ cao độ nét cao đã đưa ra phán quyết vô cùng công tâm và chuẩn xác.

📖 18 nét

HÁN VIỆT : TÀI PHÁN

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#072

采购

cǎi gòu

thu mua, mua sắm vật tư thiết bị

国家组织开展药品与医用高值耗材集中带量采购, 大幅减轻了广大人民群众的就医用药经济负担。

Guó jiā zǔ zhī kāi zhǎn yào pǐn yǔ yī yòng gāo zhí hào cái jì zhōng dài liàng cǎi gòu, dà fú jiǎn qīng le dà qún zhòng de jiù yī yòng yào jīng jì fù dān.

Nhà nước đã tổ chức triển khai việc đấu thầu mua sắm tập trung theo số lượng lớn đối với thuốc và vật tư tiêu hao y tế giá trị cao, giảm thiểu to lớn gánh nặng kinh tế khám chữa bệnh và dùng thuốc của đông đảo quần chúng nhân dân.

📖 18 nét

HÁN VIỆT : THÁI CẦU


HSK 5 (3.0)

Danh từ

#073

彩票

cài piào

vé số, xổ số kiến thiết

国家发行福利彩票与体育彩票所筹集到的巨额公益金，全额专项用于支持社会福利事业与全民健身基础设施建设。

Guó jiā fā xíng fú lì cǎi piào yǔ tǐ yù cǎi piào suǒ chóu jí dào de jù é gōng yì jīn, quán é zhǔn xiàng yòng yú zhī chí shè huì fú lì shì yè yǔ quán mǐn jiàn shēn jī chǔ shè shī jiàn shè.

Nguồn quỹ phúc lợi công cộng khổng lồ huy động được từ việc Nhà nước phát hành vé số phúc lợi và vé số thể thao được sử dụng chuyên để 100% để hỗ trợ các sự nghiệp phúc lợi xã hội và xây dựng hạ tầng cơ sở thể dục thể thao toàn dân.

18 nét

HÁN VIỆT: THÁI PHIẾU

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#074

餐馆

cānguǎn

nhà hàng, quán ăn

全国餐饮行业大力倡导“光盘行动”，各大餐馆主动推出小份菜与半份菜，坚决制止餐饮浪费。

Quán guó cān yǐn háng yè dà lì chàng dǎo "guāng pán xíng dòng", gè dà cān guǎn zhǔ dòng tuī chū xiǎo fèn cài yǔ bàn fèn cài, jiǎn jué zhǐ chí cān yǐn làng fèi.

Ngành ẩm thực cả nước ra sức kêu gọi phong trào "Ăn sạch đĩa thức ăn", các nhà hàng quán ăn lớn chủ động đưa ra các suất ăn nửa phần và phần nhỏ, kiên quyết chấm dứt lãng phí ăn uống.

25 nét

HÁN VIỆT: XAN QUÁN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#075

餐厅

cān tīng

nhà hàng, phòng ăn, quán ăn

这家充满浓郁江南风情的特色餐厅，以地道正宗的淮扬菜肴赢得了食客的交口称赞。

Zhè jiā chōng mǎn nóng yù jiāng nán fēng qíng de tè sè cān tīng, yǐ dì dào zhèng zōng de huái yáng cài yáo yíng dé le shí kè de jiāo kǒu chēng zàn.

Nhà hàng đặc sản mang đậm phong vị Giang Nam này đã chinh phục được sự khen ngợi nồng nhiệt của thực khách nhờ những món ăn Hoài Dương chuẩn vị gia truyền.

24 nét

HÁN VIỆT: XAN SÀNH

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#076

餐饮

cānyǐn

ẩm thực, dịch vụ ăn uống, đồ ăn thức uống

城市全面加强食品安全全链条监管，全力保障广大市民在餐饮消费中的舌尖上的安全。

Chéng shì quán miàn jiā qiáng shí pǐn ān quán quán liàn tiáo jiǎn guǎn, quán lì bǎo zhàng guāng dǎ shì mǐn zài cān yǐn xiāo fèi zhōng de shé jiǎn shàng de ān quán.

Thành phố tăng cường toàn diện việc giám sát quản lý toàn bộ chuỗi an toàn thực phẩm, dốc toàn lực bảo đảm an toàn trên đầu lưỡi cho đồng dân người dân trong tiêu dùng dịch vụ ăn uống ẩm thực.

22 nét

HÁN VIỆT: XAN ẨM

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#077

草原

cǎoyuán

thảo nguyên, đồng cỏ bao la

在我国北方广袤辽阔的天然大草原上，风吹草低见牛羊，呈现出一派生机勃勃的壮丽生态画卷。

Zài wǒ guó běi fāng guǎng mào liáo kuò de tiān rán dà cǎo yuán shàng, fēng chuī cǎo dī jiàn niú yáng, chéng xiàn chū yí pài shēng jī bó bó de zhuàng lì shēng tài huà juǎn.

Trên đại thảo nguyên đồng cỏ tự nhiên bao la bát ngát ở miền Bắc nước ta, gió thổi cỏ rạp thấy đàn bò cừu, hiện ra một bức tranh sinh thái tráng lệ ngập tràn sức sống.

19 nét

HÁN VIỆT: THẢO NGUYÊN

HSK 5 (3.0)

Lượng từ / Danh từ

#078

册

cè

quyển, cuốn, tập (sách); sổ sách

国家图书馆古籍善本库中珍藏着数千册明清时期的手抄孤本文献。

Guó jiā tú shū gǔ jī shàn běn kù zhōng zhēng cáng zhe shù qiān cè míng qīng shí qī de shǒu chāo gū běn wén xiàn.

Trong kho sách cổ quý hiếm của Thư viện Quốc gia đang bảo tồn trân quý hàng nghìn tập tài liệu bản thảo chép tay độc bản từ thời Minh - Thanh.

10 nét

HÁN VIỆT: SÁCH

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#079

层次

céng cì

thứ tự, tầng lớp, cấp bậc, chiều sâu bố cục

这幅传世古典水墨画大师巨作以极其丰富的墨色浓淡渲染出群山苍翠与云水烟岚，画面层次分明、意境深远。

Zhè fú chuán shì gǔ diǎn shuǐ mò huà dà shī jù zuò yǐ jí fēng fù de mò sè nóng dàn xuǎn rǎn chū qún shān cāng cuì yǔ yún shuǐ yān lán, huà miàn céng cì fēn míng, yì jìng shēn yuǎn.

Kiệt tác danh họa thủy mặc cổ điển truyền đời này với nét mực đậm nhạt biến ảo phong phú đã khắc họa nên núi non xanh biếc cùng mây khói sông nước bóng bẩy, bố cục tầng lớp rành mạch rõ ràng, ý cảnh thâm thúy sâu lắng.

22 nét

HÁN VIỆT: TẦNG THỨ

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ

#080

叉

chā

cái nĩa, cái đĩa; chĩa ra, đan chéo

在国际多边外交晚宴上，餐桌上整齐摆放着银质刀叉与精美骨瓷餐具，尽显高雅庄重礼仪。

Zài guó jì duō biān wài jiāo wǎn yàn shàng, cān zhuō shàng zhěng zhì bǎi fàng zhe yín zhì dāo chā yǔ jīng měi gǔ cí cān jù, jīn xiǎn gāo yǎ zhuāng zhòng lǐ yí.

Tại bữa dạ tiệc ngoại giao đa phương quốc tế, trên bàn tiệc bày ngay ngắn dao và cái nĩa cái đĩa bằng bạc cùng bộ đồ ăn bằng gốm sứ xương tinh xảo, thể hiện trọn vẹn nghi lễ trang trọng thanh nhã.

9 nét

HÁN VIỆT: XOA

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#081

叉子

chā zi

đĩa, nĩa

在享用正规西餐宴会时，左手持叉子、右手持餐刀是最基本的西餐用餐礼仪。

Zài xiǎng yòng zhèng guī xī cān yàn huì shí, zuǒ shǒu chí chā zi, yòu shǒu chí cān dāo shì zuǐ jī běn de xī cān yòng cān lǐ yí.

Khi dùng bữa tại tiệc đồ Tây trang trọng, tay trái cầm nĩa và tay phải cầm dao ăn là quy tắc lịch sự dùng bữa kiểu Tây cơ bản nhất.

20 nét

HÁN VIỆT: XOA TỬ



HSK 5 (3.0)

Động từ

#082

插

chā

cắm, lồng vào, xen vào

书桌上的透明水晶花瓶里，插着几支含苞待放、娇艳清香的百合花。

Shū zhuō shàng de tòu míng shuǐ jīng huā píng lǐ, chā zhe jǐ zhī hán bāo dài fàng, jiāo yàn qīng xiāng de bǎi hé huā.

Trong chiếc bình hoa pha lê trong suốt trên bàn học có cắm vài cành hoa bách hợp đang e ấp chớm nở tỏa ngát hương thơm dịu nhẹ.

📖 12 nét

HÁN VIỆT : SÁP

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#083

查询

cháxún

tra cứu, tìm kiếm truy vấn (thông tin/dữ liệu)

国家科技文献共享平台实现了对全球数亿篇前沿权威学术论文的秒级高速精准查询与下载。

Guó jiā kē jì wén xiàn gòng xiāng píng tái shí xiàn le duì quán qiú shù yì piān qián yán quán wēi xué shù lùn wén de miǎo jí gāo sù jīng zhǔn chá xún yǔ xià zài.

Nền tảng chia sẻ văn hiến khoa học công nghệ quốc gia đã thực hiện việc tải về và tra cứu truy vấn chuẩn xác tốc độ cao cấp độ giây đối với hàng trăm triệu bài báo học thuật có thẩm quyền tiên phong trên toàn cầu.

📖 25 nét

HÁN VIỆT : TRA TUẦN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#084

差别

chā bié

sự khác biệt, sai khác, chênh lệch

在深入对比这两款算法模型时，我们发现它们在边缘设备上的功耗控制存在显著差别。

Zài shēn rù duì bǐ zhè liǎng kuǎn suàn fǎ mó xíng shí, wǒ men fā xiàn tā men zài biān yuán shè bèi shàng de gōng hào kòng zhì cún zài xiǎn zhù chā bié.

Khi đối chiếu chuyên sâu giữa hai mô hình thuật toán này, chúng tôi nhận thấy chúng có sự chênh lệch rõ rệt về khả năng kiểm soát tiêu thụ điện năng trên thiết bị biên.

📖 17 nét

HÁN VIỆT : SAI BIỆT

HSK 5 (3.0)

Phó từ

#085

差点儿

chàdiǎnr

suýt nữa, suýt chút nữa, gần như

在深海潜水器回收对接的关键时刻，母船甲板遭遇突发巨浪袭击，缆绳差点儿脱落，幸被队员沉着处置化解险情。

Zài shēn hǎi qián shuǐ qì huí shōu duì jiē de guān jiàn shí kè, mǔ chuán jiǎ bǎn zāo yù tū fā jù làng xí jī, làn shéng chà diǎn ér tuō luò, xìng bèi duì yuán chén zhùo chú zhì huà jiě xiǎn qíng.

Vào thời khắc then chốt thu hồi ghép nối tàu lặn biển sâu, boong tàu mẹ bất ngờ hứng chịu cơn sóng dữ tấn công, dây cáp suýt nữa suýt chút nữa tuột ra, may mắn được các đội viên điểm tính xử lý hóa giải hiểm nguy.

📖 30 nét

HÁN VIỆT : SAI ĐIỂM NHÂN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#086

差距

chā jù

khoảng cách, chênh lệch, độ cách biệt

通过全面推进乡村振兴与东西部产业协作，城乡居民在基础设施与基本公共服务方面的差距正在持续缩小。

Tōng guò quán miàn tuī jìn xiāng cūn zhàn xīng yǔ dōng xī bù chǎn yè xié zuò, chéng xiāng jū mǐn zài jī chǔ shè shī yǔ jī běn gōng gòng fú wù fāng miàn de chā jù zhèng zài chí xù suǒ xiǎo.

Thông qua việc đẩy mạnh toàn diện công cuộc chấn hưng nông thôn và phối hợp liên kết công nghiệp giữa hai miền Đông - Tây, khoảng cách chênh lệch giữa người dân nông thôn và thành thị về hạ tầng cơ sở và dịch vụ công cộng cơ bản đang không ngừng được thu hẹp.

📖 18 nét

HÁN VIỆT : SAI CỰ

HSK 5 (3.0)

Phó từ

#087

差一点儿

chà yìdiǎnr

suýt nữa, suýt nữa thì

经过高精度数学物理模型反复推演验证，实验测得的物理常数与理论极限值差一点儿就完全重合了。

Jīng guò gāo jīng dù shù xué wù lǐ mó xíng fǎn fù tuī yǎn yán zhèng, shí yàn cè dé de wù lǐ cháng shù yǔ lǐ lùn jí xiǎn zhí chà yì diǎn er jiù wán quán chóng hé le.

Trải qua suy diễn kiểm chứng lặp đi lặp lại bằng mô hình toán lý độ chính xác cao, hằng số vật lý đo được qua thực nghiệm suýt nữa thì suýt nữa hoàn toàn trùng khớp với giá trị giới hạn lý thuyết.

📖 35 nét

HÁN VIỆT : SAI NHẤT ĐIỂM NHÂN

HSK 5 (3.0)

Động từ

#088

拆

chāi

tháo dỡ, bóc, mở (thư, quà)

在动手拆卸并检修精密发动机前，维修工程师必须先切断全部主电源。

Zài dòng shǒu chāi xié biū xiū jīng mì fā dòng jī qián, wéi xiū gōng chéng shī bì xū xiǎn qiē duàn quán bù zhǔ diàn yuán.

Trước khi bắt tay vào tháo dỡ và bảo dưỡng động cơ chính xác, kỹ sư sửa chữa nhất thiết phải ngắt toàn bộ nguồn điện chính trước.

📖 10 nét

HÁN VIỆT : SÁCH

HSK 5 (3.0)

Động từ

#089

拆除

chāichú

tháo dỡ, dỡ bỏ (công trình/thiết bị cũ)

城市有序推进老旧高耗能工业厂房拆除与生态修复工程，将其整体改造成了现代高新技术产业园。

Chéng shì yǒu xù tuī jìn lǎo jiù gāo hào néng gōng yè chāng fáng chāi chú yǔ shēng tài xiū fù gōng chéng, jiāng qí zhěng tǐ gǎi zào chéng le xiān dài gāo xīn jì shù chǎn yè yuán.

Thành phố đẩy mạnh có trật tự công trình phục hồi sinh thái và tháo dỡ dỡ bỏ các nhà xưởng công nghiệp tiêu hao nhiều năng lượng cũ kỹ, cải tạo toàn bộ thành khu công viên ngành nghề công nghệ cao mới hiện đại.

📖 18 nét

HÁN VIỆT : SÁCH TRỪ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#090

产业

chǎn yè

ngành công nghiệp, ngành sản xuất, sản nghiệp

加快构建以先进制造业为骨干的现代化产业体系，推动战略性新兴产业集聚发展与未来产业前瞻布局。

Jiā kuài gòu jiàn yǐ xiān jìn zhì zào yè wéi gǔ gàn de xiān dài huà chǎn yè tǐ xì, tuī dòng zhàn lüè xìng xīn xīng chǎn yè jí jù fā zhǎn yǔ wèi lái chǎn yè qián zhān bù jú.

Đẩy nhanh xây dựng hệ thống ngành công nghiệp hiện đại hóa lấy ngành chế tạo tiên tiến làm rường cột xương sống, thúc đẩy sự phát triển tập trung cụm ngành của các ngành công nghiệp mới nổi mang tính chiến lược và bố cục đón đầu các ngành công nghiệp tương lai.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : SẢN NGHIỆP



HSK 5 (3.0)

Danh từ

#091

肠
cháng

ruột, đường ruột; lòng dổi, xúc xích

医学研究表明, 保持健康的肠道微生物菌群平衡对增强人体免疫系统功能至关重要。

Yī xué kē xué yán jiū biǎo míng, bǎo chí jiàn kāng de cháng dào wēi shēng wù jūn pín héng duì zēng qiáng rén tǐ miǎn yì xì tǒng gōng néng zhì guān zhòng yào.

Nghiên cứu khoa học y học chỉ ra rằng, việc duy trì sự cân bằng của hệ vi sinh vật đường ruột ruột khỏe mạnh có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với việc tăng cường chức năng hệ thống miễn dịch của cơ thể người.

8 nét

HÁN VIỆT: TRÀNG

HSK 5 (3.0)

Động từ

#092

尝
cháng

nếm thử

老师鼓励大家积极尝, 勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí cháng, yǒng yú tàn sù xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực nếm thử, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

13 nét

HÁN VIỆT: THƯỜNG

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#093

尝试
cháng shì

thử nghiệm, thử sức, làm thử; sự thử nghiệm

科学探索允许失败, 青年科研团队敢于尝试打破传统物理模型的固有假设, 开辟出了全新研究路径。

Kē xué tàn sù yǔn xǔ shī bài, qīng nián kē yán tuán dǒu gǎn yú cháng shì dǎ pò chuán tǒng wù lǐ mó xíng de gù yǒu jiǎ shè, kāi pì chū le quán xīn yán jiū lù jīng.

Thám hiểm khoa học cho phép thất bại, nhóm nghiên cứu khoa học trẻ tuổi dũng cảm thử sức phá vỡ những giả thiết sẵn có của mô hình vật lý cổ điển truyền thống, mở ra con đường nghiên cứu hoàn toàn mới mẻ.

27 nét

HÁN VIỆT: THƯỜNG THÍ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#094

厂长
chǎng zhǎng

giám đốc nhà máy, quản đốc xưởng

作为大型智能化高端装备制造企业的厂长, 他始终把自主技术创新与产品极致质量放在第一位。

Zuò wéi dà xíng zhì néng gāo duān zhuāng bèi zhì zào qì yè de chǎng zhǎng, tā shǐ zhǒng bǎ zì zhǔ jì shù chuàng xīn yǔ chǎn pǐn jí zhì zhì liàng fàng zài dì yī wèi.

Với tư cách là giám đốc nhà máy quản đốc của doanh nghiệp chế tạo trang thiết bị cao cấp thông minh hóa quy mô lớn, ông luôn đặt chất lượng đỉnh cao của sản phẩm và đổi mới sáng tạo công nghệ tự chủ lên vị trí hàng đầu.

18 nét

HÁN VIỆT: HÁN TRƯỞNG

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#095

场面
chǎng miàn

quang cảnh, bối cảnh, hoạt cảnh

在国际体育盛会上开幕式上, 数万名青年志愿者整齐划一、欢腾雀跃的迎宾舞蹈场面壮丽宏大、震撼人心。

Zài guó jì tǐ yù shèng huì kāi mù shì shàng, shù wàn míng qīng nián zhì yuán zhě zhěng qí huà yì, huān téng què yuè de yíng bīn wǔ dǎo chǎng miàn zhuàng lì hóng dà, zhèn hàn rén xīn.

Tại lễ khai mạc ngày hội thể thao quốc tế, quang cảnh điệu múa đón khách rộn ràng đồng đều của hàng vạn bạn tình nguyện viên trẻ thật hùng tráng, lồng lộng và lay động lòng người.

18 nét

HÁN VIỆT: TRẢNG DIỆN

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#096

倡导
chàng dǎo

xướng xuất, khởi xướng, đề xướng

中国积极倡导并践行真正的多边主义, 推动构建平等有序的世界多极化与普惠包容的经济全球化。

Zhōng guó jī jí chàng dǎo bìng jiàn xíng zhēn zhèng de duō biān zhǔ yì, tuī dòng gòu jiàn píng děng yǒu xù de shì jiè duō jí huà yǔ pǔ huì bǎo róng de jīng jì quán qiú huà.

Trung Quốc tích cực đề xướng và thực hành chủ nghĩa đa phương chân chính, thúc đẩy xây dựng một thế giới đa cực bình đẳng trật tự cùng tồn tại hòa bình kinh tế bao trùm và phổ quát.

19 nét

HÁN VIỆT: XUỐNG ĐẠO

HSK 5 (3.0)

Động từ

#097

超越
chāo yuè

vượt qua, vượt lên trên, bứt phá

青年科学家敢于超越前人经典的理论框架, 在拓量子物理机理研究领域开辟出了全新的前沿学术疆域。

Qīng nián kē xué jiā gǎn yú chāo yuè qián rén jīng diǎn de lǐ lùn kuāng jià, zài tài wù lǐ yán jiū lǐng yù kāi pì chū le quán xīn de qián yán xué shù jiāng yù.

Các nhà khoa học trẻ dũng cảm vượt lên trên các khung lý thuyết kinh điển của tiền nhân, khai phá nên một bờ cõi học thuật mũi nhọn hoàn toàn mới trong lĩnh vực nghiên cứu cơ chế vật lý trạng thái vật chất lượng tử tô-pô.

22 nét

HÁN VIỆT: SIÊU VIỆT

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#098

车主
chē zhǔ

chủ xe, người sở hữu xe

城市推行智慧停车无感支付与充电桩共享系统, 极大方便了广大私家车主日常出行与便捷补能。

Chéng shì tuī xíng zhì huì tǐng chē wú gǎn zhī fù yǔ chōng diàn zhuāng gòng xiǎng xì tǒng, jí dà fāng biàn le guǎng dà sī jiā chē zhǔ rì cháng xíng yǔ biàn jié bǔ néng.

Thành phố thực thi hệ thống chia sẻ trụ sạc và thanh toán không chạm đỗ xe thông minh, mang lại sự thuận tiện tối đa cho đông đảo chủ xe cá nhân khi đi lại hàng ngày và nạp năng lượng tiện lợi.

18 nét

HÁN VIỆT: XA CHỦ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#099

称号
chēng hào

danh hiệu, tước hiệu danh dự

党和国家决定授予在杂交水稻攻关中作出卓越贡献的顶尖科学家“共和国勋章”与国家荣誉称号。

Dǎng hé guó jiā jué dìng shòu yǔ zài zá jiāo shuǐ dào gōng guān zhōng zuò chū zhuó yuè gòng xiàn de dīng jiān kē xué jiā "gòng hé guó xīn zhāng" yǔ guó jiā róng yǔ chēng hào.

Đảng và Nhà nước quyết định trao tặng Huân chương Cộng hòa và danh hiệu vinh dự nhà nước cho nhà khoa học hàng đầu có đóng góp trác tuyệt trong công cuộc nghiên cứu lúa lai.

24 nét

HÁN VIỆT: XƯNG GÀO


HSK 5 (3.0)

Danh từ

#100

成本

chéng běn

giá thành, chi phí sản xuất

依托全产业链规模化量产优势与技术工艺迭代，我国光伏组件制造度电成本十年来下降了百分之八十以上。

Yī tuō quán chǎn yè liàn guī mó huà liàng chǎn yōu shì yǔ jì shù gōng yì dié dài, wǒ guó guāng fú zǔ jiàn zhì zào dù diàn chéng běn shí nián lái xià jiàng le bǎi fēn zhī bā shí yǐ shàng.

Dựa vào ưu thế sản xuất hàng loạt quy mô lớn trên toàn chuỗi công nghiệp cùng sự đổi mới lặp lại công nghệ quy trình, chi phí giá thành trên mỗi kilowatt-giờ điện chế tạo mô-đun quang điện nước ta trong 10 năm qua đã giảm hơn 80%.

19 nét

HÁN VIỆT: THÀNH BẢN

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#101

成交

chéng jiāo

giao dịch thành công, chốt đơn, ký hợp đồng

在本届国际技术进出口交易会上，高新技术与新能源装备累计意向成交金额突破了数百亿元人民币。

Zài běn jiè guó jì jì shù jìn chū kǒu jiāo yì huì shàng, gāo xīn jì shù yǔ xīn néng yuán zhuāng bèi lěi jì yì xiàng chéng jiāo jīn é tú pò le shù bǎi yì yuán rén mín bì.

Tại Hội chợ Giao dịch Xuất nhập khẩu Công nghệ Quốc tế lần này, tổng số tiền giao dịch dự kiến của công nghệ cao và thiết bị năng lượng mới đã vượt qua hàng chục tỷ Nhân dân tệ.

18 nét

HÁN VIỆT: THÀNH GIAO

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#102

成效

chéng xiào

hiệu quả, thành quả đạt được

经过多部门协同发力与源头综合治理，该流域长江生态环境保护修复攻坚战取得了显著的历史性成效。

Jīng guò duō bù mén xié tóng fā lì yǔ yuán tóu zōng hé zì lǐ, gāi liú yù cháng jiāng shēng tài huán jīng bǎo hù xiū fù gōng jiàn zhàn qù dé le xiǎn zhù de lì shǐ xìng chéng xiào.

Trải qua sự chung sức phối hợp của nhiều ban ngành và xử lý tổng hợp tận gốc, chiến dịch bảo vệ và phục hồi môi trường sinh thái lưu vực sông Trường Giang đã đạt được những thành quả lịch sử rõ rệt.

18 nét

HÁN VIỆT: THÀNH HIỆU

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#103

成语

chéng yǔ

thành ngữ

汉语成语结构简练却内涵极其深厚，往往四个字就凝练了一个引人深思的历史典故。

Hàn yǔ chéng yǔ jié gòu jiǎn liàn què nèi hán jí qí shēn hòu, wǎng wǎng sì gè zì jiù níng liàn le yí gè yǐn rén shēn sī de lì shǐ diǎn gù.

Thành ngữ tiếng Hán có kết cấu cô đọng súc tích nhưng hàm ý lại vô cùng thâm sâu, thường chỉ với 4 chữ đã đúc kết trọn vẹn cả một điển tích lịch sử khiến người ta phải suy ngẫm sâu xa.

20 nét

HÁN VIỆT: THÀNH NGỮ

HSK 5 (3.0)

Động từ

#104

承办

chéng bàn

đăng cai, nhận tổ chức thực hiện

该市凭借国际一流的现代场馆设施与高效的组织保障能力，成功承办了本届世界大学生夏季运动会。

Gāi shì píng jiè guó jì yì liú de xiàn dài chǎng guǎn shè shī yǔ gāo xiào de zǔ zhī bǎo zhàng néng lì, chéng gōng chéng bàn le běn jiè shì jiè dà xué shēng xià jì yùn dòng huì.

Thành phố này nhờ vào cơ sở vật chất nhà thi đấu hiện đại đẳng cấp quốc tế cùng năng lực tổ chức bảo đảm hiệu quả cao đã đăng cai tổ chức thành công Đại hội Thể thao Sinh viên Thế giới mùa hè lần này.

20 nét

HÁN VIỆT: THỪA BIỆN

HSK 5 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#105

城里

chéng lǐ

trong thành phố, trong đô thị nội thành

随着城乡融合发展与现代交通基础设施一体化推进，城里与乡村的优质公共资源差距显著缩小。

Suí zhe chéng xiāng róng hé fā yǔ xiàn dài jiāo tōng jī chǔ shè shī yì tí huà tuī jìn, chéng lǐ yǔ xiāng cūn de yōu zhì gōng gòng zī yuán chā jù xiǎn zhù suǒ xiǎo.

Cùng với sự phát triển dung hợp thành thị - nông thôn và thúc đẩy tích hợp hạ tầng giao thông hiện đại, khoảng cách tài nguyên công cộng chất lượng cao giữa nông thôn và trong thành phố trong đô thị đã được thu hẹp rõ rệt.

17 nét

HÁN VIỆT: THÀNH LǏ

HSK 5 (3.0)

Động từ

#106

乘

chéng

nhân lên

老师鼓励大家积极乘，勇于探索新的知识。lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí chéng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực nhân lên, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

9 nét

HÁN VIỆT: THỪA

HSK 5 (3.0)

Động từ

#107

乘车

chéng chē

đi xe, đi tàu xe, đón xe

高铁推行全数字化电子客票与人脸识别智能闸机，广大乘客乘车进站全程无需出示纸质车票。

Gāo tiě tuī xíng quán shù zì huà diàn zǐ kè piào yǔ rén lián shí bié zhì néng zhā jī, guǎng dà chéng kè chéng chē jìn zhàn quán chéng wú xū chū shì zhǐ zhì chē piào.

Đường sắt cao tốc triển khai cửa soát vé thông minh nhận diện khuôn mặt và vé điện tử số hóa toàn diện, đông đảo hành khách đi xe đón xe vào ga suốt toàn bộ hành trình không cần phải xuất trình vé giấy.

19 nét

HÁN VIỆT: THỪA XA

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#108

乘客

chéng kè

hành khách, khách đi tàu xe

新一代国产大型客机以优异的座舱静音环境与宽敞舒适的人体工学座椅，为广大乘客带来极佳飞行体验。

Xīn yí dài guó chǎn dà xíng kè jī yǐ yōu yì de zuò cāng jìng yīn yǎn jīng yǔ kuān chǎng shū shì de rén tǐ gōng xué zuò yǐ, wèi guǎng dà chéng kè dài lái jí jiā fēi xíng tǐ yàn.

Dòng máy bay chở khách cỡ lớn sản xuất trong nước thế hệ mới bằng môi trường yên tĩnh trong khoang lái xuất sắc và ghế ngồi công thái học rộng rãi êm ái mang lại trải nghiệm bay tuyệt vời cho đông đảo hành khách khách đi máy bay.

18 nét

HÁN VIỆT: THỪA KHÁCH



HSK 5 (3.0)

Danh từ

#109

乘坐

chéng zuò

đi, ngồi (tàu, xe, máy bay)

乘坐京沪高速铁路复兴号列车，从北京到上海最快只需四个多小时。

Chéng zuò jīng hù gāo sù tiě lù fù xīng hào liè chē, cóng běi jīng dào shàng hǎi zuì kuài zhǐ xū sì gè duō xiǎo shí.

Đi tàu cao tốc Fuxing trên tuyến đường sắt Bắc Kinh - Thượng Hải, hành trình từ Bắc Kinh đến Thượng Hải nhanh nhất chỉ mất hơn 4 tiếng đồng hồ.

18 nét

HÁN VIỆT

THỪA TOA

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#110

吃力

chī lì

vất vả, nhọc sức, tốn sức, khó nhọc

在没有大型工程机械的艰苦年代，建设者们全凭肩挑背扛，极其吃力却坚韧无比地建成了红旗渠。

Zài méi yǒu dà xíng gōng jī xié de jiān kǔ nián dài, jiàn shè zhě men quán píng jiān tiǎo bèi káng, jí qí chī lì què jiān rèn wú bǐ dì jiàn chéng le hóng qí qú.

Trong những năm tháng gian khó chưa có máy móc công trình cỡ lớn, những người xây dựng hoàn toàn dựa vào đôi vai gánh lưng vất vả, vô cùng vất vả và nhọc sức nhưng vô cùng kiên cường đã xây dựng nên Kênh Hồng Kỳ.

19 nét

HÁN VIỆT

CẬT LỰC

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#111

池子

chí zi

ao, hồ, bể nước nhỏ

中式古典庭院正中的汉白玉池子里，几尾色彩斑斓的锦鲤在荷花间自在游弋。

Zhōng shì gǔ diǎn tíng yuán zhèng zhōng de hàn bái yù chí zi lǐ, jǐ wěi sè cǎi bān lán de jīn lǐ zài hē huā jiān zì zài yóu yì.

Bên trong bể đá cẩm thạch trắng chính giữa khoảng sân vườn cổ điển Trung Hoa, vài chú cá koi rực rỡ sắc màu đang tung tăng bơi lội giữa những đóa sen.

22 nét

HÁN VIỆT

TRÌ TỬ

HSK 5 (3.0)

Động từ

#112

迟

chí

muộn

老师鼓励大家积极迟，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí chí, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực muộn, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

12 nét

HÁN VIỆT

TRÌ

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#113

充足

chōng zú

đầy đủ, sung túc, thỏa đáng

在迎峰度夏用电高峰期间，国家特高压输电网络与大型储能电站全力保障了全国电力供应充足稳定。

Zài yíng fēng dù xià yòng diàn gāo fēng qī jiān, guó jiā tè gāo yā shù diàn wǎng luò yǔ dà xíng zhǔ néng diàn zhàn quán lì bǎo zhàng le quán guó diàn lì gòng yìng chōng zú wěn dìng.

Trong đợt cao điểm dùng điện mùa hè nắng nóng, mạng lưới truyền tải điện siêu cao áp quốc gia cùng các trạm tích trữ năng lượng quy mô lớn đã dốc toàn lực bảo đảm nguồn cung ứng điện trên cả nước luôn đầy đủ và ổn định.

18 nét

HÁN VIỆT

SUNG TÚ

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#114

冲动

chōng dòng

bốc đồng, nông nổi; xung động bộc phát

在处理重大复杂法律纠纷与商务谈判时，必须时刻保持冷静理性，绝不能凭一时情绪冲动用事。

Zài chǔ lǐ zhòng dà fù zá fǎ lǜ zhōng yǔ shāng wán tán shí, bì xū shí kè bǎo chí lěng jìng lǐ xìng, jué bù néng píng yí shí qíng xù chōng dòng yòng shì.

Khi xử lý các tranh chấp pháp luật và đàm phán thương vụ phức tạp trọng đại, bắt buộc phải luôn luôn giữ vững sự điềm tĩnh lý trí, tuyệt đối không thể hành động bốc đồng dựa theo cảm xúc nhất thời.

27 nét

HÁN VIỆT

XUNG ĐỘNG

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ

#115

冲突

chōng tū

xung đột, va chạm mâu thuẫn

中国始终坚定站在和平一边、站在公道一边，积极为政治和平解决各类地区热点冲突奔走斡旋。

Zhōng guó shǐ zhōng jiān dìng zhàn zài hé píng yí biān, zhàn zài gōng dào yí biān, jī jí wéi zhèng zhì hé píng jiě jué gè lèi dì qū rè diǎn chōng tū bēn zǒu wò xuán.

Trung Quốc luôn kiên định đứng về phía hòa bình, đứng về phía công lý, tích cực bên ba hòa giải trung gian vì giải pháp chính trị hòa bình cho các điểm nóng xung đột khu vực.

22 nét

HÁN VIỆT

XUNG ĐỘT

HSK 5 (3.0)

Động từ / Tính từ / Danh từ

#116

愁

chóu

lo âu, sầu muộn, băn khoăn; nỗi buồn

通过全面落实精准帮扶政策，昔日因缺技术、少资金而发愁的偏远山村群众如今依靠特色产业走上了致富路。

Tōng guò quán miàn luò shí jīng zhǔn bāng fú zhèng cè, xī rì yīn quē jì shù, shǎo zī jīn ér fā chóu de piǎn yuǎn shān cūn qún zhòng rú jīn yī kào tè sè chǎn yè zǒu shàng le zhì fù lù.

Thông qua việc thực thi toàn diện chính sách hỗ trợ chuẩn xác, bà con vùng quê xa xôi trước đây buồn bã vì thiếu vốn ít kỹ thuật ngày nay đã dựa vào ngành nghề đặc sắc để bước lên con đường làm giàu.

12 nét

HÁN VIỆT

SẦU

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#117

丑

chǒu

xấu xí, khó coi; xấu hổ, nhục nhã

外表的美丑不过是皮囊之别，真正能够穿越岁月长河永葆魅力的永远是高尚丰盈的内在灵魂。

Wài biǎo de měi chǒu bù guò shì pí náng zhī bié, zhēn zhèng néng chuān yuè suì yuè cháng hé yǒng bǎo mèi lì de yǒng yuǎn shì gāo shàng fēng yíng de nèi zài línghún.

Về đẹp hay xấu bên ngoài chỉ là sự khác biệt nơi dung nhan thể xác, điều thực sự có thể vượt qua dòng chảy năm tháng giữ mãi sức hút vĩnh cửu mãi là một tâm hồn cao đẹp và phong phú bên trong.

8 nét

HÁN VIỆT

SỬU



HSK 5 (3.0)

Tính từ

#118

臭

chòu

có mùi hôi

在面对复杂的挑战时，保持臭的心态尤为重要。

Zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí chòu de xīn tài yóu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái có mùi hôi đặc biệt quan trọng.

12 nét

HÁN VIỆT: XÚ

HSK 5 (3.0)

Động từ

#119

出版

chū bản

xuất bản

这部历时十余年精心编纂的中国古代科技史学术巨著，终于在国家级出版社正式出版面世。

Zhè bù lì shí shí yú nián jīng xīn biān zuǎn de zhōng guó gǔ dài kē jì shǐ xué shù jù zhù, zhōng yú zài guó jiā jí chū bǎn shè zhèng shì chū bǎn miàn shì.

Bộ đại tác phẩm học thuật về lịch sử khoa học công nghệ cổ đại Trung Quốc được công phu biên soạn suốt hơn mười năm qua cuối cùng đã chính thức xuất bản ra mắt độc giả tại nhà xuất bản cấp quốc gia.

19 nét

HÁN VIỆT: XUẤT BẢN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#120

出差

chū chāi

đi công tác

由于下周需要前往广州分公司出差考察业务，他提前订好了高铁往返商务车票。

Yóu yú xià zhōu xū yǎo qián wǎng guǎng zhōu fēn gōng sī chū chāi kǎo chá yè wù, tā tí qián dìng hǎo le gāo tiě wǎng fǎn shāng wù zuò chē piào.

Do tuần sau phải đi công tác tại chi nhánh Quảng Châu để khảo sát kinh doanh, anh ấy đã đặt trước vé khứ hồi hạng thương gia tàu cao tốc.

17 nét

HÁN VIỆT: XUẤT SAI

HSK 5 (3.0)

Động từ

#121

出汗

chū hàn

ra mồ hôi, toát mồ hôi

在炎热的夏季高温车间里，大国工匠顶着酷暑持续开展超精密装配作业，工作服被出汗浸透也浑然不顾。

Zài yán rè de xià jì gāo wēn chē jiān lǐ, dà guó gōng jiàng dǐng zhe kù shǔ chí xù kāi zhǎn chāo jīng mì zhuāng pèi zuò yè, gōng zuò fú bèi chū hàn jìn tòu yě hún rán bù gù.

Bên trong phân xưởng nhiệt độ cao mùa hè oi bức, nghệ nhân bậc thầy nước lớn đội nắng nóng liên tục triển khai thao tác lắp ráp siêu chính xác, áo bảo hộ lao động bị toát mồ hôi ra mồ hôi ướt đẫm cũng chẳng màng để tâm.

17 nét

HÁN VIỆT: XUẤT HÂN

HSK 5 (3.0)

Động từ / Giới từ

#122

出于

chū yú

xuất phát từ, bắt nguồn từ (lý do/ động cơ)

出于对科学真理的无比执着追求与科技报国的崇高信念，青年学者毅然选择投身极端前沿研究领域。

Chū yú duì kē xué zhēn lǐ de wú bǐ zhí zhuó zhuī qiú yú kē jì bào guó de chóng gào xīn niàn, qīng nián xué zhě yì rán xuǎn zé tóu shēn jī duǎn qián yán yán jiū lǐng yù.

Xuất phát từ bắt nguồn từ lòng kiên định theo đuổi chân lý khoa học vô bờ bến và niềm tin cao đẹp phụng sự Tổ quốc bằng khoa học, người học giả trẻ tuổi đã kiên quyết lựa chọn dấn thân vào lĩnh vực nghiên cứu tiên phong cực đoan.

22 nét

HÁN VIỆT: XUẤT VU

HSK 5 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#123

初期

chū qī

thời kỳ đầu, giai đoạn ban đầu

在重大科技工程研制攻坚初期，面对国外严密的技术封锁，科研团队白手起家、自力更生。

Zài zhòng dà kē jì gōng chéng yán zhì gōng jiān chū qī, miàn duì guó wài yán mì de jì shù fēng suǒ, kē yán tuán duì bái shǒu qǐ jiā, zì lì gēng shēng.

Vào thời kỳ đầu giai đoạn ban đầu của trận đánh vượt khó nghiên cứu chế tạo công trình khoa học công nghệ trọng đại, đứng trước sự phong tỏa công nghệ nghiêm ngặt từ nước ngoài, đội ngũ nghiên cứu đã tự lực cánh sinh, dựng cơ đồ từ hai bàn tay trắng.

18 nét

HÁN VIỆT: SƠ KỲ

HSK 5 (3.0)

Liên từ

#124

除非

chú fēi

trừ phi, chỉ khi

除非在底层算法架构上取得颠覆性突破，否则很难在短时间内大幅降低模型的能耗。

Chú fēi zài dī céng suàn fǎ jià gòu shàng qǔ dé diān fù xīng tú pò, fǒu zé hěn nán zài duǎn shí jiān nài dà fú jiàng dī dà mó xíng de néng hào.

Trừ phi đạt được bước đột phá mang tính thay đổi toàn diện về mặt kiến trúc thuật toán tầng dưới, bằng không rất khó có thể hạ giảm mạnh mức tiêu hao năng lượng của mô hình lớn trong thời gian ngắn.

21 nét

HÁN VIỆT: TRỪ PHI

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#125

除夕

chú xī

đêm Giao thừa, đêm 30 Tết

每逢除夕之夜，无论身在何方的游子都会想方设法赶回家中，与家人围坐在一起吃团圆饭。

Měi féng chú xī zhī yè, wú lùn shēn zài hé fāng de yóu zǐ dū huí xiāng fāng shè fǎ gǎn huí jiā zhōng, yǔ jiā rén wéi zuò zài yì qǐ chí tuán yuán fàn.

Mỗi dịp đêm Giao thừa, người con xa xứ đều ở nơi chân trời góc bể nào cũng tìm mọi cách trở về nhà sum vầy cùng gia đình quây quần bên mâm cơm tất niên đoàn viên.

22 nét

HÁN VIỆT: TRỪ TỊCH

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#126

厨房

chú fáng

nhà bếp

温馨宽敞的厨房里飘散出阵阵诱人的饭菜香味，让人食欲大增。

Wēn xīn kuān chǎng de chú fáng lǐ piāo sǎn chū zhèn zhèn yòu rén de fàn cài xiāng wèi, ràng rén shí yù dà zēng.

Từ căn bếp ấm cúng rộng rãi thoáng thoàng bay ra mùi thức ăn quyến rũ khiến ai nấy đều cồn cào thèm ăn.

19 nét

HÁN VIỆT: TRỪ PHÒNG



HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#127

处罚

chǔ fá

xử phạt, trừng phạt, hình phạt

国家执法监管部门依法对恶意侵犯商业秘密与严重侵犯知识产权的违法行为给予顶格经济行政处罚。

Guó jiā zhī fǎ jiǎn guān bù mén yī fǎ duì è yì qīn fǎn shāng yè mí mǐ yú yán zhòng qīn fǎn zhī shǐ chàn quán de wéi fǎ xíng wéi jī yǔ dīng gé jīng jì xíng zhèng chǔ fá.

Cơ quan giám sát thực thi pháp luật quốc gia căn cứ theo pháp luật đã đưa ra mức xử phạt trừng phạt hành chính kinh tế kịch khung đối với các hành vi vi phạm pháp luật xâm phạm nghiêm trọng quyền sở hữu trí tuệ và ác ý xâm phạm bí mật thương mại.

22 nét

HÁN VIỆT: XỬ PHẠT

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#128

处分

chǔ fèn

kỷ luật, xử lý kỷ luật; định đoạt

纪检监察机关依法依规严肃查处违纪违法行爲，对严重违反学术诚信与弄虚作假的责任人给予严肃政务处分。

Jǐ jiǎn jiān chá jī guān yī fǎ yī guī yán sù chá chǔ wéi jī wéi fǎ xíng wéi, duì yán zhòng wéi fǎn xué shù chéng xìn yǔ nòng xǔ zuò jiǎ de zé rèn rén jī yǔ yán sù zhèng wù chǔ fèn.

Cơ quan kiểm tra giám sát kỷ luật theo quy định pháp luật đã điều tra xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm kỷ luật và pháp luật, thi hành hình thức kỷ luật chính vụ nghiêm khắc đối với những người chịu trách nhiệm vi phạm nghiêm trọng tính trung thực học thuật và làm giả gian lận.

24 nét

HÁN VIỆT: XỬ PHÂN

HSK 5 (3.0)

Động từ

#129

处在

chǔ zài

đang ở vào, nằm ở (vị trí/giai đoạn)

当前我国正处在推进中国式现代化的关键时期，必须牢牢把握高质量发展这个首要任务。

Dāng qián wǒ guó zhèng chǔ zài tuī jìn zhōng guó shì xiàn dài huà de guān jiàn shí qī, bì xū láo láo bǎ wò gāo zhì liàng fā zhǎn zhè ge shǒu yào wù.

Hiện nay nước ta đang ở vào nằm ở thời kỳ then chốt thúc đẩy hiện đại hóa kiểu Trung Quốc, bắt buộc phải nắm chắc nhiệm vụ hàng đầu là phát triển chất lượng cao.

22 nét

HÁN VIỆT: XỬ TẠI

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#130

传达

chuán dá

truyền đạt, phổ biến (chỉ thị, nghị quyết); phòng thường trực

省委常委扩大会议第一时间传达学习了党中央关于推动长江经济带高质量发展的最新指示精神。

Shěng wěi cháng wěi kuò dà huì yì dì yī shí jiān chuán dá xué xí le dǎng zhōng yāng guān yú tuī dòng cháng jiāng jīng jì dài gāo zhì liàng fā zhǎn de zui xīn zhǐ shì jīng shén.

Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy mở rộng đã lập tức truyền đạt và quán triệt học tập tinh thần chỉ thị mới nhất của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về việc thúc đẩy phát triển chất lượng cao Vành đai kinh tế Trường Giang.

27 nét

HÁN VIỆT: TRUYỀN ĐẠT

HSK 5 (3.0)

Động từ

#131

传递

chuán dì

truyền đạt, trao chuyển, tiếp nối

奥林匹克圣火在各大洲主要城市之间庄严传递，向全世界传递着和平与友谊的崇高理念。

Ào lín pǐ kè shèng huǒ zài gè dà zhōu zhǔ yào chéng shì zhī jiān zhuān yán chuán dì, xiàng quán shì jiè chuán dì zhe hé píng yǔ yǒu yì de chóng gāo lǐ niàn.

Ngọn đuốc Olympic được rước truyền trang nghiêm qua các thành phố lớn trên khắp châu lục, truyền tải thông điệp cao quý về hòa bình và tình hữu nghị tới toàn thế giới.

27 nét

HÁN VIỆT: TRUYỀN ĐỆ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#132

传真

chuán zhēn

bản fax, gửi fax

请将双方授权代表签署并盖章的正式合作协议原件以高清传真或电子扫描件形式发送过来。

Qǐng jiāng shuāng fāng shòu quán dài biǎo qiān shǔ bīng gài zhāng de zhèng shì hé zuò xié yì yuán jiàn yǐ gāo qīng chuán zhēn huò diàn zǐ sǎo miáo jiàn xíng shì fā sòng guò lái.

Xin vui lòng gửi bản thỏa thuận hợp tác chính thức có chữ ký và đóng dấu của người đại diện theo ủy quyền qua fax độ nét cao hoặc bản scan điện tử.

24 nét

HÁN VIỆT: TRUYỀN CHÂN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#133

窗帘

chuāng lián

rèm cửa, màn cửa

清晨拉开厚重遮光的米白色亚麻窗帘，和煦温暖的阳光瞬间洒满了整个温馨的书房。

Qīng chén kāi kāi hòu zhòng zhē guāng de mǐ bái sè yǎ má chuāng lián, hé xù wēn nuǎn de yáng guāng shùn jiǎn sā mǎn le zhěng gè wēn xīn de shū fáng.

Sáng sớm kéo tấm rèm vải lanh màu be sáng sủa dần ra, ánh nắng ấm áp dịu dàng tức thì ngập tràn khắp căn phòng đọc sách ấm cúng.

19 nét

HÁN VIỆT: SONG LIÊM

HSK 5 (3.0)

Động từ

#134

闯

chuǎng

xông pha, dẫn thân; lao nhanh, tông vào

年轻人要有敢为人先、敢闯敢拼的开拓精神，在广阔天地中开创属于自己的辉煌事业。

Nián qīng rén yào yǒu gǎn wéi rén xiān, gǎn chuāng gǎn pīn de kāi tuò jīng shén, zài guǎng kuò tiān dì zhōng kāi chuāng shǔ yú zì jǐ de huī huáng shì yè.

Người trẻ tuổi cần có tinh thần tiên phong dám nghĩ dám làm, dám dẫn thân xông pha bứt phá để mở ra sự nghiệp huy hoàng của riêng mình giữa bầu trời rộng lớn.

10 nét

HÁN VIỆT: SẤM

HSK 5 (3.0)

Động từ

#135

创立

chuàng lì

sáng lập, thành lập, xây dựng nên (lý luận, trường phái)

我国数学大师在微分几何与拓扑学领域创立了具有世界深远影响的全新几何理论体系。

Wǒ guó shù xué dà shī zài wēi fēn jī hé yǔ tòu pō xué lǐng yù chuàng lì le jù yǒu shì jiè yuǎn yǐng de quán xīn jī hé lǐ lùn tǐ xì.

Bậc đại sư toán học nước ta trong lĩnh vực hình học vi phân và tô-pô học đã sáng lập nên một hệ thống lý thuyết hình học hoàn toàn mới có tầm ảnh hưởng sâu rộng trên toàn thế giới.

26 nét

HÁN VIỆT: SÁNG LẬP



HSK 5 (3.0)

Danh từ

#136

辞典

cídiǎn

từ điển, từ điển chuyên ngành

语言学家历时十年精心编纂出版了这部权威规范的新时代现代汉语科学技术专业术语大辞典。

Yǔ yán xué zhuān jiā lì shí shí nián jīng xīn biān zuǎn chū bǎn le zhè bù quán wēi guī fàn de xīn shí dài xiān dài hàn yǔ kē xué jì shù zhuān yè shù yǔ dà cí diǎn.

Các chuyên gia ngôn ngữ học trải qua mười năm đã cẩn thận biên soạn và xuất bản cuốn đại từ điển từ điển thuật ngữ chuyên ngành khoa học kỹ thuật Hán ngữ hiện đại thời đại mới chuẩn mực có thẩm quyền này.

21 nét

HÁN VIỆT: TỬ ĐIỂN

HSK 5 (3.0)

Động từ

#137

辞职

cízhí

từ chức, xin nghỉ việc

经过多月深思熟虑，他最终决定辞职去全身心追寻自己热爱多年的乡村教育公益事业。

Jīng guò duō yuè shēn sī shú lǜ, tā zuì zhōng jué dìng cí zhí qù quán shēn xīn zhī zài xūn zì jǐ rè ài duō nián de xiāng cūn jiàoyù gōng yì shì yè.

Sau nhiều tháng suy nghĩ chín chắn, cuối cùng anh quyết định xin nghỉ việc để dành trọn tâm huyết theo đuổi sự nghiệp giáo dục thiện nguyện vùng cao mà mình hằng ấp ủ bấy lâu.

18 nét

HÁN VIỆT: TỬ CHỨC

HSK 5 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian / Phó từ

#138

此后

cǐhòu

sau đó, kể từ đây trở đi, từ đó về sau

国家首个深空探测科学卫星成功发射升空，此后我国深空探测事业迈入了大步跨越式发展新阶段。

Guó jiā shǒu gè shēn kōng tàn cè kē xué wèi xīng chéng gōng fā shè shēng kōng, cǐ hòu wǒ guó shēn kōng tàn cè shì yè mài rù le dà bù kuà yuè xīn jiē duàn.

Vệ tinh khoa học thám trắc không gian sâu đầu tiên của nước ta phóng thành công lên quỹ đạo, sau đó từ đó về sau sự nghiệp thám trắc không gian sâu nước ta đã bước vào giai đoạn mới phát triển nhảy vọt với những bước tiến dài.

19 nét

HÁN VIỆT: THỬ HẬU

HSK 5 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#139

此刻

cǐkè

giờ phút này, lúc này, ngay bây giờ

当大国重器顺利完成极限深潜返回海面时，此刻飞控大厅内所有科研人员激动得热烈相拥欢呼。

Dāng dà guó zhòng qì shùn lì wán chéng jí xiàn shēn qián fān huí hǎi miàn shí, cǐ kè fēi kòng dà tīng nèi suǒ yǒu kē yán yuán jī dòng dé rè liè xiāng yōng huān hū.

Khi đại khí quốc gia hoàn thành thuận lợi chuyển lặn sâu giới hạn trở về mặt biển, giờ phút này lúc này toàn bộ cán bộ nghiên cứu trong đại sảnh điều khiển bay đã xúc động ôm chầm lấy nhau reo hò nhiệt liệt.

21 nét

HÁN VIỆT: THỬ KHẮC

HSK 5 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#140

此时

cǐshí

lúc này, thời điểm này, bấy giờ

此时此刻的天安门广场上红旗招展、花团锦簇，数十万各界群众欢聚一堂喜迎国庆盛典。

Cǐ shí cǐ kè de tiān ān mén guǎng chǎng shàng hóng qí zhāo zhǎn, huā tuán jīn cù, shù shí wàn gè jiē qún zhòng huān jù yì táng xī yíng guó qīng shèng diǎn.

Vào thời điểm này lúc này trên Quảng trường Thiên An Môn cờ đỏ tung bay phấp phới, hoa tươi rực rỡ muôn màu, hàng chục vạn quần chúng các giới cùng hân hoan tế tựu một nhà đón chào đại lễ Quốc khánh.

25 nét

HÁN VIỆT: THỬ THỜI

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#141

聪明

cōngmíng

thông minh

这个聪明好学的小男孩不仅记忆力极强，而且解决逻辑问题十分灵活。

Zhè ge cōngmíng hào xué de xiǎo nán hái bù jǐn jì yì lì jí qiáng, ér qiě jiě jué luó jí wèn tí shí fēn líng huó.

Cậu bé thông minh hiếu học này không chỉ có trí nhớ siêu phàm mà còn xử lý các vấn đề logic cực kỳ linh hoạt.

20 nét

HÁN VIỆT: THÔNG MINH

HSK 5 (3.0)

Liên từ

#142

从而

cóng'ér

nhờ đó, do đó mà, từ đó dẫn đến

国家大力推进产业链与创新链深度融合，从而全面提升了制造业高端化、智能化、绿色化发展水平。

Guó jiā dà lì tuī jìn chǎn yè liàn yǔ chuàng xīn liàn shēn dù róng hé, cóng ér quán miàn tí shēng le zhì zào yè gāo duān huà, zhì néng huà, lǜ sè huà fā zhǎn shuǐ píng.

Nhà nước ra sức thúc đẩy sự dung hợp sâu sắc giữa chuỗi đổi mới sáng tạo và chuỗi ngành nghề, nhờ đó do đó mà nâng cao toàn diện trình độ phát triển xanh hóa, thông minh hóa và cao cấp hóa của ngành chế tạo.

22 nét

HÁN VIỆT: TÔNG NHỊ

HSK 5 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn / Phó từ

#143

从中

cóngzhōng

từ đó, từ trong đó (rút ra kinh nghiệm)

青年学者认真总结前人历次科学实验失败教训，从中找到了突破核心算法瓶颈的关键技术灵感。

Qīng nián xué zhě rèn zhen zǒng jié qián rén lì cì kē xué shí yàn shī bài jīào xùn, cóng zhōng zhǎo dào le tú pò hé xīn suàn fǎ píng jīng de guān jiàn jì shù líng gǎn.

Học giả trẻ tuổi nghiêm túc tổng kết những bài học thất bại trong các lần thực nghiệm khoa học của người đi trước, từ đó từ trong đó đã tìm ra cảm hứng công nghệ then chốt để đột phá nút thắt thuật toán cốt lõi.

16 nét

HÁN VIỆT: TÔNG TRUNG

HSK 5 (3.0)

Động từ

#144

脆

cùi

giòn

老师鼓励大家积极脆，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí cuì, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực giòn, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

12 nét

HÁN VIỆT: THUY



HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ

#145

存款

cúnguǎn

tiền gửi tiết kiệm, gửi tiền vào ngân hàng

国家全面健全存款保险制度与金融稳定保障基金，坚决守住不发生系统性金融风险的底线。

Guójiā quán miàn jiàn quán cún kuǎn bǎo xiǎn zhì dù yǔ jīn róng wěn dìng bǎo zhàng jī jīn, jiǎn jué shǒu zhù bù fā shēng xì tǒng xìng jīn róng fēng xiǎn de dǐ xiàn.

Nhà nước hoàn thiện toàn diện quỹ bảo đảm ổn định tài chính và chế độ bảo hiểm tiền gửi tiền gửi tiết kiệm, kiên quyết giữ vững lần ranh đỏ không để xảy ra rủi ro tài chính mang tính hệ thống.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: TỐN KHOẢN

HSK 5 (3.0)

Lượng từ / Danh từ

#146

寸

cùn

thốn, tấc (đơn vị đo chiều dài cổ ~ 3.3 cm); inch

一寸光阴一寸金，寸金难买寸光阴；青年学子要珍惜大好青春时光，刻苦学习，求索真理。

Yī cùn guāng yīn yī cùn jīn, cùn jīn nán mǎi cùn guāng yīn; qīng nián xué zǐ yào zhēn xī dà hào qīng chūn shí guāng, kè kǔ xué xí, qiú suǒ zhēn lǐ.

Một tấc thời gian một tấc vàng, tấc vàng khó mua được tấc thời gian; học sinh thanh niên cần trân trọng quãng thời gian thanh xuân tươi đẹp, miệt mài học tập, tìm tòi chân lý.

📖 11 nét

HÁN VIỆT: THỐN

HSK 5 (3.0)

Động từ

#147

达成

dá chéng

đạt được (thỏa thuận, hiệp nghị, nhận thức chung)

在联合国多边生物多样性大会上，近两百个缔约方克服重重分歧，历史性地达成了全球生物多样性保护框架协议。

Zài lián hé guó duō biān shēng wù duō yàng xìng dà huì shàng, jìn liǎng bǎi gè dì yuē fāng kè fú chōng chōng fēn qí, lì shǐ xìng dì dá chéng le quán qiú shēng wù duō yàng xìng bǎo hù kuāng jià xié yì.

Tại Hội nghị Đa dạng Sinh học Đa phương của Liên Hợp Quốc, gần 200 bên tham gia ký kết đã vượt qua muôn vàn bất đồng khác biệt, đạt được thỏa thuận khung lịch sử mang tính toàn cầu về bảo tồn đa dạng sinh học.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: ĐẠT THÀNH

HSK 5 (3.0)

Động từ

#148

答

dā

câu trả lời

老师鼓励大家积极答，勇于探索新的知识。lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí dá, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực câu trả lời, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 10 nét

HÁN VIỆT: ĐÁP

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#149

答复

dá fù

hồi đáp, trả lời chính thức, giải đáp

政务服务便民热线建立了“接诉即办”闭环机制，确保企业与群众反映的诉求在规定时间内得到满意的答复。

Zhèng wù fú wù biān mín rè xiàn jiàn lì le "jiē sù jí bàn" bì huán jī zhì, què bǎo qǐ yè yǔ qún zhòng fǎn yǐng de sù qiú zài guī dìng shí xiàn nèi dé dào mǎn yì de dá fù.

Đường dây nóng dịch vụ công ích tiện dân đã thiết lập cơ chế khép kín "Tiếp nhận khiếu nại xử lý tức thì", bảo đảm mọi phản ánh kiến nghị của người dân và doanh nghiệp đều nhận được lời hồi đáp thỏa đáng trong thời hạn quy định.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: ĐÁP PHỤC

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#150

打扮

dǎ ban

trang điểm, ăn diện, chải chuốt; cách ăn mặc

在国际青年文化艺术节上，各国留学生身着本民族传统特色盛装打扮，载歌载舞共庆多元文化交融。

Zài guó jì qīng nián wén huà yì shù jié shàng, gè guó liú xué shēng shēn zhe běn mín zú chuán tǒng tè sè shèng zhuāng dǎ ban, zài gē zài wǔ gòng qīng duō yuán wén huà jiāo róng.

Tại Lễ hội Văn hóa Nghệ thuật Thanh niên Quốc tế, các bạn lưu học sinh các nước khoác lên mình trang phục ăn diện trang điểm lộng lẫy đặc sắc truyền thống của dân tộc mình, cùng ca múa hát chúc mừng sự giao thoa văn hóa đa nguyên.

📖 27 nét

HÁN VIỆT: TÁ BAN

HSK 5 (3.0)

Động từ

#151

打包

dǎ bāo

đóng gói hàng, gói đồ ăn mang về; đóng gói phần mềm

现代化全自动智能物流流水线上，工业机器人以极高速度完成货物的自动分拣、精密扫描与环保加固打包。

Xiàndài huà quán zì dòng zhì néng wù liú liú shuǐ xiàn shàng, gōng yè jī rén yǐ jí gāo sù dù wán chéng huò wù de zì dòng fēn jiǎn, jīng mì sǎo miào yǔ huán bǎo jiā gù dǎ bāo.

Trên dây chuyền vận chuyển logistics thông minh tự động hóa hoàn toàn hiện đại, robot công nghiệp với tốc độ cực cao đã hoàn thành việc tự động phân loại, quét mã chính xác và đóng gói gia cố bảo vệ môi trường cho hàng hóa.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: TÁ BAO

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#152

打击

dǎ jī

tấn công, giáng đòn; trấn áp, triệt phá

国家司法机关保持高压震慑态势，依法坚决严厉打击任何侵犯公民个人隐私与跨境电信网络诈骗犯罪。

Guójiā fǎ jī guān bǎo chí gāo yā zhè shè tài shì, yī fǎ jiǎn jué yǎn lì dǎ jī rèn hé qīn fàn gōng mín gē rén yīn sī yǔ kuà jìng diàn xìn wǎng luò zhà piàn fàn zuì.

Cơ quan tư pháp quốc gia luôn giữ vững trạng thái rắn đe áp lực cao, kiên quyết trấn áp trừng trị nghiêm khắc theo quy định pháp luật mọi tội phạm xâm phạm quyền riêng tư cá nhân của công dân và lừa đảo qua mạng viễn thông xuyên biên giới.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: TÁ KÍCH

HSK 5 (3.0)

Động từ

#153

打架

dǎ jià

đánh nhau, ẩu đả; xung đột mâu thuẫn

学校应当深入开展法治安全与心理健康教育，引导青少年树立规则意识，坚决杜绝打架斗殴等校园欺凌现象。

Xué xiào yīng dāng shēn kāi fǎ zhì ān quán yǔ xīn lǐ jiāng kāng yù yù, yǐn dǎo qīng shào nián shù lì guī zé yì shí, jiǎn jué dù jué dǎ jià dòu ǒu děng xiào yuán qī líng xián xiàng.

Nhà trường cần đi sâu triển khai giáo dục sức khỏe tâm lý và an toàn pháp luật, hướng dẫn thanh thiếu niên xây dựng ý thức tuân thủ quy tắc, kiên quyết triệt tiêu các hiện tượng đánh nhau ẩu đả và bạo lực học đường.

📖 28 nét

HÁN VIỆT: TÁ GIÁ



HSK 5 (3.0)

Động từ

#154

打扰

dǎ rǎo

làm phiền, quấy rầy

不好意思打扰您休息了，请问去国际会议中心的穿梭巴士在哪个站台乘坐？

Bù hảo ý dĩ dĩ dǎ rǎo nín xiū xi le, qǐng wèn qù guó jì huì yì zhōng xīn de chuān suǒ bā shì zài nǎ ge zhàn tái chéng zuò?

Thật ngại quá làm phiền anh nghỉ ngơi, cho em hỏi xe buýt đưa đón đi Trung tâm Hội nghị Quốc tế đón ở bến nào vậy ạ?

22 nét

HÁN VIỆT: TÁ NHIEU

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#155

大胆

dǎ dǎn

mạnh dạn, táo bạo, dũng cảm

我们要坚持大胆假设、小心求证的科学精神，敢于突破传统教条定式、勇闯科学“无人区”。

Wǒ men yào jiān chí dà dǎn jiǎ shè, xiǎo xīn qiú zhèng de kē xué jīng shén, gǎn yú tú pò chuán tǒng jiào tiáo dìng shì, yǒng chuǎng kē xué "wú rén qū".

Chúng ta cần kiên trì tinh thần khoa học 'mạnh dạn táo bạo giả định, cẩn thận chứng minh', dám đột phá lối mòn giáo điều truyền thống, dũng cảm xông vào 'vùng không người' của khoa học.

22 nét

HÁN VIỆT: ĐẠI DẪM

HSK 5 (3.0)

Phó từ

#156

大都

dà dōu

phần lớn, đại đa số, hầu hết

入选国家青年拔尖人才支持计划的杰出青年学者，大都在前沿交叉科技领域取得了原创性重大成果。

Rù xuān guó jiā jiā jīng nián bǎ jiān rén cái zhī chí jì huà de jié chū qīng nián xué zhě, dà dōu zài qián yán jiāo chā kē jì lǐng yù qǔ dé le yuán chuàng xīng zhòng dà chéng guǒ.

Các học giả trẻ kiệt xuất được lựa chọn vào Kế hoạch Hỗ trợ Nhân tài Xuất chúng Trẻ tuổi Quốc gia phần lớn đại đa số đều đã đạt được những thành quả trọng đại mang tính nguyên tác trong các lĩnh vực khoa học công nghệ liên ngành tiên phong.

22 nét

HÁN VIỆT: ĐẠI ĐÔ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#157

大纲

dà gāng

đề cương, đề cương giáo trình, khung sườn

教育部专家组科学制定并发布了全国普通高等学校人工智能与新工科核心课程教学大纲指南。

Jiàoyù bù zhuān jiā kē xué zhì dìng bìng fā bù le quán guó pǔ tōng gāo děng xué xiào rén gōng zhì néng yǔ xīn gōng kē hé xīn kē chéng jiào xué dà gāng zhǐ nán.

Tổ chuyên gia của Bộ Giáo dục đã xây dựng một cách khoa học và ban hành bản hướng dẫn đề cương khung chương trình giảng dạy môn học cốt lõi ngành công trình mới và trí tuệ nhân tạo của các trường đại học cao đẳng phổ thông toàn quốc.

22 nét

HÁN VIỆT: ĐẠI CƯƠNG

HSK 5 (3.0)

Đại từ

#158

大伙儿

dà huǒ r

mọi người, cả làng, cả tập thể bè bạn

在大山深处的引水抗旱工程现场，大伙儿顶着烈日挥汗如雨、齐心协力把清冽甘甜的山泉水引进了千家万户。

Zài dà shān shēn chù de yǐn shuǐ kǎng hàn gōng chéng xiàn chǎng, dà huǒ ér dīng zhe liè rì huǐ hàn rú yǔ, qí xīn xié lì bǎ qīng liè gān tián de shān quán shuǐ yǐn jìn le qiān jiā wàn hù.

Tại công trường dẫn nước chống hạn hán sâu trong lòng núi non, mọi người đội nắng gắt mồ hôi ướt đầm như mưa, đồng tâm hiệp lực dẫn dòng nước suối nguồn ngọt lành trong mát về tới từng nhà bà con.

34 nét

HÁN VIỆT: ĐẠI HOẢ NHÂN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#159

大奖赛

dà jiǎng sài

giải thi đấu lớn, giải Grand Prix

在世界青年机器人创新设计大奖赛上，我国高校代表队凭借自主研发的双足仿生机器人勇夺特等奖。

Zài shì jiè qīng nián jī qì rén chuàng xīn shè jì dà jiǎng sài shàng, wǒ guó gāo xiào dài biǎo píng jiè zì zhù yán zhì de shuāng zú fǎng shēng jī qì rén yǒng duó tè děng jiǎng.

Tại Giải thi đấu lớn Grand Prix Thiết kế Đổi mới Sáng tạo Robot Thanh niên Thế giới, đội tuyển đại diện trường đại học nước ta nhờ vào robot phỏng sinh học hai chân tự chủ chế tạo đã xuất sắc đoạt giải đặc biệt.

32 nét

HÁN VIỆT: ĐẠI THƯỞNG TÀI

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#160

大脑

dà nǎo

bộ não, đại não, đầu óc

脑科学与类脑人工智能交叉前沿研究，致力于深度解析人类大脑神经元复杂的信息处理与记忆机制。

Nǎo kē xué yǔ lèi nǎo rén gōng zhì néng jiāo chā qián yán yán jiū, zhì lì yú shēn dù jiě xī rén lèi dà nǎo shén jīng yuán fù zá de xìn xī chǔ lǐ yǔ jì yì jī zhì.

Nghiên cứu tiên phong liên ngành trí tuệ nhân tạo dạng não và khoa học thần kinh não bộ dốc sức vào việc phân tích sâu sắc cơ chế ghi nhớ và xử lý thông tin phức tạp của các nơ-ron bộ não đại não con người.

20 nét

HÁN VIỆT: ĐẠI NÃO

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#161

大事

dà shì

việc lớn, đại sự, việc trọng đại

粮食安全是“国之大者”，是关系国计民生的头等大事，必须牢牢把中国人的饭碗端在自己手中。

Liáng shí ān quán shì "guó zhī dà zhě", shì guān xì guó jì mǐn shēng de tóu děng dà shì, bì xū láo láo bǎ zhōng guó rén de fàn wǎn duān zài zì jǐ shǒu zhōng.

An ninh lương thực là 'việc lớn của quốc gia', là việc trọng đại đại sự dân đầu liên quan mật thiết tới quốc kế dân sinh, bắt buộc phải nắm chắc bát cơm của người Trung Quốc trong chính tay mình.

22 nét

HÁN VIỆT: ĐẠI SỰ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#162

大厅

dà tīng

đại sảnh, sảnh đường lớn

在深空探测指挥控制中心大厅大屏幕前，数百位科研人员全神贯注地监测着探测器的各项飞行姿态数据。

Zài shēn kōng tàn cè zhǐ huī kòng zhì zhōng xīn dà tīng dà píng mù qián, shù bǎi wèi kē yán rén yuán quán shén guān zhù dì jiān cè zhe tàn cè qì de gè xiàng fēi xíng zī tài shù jù.

Trước màn hình lớn bên trong đại sảnh sảnh đường lớn của Trung tâm Chỉ huy Điều khiển Thăm trắc Không gian Sâu, hàng trăm cán bộ nghiên cứu đang chăm chú theo dõi các số liệu tư thế bay của tàu thăm trắc.

22 nét

HÁN VIỆT: ĐẠI SẢNH


HSK 5 (3.0)

Danh từ

#163

大象

dà xiàng

con voi

在云南西双版纳热带雨林保护区内，成群的野生亚洲大象在绿树掩映下自由自在地漫步觅食。

Zài yún nán xī shuāng bǎn nà rè dài yǔ lín bǎo hù qū nèi, chéng qún de yě shēng yà zhōu dà xiàng zài lǜ shù yǐng xià zì yóu zì zài de mǎn bù mì shí.

Bên trong Khu Bảo tồn Rừng nhiệt đới Xishuangbanna tỉnh Vân Nam, từng đàn voi châu Á hoang dã đang thong dong dạo bước kiếm ăn dưới bóng cây rợp mát.

25 nét

 HÁN VIỆT: **ĐẠI TƯỢNG**
HSK 5 (3.0)

Danh từ

#164

大熊猫

dà xióng māo

 gấu trúc lớn, gấu trúc khổng lồ
(quốc bảo)

国家大熊猫国家公园全面加强野生大熊猫栖息地保护与生态廊道建设，大熊猫野外种群稳步壮大。

Guó jiā dà xióng māo guó jiā gōng yuán quán miàn jiā qiáng yě shēng dà xióng māo qī xī dì bǎo hù yǔ shēng tài láng dào jiàn shè, dà xióng māo yě wài zhǒng qún wěn bù zhuàng dà.

Công viên Quốc gia Gấu trúc Lớn tăng cường toàn diện việc xây dựng hành lang sinh thái và bảo tồn môi trường sống của gấu trúc lớn hoang dã, quần thể gấu trúc đã ngoại ngày càng phát triển vững chắc.

35 nét

 HÁN VIỆT: **ĐẠI HÙNG MIÊU**
HSK 5 (3.0)

Tính từ

#165

大于

dà yú

lớn hơn

在面对复杂的挑战时，保持大于的心态尤为重要。

zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí dà yú de xīn tài yóu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái lớn hơn đặc biệt quan trọng.

25 nét

 HÁN VIỆT: **ĐẠI VU**
HSK 5 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#166

大致

dà zhì

đại khái, ước chừng, nhìn chung

经过多光谱卫星遥感解译与实地抽样核查，专家组对受灾林区的大致受损面积与植被恢复周期做出了科学预估。

Jīng guò duō guāng pǔ wéi yǎng jiě yì yǔ shí dì chōu yàng hé chá, zhuān jiā zǔ duì zāi shòu zāi lín qū de dà zhì shòu sǔn miàn jī yǔ zhí bèi huī fù zhōu qī zuò chū le kē xué yù gū.

Trải qua việc giải đoán viễn thám vệ tinh đa phổ và kiểm tra đối chiếu mẫu vật thực địa, hội đồng chuyên gia đã đưa ra dự báo khoa học về diện tích thiệt hại đại khái cùng chu kỳ phục hồi thảm thực vật của vùng rừng bị ảnh hưởng.

23 nét

 HÁN VIỆT: **ĐẠI TRÍ**
HSK 5 (3.0)

Động từ / Tính từ

#167

呆

dāi

ở lại, lưu lại; ngơ ngác, ngốc nghếch

假日里与其整天呆在家里对着手机发呆，不如走到大自然中呼吸新鲜空气。

Jià rì lǐ yǔ qí zhěng tiān dāi zài jiā lǐ duì zhuó shǒu jī fā dāi, bù rú zǒu dào dà zì rán zhōng hū xī xīn xiān kōng qì.

Những ngày nghỉ thay vì cứ ở lì trong nhà dán mắt vào điện thoại ngẩn ngơ, chi bằng hãy bước ra ngoài thiên nhiên để hít thở bầu không khí trong lành.

8 nét

 HÁN VIỆT: **NGỐC**
HSK 5 (3.0)

Danh từ

#168

代价

dài jià

cái giá, cái giá phải trả

我们绝不能走“先污染后治理”的传统老路，绝不能以牺牲生态环境为代价换取一时的经济数字增长。

Wǒ men jué bù néng zǒu "xiān wū rǎn hòu zhì lǐ" de chuán tǒng lǎo lù, jué bù néng yǐ xī shēng shēng tài huán jīng wéi dài jià huàn qǔ yí shí de jīng jì shù zī zēng zhǎng.

Chúng ta tuyệt đối không thể đi theo con đường mòn cũ 'Ô nhiễm trước xử lý sau', tuyệt đối không thể dùng sự hy sinh môi trường sinh thái làm cái giá để đổi lấy sự tăng trưởng con số kinh tế nhất thời.

22 nét

 HÁN VIỆT: **ĐẠI GIÁ**
HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#169

代理

dài lǐ

đại lý, đại diện ủy quyền; làm đại diện

国家知识产权服务平台汇聚了数千家具备正规涉外资质的专业专利代理机构，为企业海外维权提供有力法律支撑。

Guó jiā zhī shǐ quán fú wù píng tái huì jù le shù qiān jiā jù bèi guī fǎ shù wài zī zhì de zhuān yè zhuān lì dài lǐ jī gòu, wéi qǐ yè hǎi wài wéi quán tí gòng yǒu lì fǎ lǚ zhī chēng.

Nền tảng dịch vụ sở hữu trí tuệ quốc gia quy tụ hàng ngàn tổ chức đại lý sáng chế chuyên nghiệp sở hữu đầy đủ tư cách pháp nhân đối ngoại chính quy, mang lại sự hỗ trợ pháp lý vững chắc cho doanh nghiệp khi bảo vệ quyền lợi ở nước ngoài.

17 nét

 HÁN VIỆT: **ĐẠI LÝ**
HSK 5 (3.0)

Động từ

#170

带有

dài yǒu

mang theo, có chứa, kèm theo

这套完全自主研发的高性能工业软件带有强大的三维多物理场仿真推演与智能辅助设计功能。

Zhè tào wán quán zì zhǔ yán fā de gāo xìng néng gōng yè ruǎn jiàn dài yǒu qiáng dà de sān wéi duō wù lǐ chǎng fǎng zhēn tuī yǎn yǔ zhì néng fú zhù shè jì gōng néng.

Bộ phần mềm công nghiệp hiệu năng cao do nước nhà hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển này có chứa mang theo tính năng thiết kế hỗ trợ thông minh và mô phỏng suy diễn đa trường vật lý 3D vô cùng mạnh mẽ.

18 nét

 HÁN VIỆT: **ĐỐI HỮU**
HSK 5 (3.0)

Động từ

#171

待

dài

đối đãi, tiếp đón; chờ đợi (dài: ở lại)

大国工匠始终以严谨专注、精益求精的态度对待每一道航天核心构件精密加工工序。

Dà guó gōng jiàng shǐ zhōng yǐ yán jǐn zhuān zhù, jīng yì qú jīng de tài dù dài dài měi yī dào háng zhān hé xīn gòu jiàn jīng mì jiǎ gōng gōng xù.

Nghệ nhân bậc thầy nước lớn luôn đối đãi xử lý từng công đoạn gia công chính xác của cấu kiện cốt lõi hàng không vũ trụ bằng thái độ tinh ich cầu tinh, nghiêm cẩn và chuyên chú.

10 nét

 HÁN VIỆT: **ĐÃI**



HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ

#172

贷款

dài kuǎn

khoản vay, tiền vay; cho vay

国家出台了专项低息创业贷款扶持政策，为高校毕业生自主创业提供了强有力的资金后盾。

Guójiā chū tái le zhuān xiàng dì xī chuàng yè dài kuǎn fú chí zhèng cè, wèi gāo xiào bì yè shēng zì zhǔ chuàng yè tí gòng le qiáng yǒu lì de zī jīn hòu dùn.

Nhà nước đã ban hành chính sách hỗ trợ vay vốn khởi nghiệp lãi suất thấp chuyên biệt, mang lại điểm tựa tài chính vững chắc cho sinh viên tốt nghiệp tự lập nghiệp.

19 nét

HÁN VIỆT: THÀI KHOẢN

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#173

单一

dānyī

đơn nhất, đơn lẻ, đơn điệu một chiều

现代跨学科前沿科学研究打破了传统单一学科界限，大力推动数理、生命与信息科学深度融合交叉融合。

Xiàndài kuà xué kē qián yán kē xué yán jiū dǎ pò le chuān tǒng dān yī xué kē jiè xiàn, dà lì tuī dòng shù lǐ, shēng mìng yǔ xìn xī kē xué shēn dù jiāo chā róng hé.

Nghiên cứu khoa học tiên phong liên ngành hiện đại đã phá vỡ ranh giới ngành học đơn nhất đơn lẻ truyền thống, ra sức thúc đẩy sự giao thoa dung hợp sâu sắc giữa khoa học thông tin, khoa học sự sống và toán lý.

24 nét

HÁN VIỆT: THIỆN NHẤT

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#174

胆

dǎn

mật, túi mật; lòng can đảm dũng khí; ruột bình

青年科学家要有敢为人先的创新胆识与攻坚气魄，在基础前沿“无人区”勇于开拓创新之路。

Qīng nián kē xué jiā yào yǒu gǎn wéi rén xiān de chuàng xīn dǎn shí yǔ gōng jiān qì pò, zài jī chǔ qián yán “wú rén qū” yǒng yú kāi tuò chuàng xīn zhī lù.

Nhà khoa học trẻ tuổi cần có dũng khí lòng can đảm đổi mới sáng tạo dám đi đầu trước thiên hạ cùng khí phách vượt khó, dũng cảm khai phá con đường đổi mới sáng tạo trong 'vùng không người' cơ bản tiên phong.

11 nét

HÁN VIỆT: ĐẢM

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#175

胆小

dǎnxiǎo

nhát gan, nhút nhát, sợ sệt

科学探索从来不是胆小者的游戏，只有不畏艰难险阻、勇于冒险求索的人才能登上世界科学的高峰。

Kē xué tàn suǒ cóng lái bú shì dǎn xiǎo zhě de yóu xì, zhǐ yǒu bù wèi jiān nán xiǎn zǔ, yǒng yú mào xiǎn qiú suǒ de rén cái néng dēng shàng shì jiè kē xué de gāo fēng.

Thăm hiểm khoa học xưa nay chưa bao giờ là trò chơi của những kẻ nhút nhát nhát gan, chỉ có những người dũng cảm mạo hiểm tìm tòi, không sợ gian nan hiểm trở mới có thể trèo lên đỉnh cao của khoa học thế giới.

24 nét

HÁN VIỆT: ĐẢM TIỂU

HSK 5 (3.0)

Động từ

#176

弹

tán

đánh đàn, gảy đàn, bật, búng

她坐在三角钢琴前轻抚琴键，优雅地弹奏出一曲清澈如泉水的优美旋律。

Tā zuò zài sān jiǎo gāng qín qián qīng fǔ qín jiàn, yōu yǎ de tán zǒu chū yī qǔ qīng chè rú quán shuǐ de yōu měi xuǎn lǜ.

Cô ngồi trước cây đàn đại dương cầm nhẹ lướt trên phím đàn, tấu lên một giai điệu du dương trong trẻo tựa dòng suối mát lành.

11 nét

HÁN VIỆT: ĐẠN

HSK 5 (3.0)

Động từ

#177

蛋糕

dàn gāo

bánh ngọt

生日宴会上，大家一起围在点燃蜡烛的香甜水果奶油蛋糕旁唱生日歌。

Shēng rì yàn huì shàng, dà jiā yì qǐ wéi zài diǎn rán là zhú de xiāng tián shuǐ guǒ nǎi yóu dàng gāo páng chàng shēng rì gē.

Trong bữa tiệc sinh nhật, mọi người cùng quây quần bên chiếc bánh kem hoa quả thập cẩm thơm lừng cất tiếng hát chúc mừng sinh nhật.

22 nét

HÁN VIỆT: ĐÀN CAO

HSK 5 (3.0)

Phó từ / Danh từ

#178

当场

dāng chǎng

tại chỗ, ngay tại trận, lập tức tại hiện trường

森林公安民警在国家级自然保护区内当场人赃俱获了非法盗伐名贵林木的犯罪嫌疑人。

Sēn lín gōng ān mǐn jīng zài guó jiā jí zì rán bǎo hù qū nèi dāng chǎng rén zàng jù huò le fēi fǎ dào fá míng guì lín mù de fàn zuì xián yí rén.

Các chiến sĩ công an kiểm lâm đã bắt quả tang ngay tại chỗ người và tang vật của nghi phạm phạm tội có hành vi đốn trộm cây gỗ quý hiếm trái phép trong khu bảo tồn thiên nhiên cấp quốc gia.

17 nét

HÁN VIỆT: ĐƯƠNG TRƯỜNG

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#179

当代

dāng dài

đương đại, thời nay

当代青年生逢盛世，应当将个人的理想追求自觉融入国家与民族的伟大复兴之中。

Dāng dài qīng nián shēng féng shèng shì, yīng dāng jiāng gè rén de lǐ xiǎng zhuī qiú zì jué róng rù guó jiā yǔ mín zú de wéi dà fù xīng zhī zhōng.

Thanh niên thời nay sinh ra trong thời kỳ phát triển thịnh vượng, cần tự giác hòa quyện ước mơ hoài bão của cá nhân vào sự nghiệp phục hưng vĩ đại của đất nước và dân tộc.

17 nét

HÁN VIỆT: ĐƯƠNG ĐẠI

HSK 5 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#180

当年

dāng nián

năm xưa, năm ấy, thời đó

老一辈功勋科学家当年在极其艰苦简陋的戈壁滩上白手起家，铸就了震撼世界的“两弹一星”精神丰碑。

Lǎo yī bèi gōng gōng xūn kē xué jiā dāng nián zài jí qì jiǎn kǔ jiǎn lòu de gē bì tān shàng bái shǒu qǐ jiā, zhù jiù le zhèn hàn shì jiè de “liǎng dàn yī xīng” jīng shén fēng bēi.

Các nhà khoa học có công lao tiến bối năm xưa năm ấy trên bãi sa mạc Gobi vô cùng đơn sơ và gian khổ đã dựng cơ đồ từ hai bàn tay trắng, đức nên tượng đài tinh thần 'Hai bom một vệ tinh' làm chấn động toàn thế giới.

19 nét

HÁN VIỆT: ĐƯƠNG NIÊN



HSK 5 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#181

当前

dāng qián

hiện nay, hiện tại, trước mắt

准确把握当前世界百年未有之大变局的演进态势，增强忧患意识，坚定不移办好中国自己的事情。

Zhǔn què bǎ wò dāng qián shì jiè bǎi nián wèi yǒu zhī dà biàn jú de yǎn jìn tài shì, zēng qiáng yōu huān yì shí, jiǎn dīng bù yí bǎn hào zhōng guó zì jǐ de shì qing.

Nắm bắt chuẩn xác xu thế phát triển của cục diện biến đổi lớn chưa từng có trong một thế kỷ trên thế giới hiện nay, tăng cường ý thức phòng ngừa nguy cơ, kiên định không ngừng làm tốt những công việc của chính đất nước mình.

23 nét

HÁN VIỆT: ĐƯƠNG TIỀN

HSK 5 (3.0)

Động từ

#182

当选

dāng xuǎn

trúng cử, đắc cử

经过严格的多轮学术同行匿名评审与大会投票，我国著名材料科学家高票当选为中国科学院院士。

Jīng guò yán gé de duō lún xué shù tóng háng mí míng píng shěn yú dà huì tóu piào, wǒ guó zhù míng cái liào kē xué jiā gāo piào dāng xuǎn wéi zhōng guó kē xué yuàn yuán shì.

Trải qua các vòng thẩm định ẩn danh nghiêm ngặt của giới đồng nghiệp học thuật cùng cuộc bỏ phiếu toàn thể hội nghị, nhà khoa học vật liệu nổi tiếng nước ta đã trúng cử Viện sĩ Viện Hàn lâm Khoa học Trung Quốc với số phiếu rất cao.

21 nét

HÁN VIỆT: ĐƯƠNG TUYỂN

HSK 5 (3.0)

Động từ

#183

挡

dǎng

chắn, che, cản, ngăn lại

茂密的防风固沙林如同一道绿色的巍峨长城，死死挡住了风沙对沃土的侵蚀。

Mào mì de fáng fēng gù shā lín rú tóng yī dào lǜ sè de wēi é cháng chéng, sǐ sǐ dǎng zhù le fēng shā duì wǒ tǔ de qīn shí.

Những cánh rừng phòng hộ chắn gió giữ cát rậm rạp tựa như bức tường thành xanh sừng sững, chắn đứng sự xâm lấn của gió cát đối với những vùng đất màu mỡ.

10 nét

HÁN VIỆT: ĐẰNG

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#184

到来

dàolái

đến, sự xuất hiện tới nơi, cập bến

随着以大模型为代表的通用人工智能时代的到来，科技创新正在全方位赋能千行百业高质量发展。

Suí zhe yǐ dà mó xíng wèi dài biǎo de tōng yòng rén gōng zhì néng shí dài de dào lái, kē jì chuàng xīn zhèng zài quán fāng wèi néng fù néng qiān xíng bǎi yè gāo zhì liàng fā zhǎn.

Cùng với sự đến sự xuất hiện tới nơi của thời đại trí tuệ nhân tạo đa năng đại diện bởi các mô hình lớn, đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ đang tiếp sức toàn diện cho sự phát triển chất lượng cao của muôn ngành vạn nghề.

23 nét

HÁN VIỆT: ĐÁO LAI

HSK 5 (3.0)

Phó từ

#185

倒是

dàoshì

trái lại, ngược lại; thực ra thì

这项前沿理论方案虽然推导过程极其繁复，但实际测试验证所得出的物理曲线倒是十分规整清晰。

Zhè xiàng qián yán lǐ lùn fāng àn suī rán tuī dǎo guò chéng jí qí fán fù, dàn shí jì cè shì yán zhèng suǒ de chū de wú lǐ qū xiàn dào shì shí fēn guī zhěng qīng xī.

Phương án lý luận tiên phong này dẫn cho quá trình suy diễn vô cùng phức tạp rườm rà, nhưng đường cong vật lý thu được qua kiểm chứng thử nghiệm thực tế thực ra thì ngược lại vô cùng rõ nét và quy chuẩn.

18 nét

HÁN VIỆT: ĐÀO THỊ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#186

道德

dào dé

đạo đức, phẩm hạnh

遵纪守法与恪守职业道德，是每一个公民在现代法治社会中应当遵循的基本准则。

Zūn jǐ shǒu fǎ yǔ kè shǒu zhí yè dào dé, shì měi yí gè gōng mín zài xiàn dài fǎ zhì shè huì zhōng yīng dāng zūn xún de jī běn zhǔn zé.

Thượng tôn pháp luật và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp là chuẩn mực cơ bản mà mỗi công dân đều cần tuân theo trong một xã hội pháp quyền hiện đại.

20 nét

HÁN VIỆT: ĐẠO ĐỨC

HSK 5 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#187

地带

dìdài

dải đất, vùng đất, khu vực địa đai

国家在三北防护林沿线生态脆弱地带深入实施精准治沙工程，构筑起了坚不可摧的绿色生态屏障。

Guó jiā zài sān běi fáng hú yán xiàn shēng tài ruò yuǎn xīn shēng tài cuī shēng tài píng zhàng.

Nhà nước đi sâu thực thi công trình trị cát chuẩn xác tại khu vực dải đất vùng đất sinh thái mong manh dọc tuyến rừng phòng hộ Tam Bắc, kiến tạo nên bức bình phong sinh thái xanh vững như bàn thạch.

21 nét

HÁN VIỆT: ĐỊA ĐỚI

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#188

地形

dìxíng

địa hình, địa thế

高分辨率遥感测绘卫星成功获取了全球复杂崎岖地形的三维高精度数字高程模型数据。

Gāo fēn biān lǜ yáo gǎn cè huì wèi xíng chéng gōng huò qǔ le quán qiú fù zá qū dì xíng de sān wéi gāo jīng dù shù zì gāo chéng mó xíng shù jù.

Vệ tinh viễn thám đo đạc bản đồ độ phân giải cao đã thu thập thành công số liệu mô hình độ cao số hóa độ chính xác cao 3D của các địa hình địa thế hiểm trở phức tạp trên toàn cầu.

22 nét

HÁN VIỆT: ĐỊA HÌNH

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ

#189

地震

dì zhèn

động đất, địa chấn

国家防灾减灾中心自主研发的智能地震预警系统，能够在破坏性横波到达前发出数秒关键警报。

Guó jiā fáng zāi jiǎn zāi zhōng xīn zì zhī yán fā de zhì néng dì zhèn yǐ jǐng xì tǒng, néng gòu zài pò huài xìng héng bō dào qián fā chū shù miǎo guān jiàn jǐng bào.

Hệ thống cảnh báo động đất thông minh do Trung tâm Giảm nhẹ Thiên tai Quốc gia tự chủ phát triển có thể phát đi cảnh báo then chốt trước vài giây trước khi sóng địa chấn ngang mang tính tàn phá ập tới.

22 nét

HÁN VIỆT: ĐỊA CHẤN



HSK 5 (3.0)

Thành ngữ / Động từ #190

得了

dé liǎo

nguy rồi, ghê gớm; mắc bệnh (dễ le); xong rồi

如果核心工业母机数控系统长期受制于人, 那国家高端制造业的供应链安全隐患可就不得了。

Rú guǒ hé xīn gōng yè mǔ jī shù kòng xì tǒng cháng qī shòu zhì yú rén, nà guó jiā gāo duān zhì zào yè de gōng yīng lián ān quán yīn huàn kě jiù bù dé le le.

Nếu như hệ thống điều khiển số máy công cụ công nghiệp cốt lõi bị phụ thuộc lâu dài vào người khác, thì mối nguy hiểm tiềm ẩn an ninh chuỗi cung ứng ngành chế tạo cao cấp quốc gia sẽ nguy rồi ghê gớm khôn lường.

27 nét

HÁN VIỆT: ĐẮC LIỄU

HSK 5 (3.0)

Động từ năng nguyện #191

得以

dé yǐ

nhờ đó mà có thể, được phép, được

得益于国家重大科研仪器专项资金的大力支持, 青年团队自主研发的超快激光光谱系统得以顺利建成。

Dé yì yú guó jiā zhòng dà kē yán yí qì zhuān xiàng zī jīn de dà lì zhī chí, qīng nián tuán duì zì zhǔ yán fā de chāo kuài jī guāng guāng pǔ xì tǒng dé yǐ shùn lì jiàn chéng.

Nhờ vào sự hỗ trợ đặc lực của nguồn vốn chuyên án thiết bị nghiên cứu khoa học trọng đại quốc gia, hệ thống quang phổ laser siêu nhanh do nhóm thanh niên tự chủ nghiên cứu phát triển nhờ đó mà có thể được xây dựng thuận lợi.

24 nét

HÁN VIỆT: ĐẮC DĨ

HSK 5 (3.0)

Động từ #192

等候

děng hòu

chờ đợi, chờ đón (trạng trọng)

列车即将进站, 请各位旅客自觉站在安全黄线以内耐心等待, 注意脚下安全。

Liè chē jí jiāng jìn zhàn, qǐng gè wèi lǚ kè zì jué zhàn zài ān quán huáng xiàn yǐ nèi nài xīn děng hòu, zhùyì jiǎo xià ān quán.

Đoàn tàu sắp tiến vào ga, xin quý hành khách tự giác đứng bên vạch kẻ vàng an toàn kiên nhẫn chờ đợi và chú ý an toàn dưới chân.

23 nét

HÁN VIỆT: ĐẲNG HẬU

HSK 5 (3.0)

Danh từ #193

等级

děng jí

cấp bậc, thứ bậc, phân cấp tiêu chuẩn

国家最高等级超净生物安全实验室实行了最严密的负压气密隔离与全流程三级废弃物灭菌标准。

Guó jiā zuì gāo děng jí chāo jìng shēng wù ān quán shí yàn shì shí xíng le zuì yán mì de fù yā qì mì gé lí yǔ quán lú chéng sǎn jí fèi qì wú miè jūn biāo zhǔn.

Phòng thí nghiệm an toàn sinh học siêu sạch ở cấp bậc cao nhất của quốc gia thực thi quy chuẩn khử trùng chất thải 3 cấp toàn quy trình và tiêu chuẩn cách ly kín khí áp suất âm nghiêm ngặt nhất.

27 nét

HÁN VIỆT: ĐẲNG CẤP

HSK 5 (3.0)

Động từ #194

低于

dī yú

thấp hơn, dưới mức quy định

该精密光学超表面纳米器件的制造表面粗糙度误差被严格控制在低于零点一纳米的极致水准。

Gāi jīng mì guāng xué chāo biǎo miàn nǎn mǐ qì jiàn de zhì zào biǎo miàn cū cǎo dù wú chǎ bèi yán gé kòng zhì zài dī yú líng diǎn yí nǎn mǐ de jí zhì shuǐ zhǔn.

Sai số độ nhám bề mặt chế tạo của linh kiện nano siêu bề mặt quang học chính xác này được kiểm soát nghiêm ngặt ở mức chuẩn đỉnh cao thấp hơn dưới 0,1 nanomet.

24 nét

HÁN VIỆT: ĐỀ VU

HSK 5 (3.0)

Động từ #195

递

dī

đưa, trao, chuyển tay

在签约仪式上, 双方代表微笑着互相递交了具有深远战略意义的合作协议文本。

Zài qiān yuē yì shì shàng, shuāng fāng dài biǎo wēi xiào zhe hù xiāng dì jiāo le jù yǒu shēn yuǎn zhàn lüè yì yì de hé zuò xié yì wén běn.

Tại buổi lễ ký kết, đại diện hai bên đã tươi cười trao cho nhau văn bản thỏa thuận hợp tác mang ý nghĩa chiến lược sâu rộng.

14 nét

HÁN VIỆT: ĐỀ

HSK 5 (3.0)

Động từ #196

递给

dī gěi

chuyển cho, đưa cho tận tay

总工程师把刚刚出炉的高精度芯片测试合格报告递给项目组全体成员, 大家激动得热烈欢呼。

Zǒng gōng chéng shī bǎ gāng gāng chū lú de gāo jīng dù xīn piàn cè shì hé gé bào gào dì gěi xiàng mù zǔ quán tǐ chéng yuán, dà jiā jī dòng dé rè liè huān hū.

Vị tổng công trình sư đưa cho tận tay chuyển cho toàn thể thành viên tổ dự án bản báo cáo kiểm tra đạt chuẩn chất lượng chip độ chính xác cao vừa mới xuất xưởng, mọi người xúc động reo hò nhiệt liệt.

22 nét

HÁN VIỆT: ĐỀ CẤP

HSK 5 (3.0)

Danh từ #197

典礼

diǎn lǐ

buổi lễ, nghi lễ long trọng (khai mạc, tốt nghiệp)

在庄严肃重的大学毕业典礼上, 校长深情寄语全体毕业生牢记报国初心、勇做时代弄潮儿。

Zài zhuāng yán lóng zhòng de dà xué bì yè diǎn lǐ shàng, xiào zhǎng shēn qīng jì yǔ quán tǐ bì yè shēng láo jì bào guó chū xīn, yǒng zuò shí dài nóng cháo ér.

Tại buổi lễ tốt nghiệp đại học trang nghiêm trọng thể, thầy hiệu trưởng đã gửi lời nhắn nhủ đầy ân tình tới toàn thể các tân cử nhân hãy khắc ghi lý tưởng phụng sự Tổ quốc, đứng cảm làm người đón đầu ngọn sóng thời đại.

24 nét

HÁN VIỆT: ĐIỂN LỄ

HSK 5 (3.0)

Động từ #198

点燃

diǎn rán

thắp lên, châm lửa, khơi dậy

老一辈战略科学家的光辉事迹与崇高报国情怀, 深深点燃了新时代青年投身科技强国建设的伟大梦想。

Lǎo yì bèi zhàn lüè kē xué jiā de guāng huī shì jì yǔ chōng gāo bào guó qīng huái, shēn shēn diǎn rán le xīn shí dài qīng nián tóu shēn kē jì jiàn guó guó jiàn shè de wēi dà mèng xiǎng.

Tấm lòng phụng sự Tổ quốc cao đẹp cùng những chiến tích vẻ vang của các nhà khoa học chiến lược tiên bối đã thắp lên khơi dậy sâu sắc ước mơ vĩ đại cống hiến xây dựng cường quốc khoa học công nghệ của thanh niên thời đại mới.

22 nét

HÁN VIỆT: ĐIỂM NHIÊN


HSK 5 (3.0)

Danh từ

#199

电池

diàn chí

pin, ắc quy

新型全固态金属电池在能量密度与极端低温抗衰减性能上实现了划时代的重大突破。

Xīn xíng quán gù tài lì jīn shǔ diàn chí zài néng liàng mì dù yǔ jí duǎn dī wēn kàng shuāi jiǎn xīng néng shàng shí xiàn le huà shí dài de zhòng dà tǔ pò.

Pin kim loại liti thể rắn hoàn toàn mới đã đạt được bước đột phá mang tính thời đại về mật độ năng lượng và khả năng chống suy giảm hiệu năng trong điều kiện nhiệt độ cực thấp.

22 nét

HÁN VIỆT · ĐIỆN TRÍ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#200

电饭锅

diànfànguō

nồi cơm điện

现代化智能电饭锅采用高精度电磁立体加热与微电脑温度精准控制技术，煮出的米饭香甜软糯。

Xiàndài huà zhì néng diàn fàn guō cǎi yòng gāo jīng dù diàn cí lì tǐ jiǎ rè yǔ wēi diàn nǎo wēn dù jīng zhǔn kòng zhì jī shù, zhǔ chū de mǐ fàn xiāng tián ruǎn nuò.

Nồi cơm điện thông minh hiện đại hóa áp dụng kỹ thuật vi máy tính kiểm soát nhiệt độ chuẩn xác và gia nhiệt lập thể cảm ứng điện từ độ chính xác cao, nấu ra cơm thơm ngọt dẻo mềm.

33 nét

HÁN VIỆT · ĐIỆN PHẠM OÁ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#201

电子版

diànzǐbǎn

bản điện tử, định dạng điện tử số (e-book, PDF)

国家图书馆向全社会免费开放了百万册珍贵古籍与中外权威科技期刊文献的高清数字化电子版全文检索。

Guó jiā tú shū guǎn xiàng quán shè huì miǎn fèi kāi fàng le bǎi wàn cè zhēn guī gǔ jí zhōng wài quán wēi kē jì qī kān wén xiǎn de gāo qīng shù zì huà diǎn zì bǎn quán wén jiǎn sù.

Thư viện Quốc gia đã mở cửa miễn phí cho toàn xã hội việc tra cứu toàn văn bản điện tử định dạng số độ nét cao của hàng triệu cuốn sách cổ quý hiếm và văn hiến tạp chí khoa học công nghệ có thẩm quyền trong và ngoài nước.

33 nét

HÁN VIỆT · ĐIỆN TỬ BẢN

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#202

调动

diào dòng

điều động, luân chuyển; khơi dậy, huy động

国家通过深化科研经费管理与成果转化收益分配改革，充分调动了广大科研人员开展原始创新的积极性。

Guó jiā tōng guò shēn huà kē yán jīng fèi guǎn lǐ yǔ chéng guǒ zhuǎn huà shòu yì fēn pèi gǎi gé, chōng fèn tiáo dòng le guǎng dà kē yán rén yuán kāi zhān yuán shǐ chuàng xīn de jī jí xìng.

Nhà nước thông qua việc đi sâu cải cách quản lý kinh phí nghiên cứu khoa học và phân phối lợi nhuận chuyển hóa thành quả đã khơi dậy đầy đủ tính tích cực triển khai đổi mới sáng tạo nguyên tác của đồng đảo cán bộ nghiên cứu.

25 nét

HÁN VIỆT · ĐIỀU ĐỘNG

HSK 5 (3.0)

Động từ

#203

调节

tiáo jié

điều chỉnh

老师鼓励大家积极调节，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí tiáo jié, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực điều chỉnh, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

25 nét

HÁN VIỆT · ĐIỀU TIẾT

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#204

调解

tiáo jiě

hòa giải, điều đình hòa giải tranh chấp

社区新时代文明实践站推行“枫桥经验”，耐心细致开展邻里矛盾纠纷多元调解，促进了社区和谐稳定。

Shè qū xīn shí dài wén míng shí jiàn zhàn tuī xíng "fēng qiáo jīng yàn", nài xīn xì zhì kāi zhān lín lí máo dùn jiū fēn duǒ yuán tiáo jiě, cù jìn le shè qū hé xié wěn dìng.

Trạm Thực tiễn Văn minh Thời đại Mới khu dân cư thực thi 'Kinh nghiệm Phong Kiều', kiên nhẫn tỉ mỉ triển khai hòa giải đấu tranh đa nguyên các mâu thuẫn tranh chấp chòm xóm láng giềng, thúc đẩy khu dân cư hài hòa ổn định.

24 nét

HÁN VIỆT · ĐIỀU GIẢI

HSK 5 (3.0)

Động từ

#205

丢

diū

mất, đánh mất; vứt bỏ, ném bỏ

做科学研究必须始终秉持求真务实、一丝不苟的科学精神，无论取得多大成就都不能丢掉艰苦奋斗的优良作风。

Zuò kē xué yán jiū bì xū shǐ zhōng bǎo chí qíú zhēn wú shí, yí sī bù gǒu de kē xué jīng shén, wú lùn qǔ dé duō dà chéng jiù dōu bù néng diū diào jiān kǔ fèn dòu de yōu liáng zuò fēng.

Làm nghiên cứu khoa học bắt buộc phải luôn giữ vững tinh thần khoa học tỉ mỉ chu đáo, cầu thị thực chất, bất kể có đạt được thành tựu to lớn đường nào cũng tuyệt đối không được đánh mất vứt bỏ tác phong tốt đẹp gian khổ phấn đấu.

11 nét

HÁN VIỆT · ĐẦU

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#206

动机

dòng jī

động cơ, mục đích thúc đẩy, nguyên cơ

青年科学家的学术探索应当源于对客观真理的纯粹求知动机，而非仅仅追逐个人的世俗名利。

Qīng nián kē xué jiā de xué shù tàn suǒ yīng yuán yú duì kè guān zhēn lǐ de chún zhī qiú zhī dòng jī, ér fēi jīn jīn zhuī zhú gè rén de shì sù míng lì.

Sự thám hiểm học thuật của các nhà khoa học trẻ tuổi cần bắt nguồn từ động cơ tìm kiếm tri thức thuần khiết đối với chân lý khách quan, chứ không chỉ đơn thuần là mãi miết đuổi theo danh lợi trần tục cá nhân.

23 nét

HÁN VIỆT · ĐỘNG CƠ

HSK 5 (3.0)

Động từ

#207

动手

dòng shǒu

bắt tay vào làm, tự làm; ra tay đánh nhau

工科拔尖创新人才培养必须强化知行合一，引导学生在实验室里亲自动手设计电路并调试实物系统。

Gōng kē bá jiān chuàng xīn rén cái péi yǎng bì xū qiáng huà zhī xíng hé yí, yīn dǎo xué shēng zài shí yàn shì lǐ qīn zì dòng shǒu shè jì diàn lù bìng tiáo shì wù shí wù xì tǒng.

Công tác đào tạo nhân tài đổi mới sáng tạo xuất sắc khối ngành kỹ thuật bắt buộc phải tăng cường sự thống nhất giữa tri thức và hành động, hướng dẫn sinh viên tự mình bắt tay vào phòng thí nghiệm thiết kế mạch điện và hiệu chỉnh hệ thống sản phẩm thực tế.

27 nét

HÁN VIỆT · ĐỘNG THỦ



HSK 5 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#208

动态

dòng tài

động thái, diễn biến; động (dữ liệu động)

国家防总利用数字孪生流域平台与卫星雷达组网，对大江大河汛情演变进行毫米级实时动态推演。

Guójiā fáng zǒng lì yòng shù zì luàn shēng liú yú píng tái yú wèi xīng léi dá zǔ wǎng, duì dà jiāng dà hé xùn qíng yǎn biàn jìn xíng háo mǐ jí shí shí dòng tài tuī yǎn.

Ban Chỉ đạo Phòng chống Thiên tai Quốc gia sử dụng nền tảng lưu vực bản sao số (Digital Twin) và mạng lưới vệ tinh radar để suy diễn mô phỏng động thái diễn biến lũ lụt các sông lớn theo thời gian thực ở cấp độ milimet.

22 nét

HÁN VIỆT: ĐỘNG THÁI

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#209

动员

dòng yuan

động viên, huy động tổng lực

在特大自然灾害来临时，各级党组织迅速动员广大党员干部下沉一线，全力组织群众抗灾自救。

Zài tè dà zì rán zāi hài lái lín shí, gè jí dǎng zǔ zhī xùn sù dòng yuán guāng dà dǎng yuán gān bù xià chén yī xiàn, quán lì zǔ zhī qún zhòng kàng zāi zì jiù.

Khi thiên tai thảm họa thiên nhiên đặc biệt lớn ập đến, các tổ chức Đảng các cấp đã nhanh chóng huy động động viên đồng đảng cán bộ đảng viên bám sát tuyến đầu, dốc toàn lực tổ chức cho quần chúng nhân dân phòng chống thiên tai và tự cứu mình.

26 nét

HÁN VIỆT: ĐỘNG VIÊN

HSK 5 (3.0)

Động từ / Tính từ

#210

冻

dòng

đóng băng, lạnh cóng, đông lạnh

严冬时节北方大地的江河冰封三尺，厚厚的坚固冰层上成为了滑冰爱好者的冬日乐园。

Yán dōng shí jié běi fāng dà dì de jiāng hé bīng fēng sān cǎi, hòu hòu de jiān gù bīng céng shàng chéng wéi le huá bīng ài hào zhě de dōng rì lè yuán.

Vào những ngày mùa đông khắc nghiệt, sông ngòi vùng phương Bắc đóng băng dày tới ba thước, mặt băng kiên cố dày cộm trở thành thiên đường mùa đông cho những người yêu thích môn trượt băng.

8 nét

HÁN VIỆT: ĐÔNG

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#211

洞

dòng

hang động, lỗ, hốc

地质科考队员打着强光手电，深入这座形成于数百万年前的神秘喀斯特溶洞进行勘探。

Dì zhì kē kǎo duì yuán dǎ zhe qiáng guāng shǒu diǎn, shēn rù zhè zuò xíng chéng yú shù bǎi wàn nián qián de shén mì kā sī tè róng dòng jìn xíng kǎn tàn.

Các thành viên đội khảo sát địa chất cầm đèn pin công suất lớn đi sâu vào bên trong hang động karst huyền bí được hình thành từ hàng triệu năm trước để tiến hành thăm dò.

12 nét

HÁN VIỆT: ĐỘNG

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#212

豆制品

dòuzhìpǐn

các sản phẩm từ đậu nành, đồ đậu

传统大豆精深加工现代工业化生产线，能够高效制备高纯度大豆分离蛋白与各类营养丰富的绿色天然豆制品。

Chuán tǒng dà dòu jīng shēn jiā gōng xiàn dài gōng yè huà shēng chǎn xiàn, néng gòu gāo xiào zhì bèi gāo chún dù dà dòu fēn lí dàn bái yǔ gè lèi yǎng fù de lǜ sè tiān rán dòu zhì pǐn.

Dây chuyền sản xuất công nghiệp hóa hiện đại chế biến sâu đậu nành truyền thống có thể điều chế hiệu quả protein phân lập đậu nành độ tinh khiết cao và các loại đồ đậu sản phẩm từ đậu nành tự nhiên xanh giàu dinh dưỡng.

32 nét

HÁN VIỆT: ĐẬU CHẾ PHẨM

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Tính từ / Động từ

#213

毒

dú

chất độc, độc hại, độc tố; đầu độc

我国新型重型运载火箭发动机全面采用液氢液氧与液氧煤油等无毒无污染绿色环保推进剂。

Wǒ guó xīn xíng zhòng xíng yùn zài huǒ jiàn fā dòng jī quán miàn cǎi yòng yè qīng yè yǎng yú yè yǎng méi yóu děng wú dú wú wū rǎn lǜ sè huán bǎo tuī jìn jì.

Động cơ tên lửa đẩy hạng nặng kiểu mới của nước ta áp dụng toàn diện chất đẩy thân thiện môi trường xanh không ô nhiễm không độc hại như oxy lỏng hydro lỏng và dầu hỏa oxy lỏng.

9 nét

HÁN VIỆT: ĐỘC

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Lượng từ / Động từ

#214

堆

duī

đống, đống chất đầy; đống (lượng từ); chất đống

在核物理实验基地里，我国自主研发的第四代先进高温气冷核反应堆成功并网发电、运行平稳。

Zài hé wù lǐ shí yàn jī dì lǐ, wǒ guó zì zhù yán zhì de dì sì dài xiān jìn gāo wēn qì lěng hé fǎn yīng duī chéng gōng bìng wǎng fā diàn, yùn xíng píng wěn.

Bên trong căn cứ thực nghiệm vật lý hạt nhân, lò phản ứng hạt nhân khí làm mát nhiệt độ cao tiên tiến thế hệ thứ tư do nước ta tự chủ nghiên cứu chế tạo đã hòa lưới phát điện thành công và vận hành êm ái.

9 nét

HÁN VIỆT: ĐỐI

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Động từ

#215

对立

duì lì

đối lập, tương phản, trái ngược

生态环境保护与经济社会高质量发展绝不是相互割裂或彼此对立的，保护生态环境就是保护生产力。

Shēng tài huán jīng bǎo hù yǔ jīng jì shè huì gāo zhì liàng fā zhǎn jué bú shì xiāng gē liè huò bǐ cǐ duì lì de, bǎo hù shēng tài huán jīng jiù shì bǎo hù shēng chǎn lì.

Bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển kinh tế xã hội chất lượng cao tuyệt đối không phải là sự chia cắt hay đối lập lẫn nhau, bảo vệ môi trường sinh thái chính là bảo vệ sức sản xuất.

25 nét

HÁN VIỆT: ĐỐI LẬP

HSK 5 (3.0)

Động từ / Tính từ

#216

对应

duì yìng

tương ứng, ứng với, đối ứng

在结构生物学研究中，科学家成功解析了人类细胞表面特异性受体蛋白与靶向药物分子之间的空间构象精确对应关系。

Zài jié gòu shēng wù xué yán jiū zhōng, kē xué jiā chéng gōng jiě xī le rén lèi xì bāo biǎo miàn tè yì xìng shòu tǐ dàn bái yǔ bǎo biāo yào wù fēn zǐ zhī jiān de kōng jiān gòu xiàng jīng què duì yìng guān xi.

Trong nghiên cứu sinh học cấu trúc, các nhà khoa học đã giải mã thành công mối quan hệ đối ứng chính xác về cấu hình không gian giữa protein thụ thể đặc hiệu trên bề mặt tế bào người và các phân tử thuốc nhắm trúng đích.

26 nét

HÁN VIỆT: ĐỐI ỨNG


HSK 5 (3.0)

Lượng từ

#217

吨

dūn
tấn (đơn vị trọng lượng)

这艘我国自主研发建造的超大型万吨级远洋集装箱货轮，顺利完成了跨大洋首航任务。

Zhè sōu wǒ guó zì zhǔ yán jiàn zào de chāo dà xíng wàn dūn jí yuán yáng jí zhuāng xiāng huò lún, shùn lì wán chéng le kuà dà yáng shǒu háng rèn wù.

Con tàu chở container viễn dương siêu trọng tải hàng vạn tấn do nước ta tự chủ nghiên cứu đóng mới đã hoàn thành suôn sẻ hải trình xuyên đại dương đầu tiên.

13 nét

HÁN VIỆT : ĐỐN

HSK 5 (3.0)

Động từ

#218

躲

duǒ
tránh né, ẩn nấp trốn tránh, lẩn trốn

面对科技攻关过程中的艰难险阻与风险挑战，青年科技骨干要勇于迎难而上，决不退缩躲避。

Miàn duì kē jì gōng guān guò chéng zhōng de jiān nán xiǎn zǔ yǔ fēng xiǎn tiǎo zhàn, qīng nián kē jì gǔ gàn yào yǒng yú yíng nán ér shàng, jué bù tuì suǒ duǒ bì.

Đứng trước những chông gai hiểm trở và rủi ro thử thách trong quá trình vượt khó khoa học công nghệ, cán bộ nòng cốt khoa học thanh niên cần dũng cảm đón đầu khó khăn, tuyệt đối không lùi bước lẩn trốn tránh né.

12 nét

HÁN VIỆT : ĐOÁ

HSK 5 (3.0)

Lượng từ / Danh từ

#219

朵

duǒ
bông, đóa (hoa/mây – lượng từ); đóa hoa

在清晨湛蓝澄澈的天空中飘浮着几朵洁白轻柔的白云，如同一幅宁静致远的优美油画。

Zài qīng chén zhàn lán chéng chè de tiān kōng zhōng piāo fú zhe jǐ duǒ jié bái qīng róu de bái yún, rú tóng yí fú níng jìng zhì yuǎn de yōu měi yóu huà.

Trên bầu trời trong xanh tĩnh lặng sớm mai lững lờ trôi vài đóa đóa mây bông mây trắng nhẹ nhàng thanh khiết, tựa như một bức tranh sơn dầu tuyệt mỹ thanh tịnh khoáng đạt.

11 nét

HÁN VIỆT : ĐOÁ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#220

儿女

ěrnǚ
con cái; người con đất nước (nhi nữ)

海内外全体中华儿女心往一处想、劲往一处使，汇聚起实现中华民族伟大复兴的磅礴伟力。

Hǎi nèi wài quán tǐ zhōng huá ér nǚ xīn wǎng yí chù xiǎng, jìn wǎng yí chù shǐ, huì jù qí shí xiàn zhōng huá mín zú wěi dà fù xīng de páng bó wēi lì.

Toàn thể những người con đất nước con cái người con Trung Hoa trong và ngoài nước cùng hướng chung một lòng, chung sức đồng lòng, quy tụ nên sức mạnh vĩ đại đời non lập biển để thực hiện sự phục hưng vĩ đại của dân tộc Trung Hoa.

20 nét

HÁN VIỆT : NHÂN NỮ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#221

耳朵

ěr duo
đôi tai

草丛里的小白兔两只长长的耳朵警惕地竖起来，听着周围的动静。

Cǎo cóng lǐ de xiǎo bái tù liǎng zhī cháng cháng de ěr duo jǐng tì de shù qǐ lái, tīng zhe zhōu wéi de dòng jing.

Chú thỏ trắng nhỏ trong bụi cỏ dựng đôi tai dài đứng thẳng lên một cách cảnh giác để nghe ngóng động tĩnh xung quanh.

22 nét

HÁN VIỆT : NHĨ ĐOÁ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#222

二维码

èrwéimǎ
mã QR, mã vạch hai chiều

智能政务服务大厅全面推行扫二维码一键申办，极大简化了企业和群众办理行政审批业务的流程。

Zhì néng zhèng wù dà tīng quán miàn tuī xíng sǎo èr wéi mǎ yí jiàn shēn bàn, jí dà jiǎn huà le qǐ yè hé qún zhòng bàn lǐ xíng zhèng shēn pǐ yē wù de liú chéng.

Đại sảnh dịch vụ hành chính thông minh triển khai toàn diện việc quét mã QR mã hai chiều một chạm để đăng ký, tinh gọn tối đa quy trình làm thủ tục phê duyệt hành chính của doanh nghiệp và người dân.

35 nét

HÁN VIỆT : NHỊ DUY MÃ

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#223

发布

fā bù
công bố, phát hành, đăng tải (thông tin, báo cáo)

国家统计局正式发布了年度国民经济和社会发展统计公报，全方位展现了高质量发展的扎实成效。

Guó jiā tǒng jì jú zhèng shì fā bù le nián dù guó mín jīng jì hé shè huì fā zhǎn tǒng jì gōng bào, quán fāng wèi zhǎn xiàn le gāo zhì liàng fā zhǎn de zhā shí chéng xiào.

Cục Thống kê Quốc gia đã chính thức công bố Thông cáo Thống kê Phát triển Kinh tế Xã hội và Quốc dân thường niên, phơi bày toàn diện những thành quả vững chắc của sự phát triển chất lượng cao.

19 nét

HÁN VIỆT : PHÁT BỐ

HSK 5 (3.0)

Động từ

#224

发觉

fā jué
phát giác, nhận ra, phát hiện thấy

科研人员在比对连续数月的深空射电望远镜观测数据时，敏锐发觉了一个周期性重复出现的神秘脉冲信号。

Kē yán rén yuán zài bǐ duì lián xù shù yuè de shēn kōng shè diàn wàng yuǎn jīng guān cè shù jù shí, mǐn ruì fā jué le yí gè zhōu qī xīng chóng fù chū xiàn de shén mì mài chōng xìn hào.

Các nhà nghiên cứu khoa học khi đối chiếu số liệu quan trắc của kính viễn vọng vô tuyến không gian sâu liên tục trong nhiều tháng đã nhạy bén phát hiện thấy một tín hiệu xung bí ẩn xuất hiện lặp lại theo chu kỳ.

18 nét

HÁN VIỆT : PHÁT GIÁO

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#225

发射

fā shè
phóng, bắn ra, phát xạ (tên lửa, sóng)

长征系列运载火箭在我国酒泉卫星发射中心成功发射升空，将多颗国家空间科学实验卫星精准送入预定轨道。

Cháng zhēng xì liè yùn zài huǒ jiàn zài wǒ guó jiǔ quán wèi xīng fā shè zhōng xīn chéng gōng fā shè shèng kōng, jiāng duō kē guó jiā kōng jiān kē xué shí yàn wèi xīng jīng zhǔn sòng rù yù dìng guī dào.

Dòng tên lửa đẩy Trường Chinh tại Trung tâm Phóng Vệ tinh Tầu Tuyến nước ta đã phóng thành công lên không gian, đưa nhiều vệ tinh thực nghiệm khoa học vũ trụ quốc gia vào đúng quỹ đạo dự kiến một cách chuẩn xác.

19 nét

HÁN VIỆT : PHÁT XẠ



HSK 5 (3.0)

Danh từ

#235

放弃

fàngqì

từ bỏ, buông xuôi

无论经历多少次失败与挫折，他都始终咬紧牙关，绝不轻易放弃最初的理想。

Wú lùn jīng lì duō shǎo cì shī bài yǔ cuò zhé, tā dōu shǐ zhōng yǎo jǐn yá guān, jué bù qīng yì fàng qì zuì chū de lǐ xiǎng.

Dù trải qua bao nhiêu lần thất bại và vấp ngã, anh ấy vẫn luôn cắn chặt răng kiên cường, tuyệt đối không dễ dàng từ bỏ lý tưởng ban đầu.

25 nét

HÁN VIỆT: PHÓNG KHÍ

HSK 5 (3.0)

Động từ

#236

分成

fēnchéng

chia thành, phân chia làm; chia tỷ lệ lợi nhuận

国家重大科技攻关专项科研团队科学分成多个跨学科攻坚小组，协同推进核心技术突破。

Guó jiā zhòng dà kē jì gōng guān zhuān xiàng kē xué yán tuán duì kē xué fēn chéng duō gè kuà xué kē gōng jiān xiǎo zǔ, xié tóng tuī jìn hé xīn jī shù tú pò.

Đội ngũ nghiên cứu khoa học thuộc chuyên án vượt khó khoa học công nghệ trọng đại quốc gia được phân chia một cách khoa học chia thành nhiều tiểu tổ xung kích liên ngành, hiệp đồng thúc đẩy đột phá công nghệ cốt lõi.

23 nét

HÁN VIỆT: PHÂN THÀNH

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#237

分解

fēnjiě

phân giải, phân hủy (hóa học, sinh học); chia nhỏ (mục tiêu)

我国科研团队成功开发出新型全生物可降解环保塑料，在自然土壤与海水环境中能在数月内完全分解为水和二氧化碳。

Wǒ guó kē yán tuán duì chéng gōng kāi fā chū xīn xíng quán shēng wù kě jiàng jiě huán bǎo sù liào, zài zì rán tǔ rǎng yǔ hǎi shuǐ huán jīng zhōng néng zài shù yuè nèi wán quán fēn jiě wéi shuǐ hé èr yǎng huà tàn.

Nhóm nghiên cứu khoa học nước ta đã phát triển thành công loại nhựa bảo vệ môi trường có thể phân hủy sinh học toàn phần kiểu mới, trong môi trường đất tự nhiên và nước biển có thể phân giải hoàn toàn thành nước và carbon dioxide chỉ trong vài tháng.

26 nét

HÁN VIỆT: PHÂN GIẢI

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#238

分类

fēnlèi

phân loại, xếp loại, các loại

全社会全面推进生活垃圾源头分类与资源化循环利用，共同建设绿色低碳宜居家园。

Quán shè huì quán miàn tuī jìn shēng huái jī yuán tóu fēn lèi yǔ zī yuán huà xún huán lì yòng, gòng tóng jiàn shè lǜ sè dī tàn yí jū jiā yuán.

Toàn xã hội đẩy mạnh toàn diện phân loại xếp loại rác thải sinh hoạt ngay từ đầu nguồn và tái chế tuần hoàn tài nguyên, cùng nhau xây dựng mái nhà chung đáng sống xanh ít phát thải carbon.

24 nét

HÁN VIỆT: PHÂN LOẠI

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#239

分离

fēnlí

phân tách, bóc tách; tách biệt ly biệt

运载火箭在预定轨道高度精准实现了一二级火箭分离与整流罩分离，将科学探测卫星顺利送入轨道。

Yùn zài huǒ jiàn zài yù dìng guǐ dào gāo dù jīng zhǔn shí xiàn le yī èr jí huǒ jiàn fēn lí yǔ zhěng liú zhào fēn lí, jiāng kē xué tàn cè wéi xīng shùn lì sòng rù guǐ dào.

Tên lửa đẩy tại độ cao quỹ đạo định sẵn đã thực hiện chuẩn xác việc bóc tách phân tách tầng một và tầng hai tên lửa cùng nắp chụp bảo vệ đầu tên lửa, đưa vệ tinh thám trắc khoa học vào quỹ đạo một cách thuận lợi.

27 nét

HÁN VIỆT: PHÂN LY

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#240

分析

fēnxī

phân tích, bài phân tích

经济学家专家通过对海量宏观产业大数据的严密分析，对未来数字经济发展趋势做出了精准研判。

Jīng jì xué zhuān jiā tōng guò duì hǎi liàng hóng guān chǎn yè dà shù jù de yán mì fēn xī, duì wèi lái shù zì jīng jì fā zhǎn qū shì zhuān cù le jīng zhǔn rǎn pàn.

Các chuyên gia kinh tế học thông qua việc phân tích chặt chẽ nguồn dữ liệu lớn vĩ mô ngành đã đưa ra những nhận định đánh giá chuẩn xác về xu hướng phát triển của nền kinh tế số trong tương lai.

24 nét

HÁN VIỆT: PHÂN TÍCH

HSK 5 (3.0)

Động từ

#241

分享

fēnxiǎng

chia sẻ, cùng sẻ chia (thành quả/kinh nghiệm)

中外科学家在国际科学论坛上深入分享了前沿量子计算与人工智能大模型的最新原创研究成果。

Zhōng wài kē xué jiā zài guó jì kē xué lùn tán shàng shēn rù fēn xiǎng le qián yán liàng zǐ jì suàn yǔ rén gōng zhì néng dà mó xíng de zuì xīn yuán chuàng yǎn jiū chéng guǒ.

Các nhà khoa học trong và ngoài nước tại Diễn đàn Khoa học Quốc tế đã đi sâu cùng sẻ chia chia sẻ các thành quả nghiên cứu nguyên tác mới nhất về mô hình lớn trí tuệ nhân tạo và tính toán lượng tử tiên phong.

21 nét

HÁN VIỆT: PHÂN HƯỞNG

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#242

丰收

fēngshōu

bội thu, được mùa lớn; gặt hái thành công

我国粮食生产连续多年实现丰收，总产量连续稳产在1.3万亿斤以上，牢牢端稳了中国人民自己的饭碗。

Wǒ guó liáng shí shēng chǎn lián xù shí xiàn fēng shōu, zǒng chǎn liàng lián xù wěn chǎn zài 1.3 wàn yì jīn yǐ shàng, láo láo duān wěn le zhōng guó rén mín zì jǐ de fàn wǎn.

Sản xuất lương thực nước ta liên tục trong nhiều năm đạt được mùa màng bội thu, tổng sản lượng liên tục giữ vững ổn định trên 650 tỷ kg, giữ vững chắc chắn bát cơm của chính nhân dân mình.

22 nét

HÁN VIỆT: PHONG THU

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#243

风度

fēngdù

phong độ, phong thái, khí độ đỉnh đạc

在国际多边首脑峰会上，我国代表团展现出了自信从容、开放包容的大国风度与领袖风采。

Zài guó jì duō biān shǒu nǎo fēng huì shàng, wǒ guó dài biǎo tuán zhǎn xiàn chū le zì xìn cóng róng, kāi fàng bāo róng de dà guó fēng dù yǔ líng xiù fēng cǎi.

Tại hội nghị thượng đỉnh nguyên thủ đa phương quốc tế, đoàn đại biểu nước ta đã thể hiện phong độ đỉnh đạc tự tin ung dung, cởi mở bao dung của một nước lớn cùng phong thái của nhà lãnh đạo.

21 nét

HÁN VIỆT: PHONG ĐỘ



HSK 5 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#244

风光

fēng guāng

phong cảnh, cảnh sắc thiên nhiên;
nở mày nở mặt

巍峨壮美的三江源国家公园群山连绵、湖泊密布，展现了大自然鬼斧神工的壮丽高原风光。

Wēi é zhuàng měi de sān jiāng yuán guó jiā gōng yuán qún shān lián mián, hú pō mì bù, zhǎn xiàn le dà zì rán guǐ fǔ shén gōng de zhuàng lì gāo yuán fēng guāng.

Công viên Quốc gia Tam Giang Nguyên hùng vĩ tráng lệ núi non trùng điệp, hồ đầm dày đặc, phô diễn cảnh sắc phong quang cao nguyên tráng lệ tuyệt mỹ do bàn tay thần kỳ của tự nhiên kiến tạo nên.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : PHONG QUANG

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Động từ

#245

疯

fēng

diên cuồng, say mê cuồng nhiệt;
phát điên

青年创客们以近乎痴迷疯狂的钻研热情连续数月攻关，终于成功攻克了高精密微流控芯片设计制造难关。

Qīng nián chuàng kè men yǐ jìn hū chí mí fēng kuáng de zuān yán rè qīng lián xù shù yuè gōng guān, zhōng yú chéng gōng gōng kè le gāo jīng mì wēi liú kòng xīn piàn shè jì zhì zào nán guān.

Những nhà khởi nghiệp trẻ tuổi bằng sự say mê cuồng nhiệt nghiên cứu đến mức gần như điên cuồng say mê đã liên tục nhiều tháng vượt khó, cuối cùng đã chinh phục thành công cái khó thiết kế chế tạo chip vi lưu chính xác cao.

📖 14 nét

HÁN VIỆT : PHONG

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#246

疯狂

fēng kuáng

diên cuồng, cuồng nhiệt, dữ dội

在国际音乐节现场，激昂震撼的摇滚旋律让全场数万名年轻乐迷陷入了疯狂的狂欢。

Zài guó jì yīn yuè jié xiàn chǎng, jī áng zhèn hàn de yáo gǔn xuán lǚ ràng quán chǎng shù wàn míng nián qīng yuè mī xiàn rù le fēng kuáng de kuáng huān.

Tại không gian đại nhạc hội quốc tế, những giai điệu rock sôi động và bùng nổ đã khiến hàng vạn tín đồ âm nhạc trẻ tuổi đắm chìm trong sự cuồng nhiệt bất tận.

📖 28 nét

HÁN VIỆT : PHONG CUỒNG

HSK 5 (3.0)

Động từ

#247

扶

fú

đỡ, nâng, dìu, chống đỡ

看到老人上下公交车有些吃力，热心的乘务员立即快步上前轻轻将老人扶上车座。

Kàn dào lǎo rén shàng xià gōng jiāo chē yǒu xiē chī lì, rè xīn de chéng wù yuán lì jí kuài bù shàng qián qīng qīng jiāng lǎo rén fú shàng chē zuò.

Nhìn thấy cụ già bước lên xuống xe buýt có phần khó khăn, bạn tiếp viên nhiệt tình đã lập tức rào bước tới nhẹ nhàng dìu cụ ngồi vào ghế ngồi an toàn.

📖 14 nét

HÁN VIỆT : PHÒ

HSK 5 (3.0)

Động từ

#248

服从

fú cóng

phục tùng, tuân theo, nghe theo

在应对重大自然灾害的抢险救灾一线，全体应急救援人员必须坚决服从统一指挥与调度。

Zài yìng duì zhòng dà zì rán zāi hài de qiǎng xiǎn jiù zāi yí xiàn, quán tǐ yìng jí jiù yuán rén yuán bì xū jiān jué fú cóng tóng yī zhǐ huī yǔ diào dù.

Tại tuyến đầu ứng phó cứu hộ cứu nạn thiên tai trọng đại, toàn thể lực lượng cứu hộ khẩn cấp nhất thiết phải kiên quyết phục tùng sự chỉ huy và điều phối thống nhất.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : PHỤC TÙNG

HSK 5 (3.0)

Lượng từ

#249

幅

fú

bức, tấm (tranh, cờ, khẩu hiệu)

国家博物馆正厅中央悬挂着一幅气势磅礴、长达数十米的巨幅现代水墨画长卷。

Guó jiā bó wù guǎn zhèng tīng zhōng yāng xuán guà zhe yí fú qì shì páng bó, zhǎng dá shù shí mǐ de jù fú xiàn dài shuǐ mò huà cháng juǎn.

Chính giữa đại sảnh Bảo tàng Quốc gia treo một bức tranh cuộn thủy mặc hiện đại khổng lồ dài hàng chục mét với khí thế hào hùng tráng lệ.

📖 12 nét

HÁN VIỆT : BỨC

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#250

幅度

fú dù

biên độ, mức độ (tăng giảm), quy mô dao động

随着高新技术产业投资力度的加大，战略性新兴产业增加值占GDP比重呈现出大幅度提升的良好态势。

Suí zhe gāo xīn jì shù tóu zī lì dù de jiā dà, zhàn lüè xīng xīng chǎn yè zēng jiā zhí zhàn GDP bǐ zhòng chéng xiàn chū dà fú dù tí shēng de liáng hǎo tài shì.

Cùng với sự gia tăng mạnh mẽ nguồn vốn đầu tư vào ngành công nghệ cao, tỷ trọng giá trị gia tăng của các ngành công nghiệp mới nổi mang tính chiến lược trong GDP đã hiện ra xu thế tăng trưởng tích cực với biên độ rất lớn.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : BỨC ĐỘ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#251

福利

fú lì

phúc lợi, an sinh phúc lợi xã hội

国家加快健全覆盖全民、统筹城乡、公平统一、安全规范、可持续的多层次社会保障与民生福利体系。

Guó jiā jiā kuài jiàn quán fù gài quán mǐn, tóng chóu chéng xiāng, gōng píng tóng yī, ān quán guī fàn, kě chí xù de duō céng cì shè huì bǎo zhàng yǔ mǐn shēng fú lì tǐ xì.

Nhà nước đẩy nhanh việc hoàn thiện hệ thống phúc lợi dân sinh và an sinh xã hội đa tầng bao phủ toàn dân, điều phối nông thôn thành thị, công bằng thống nhất, quy chuẩn an toàn và bền vững.

📖 25 nét

HÁN VIỆT : PHÚC LỢI

HSK 5 (3.0)

Động từ / Tính từ / Danh từ

#252

辅助

fǔ zhù

hỗ trợ, phụ trợ, trợ giúp

人工智能手术辅助系统为外科医生提供毫米级的三维病灶实时导航，显著提高了复杂微创手术的精准度。

Rén gōng zhì néng shǒu shù fǔ zhù xì tǒng wèi wài kē yī shēng tí gòng háo mǐ jí de sān wéi bìng zhào shí shí dǎo háng, xiǎn zhù tí gāo le fù zá wēi miào chuāng shǒu shù de jīng zhǔn dù.

Hệ thống hỗ trợ phẫu thuật trí tuệ nhân tạo cung cấp định vị dẫn đường 3D theo thời gian thực ở cấp độ milimet cho bác sĩ phẫu thuật ngoại khoa, nâng cao rõ rệt độ chuẩn xác của các ca phẫu thuật xâm lấn tối thiểu phức tạp.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : PHỤ TRỢ



HSK 5 (3.0)

Danh từ

#253

负责人

fù zé rén

người phụ trách, người đứng đầu
chịu trách nhiệm

国家重点实验室负责人强调, 要以高水平基础研究支撑国家战略前沿科技自主创新发
展。

Guó jiā zhòng diǎn shí yàn shì fù zé rén qiáng diào, yào yǐ gāo shuǐ píng jī chǔ yán jiū zhī chéng guó jiā zhàn lüè qián yán kē jì zì zhǔ chuàng xīn fā zhǎn.

Người đứng đầu người phụ trách Phòng Thí nghiệm Trọng điểm Quốc gia nhấn mạnh rằng, cần lấy nghiên cứu cơ bản trình độ cao làm điểm tựa phát triển đổi mới sáng tạo tự chủ khoa học công nghệ tiên phong chiến lược quốc gia.

📖 29 nét

HÁN VIỆT: **PHỤ TRÁCH NHÂN**

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#254

附件

fù jiàn

tệp đính kèm, phụ lục, linh kiện phụ
tùng đi kèm

在向国家自然科学基金委提交的重大重点项目申报书中, 详细列明了前期研究基础与相关实验数据附件。

Zài xiàng guó jiā zì rán kē xué jījīn wéi tí jiāo de zhòng dà zhòng diǎn xiàng mù shēn bào shù zhōng, xiáng xì liè míng qián qī yán jiū jī chǔ yǔ xiāng guān shí yàn shù jù fù jiàn.

Trong bản thuyết minh để án trọng điểm trọng đại nộp lên Quỹ Khoa học Tự nhiên Quốc gia, các tài liệu phụ lục số liệu thực nghiệm liên quan cùng nền tảng nghiên cứu giai đoạn trước đã được liệt kê chi tiết rõ ràng.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: **PHỤ KIỆN**

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#255

改革

gǎi gé

cải cách, đổi mới

坚持深化改革开放与激发市场活力, 是我国经济持续实现高质量发展的澎湃动力源泉。

Jiān chí shēn huà gǎi gé yǔ jī fā shì chǎng huó lì, shì wǒ guó jīng jì chí xù shí xiàn gāo zhì liàng fā zhǎn de péng pài dòng lì yuán quán.

Kiên trì đi sâu cải cách mở cửa và khơi dậy sức sống thị trường là cội nguồn động lực mạnh mẽ để nền kinh tế nước ta liên tục phát triển chất lượng cao.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: **CẢI CÁCH**

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#256

感想

gǎn xiǎng

cảm tưởng, cảm nghĩ

参观完国家航天科技成就展览后, 同学们纷纷在留言簿上写下了自己心潮澎湃的观展感想。

Cān guān wán guó jiā háng tiān kē jì chéng jiù zhǎn lǎn hòu, tóng xué men fēn fēn zài liú yán bù shàng xiě xià le zì jǐ xīn cháo péng pài de guān zhǎn gǎn xiǎng.

Sau khi tham quan triển lãm thành tựu khoa học công nghệ hàng không vũ trụ quốc gia, các bạn học sinh đã lần lượt ghi lại những dòng cảm nghĩ dạt dào cảm xúc của mình vào sổ lưu niệm.

📖 26 nét

HÁN VIỆT: **CẢM TƯỞNG**

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#257

干脆

gān cuī

dứt khoát, sòng phẳng, thẳng thắn;
cứ thể mà

既然大家都认同这个创新技术路线, 咱们干脆今天下午就把实施方案敲定下来。

Jǐ rán dà jiā dōu rèn tóng zhè ge chuàng xīn jì shù lù xiàn, zán men gān cuī jīn tiān xià wǔ jiù bǎ shí shí fāng àn qiāo dìng xià lái.

Một khi tất cả mọi người đều đồng thuận với lộ trình công nghệ đổi mới này, chúng ta cứ dứt khoát chốt luôn phương án triển khai vào chiều nay đi thôi.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: **CAN THUY**

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#258

干扰

gān rǎo

gây nhiễu, can thiệp làm gián đoạn,
làm phiền

我国新型深空探测雷达采用了先进的超宽带抗干扰数字信号处理算法, 在复杂电磁干扰环境下依然清晰锁定目标。

Wǒ guó xīn xíng shēn kōng tàn cè léi dá cǎi yòng le xiān jìn de chāo kuān dài kàng gān rǎo shù zì xìn hào chú lǐ suàn fǎ, zài fù zá diàn cí gān rǎo huán jīng xià yǐ rán qīng xī suǒ dìng mù biāo.

Radar thám hiểm không gian sâu kiểu mới của nước ta đã áp dụng thuật toán xử lý tín hiệu số chống nhiễu bằng thông siêu rộng tiên tiến, dưới môi trường nhiễu điện từ mạnh phức tạp vẫn khóa chặt mục tiêu rõ nét.

📖 16 nét

HÁN VIỆT: **CAN NHIỄU**

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#259

干预

gān yù

can thiệp, can thiệp điều trị y tế,
can thiệp sớm

国家建立健全了青少年心理健康早期筛查与危机干预体系, 为青少年健康成长提供了坚实的心理防线。

Guó jiā jiàn lì jiàn quán le qīng shào nián xīn lí jiàn kāng zǎo qī shāi chá yǔ wēi jī gān yù tǐ xì, wéi qīng shào nián jiàn kāng chéng zhǎng tí gòng le jiān shí de xīn lí fáng xiàn.

Nhà nước đã xây dựng và hoàn thiện hệ thống sàng lọc sớm và can thiệp khủng hoảng sức khỏe tâm lý cho thanh thiếu niên, mang lại phòng tuyến tâm lý vững chắc cho sự trưởng thành lành mạnh của thanh thiếu niên.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: **CAN DỰ**

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#260

钢笔

gāngbǐ

bút máy, cây bút mực

老院士手握一支陪伴了自己数十年的老钢笔, 在珍贵学术手稿上工整地写下前沿研究结论。

Lǎo yuàn shì shǒu wò yī zhī péi bàn le zì jǐ shù shí nián de lǎo gāng bǐ, zài zhēn guì xué shù shǒu gǎo shàng gōng zhěng dì xiě xià qián yán yán jiū jié lùn.

Vị viện sĩ lão thành tay cầm cây bút mực bút máy cũ đã đồng hành cùng mình suốt mấy mươi năm, viết nắn nót kết luận nghiên cứu tiên phong lên bản thảo học thuật vô giá.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: **CƯƠNG BÚT**

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#261

钢琴

gāngqín

đàn dương cầm, đàn piano

在国家大剧院交响音乐大厅内, 青年钢琴演奏家以行云流水般的高超技艺弹奏出激昂雄壮的爱国乐章。

Zài guó jiā dà jù yǎn xiāng yīn yuè dà tīng nèi, qīng nián gāng qín yǎn zòu jiā yǐ xíng yún liú shuǐ bān de gāo chāo jì yì dàn zòu chū jī áng xióng zhuàng de ài guó yuè zhāng.

Bên trong đại sảnh âm nhạc giao hưởng Nhà hát Lớn Quốc gia, nghệ sĩ biểu diễn đàn piano đàn dương cầm trẻ tuổi bằng kỹ nghệ siêu phẩm uyển chuyển như mây trời nước chảy đã tấu lên khúc nhạc yêu nước hùng tráng hào hùng.

📖 26 nét

HÁN VIỆT: **CƯƠNG CẦM**



HSK 5 (3.0)

Tính từ

#262

高大

gāodà

cao lớn, to lớn vạm vỡ, đồ sộ

矗立在浩瀚戈壁试验场上的大国重器发射塔架巍峨高大，宛如钢铁巨人默默守护着航天梦想。

Chù lì zài hào hàn gē bì shì yàn chǎng shàng de dà guó zhòng qì fā shè tā jià wēi é gāo dà, wǎn rú gāng tiě jù rén mò mò shǒu hù zhe háng tiān mèng xiǎng.

Tháp phóng đại khí quốc gia sừng sững trên bãi thử nghiệm sa mạc Gobi bao la đồ sộ to lớn cao lớn uy nghiêm, tựa như người khổng lồ thép âm thầm bảo vệ ước mơ hàng không vũ trụ.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: CAO ĐẠI

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Phó từ / Tính từ

#263

高度

gāodù

độ cao, tầm cao; cao độ, hết sức

国家高度重视基础科学前沿交叉创新，持续大幅加大对青年拔尖科研团队的长期稳定支持力度。

Guó jiā gāo dù zhòng shì jī chǔ kē xué qián yán jiāo chā chuāng xīn, chí xù dà fú jiā dà duì qīng nián bá jiān kē yán tuán duì de cháng qī wěn dìng zhī chí lì dù.

Nhà nước hết sức cao độ coi trọng đổi mới sáng tạo liên ngành tiên phong khoa học cơ bản, liên tục tăng cường mạnh mẽ mức độ hỗ trợ lâu dài và ổn định cho các nhóm nghiên cứu khoa học xuất chúng trẻ tuổi.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: CAO ĐỘ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#264

高跟鞋

gāogēnxié

giày cao gót

在重大国际外交礼仪盛典上，女外交官身着剪裁得体的典雅旗袍与高跟鞋，尽显东方端庄自信风范。

Zài zhòng dà guó jì wài jiāo lǐ yí shèng diǎn shàng, nǚ wài jiāo guān shēn zhe jiǎn cái dé tǐ de diǎn yā qī pào yǔ gāo gēn xié, jìn xiǎn dōng fāng duān zhuāng zì xìn fēng fàn.

Tại các nghi lễ ngoại giao quốc tế trọng đại, các nữ nhà ngoại giao mặc bộ sườn xám thanh nhã cắt may vừa vặn cùng đôi giày cao gót, thể hiện trọn vẹn phong thái tự tin đoan trang phương Đông.

📖 34 nét

HÁN VIỆT: CAO CÂN HẢI

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#265

高温

gāowēn

nhiệt độ cao, nhiệt độ nóng bức

我国科研团队成功研制出能在两千摄氏度超高温极端工况下长期稳定工作的超耐高温新型航空陶瓷材料。

Wǒ guó kē yán tuán duì chéng gōng yán zhì chū néng zài liǎng qiān shè shì dù zhāo gāo wēn jī duǎn gōng kuàng xià cháng qī wěn dìng gōng zuò de chāo nài gāo wēn xīn xíng háng kōng táo cí cái liào.

Đội ngũ nghiên cứu khoa học nước ta đã nghiên cứu chế tạo thành công loại vật liệu gốm hàng không kiểu mới siêu chịu nhiệt độ cao có thể làm việc ổn định lâu dài dưới điều kiện làm việc cực đoan nhiệt độ cao trên 2000 độ C.

📖 27 nét

HÁN VIỆT: CAO ÔN

HSK 5 (3.0)

Động từ

#266

高于

gāoyú

cao hơn, vượt mức

人民至上、生命至上；在重大突发公共事件处置中，人民群众的生命安全和身体健康高于一切。

Rén mín zhì shàng, shēng mìng zhì shàng; zài zhòng dà tū fā gōng gòng shì jiàn chǔ zhì zhōng, rén mín qún zhòng de shēng mìng ān quán hé shēn tǐ jiàn kāng gāo yú yī qiè.

Nhân dân là trên hết, sinh mệnh là trên hết; trong việc xử lý các sự kiện công cộng đột xuất trọng đại, sức khỏe và sự an toàn tính mạng của quần chúng nhân dân là cao hơn vượt trên tất cả mọi thứ.

📖 28 nét

HÁN VIỆT: CAO VU

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#267

高原

gāo yuán

cao nguyên

在面对复杂的挑战时，保持高原的心态尤为重要。

Zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí gāo yuán de xīn tài yóu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái cao nguyên đặc biệt quan trọng.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: CAO NGUYÊN

HSK 5 (3.0)

Động từ

#268

搞

gǎo

làm

老师鼓励大家积极搞，勇于探索新的知识。

Lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí gǎo, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực làm, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 11 nét

HÁN VIỆT: CẢO

HSK 5 (3.0)

Động từ

#269

搞好

gǎo hǎo

làm tốt, thực hiện tốt, hoàn thành tốt

我们要坚持以人民为中心的发展思想，切实搞好各项民生保障与生态环境保护重点工程建设。

Wǒ men yào jiān chí yǐ rén mín wéi zhòng xīn de fā zhǎn sī xiǎng, qiè shí gǎo hǎo gè xiàng mǐn shēng bǎo zhàng yǔ shēng tài huán jīng bǎo hù zhòng diǎn gōng chéng jiàn shè.

Chúng ta phải kiên trì tư tưởng phát triển lấy nhân dân làm trung tâm, thực hiện tốt làm tốt thiết thực việc xây dựng các công trình trọng điểm bảo vệ môi trường sinh thái và bảo đảm dân sinh.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: CẢO HẢO

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#270

歌曲

gē qǔ

bài hát, ca khúc

在庆祝大会上，全场数万名青年学子齐声高唱激昂豪迈的爱国主义赞美歌曲，豪情满怀。

Zài qīng zhù dà huì shàng, quán chǎng shù wàn míng qīng nián xué zǐ qí shēng gāo chàng jī áng hào mǎi de ài guó zhǔ yì zàn měi gē qǔ, háo qíng mǎn huái.

Tại đại hội chào mừng, hàng vạn bạn sinh viên học sinh thanh niên toàn trường đồng thanh hát vang bài hát ca khúc ca ngợi chủ nghĩa yêu nước hào sảng hùng tráng, tràn ngập khí phách hào hùng.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: CA KHÚC


HSK 5 (3.0)

Danh từ

#271

隔壁

gé bì

nhà bên cạnh, hàng xóm sát vách

住在隔壁的老退休教师为人极其热心，常常主动帮整栋楼的邻里代收快递包裹。

Zhù zài gé bì de lǎo tuì xiū jiào shī wéi rén jí qí rè xīn, cháng cháng zhǔ dòng bāng zhěng dòng lóu de lín lǐ dài shōu kuài dì bāo guǒ.

Bác giáo viên về hưu sống ở sát vách nhà bên tính tình vô cùng xởi lởi nhiệt tình, thường chủ động nhận giúp bưu phẩm chuyển phát nhanh cho cả tòa nhà.

28 nét

HÁN VIỆT: CÁCH BÍCH

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#272

个儿

gèr

vóc dáng, chiều cao vóc người, thể tích

虽然这台微型深海勘探机器人的个儿不大，但其内部集成了多套国际顶尖的高精度探测传感系统。

Suī rán zhè tái wēi xíng shēn hǎi kǎn tàn jī qì rén de gè ér bù dà, dàn qí nèi bù jí chéng le duō tào guó jì dǐng jiān de gāo jīng dù tàn cè chuān gǎn xiàng tǒng.

Mặc dù vóc dáng thể tích của chú robot thăm dò biển sâu siêu nhỏ này không hề lớn, nhưng bên trong lại tích hợp nhiều bộ hệ thống cảm biến dò tìm độ chính xác cao hàng đầu thế giới.

22 nét

HÁN VIỆT: CÁ NHÂN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#273

跟前

gēn qián

trước mặt, bên cạnh, gần kề

老学者招手示意青年研究生走到跟前，俯身指着屏幕上复杂的晶体衍射图谱逐一细致讲解其中蕴含的物理规律。

Lǎo xué zhě zhāo shǒu shì yì qīng nián yán jiū shēng zhǐ zhe màn shàng fù zá de jīng tǐ yǎn shè tú pǔ zhī yì xì zhì jiǎng jiě qí zhōng yùn hán de wù lǐ guī lǚ.

Vị học giả lão thành vẫy tay ra hiệu cho nghiên cứu sinh trẻ bước lại gần trước mặt, cúi mình chỉ vào biểu đồ nhiễu xạ tinh thể phức tạp trên màn hình tỉ mỉ giảng giải từng quy luật vật lý ẩn chứa bên trong.

25 nét

HÁN VIỆT: CẦN TIỀN

HSK 5 (3.0)

Động từ

#274

跟随

gēn suí

đi theo, theo sau, dõi theo

我国前沿深空探测工程在突破地月转移轨道控制技术后，正加速从跟随探索向开创领跑的历史性阶段跨越。

Wǒ guó qián yán shēn kōng tàn cè gōng chéng zài tú pò dì yuè zhuǎn yí guī dào kòng zhì jì shù hòu, zhèng jiǎ sù cóng gēn suí tàn suǒ xiàng kāi chuāng lǐng pǎo de lì shǐ xìng jiē duàn kuà yuè.

Công trình thám hiểm không gian sâu tiên phong nước ta sau khi đột phá công nghệ điều khiển quỹ đạo chuyển tiếp Trái Đất - Mặt Trăng đang tăng tốc nhảy vọt từ giai đoạn đi theo khám phá tiến tới giai đoạn lịch sử khai mở dẫn đầu.

20 nét

HÁN VIỆT: CẦN TUỖ

HSK 5 (3.0)

Động từ

#275

更换

gēng huàn

thay đổi, thay thế đổi mới

高铁运维检修团队严格按照运行里程与周期标准，定期为高速列车更换高磨损精密制动构件。

Gāo tiě yùn wéi jiǎn xiū tuán duì yán gé àn zhào yùn xíng lǐ chéng yǔ zhōu qī biāo zhǔn, dìng qī wéi gāo sù liè chē gēng huàn gāo mǒ sǔn jīng mì zhì dòng gòu jiàn.

Đội ngũ bảo dưỡng kiểm tu đường sắt cao tốc căn cứ nghiêm ngặt theo tiêu chuẩn chu kỳ và số km vận hành định kỳ thay thế thay mới các cấu kiện phanh chính xác bị hao mòn cao cho đoàn tàu cao tốc.

21 nét

HÁN VIỆT: CANH HOÁN

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#276

更新

gēng xīn

cập nhật, đổi mới, thay mới làm mới

国家全面推进超大规模城市老旧管网改造与设备以旧换新工程，持续推动城市有机更新与基础设施升级。

Guó jiā quán miàn tuī jìn chāo dà guī mó chéng shì lǎo jiù guǎn wǎng gǎi zào yǔ shè bèi yǐ jiù huàn xīn gōng chéng, chí xù tuī dòng chéng shì yǒu jī gēng xīn yǔ jī chǔ shè shī shēng jí.

Nhà nước đẩy mạnh toàn diện dự án cải tạo mạng lưới đường ống cũ kỹ tại các siêu đô thị cũng chương trình đổi cũ lấy mới thiết bị, không ngừng thúc đẩy sự làm mới chỉnh trang hữu cơ đô thị và nâng cấp cơ sở hạ tầng.

23 nét

HÁN VIỆT: CANH TÂN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#277

工艺

gōng yì

công nghệ, quy trình chế tạo, kỹ nghệ

我国科研团队完全自主攻克了纳米级超高精度芯片光刻制造核心工艺，填补了多项国内技术空白。

Wǒ guó kē yán tuán duì wán quán zì zhǔ gōng kè le nà mǐ jí chāo gāo jīng dù xīn piàn guāng kè zhì zào zhōng xīn gōng yì, tián bǔ le duō xiàng guó nèi jì shù kòng bái.

Đội ngũ nghiên cứu khoa học nước ta đã hoàn toàn tự chủ chinh phục quy trình chế tạo công nghệ quang khắc chế tạo chip độ chính xác siêu cao cấp độ nanomet cốt lõi, lấp đầy nhiều khoảng trống công nghệ trong nước.

27 nét

HÁN VIỆT: CÔNG NGHỆ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#278

工艺品

gōng yì pǐn

đồ thủ công mỹ nghệ, tác phẩm nghệ thuật

国家级非遗景泰蓝大师烧制出的大型掐丝珐琅尊工艺品，造型典雅华美、色彩斑斓，彰显了大国东方神韵。

Guó jiā jí fēi yí jīng tài lán dà shī shāo zhì chū de dà xíng qiā sī fǎ láng zūn gōng yì pǐn, zào xíng diǎn yǎ huá měi, sè cǎi bān lán, zhāng xiǎn le dà guó dòng fāng shén yùn.

Tác phẩm thủ công mỹ nghệ đỉnh cao bình pháp lam uốn dây tráng men Cloisonné cỡ lớn do nghệ nhân di sản phi vật thể quốc gia chế tác có kiểu dáng tạo nhả hoa lệ, màu sắc rực rỡ, phô diễn thần thái phương Đông của một nước lớn.

35 nét

HÁN VIỆT: CÔNG NGHỆ PHẨM

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#279

工作日

gōng zuò rì

ngày làm việc (không tính ngày nghỉ)

政务服务大厅推行线上全天候办理服务，所有企业审批事项承诺在三个工作日内全部办结。

Zhèng wù fú wù dà tīng tuī xíng xiàn shàng quán tiān hòu bàn lǐ fú wù, suǒ yǒu qǐ yè shì shì xiàng chéng nuò zài sān gè gōng zuò rì nèi quán bù bàn jié.

Đại sảnh dịch vụ hành chính công thực thi dịch vụ làm thủ tục trực tuyến 24/7, tất cả các hạng mục phê duyệt của doanh nghiệp cam kết sẽ giải quyết xong toàn bộ trong vòng ba ngày làm việc.

35 nét

HÁN VIỆT: CÔNG TÁC NHẬT


HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ

#280

公告

gōng gào
thông cáo, công cáo, yết thị chính thức

国家防汛抗旱总指挥部正式发布防汛一级紧急响应公告，全力部署沿江沿河重点堤防加固抢险救援工作。

Guó jiā fáng xùn kàng hàn zǒng zhǐ huī bù zhēng shì fā bù fáng xùn yī jí jǐn jí xiāng yìng gōng gào, quán lì bù shǔ yán jiāng yán hé zhòng diǎn dī fáng jiā gù qiǎng xiǎn jiù yuán gōng zuò.

Ban Chỉ huy Phòng chống Thiên tai Quốc gia chính thức phát đi thông cáo khẩn cấp cấp độ 1 về phòng chống lũ lụt, dốc toàn lực triển khai công tác gia cố đê điều trọng điểm và cứu nạn cứu hộ dọc theo các tuyến sông ngòi.

25 nét

HÁN VIỆT · CÔNG CÁO
HSK 5 (3.0)

Động từ / Tính từ

#281

公认

gōng rèn
công nhận, được mọi người thừa nhận

中国在高速铁路、新能源汽车与特高压输电领域的卓越科技成就，是全球科技工程界公认的世界领先标杆。

Zhōng guó zài gāo sù tiě lù, xīn néng yuán qì chē yǔ tè gāo yǎ shù diàn lìng yù de zhuó yuè kē jì chéng jiù, shì quán qiú kē jì gōng chéng jiè gōng rèn de shì jiè lǐng xiān biāo gān.

Những thành tựu khoa học công nghệ vượt bậc của Trung Quốc trong các lĩnh vực đường sắt cao tốc, xe ô tô năng lượng mới và truyền tải điện siêu cao áp là chuẩn mực hàng đầu thế giới được giới công trình khoa học công nghệ toàn cầu công nhận.

27 nét

HÁN VIỆT · CÔNG NHẬN
HSK 5 (3.0)

Danh từ

#282

公式

gōng shì
công thức (toán, lý, hóa)

爱因斯坦质能等价关系公式 $E=mc^2$ ，以极简的优美形式揭示了微观物理世界质量与能量转换的深刻本质。

Ài yīn sī tàn zhì néng děng giá guān xì gōng shì $E=mc^2$, yǐ jǐ jiǎn de yōu měi xíng shì jiē shì lè wēi guān wù lǐ shì jiē zhì liàng yǔ néng liàng zhuàn huàn de shēn kè běn zhì.

Công thức tương đương khối lượng - năng lượng $E=mc^2$ của Einstein bằng hình thức tối giản đẹp đẽ đã hé lộ bản chất sâu sắc của sự chuyển hóa năng lượng và khối lượng trong thế giới vật lý vi mô.

24 nét

HÁN VIỆT · CÔNG THỨC
HSK 5 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#283

公正

gōng zhèng
công bằng, công chính, vô tư khách quan

让人民群众在每一个司法案件中感受到公平正义，是新时代全面推进依法治国与司法体制改革的核心目标。

Ràng rén mín qún zhòng zài měi yí gè sī fǎ àn jiàn zhōng gǎn shòu dào gōng píng zhèng yì, shì xīn shí dài quán miàn tuī jìn yī fǎ zhì guó yǔ sī fǎ tǐ zhì gǎi gé de hé xīn mù biāo.

Giúp cho quần chúng nhân dân cảm nhận được sự công bằng và công lý trong từng vụ án tư pháp chính là mục tiêu hạt nhân của công cuộc đi sâu cải cách thể chế tư pháp và xây dựng nhà nước pháp quyền toàn diện trong thời đại mới.

23 nét

HÁN VIỆT · CÔNG CHÍNH
HSK 5 (3.0)

Động từ / Phó từ

#284

共计

gòng jì
tổng cộng là, tính gộp lại là

在本届国际技术交易博览会上，参展高新技术企业达成现场签约意向合作项目共计五百六十余项。

Zài běn jiè guó jì jì shù jiāo yì bó lǎn huì shàng, cān zhǎn gāo xīn jì shù qǐ yè dá chéng xiàng chāng qiǎn yuē yì xiàng hé zuò xiàng mù gòng jì wú bǎi liù shí yǔ xiàng.

Tại Hội chợ Triển lãm Giao dịch Công nghệ Quốc tế lần này, các doanh nghiệp công nghệ cao tham gia triển lãm đã đạt được các dự án hợp tác ký kết thỏa thuận trực tiếp tại chỗ tổng cộng hơn 560 dự án.

22 nét

HÁN VIỆT · CỘNG KẾ
HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#285

共享

gòng xiǎng
chia sẻ, cùng hưởng, dùng chung

国家重大科技基础设施全面面向全球科学家开放共享，共同推动人类基础科学探索取得突破。

Guó jiā zhòng dà kē jì jī chǔ shè shī quán miàn miàn xiàng quán qiú kē xué jiā kāi fàng gòng xiǎng, gòng tóng tuī dòng rén lè jī chǔ kē xué tàn suǒ qǔ dé tū pò.

Cơ sở hạ tầng khoa học công nghệ trọng đại quốc gia mở cửa toàn diện chia sẻ dùng chung cho các nhà khoa học toàn cầu, cùng thúc đẩy thám hiểm khoa học cơ bản của nhân loại đạt được đột phá.

19 nét

HÁN VIỆT · CỘNG HƯỞNG
HSK 5 (3.0)

Danh từ

#286

沟

gōu
mương rãnh, vực rãnh; khe suối, rãnh nước

万米载人深潜器“奋斗者”号成功坐底马里亚纳海沟最深处，创造了我国载人深潜科考的历史新纪录。

Wàn mǐ zài rén shēn qián qì "fèn dòu zhě" hào chéng gōng zuò dǐ mǎ lǐ yà nà hǎi gōu zuì shēn chù, chuàng zào le wǒ guó zài rén shēn qián kē kǎo de lì shǐ xīn jì lù.

Tàu lặn có người lái vạn mét 'Người Phấn Đấu' đã hạ đáy thành công nơi sâu nhất của rãnh vực rãnh nứt Mariana, xác lập kỷ lục lịch sử mới cho khảo sát khoa học lặn sâu có người lái của nước ta.

11 nét

HÁN VIỆT · CÂU
HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#287

沟通

gōu tōng
giao tiếp, trao đổi, kết nối, thông suốt

在处理复杂多变的跨部门协作问题时，保持坦诚透明与及时的沟通交流能够迅速化解误解分歧。

Zài chǔ lǐ fù zá duō biàn de kuà bù mén xié zuò wèn tí shí, bǎo chí tǎn chéng tōu míng yǔ jí shí de gōu tōng jiāo liú néng gòu xùn sù huà jiě wù jiě fēn qí.

Khi xử lý các vấn đề phối hợp liên phòng ban phức tạp và đa dạng, việc duy trì sự trao đổi giao tiếp thẳng thắn minh bạch và kịp thời có thể nhanh chóng xóa bỏ những hiểu lầm bất đồng.

19 nét

HÁN VIỆT · CÂU THÔNG
HSK 5 (3.0)

Danh từ

#288

估计

gū jì
ước tính, dự đoán

根据目前的施工进度与物料供给情况估计，这座跨海大桥预计将在今年底前全线贯通。

Gēn jù mù qián de shī gōng jìn dù yǔ wù liào gòng jǐ qíng kuàng gū jì, zhè zuò kuà hǎi dà qiáo yù jì jiāng zài jīn nián dǐ qián quán xiàn guān tōng.

Căn cứ vào tiến độ thi công và tình hình cung ứng vật tư hiện tại ước tính, cây cầu vượt biển này dự kiến sẽ thông xe toàn tuyến trước cuối năm nay.

19 nét

HÁN VIỆT · CỎ KẾ



HSK 5 (3.0)

Tính từ

#289

古老

gǔ lǎo

cổ kính, cổ xưa, lâu đời

古老的丝绸之路横跨亚欧大陆，千百年来见证了东西方文明商贸互通与人文交融的壮阔史诗。

Gǔ lǎo de sī chóu zhī lù héng kuà yà ōu dà lù, qiān bǎi nián lái jiàn zhèng le dōng xī fāng wén míng shāng mào hù tōng yǔ rén wén jiāo róng de zhuàng guāo shǐ shī.

Con đường Tơ lụa cổ xưa trải dài vắt ngang lục địa Á - Âu, hàng ngàn năm qua đã chứng kiến thiên sử thi tráng lệ về sự thông thương mậu dịch và giao thoa nhân văn giữa hai nền văn minh Đông - Tây.

18 nét

HÁN VIỆT: CỔ LÃO

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ

#290

鼓

gǔ

cái trống; đánh trống; cổ vũ khích lệ

在重大科技工程决战攻坚誓师大会上，雄壮激昂的鼓点催人奋进，全体科研骨干斗志昂扬。

Zài zhòng dà kē jì gōng chéng jué zhàn gōng jiān shī shī dà huì shàng, xióng zhuàng jī áng de gǔ diǎn cuī rén fèn jìn, quán tǐ kē yán gǔ gàn dòu zhì áng yáng.

Tại đại hội tuyên thệ quyết chiến vượt khó công trình khoa học công nghệ trọng đại, tiếng trống nhịp trống hào hùng giục giã lòng người tiến lên, toàn thể cán bộ nghiên cứu cốt cán ý chí chiến đấu sục sôi.

12 nét

HÁN VIỆT: CỔ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#291

鼓励

gǔ lì

khuyến khích, động viên

当学生在探索未知领域遇到挫折时，导师总会给予最温暖的理解并鼓励他们勇敢再试一次。

Dāng xué shēng zài tàn sù wèi zhī lǐng yù dào cuò zhé shí, dǎo shī zǒng huì jǐ yǔ zuì wēn nuǎn de lǐ jiě bìng gǔ lì tā men yǒng gǎn zài shì yí cì.

Khi học trò gặp vấp vấp trong hành trình khám phá những chân trời mới, người thầy hướng dẫn luôn dành sự thấu hiểu ấm áp nhất và động viên các em hãy dũng cảm thử lại lần nữa.

21 nét

HÁN VIỆT: CỔ LỆ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#292

鼓掌

gǔ zhǎng

vỗ tay

当年轻的小提琴家演奏完最后一个华彩音符时，全场听众不约而同地起立热烈鼓掌喝彩。

Dāng nián qīng de xiǎo tí qín jiā yǎn zòu wán zuì hòu yí gè huá cǎi yīn fú shí, quán chǎng tīng zhòng bù yuē tóng dì qǐ lì rè liè gǔ zhǎng hè cǎi.

Khi nghệ sĩ vĩ cầm trẻ tuổi tấu lên nốt nhạc thăng hoa cuối cùng, toàn thể khán giả trong khán phòng đồng loạt đứng dậy vỗ tay tán thưởng nồng nhiệt.

24 nét

HÁN VIỆT: CỔ CHƯỞNG

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#293

顾问

gù wèn

cố vấn, chuyên gia tư vấn

由两院资深院士组成的国家高端科技战略咨询委员会，作为国家最高决策智囊顾问团队发挥着关键支撑作用。

Yóu liǎng yuàn zī shēn yuàn shì zǔ chéng de guó jiā gāo duān kē jì zhàn lüè zī xún wěi yuán huì, zuò wéi guó jiā zuì gāo jué cè zhì nǎng gù wèn tuán duì fā huī zhe guān jiàn zhī chēng zuò yòng.

Hội đồng Tư vấn Chiến lược Khoa học Công nghệ Cao cấp Quốc gia bao gồm các viện sĩ lão thành của hai Viện Hàn lâm với tư cách là đội ngũ cố vấn túi khôn cho các quyết sách tối cao của đất nước đang phát huy vai trò hỗ trợ then chốt.

23 nét

HÁN VIỆT: CỔ VẤN

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#294

关怀

guān huái

quan tâm, chăm sóc, ân cần chăm sóc

社区党委与青年志愿者长期无微不至地关怀照顾独居孤寡老人，让他们真切感受到社会大家庭的温暖。

Shè qū dǎng wěi yǔ qīng nián zhì yuàn zhě cháng qī wú wéi bù zhì dì guān huái zhào gù dū jū gǔ guǎ lǎo rén, ràng tā men zhēn qiè gǎn shòu dào shè huì dà jiā tíng de wēn nuǎn.

Đảng ủy khu dân cư cùng các tình nguyện viên thanh niên trong thời gian dài đã ân cần quan tâm chăm sóc từ mĩ tới các cụ già neo đơn, giúp các cụ cảm nhận được sự ấm áp của mái ấm gia đình xã hội.

27 nét

HÁN VIỆT: QUAN HOÀI

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#295

关键

guān jiàn

then chốt, mấu chốt, chìa khóa

在应对复杂的突发危机公关事件时，迅速查明事实真相并诚恳透明地沟通是破局的关键所在。

Zài yìng duì fù zá de tú fā wēi jī gōng guān shì jiàn shí, xùn sù chá míng shì shí zhēn xiàng bìng chéng kěn tōu míng dì gōu tōng shì pò jú de guān jiàn suǒ zài.

Khi xử lý khủng hoảng truyền thông bất ngờ phức tạp, việc nhanh chóng làm sáng tỏ sự thật và giao tiếp chân thành minh bạch chính là chìa khóa then chốt tháo gỡ vấn đề.

26 nét

HÁN VIỆT: QUAN KIẾN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#296

冠军

guān jūn

quán quân, nhà vô địch

经过顽强拼搏与默契配合，我国青年女子排球队在世界锦标赛上力克强敌，勇夺世界冠军。

Jīng guò wán qiáng pīn bó yǔ mò qì pèi hé, wǒ guó qīng nián nǚ zǐ pái qiú duì zài shì jiè jīn biāo sài shàng lì kè qiáng dí, yǒng duó shì jiè guān jūn.

Trải qua quá trình thi đấu ngoan cường và phối hợp ăn ý, đội tuyển bóng chuyền nữ trẻ nước ta đã đánh bại đối thủ mạnh tại giải vô địch thế giới, xuất sắc giành ngôi vị quán quân thế giới.

20 nét

HÁN VIỆT: QUÁN QUÂN

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#297

光荣

guāng róng

vinh quang, quang vinh, vẻ vang

扎根边疆基层海岛默默奉献青春与汗水的广大边防官兵，是新时代最可爱、最光荣的英雄卫士。

Zhā gēn biān jiāng jī céng hǎi dǎo mò mò fèng xiàn qīng chūn yǔ hàn shuǐ de guāng dà biān fáng guān bīng, shì xīn shí dài zuì ài, zuì guāng róng de yīng xióng wèi shì.

Đồng đảo cán bộ chiến sĩ biên phòng bám trụ nơi hải đảo biên cương xa xôi âm thầm cống hiến tuổi xuân và mồ hôi là những người anh hùng canh giữ biên cương quang vinh và đáng yêu nhất thời đại mới.

21 nét

HÁN VIỆT: QUANG VINH



HSK 5 (3.0)

Danh từ

#298

光线

guāngxiàn

tia sáng, ánh sáng, luồng sáng

深空巡天空间望远镜能够精准捕捉百亿光年外极端微弱的古老星系光线，探索宇宙起源奥秘。

Shēn kōng xún tiān kōng jiān wàng yuǎn jìng néng gōu jīng zhǔn bǔ zhuō bǎi yì guāng xiàn wài jí duǎn wēi ruò de gǔ lǎo xīng xì guāng xiàn, tàn suǒ yǔ zhòu qǐ yuán ào mì.

Kính viễn vọng không gian khảo sát bầu trời không gian sâu có thể bắt trọn chuẩn xác luồng sáng tia sáng của các thiên hà cổ xưa cực kỳ yếu ớt cách xa hàng chục tỷ năm ánh sáng, khám phá bí ẩn nguồn gốc vũ trụ.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: QUANG TUYẾN

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#299

广

guǎng

rộng lớn, bao la; rộng khắp

广大科技工作者要胸怀祖国、放眼世界，把学术论文写在祖国广袤辽阔的大地上。

Guǎng dà kē jì gōng zuò zhě yào xiōng huái zǔ guó, fàng yǎn shì jiè, bǎ xué shù lùn wén xiě zài zǔ guó guǎng mào liáo kuò de dà dì shàng.

Đồng đảo những người làm công tác khoa học công nghệ cần mang trong tim Tổ quốc, hướng tầm mắt ra thế giới, viết những bài báo học thuật lên mảnh đất bao la rộng lớn bát ngát của Tổ quốc.

📖 14 nét

HÁN VIỆT: QUẢNG

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#300

广泛

guǎng fàn

rộng rãi, phổ biến, bao quát

该项绿色新型环保建材技术具有高强轻质的突出特性，在装配式建筑工程中得到了广泛推广应用。

Gāi xiàng lǜ sè xīn xíng huán bǎo jiàn cái jì shù jù yǒu gāo qiáng qīng zhì dì tǔ chū tè xìng, zài zhuāng pèi shì jiàn zhù gōng chéng zhōng dé dào le guǎng fàn tuī guāng yīng yòng.

Công nghệ vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường kiểu mới này sở hữu đặc tính nổi trội là cường độ cao mà trọng lượng nhẹ, đã được ứng dụng và phổ biến rộng rãi trong các công trình xây dựng lắp ghép.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: QUẢNG PHIẾM

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ

#301

规划

guī huà

quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn

国家编制并实施中长期科学和技术发展规划纲要，前瞻部署支撑未来产业发展的战略性新兴产业前沿技术。

Guó jiā biān zhì bìng shí shí zhōng cháng qī kē xué hé jì shù fā zhǎn guī huà gāng yào, qián zhān bù shǔ zhī chéng wèi lái chǎn yè fā zhǎn de zhǎn lǚ xīng qián yán jì shù.

Nhà nước xây dựng và triển khai Cương lĩnh Quy hoạch Phát triển Khoa học và Công nghệ Trung và Dài hạn, bố cục mang tầm nhìn đón đầu các công nghệ tiên phong mang tính chiến lược năng đỡ sự phát triển các ngành công nghiệp tương lai.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: QUY HOA

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#302

鬼

guǐ

ma quỷ; tinh quái, kỳ tài; tài tình

张家界大峡谷奇峰耸立、云雾缭绕，展现了大自然鬼斧神工的宏伟地质地貌奇观。

Zhāng jiā jiē dà xiá qí fēng sǒng lì, yún wù liáo rào, zhān xiàn le dà zì rán guǐ fǔ shén gōng de hóng wěi dì zhì dì mào qí guān.

Đại hẻm núi Trương Gia Giới những ngọn núi kỳ vĩ sừng sững, mây mù lượn quanh, phô diễn kỳ quan địa mạo địa chất hùng vĩ tài tình biến hóa khôn lường tựa bàn tay quỷ thần (quỷ phủ thần công) của thiên nhiên tạo hóa.

📖 9 nét

HÁN VIỆT: QUỴ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#303

柜子

guǐ zi

tủ, cái tủ chứa đồ

在古籍修复保护国家重点实验室内，数万卷珍贵善本文献被妥善保存在特制恒温恒湿实木柜子中。

Zài gǔ jí xiū fù bǎo hù guó jiā zhòng diǎn shí yàn shì lì, shù wàn juǎn zhēn guǐ shān běn wén xiàn bèi tuǒ shān bǎo cún zài tè zhì héng wēn héng shí shí mù guǐ zi zhōng.

Bên trong Phòng Thí nghiệm Trọng điểm Quốc gia Bảo tồn Phục chế Cổ tịch, hàng vạn cuốn văn hiến sách quý vô giá được cất giữ bảo tồn thỏa đáng bên trong chiếc tủ cái tủ bằng gỗ thật có độ ẩm và nhiệt độ không đổi đặc chế.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: QUỴ TỬ

HSK 5 (3.0)

Động từ

#304

滚

gǔn

lăn, cuộn; sôi (nước); cút đi

大江东去浪淘尽，滚滚长江水浩浩荡荡奔涌向东，哺育着中华大地世代儿女。

Dà jiāng dōng qù làng táo jìn, gǔn gǔn cháng jiāng shuǐ hào hào dǎng dǎng běn yǒng xiàng dōng, bǔ yù zhe zhōng huá dà dì dài ér nǚ.

Dòng sông cuộn cuộn chảy về đông sông cuộn trôi cát bụi, dòng nước Trường Giang cuộn cuộn đổ ra biển lớn nuôi dưỡng muôn thế hệ con cháu trên mảnh đất Trung Hoa.

📖 8 nét

HÁN VIỆT: CỎN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#305

锅

guō

cái nồi, cái chảo

寒冬腊月，全家人围坐在热气腾腾的铜火锅旁品尝美味，其乐融融、暖意融融。

Hán dōng là yuè, quán jiā rén wéi zuò zài rè qì téng téng de tóng huǒ guō páng pīn cháng měi wèi, qí lè róng róng, nuǎn yì róng róng.

Vào những ngày đông giá rét tháng Chạp, cả gia đình quây quần bên nồi lẩu đồng nghi ngút khói thường thức món ngon, không khí sum họp ấm cúng chan chứa niềm vui.

📖 14 nét

HÁN VIỆT: OÁ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#306

国籍

guó jí

quốc tịch

无论身处世界何方或取得何种荣誉，海外华人科学家始终心系故土，从未忘记自己的根脉。

Wú lùn shēn chǔ shì jiè hé fāng huò qǔ dé hé féng huò qǔ dé hé féng zhōng róng yù, hǎi wài huá rén kě xué jiā shǐ zhōng xīn xì gù tǔ, cóng wèi wàng jì zì jǐ de gēn mài.

Bất luận ở đâu trên thế giới hay đạt được danh dự gì, các nhà khoa học Hoa kiều luôn hướng về quê hương bản quán, chứa bao giờ quên đi cội nguồn gốc rễ của mình.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: QUỐC TỊCH



HSK 5 (3.0)

Danh từ

#307

国民

guómín

quốc dân, nhân dân trong nước

我国持续加大对基础教育与高素质技能培训的财政投入，全面提升全民族国民综合科学素养。

Wǒ guó chí xù jiā dà duì jī chǔ jiàoyù yǔ yǔ gāo sù zhì jī néng péi xùn de cái zhèng tóu rù, quán miàn tí shēng quán mín zú guó mín zōng hé kē xué sù yǎng.

Nước ta liên tục tăng cường đầu tư tài chính cho đào tạo kỹ năng tổ chức cao và giáo dục cơ bản, nâng cao toàn diện tổ chức khoa học tổng hợp của nhân dân quốc dân toàn dân tộc.

19 nét

HÁN VIỆT: QUỐC DÂN

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#308

过度

guò dù

quá mức, thái quá, quá độ

现代健康生活理念倡导劳逸结合与均衡饮食，坚决避免长期过度熬夜与过量摄入高糖高脂食品。

Xiàndài jiànkāng shēnghuó lǐniàn chàngdǎo láoyǐ jiéhé yǔ jūnhéng yǐnshí, jiǎnjué bì miǎn chángqī guò dù áoyè yǔ guòliàng shè rù gāo táng gāo zhǐ shí pǐn.

Quan niệm sống lành mạnh hiện đại để xướng kết hợp hài hòa giữa làm việc và nghỉ ngơi cùng chế độ ăn uống cân bằng, kiên quyết tránh thức đêm kéo dài quá mức và dung nạp quá nhiều thực phẩm chứa nhiều đường nhiều dầu mỡ.

20 nét

HÁN VIỆT: QUÁ ĐỘ

HSK 5 (3.0)

Động từ / Tính từ

#309

过敏

guò mǐn

dị ứng, mẫn cảm

春季花粉浓度较高，易过敏体质人群外出时建议佩戴防护口罩与防风眼镜。

Chūnjì huā fēn nóng dù jiào gāo, yì guò mǐn tǐ zhì rén qún wài chū shí pèi dài fáng hù kǒu zhào yǔ fáng fēng yǎn jìng.

Mùa xuân nồng độ phấn hoa trong không khí khá cao, những người có cơ địa dễ bị dị ứng khi ra ngoài nên đeo khẩu trang bảo hộ và kính chắn bụi.

17 nét

HÁN VIỆT: QUÁ Mẫn

HSK 5 (3.0)

Phó từ

#310

过于

guò yú

quá đối, quá mức, quá

青年科技人才在科学探索道路上既要有敢为人先的创新锐气，也要保持严谨求实作风，切忌过于急躁浮躁。

Qīng nián kējì rén cái zài kēxué tàn suǒ dào lù shàng jì yǒu yǒu gǎn rén xiān de chuàng xīn ruì qì, yě yào bǎo chí yǎn jǐn qiú shí zuò fēng, qiè jì guò yú jí zǎo fú zǎo.

Nhân tài khoa học công nghệ trẻ trên con đường thám hiểm khoa học vừa phải có khí thế sắc bén đối mới dám nghĩ dám làm, lại vừa phải giữ vững tác phong nghiêm cẩn cầu thị, chớ nên quá mức nôn nóng bốc đồng phủ phiem.

23 nét

HÁN VIỆT: QUÁ VU

HSK 5 (3.0)

Động từ / Thân từ

#311

咳

ké

ho, ho khan; ôi chao, than ôi (hài)

秋冬季节呼吸道传染病高发，专家提醒公众若出现持续剧烈咳嗽或发热应及时前往医院规范就诊。

Qiū dōng jì jié hū xī dào chuán rǎn bìng gāo fā, zhuān jiā tí xīng gōngzhòng ruò chū xiàn chí xù jù liè kē sōu huò fā rè yǐng jí shí qián wǎng yī yuàn guī fàn jiù zhěn.

Vào mùa thu đông các bệnh truyền nhiễm đường hô hấp xảy ra nhiều, chuyên gia nhắc nhở công chúng nếu xuất hiện tình trạng sốt hoặc ho ho khan dữ dội kéo dài nên kịp thời tới bệnh viện thăm khám chuẩn mực.

12 nét

HÁN VIỆT: HẠI

HSK 5 (3.0)

Động từ

#312

害

hài

làm hại

老师鼓励大家积极害，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí hài, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực làm hại, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

12 nét

HÁN VIỆT: HẠI

HSK 5 (3.0)

Động từ

#313

汗

hàn

mồ hôi

老师鼓励大家积极汗，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí hàn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực mồ hôi, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

9 nét

HÁN VIỆT: HĂN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#314

好运

hǎo yùn

vận may, điều may mắn tốt lành

越努力，越幸运；科学探索的真正好运永远只垂青于那些有准备、勇攀登、不懈求索的头脑。

Yuè nǔ lì, yuè xìng yùn; kēxué tàn suǒ de zhēn zhèng hǎo yùn yǒng yuǎn zhǐ chuí qīng yú nà xiē yǒu zhǔnbèi, yǒng pǎn dēng, bù xiè qiú suǒ de tóu nǎo.

Càng nỗ lực càng may mắn; điều may mắn vận may thực sự của thám hiểm khoa học vĩnh viễn chỉ mỉm cười ưu ái với những khối óc có sự chuẩn bị, dũng cảm trèo lên đỉnh cao và không ngừng tìm tòi.

24 nét

HÁN VIỆT: HẢO VẬN

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#315

号召

hào zhào

kêu gọi, hiệu triệu, phát động; lời kêu gọi

广大青年科技人才积极响应党和国家的崇高号召，主动奔赴国家重大科研攻关与西部建设第一线。

Guǎng dà qīng nián kējì rén cái jī jí xiǎng yīng dāng hé guó jiā de chóng gāo hào zhào, zhǔ dòng bēn fù guó jiā zhòng dà kē yán gōng guān yú xī bù jiàn shè dì yī xiàn.

Đồng bào nhân tài khoa học công nghệ trẻ tuổi đã tích cực hưởng ứng lời hiệu triệu cao cả của Đảng và Nhà nước, chủ động lên đường tiến về tuyến đầu của các đề tài nghiên cứu khoa học trọng đại và xây dựng miền Tây.

22 nét

HÁN VIỆT: GẢO THIỆU


HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#316

合并

hé bìng

sáp nhập, hợp nhất, gộp lại

在深化机构改革中, 多部门同类审批职能依法进行了深度合并重组, 实现了行政审批事项的高效集约办理。

Zài shēn huà jī gòu gǎi gé zhōng, duō bù mén tóng lèi shen pī zhǐ néng yī fǎ jìn xíng le shēn dù hé bìng chóng zǔ, shí xiàn le xíng zhèng shen pī shì xiàng de gāo xiào jí yuē bàn lǐ.

Trong việc đi sâu cải cách bộ máy tổ chức, các chức năng phê duyệt cùng loại của nhiều ban ngành đã được sáp nhập hợp nhất và tái cơ cấu chuyên sâu theo quy định pháp luật, thực hiện việc xử lý tập trung hiệu quả cao cho các thủ tục phê duyệt hành chính.

21 nét

HÁN VIỆT: CẤP TỊNH
HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#317

合成

hé chéng

tổng hợp, hợp thành (hóa học, quang học, âm thanh)

合成生物学国家重大科技基础设施实现了从基因组设计、高通量合成到底盘细胞构建的全流程自动化操作。

Hé chéng shēng wù xué guó jiā zhòng dà kē jì jī chǔ shè shǐ shí xiàn le cóng jī yīn zǔ shè jì, gāo tōng liàng hé chéng dào dǐ pán xì bào gòu jiàn de quán liú zì dòng huà cāo zuò.

Cơ sở hạ tầng khoa học công nghệ trọng đại quốc gia về sinh học tổng hợp đã thực hiện tự động hóa toàn quy trình từ thiết kế bộ gen, tổng hợp thông lượng cao cho tới xây dựng tế bào khung gầm.

19 nét

HÁN VIỆT: CẤP THÀNH
HSK 5 (3.0)

Danh từ / Lượng từ

#318

盒

hé

hộp, cái hộp; hộp (lượng từ)

科考队员把采集到的高纯度极地冰川微量气体样品, 极其小心地封装在专用防震低温冷藏盒内。

Kē kǎo duì yuán bǎ cǎi jí dào de gāo chún dù jí dì bīng chuān wēi lìàng qì tǐ yàng pǐn, jí qí xiǎo xīn dì fēng zhuāng zài zhuān yòng fáng zhèn dī wēn lěng cáng hé nèi.

Các đội viên khảo sát khoa học đã đóng gói niêm phong mẫu khí vi lượng băng hà vùng cực độ tinh khiết cao thu thập được vào trong chiếc hộp hộp bảo quản lạnh nhiệt độ thấp chống sốc chuyên dụng một cách vô cùng cẩn thận.

11 nét

HÁN VIỆT: HẠP
HSK 5 (3.0)

Danh từ

#319

盒饭

hé fàn

cơm hộp, suất cơm hộp

在抗击特大暴雨抢险救灾一线, 青年志愿者顶着风雨为前线奋战的抢险官兵送去一份份热腾腾的爱心盒饭。

Zài kàng jī tè dà bào yǔ qiǎng xiǎn jiù zài yī xiàn, qīng nián zhì yuàn zhě mēn dīng zhǎo fēng yǔ wèi qián xiàn fèn zhàn de qiǎng xiǎn guān bīng sòng qù yī fēn fēn rè téng téng de ài xīn hé fàn.

Nơi tuyến đầu cứu nạn cứu hộ thiên tai mưa bão đặc biệt lớn, các bạn tình nguyện viên trẻ đội mưa gió mang từng suất cơm hộp cơm hộp tình thương nóng hổi tới cho cán bộ chiến sĩ cứu nạn đang chiến đấu nơi tiền tuyến.

19 nét

HÁN VIỆT: HẠP PHẠN
HSK 5 (3.0)

Danh từ

#320

盒子

hé zi

cái hộp, chiếc trap

爷爷小心翼翼地打开那个珍藏了半个世纪的雕花紫檀木盒子, 里面珍藏着当年的军功章。

Yé yé xiǎo xīn yì yì dì dǎ kāi nà ge zhēn cáng le bàn gè shì jì de diāo huā zǐ tán mù hé zi, lǐ miàn zhēn cáng zhe dāng nián de jūn gōng zhāng.

Ông nội cẩn trọng mở chiếc hộp gỗ tử đàn chạm trổ tinh xảo được gìn giữ suốt nửa thế kỷ, bên trong lưu giữ những tấm huân chương chiến công năm nào.

22 nét

HÁN VIỆT: HẠP TỬ
HSK 5 (3.0)

Danh từ

#321

贺卡

hè kǎ

thiệp chúc mừng, bưu thiếp chúc Tết/chúc mừng

教师节来临之际, 海内外毕业生纷纷给功勋老教授寄来亲笔撰写的感恩贺卡, 表达崇高敬意。

Jiào shī jié lái lín zhī jì, hǎi nèi wài bì yè shēng fēn fēn gěi gōng xūn lǎo jiào shòu jì lái qīn bǐ zhuān xiě de gǎn ēn hè kǎ, biǎo dá chóng gāo jīng yì.

Nhân dịp Ngày Nhà giáo tới gần, các sinh viên tốt nghiệp trong và ngoài nước dồn dập gửi thiệp chúc mừng thiệp tri ân do chính tay mình viết tới các vị giáo sư có công lao lao thành để bày tỏ lòng tôn kính cao cả.

24 nét

HÁN VIỆT: HẠ CA
HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#322

恨

hèn

hận, oán hận; ân hận, nuối tiếc

少壮不努力, 老大徒伤悲; 年轻时不抓紧时间刻苦求知, 年老时会悔恨莫及。

Shǎo zhuàng bù nǔ lì, lǎo dà tú shāng bēi; niǎn qīng shí bù zhuā jīn shí jiān kè kǔ qiú zhī, niǎn lǎo shí dīng huì hèn mò jí.

Trẻ không gắng sức, già đành ngậm ngùi; tuổi trẻ không tranh thủ thời gian chăm chỉ học hành tìm kiếm tri thức thì khi về già nhất định sẽ ôm niềm hối hận khôn nguôi.

13 nét

HÁN VIỆT: HẬN
HSK 5 (3.0)

Danh từ

#323

猴

hóu

con khỉ

在我国西南国家级自然保护区茂密的热带雨林中, 珍稀濒危的金丝猴种群得到了极其严格的生态保护。

Zài wǒ guó xī nán guó jiā jí zì rán bǎo hù qū máo mī de rè dài yǔ lín zhōng, zhēn xī bīn wēi de jīn sī hóu zhǒng qún dé dào le jí qí yán gé de shēng tài bǎo hù.

Bên trong khu rừng mưa nhiệt đới rậm rạp của Khu Bảo tồn Thiên nhiên Cấp Quốc gia miền Tây Nam nước ta, quần thể loài khỉ con khỉ mũi héch lông vàng (Kim Ty Hầu) quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng đã nhận được sự bảo tồn sinh thái vô cùng nghiêm ngặt.

9 nét

HÁN VIỆT: HẦU
HSK 5 (3.0)

Danh từ

#324

后悔

hòu huǐ

hối hận, hối tiếc

人生没有回头路, 只要当时竭尽全力做出了无愧于内心的决定, 就绝不要在事后自怨后悔。

Rén shēng méi yǒu huí tóu lù, zhǐ yào dāng shí jìé jìn quán lì zuò chū liǎo wú kuī yú nèi xīn de jué dìng, jiù jué bù yào zài shì hòu zì yuàn hòu huǐ.

Đời người không có con đường quay đầu, chỉ cần khi ấy bạn đã dốc hết sức mình đưa ra quyết định không hối hận với lương tâm thì sau này tuyệt đối đừng oán trách hối hận.

16 nét

HÁN VIỆT: HẬU HỐI


HSK 5 (3.0)

Danh từ

#325

胡同儿

hútòngr

 ngõ ngách, con ngõ nhỏ cổ kính
(đặc trưng Bắc Kinh)

漫步在古色古香的北京传统胡同儿里，青砖灰瓦与古朴四合院诉说着悠久厚重的历史文化底蕴。

Màn bù zài gù sè gǔ xiāng de běi jīng chuán tǒng hú tòng ér lǐ, qīng zhuān huī wǎ yǔ gǔ pǎo sì hé yuàn sù shuō zhe yǒu jiǔ hòu zhòng de lì shǐ wén huà dǐ yùn.

Đạo bước bên trong con ngõ nhỏ ngõ ngách truyền thống Bắc Kinh cổ kính thắm ngát hương vị xưa, mái ngói xám tường gạch xanh cùng những ngôi nhà tứ hợp viện mộc mạc cổ xưa kể lại bề dày văn hóa lịch sử sâu sắc lâu đời.

33 nét

HÁN VIỆT : HỒ ĐỒNG NHÂN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#326

胡子

húzi

râu, chòm râu

为了抢在窗口期前攻克核心试验难题，总设计师连续在车间奋战数周，忙得连胡子都顾不上刮。

Wèi le qiǎng zài chuāng kǒu qī qián gōng kè hé xīn shì yàn nán tí, zǒng shè jì shī lián xù zài chē jiān fèn zhàn shù zhōu, máng dé lián hú zi dōu gù bù shàng guā.

Để tranh thủ chinh phục nan đề thực nghiệm cốt lõi trước thời điểm cửa sổ mở ra, vị tổng công trình sư đã liên tục chiến đấu nhiều tuần tại phân xưởng, bận rộn tới mức chòm râu râu ria cũng chẳng màng cạo.

21 nét

HÁN VIỆT : HỔ TỬ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#327

虎

hǔ

con hổ, cọp; dũng mãnh

东北虎豹国家公园全面加强生态廊道建设，野生东北虎种群数量呈现出生机盎然的持续恢复增长态势。

Dōng běi hǔ bào guó jiā gōng yuán quán miàn jiā qiáng shēng tài láng dào jiàn shè, yě shēng dōng běi hǔ zhǒng qún shù liàng xiàn chū shēng jī àng rán de chí xù huī fù zēng zhǎng tài shì.

Công viên Quốc gia Hồ Báo Đông Bắc tăng cường toàn diện việc xây dựng hành lang sinh thái, số lượng quần thể hổ cọp con hổ Đông Bắc hoang dã phổ biến xu thế phục hồi tăng trưởng liên tục tràn trề sức sống.

13 nét

HÁN VIỆT : HỔ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#328

华语

Huáyǔ

Hoa ngữ, tiếng Hoa, tiếng Trung Quốc

全球华语辩论锦标赛吸引了来自五大洲数十所世界知名顶尖名校的青年才俊同台竞技。

Quán qiú huá yǔ biàn lùn jīn biāo sài sài xī yǐn le lái zì wù dà zhōu shù shí suǒ shì jì zhī míng dīng jiān míng xiào de qīng nián cái jùn tóng tái jìng jì.

Giải Vô địch Tranh biện Hoa ngữ Tiếng Hoa Toàn cầu đã thu hút các anh tài trẻ tuổi đến từ hàng chục trường đại học danh tiếng hàng đầu thế giới thuộc năm châu lục cùng đứng chung sân khấu so tài thi đấu.

22 nét

HÁN VIỆT : HOA NGỮ

HSK 5 (3.0)

Động từ / Tính từ

#329

滑

huá

trượt, trượt băng/trượt tuyết; trơn nhẵn, trơn trượt

在冬奥会高山滑雪赛场上，我国冰雪健儿如离弦之箭般从陡峭雪道疾驰滑下，勇夺世界金牌。

Zài dōng ào huì gāo shān huá xuě sài chǎng shàng, wǒ guó bīng xuě jiàn ér rú lí xiǎn zhǐ jiàn bǎn cóng dòu qiào xuě dào jí chí huá xià, yǒng duó shì jiè jīn pái.

Trên đấu trường trượt tuyết trên núi cao Thế vận hội Mùa đông, vận động viên băng tuyết nước ta tựa như mũi tên rời cung lao vút trượt trượt băng xuống từ đường tuyết dốc đứng, xuất sắc giành huy chương vàng thế giới.

13 nét

HÁN VIỆT : HOẠT

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#330

化石

huà shí

hóa thạch, cổ sinh vật hóa thạch

我国古生物学家在辽宁热河生物群中发现了保存极其完好的带羽毛恐龙化石，为鸟类起源于兽脚类恐龙提供了铁证。

Wǒ guó gǔ shēng wù xué jiā zài liáo níng rè hé shēng wù qún zhōng fā xiàn le bǎo cún jí qí wán hǎo de dài yǔ máo kǒng lóng huà shí, wèi niǎo lèi qǐ yuán yú shòu jiǎo lèi kǒng lóng tí gòng le tiě zhèng.

Các nhà cổ sinh vật học nước ta bên trong quần xã sinh vật Nhiệt Hà (Jehol) ở Liêu Ninh đã phát hiện ra các mẫu hóa thạch khủng long có lông vũ được bảo tồn vô cùng nguyên vẹn, mang lại bằng chứng đánh thép chứng minh chim bắt nguồn từ khủng long chân thú.

25 nét

HÁN VIỆT : HOA THẠCH

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#331

划分

huà fēn

phân chia, phân định ranh giới, chia tách

国家依法科学划定生态保护红线、永久基本农田与城镇开发边界三条控制线，构建国土空间开发保护新格局。

Guó jiā yī fǎ kē xué huà dìng shēng tài bǎo hù hóng xiàn, yǒng jiǔ jī běn nóng tián yǔ chéng zhèn kāi fā biān jiè sān tiáo kòng zhì xiàn, gòu jiàn guó tǔ kōng jiān kāi fā bǎo hù xīn gé jú.

Nhà nước phân định phân chia ba đường ranh giới kiểm soát một cách khoa học theo quy định pháp luật: lần ranh đỏ bảo vệ sinh thái, đất nông nghiệp cơ bản vĩnh viễn và ranh giới phát triển đô thị, xây dựng cục diện mới về bảo vệ và khai thác không gian lãnh thổ.

24 nét

HÁN VIỆT : HOA PHÂN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#332

画面

huàmiàn

hình ảnh, khung hình, cảnh tượng trên màn ảnh

深空探测器传回了人类首张超高清火星地表全景彩色画面，清晰展现了远古峡谷地貌细节。

Shēn kōng tàn cè qì qī chuán huí le rén lèi shǒu zhāng chāo qīng huǒ xīng dì biāo quán jǐng cǎi sè huà miàn, qīng xī zhǎn xiàn le yuǎn gǔ xiá gǔ dì mào yǎn xiè.

Tàu thám trắc không gian sâu đã truyền về khung hình hình ảnh màu toàn cảnh bề mặt Sao Hỏa siêu nét đầu tiên của nhân loại, phỏ diễn rõ nét các chi tiết địa mạo hẻm núi thời viễn cổ.

20 nét

HÁN VIỆT : HOÀ DIỆN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#333

环节

huán jié

khâu, mắt xích, công đoạn trong quy trình

从基础理论研究、中试验证到产业化规模生产，必须打通科技成果转化全链条各个关键薄弱环节。

Cóng jī chǔ lǐ lùn yán jiū, zhōng shì yàn zhèng dào chǎn yè huà guǒ mó shēng chǎn, bì xū dǎ tōng kē jì chéng guǒ zhuǎn huà quán lián tiáo gè gè guān jiàn bó ruò huán jié.

Từ nghiên cứu lý thuyết cơ bản, kiểm nghiệm thử nghiệm quy mô pilot cho tới sản xuất quy mô công nghiệp hóa, bắt buộc phải khơi thông thông suốt từng mắt xích khâu yếu then chốt trên toàn bộ chuỗi chuyển giao thành quả khoa học công nghệ.

27 nét

HÁN VIỆT : HOÀN TIẾT


HSK 5 (3.0)

Tính từ / Động từ

#334

慌

huāng

hoảng loạn, hoang mang hoảng
hốt; lo sợ

面对复杂严峻的突发工程技术故障挑战，指挥员沉着冷静、从容不迫，丝毫不慌。

Miàn duì fù zá yǎn jùn de tū fā gōng chéng jì shù gǔ zhàng tiǎo zhàn, zhǐ huī yuán chén zhuó lěng jìng, cóng róng bù pò, sī háo bù huāng.

Đứng trước thử thách sự cố kỹ thuật công trình đột xuất hiểm nghèo phức tạp, người chỉ huy điềm tĩnh bình tĩnh, ung dung không vội vã, không hề hoảng loạn hoang mang chút nào.

10 nét

HÁN VIỆT: HOẢNG

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#335

慌忙

huāng máng

vội vã, cuống cuống, hoảng loạn
hấp tấp

在高层建筑发生火灾情时，必须保持冷静沉着并按照疏散指示标志有序撤离，切忌惊慌失措与慌忙盲目跳楼。

Zài gāo céng jiàn zhù fā shēng huǒ qíng shí, bì xū bǎo chí lěng jìng chén zhuó bìng àn zhào shǔ sàn zhǐ shì biāo zhǐ yǒu xù chè lí, qiè jì jīng huāng shī cuò yǔ huāng máng máng mù tiào lóu.

Khi xảy ra sự cố cháy tại các tòa nhà cao tầng, bắt buộc phải giữ vững sự bình tĩnh điềm đạm và sơ tán trật tự theo đúng biển chỉ dẫn thoát hiểm, tuyệt đối không được hoảng loạn cuống cuống hay nhảy lầu mù quáng.

20 nét

HÁN VIỆT: HOẢNG MANG

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#336

灰色

huī sè

màu xám, màu tro

经过几代林业科研人员坚持不懈的生态综合治理，昔日漫天黄沙的荒漠披上了郁郁葱葱的绿装，告别了单调的灰色。

Jīng guò jǐ dài lín yè kē yán rén yuán jiān chí bù xié de shēng tài zōng hé zhì lǐ, xī rì màn tiān huáng shā de huāng mò pī shàng le yù yù cōng cōng de lǜ zhuāng, gào bié le dān diào de huī sè.

Trải qua sự quản lý tổng hợp sinh thái kiên trì bền bỉ của nhiều thế hệ cán bộ nghiên cứu lâm nghiệp, sa mạc cát vàng ngợp trời thuở nào đã khoác lên mình tấm áo xanh tươi tốt bạt ngàn, giã từ màu xám màu tro đơn điệu.

20 nét

HÁN VIỆT: HÔI SẮC

HSK 5 (3.0)

Động từ

#337

恢复

huī fù

khôi phục, phục hồi, hồi phục

经过综合生态治理与禁渔涵养，长江流域的水生物种群数量与生态系统机能得到了显著恢复。

Jīng guò zōng hé shēng tài zhì lǐ yǔ jìn yú yán hán yǎng, cháng jiāng liú yù de shuǐ shēng wù zhǒng qún shù liàng yǔ shēng tài xì tǒng jī néng dé dào le xiǎn zhù huī fù.

Sau thời gian cải tạo sinh thái tổng hợp và cấm đánh bắt bảo tồn, số lượng quần thể thủy sinh vật và chức năng hệ sinh thái lưu vực sông Trường Giang đã được phục hồi rõ rệt.

27 nét

HÁN VIỆT: KHÔI PHỤC

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#338

回报

huí bào

báo đáp, đền đáp; lợi nhuận sinh lời

国家完善以知识价值为导向的收入分配激励制度，让优秀科研攻关团队获得合理而丰厚的回报。

Guó jiā wán shàn yǐ zhī shí jià zhǐ wéi dǎo xiàng de shōu rù fēn pèi jī lǐ zhì dù, ràng yōu xiù kē yán gōng guān tuán duì huò dé hé lǐ ér fēng hòu de huí bào.

Nhà nước hoàn thiện chế độ khích lệ phân phối thu nhập lấy định hướng gia tăng giá trị thức làm trọng tâm, giúp các nhóm nghiên cứu khoa học xuất sắc nhận được sự đền đáp và phần thưởng xứng đáng, hậu hĩnh.

26 nét

HÁN VIỆT: HỐI BÁO

HSK 5 (3.0)

Động từ

#339

回避

huí bì

né tránh, thoái thác; hồi ty (tự rút lui vì quan hệ)

在重大科技成果评审与国家级科研项目立项评审中，严格实行利益相关专家主动回避制度。

Zài zhòng dà kē jì chéng guǒ píng shěn yǔ guó jiā jí kē yán xiàng mù lì xiàng píng shěn zhōng, yán gé shí xíng lì yì xiāng guān zhuān jiā zhǔ dòng huí bì zhì dù.

Trong công tác thẩm định thành quả khoa học công nghệ trọng đại và thẩm định phê duyệt dự án nghiên cứu khoa học cấp quốc gia, thực thi nghiêm ngặt chế độ các chuyên gia có liên quan đến lợi ích phải chủ động xin rút lui (hồi ty).

25 nét

HÁN VIỆT: HỐI TỶ

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#340

回顾

huí gù

nhìn lại, hồi tưởng, điểm lại chặng đường

回顾中华民族五千多年文明史与近代百余年奋斗历程，更坚定了我们走中国特色社会主义道路的自信。

Huí gù zhōng huá mín zú wǔ qiān duō nián wén míng shǐ yǔ jìn dài bǎi yú nián fèn dòu lì chéng, gèng jiān dìng le wǒ men zǒu zhōng guó tè sè shè huì zhǔ yì dào lù de zì xìn.

Nhìn lại lịch sử văn minh hơn 5.000 năm của dân tộc và chặng đường hơn một trăm năm phấn đấu thời cận đại càng củng cố thêm niềm tin vững chắc của chúng ta bước đi trên con đường chủ nghĩa xã hội đặc sắc.

28 nét

HÁN VIỆT: HỐI CỔ

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#341

回收

huí shōu

thu hồi, tái chế thu hồi (rác, tàu vũ trụ, pin)

嫦娥六号返回舱携带人类首批月球背面珍贵月壤岩石样品在内蒙古预定着陆场成功受控安全回收。

Cháng é liù hào fǎn huí cāng xié dài rén lèi shǒu pǐ yuè qióu bēi miàn zhēn guì yuè rǎng yán shí yàng pīn zài nèi méng gǔ yù dìng zhù lù chǎng chéng gōng shōu kòng ān quán huí shōu.

Khoang hồi quyển của tàu thám hiểm Hằng Nga 6 mang theo những mẫu đất đá Mặt Trăng vô giá đầu tiên ở mặt sau Mặt Trăng của nhân loại đã được thu hồi kiểm soát an toàn thành công tại bãi đáp dự kiến ở Nội Mông.

25 nét

HÁN VIỆT: HỐI THU

HSK 5 (3.0)

Động từ / Phó từ

#342

回头

huítóu

quay đầu lại, ngoảnh lại; lát nữa, sau này

我们既然选择了科技自立自强的攻坚道路，就必须勇往直前、绝不走回头路。

Wǒ men jì rán xuǎn zé le kē jì zì lì zì qiáng de gōng jiǎn dào lù, jiù bì xū yǒng wǎng zhí qián, jué bù zǒu huí tóu lù.

Một khi chúng ta đã lựa chọn con đường vượt khó tự chủ tự cường khoa học công nghệ thì bắt buộc phải đứng cảm tiến lên phía trước, tuyệt đối không đi con đường quay đầu lại lùi bước.

24 nét

HÁN VIỆT: HỐI ĐẦU



HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#343

回信

huìxìn

hồi âm, viết thư trả lời; thư trả lời

收到国家最高科技奖获得者亲笔撰写的回信后，这群立志献身基础科学研究的青年学子倍感鼓舞。

Shòu dào guó jiā zuì gāo kē jì jiǎng huò dé zhě qīn bǐ zhuàn xiě de huí xìn hòu, zhè qún lì zhì xuēn shēn jī chǔ kē xué yán jiū de qīng nián xué zǐ bèi gǎn gǔ wǔ.

Sau khi nhận được thư trả lời hồi âm do chính tay người đoạt Giải thưởng Khoa học Công nghệ Cao nhất Quốc gia viết, nhóm sinh viên trẻ lập chí cống hiến cho nghiên cứu khoa học cơ bản này cảm thấy vô cùng được khích lệ cổ vũ.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: HỒI TÍN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#344

回忆

huíyì

hồi ức, kỷ ức, nhớ lại

每当翻开那些泛黄的毕业旧照片，大学时代青春飞扬的美好生活回忆便如潮水般涌上心头。

Měi dāng fān kāi nà xiē fàn huáng de bì yè jiù zhào piān, dà xué shí dài qīng chūn fēi yáng de měi hǎo shēng huó huó huí yì biàn rú cháo shuǐ bān yǒng shàng xīn tóu.

Mỗi khi lật mở những tấm ảnh tốt nghiệp cũ ngả màu thời gian, kỷ ức tươi đẹp của thời sinh viên tràn đầy sức sống tuổi trẻ lại ùa về dạt dào như sóng biển trong tâm trí.

📖 26 nét

HÁN VIỆT: HỒI ỨC

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#345

汇款

huìkuǎn

chuyển tiền qua ngân hàng, kiều hối

国家金融监管部门持续优化跨境支付清算基础设施，大幅降低了企业国际贸易汇款结算成本。

Guó jiā jīn róng jiān guǎn bù mén chí xù yōu huà kuà jìng zhī fù qīng suàn jī chǔ shè shī, dà fú jiàng dī le qǐ yè guó jì mào yì huì kuǎn jié suàn chéng běn.

Cơ quan giám sát tài chính quốc gia liên tục tối ưu hóa hạ tầng thanh toán bù trừ xuyên biên giới, giảm mạnh chi phí chuyển tiền kiều hối thanh toán thương mại quốc tế của doanh nghiệp.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: HỘI KHOẢN

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#346

会谈

huìtán

hội đàm, đàm phán hội kiến

两国科技部长在双边科学峰会期间举行了富有成效的双边会谈，达成了多项前沿科技合作共识。

Liǎng guó kē jì bù zhǎng zài duō biān kē xué fēng huì qī jiān jǔ xíng le fù yǒu chéng xiào de shuāng biān huì tán, dá chéng le duō xiàng qián yán kē jì hé zuò gòng shí.

Bộ trưởng Khoa học và Công nghệ hai nước trong thời gian diễn ra Hội nghị Thượng đỉnh Khoa học Đa phương đã tiến hành cuộc hội đàm đàm phán song phương đạt nhiều kết quả thực chất, đạt được nhiều nhận thức chung về hợp tác khoa học công nghệ tiên phong.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: HỘI ĐÀM

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#347

活力

huó lì

sức sống, sức sống dồi dào, sinh khí năng động

全面深化改革极大地激发了全社会的创新创造活力，为经济社会高质量发展注入了源源不断的澎湃动能。

Quán miàn shēn huà gāi gé jī fāng jī dà dī jī fā le quán shè huì de chuàng xīn chuàng zào huó lì, wéi jīng jì shè huì gāo zhì liàng fā zhǎn zhù rù le yuán yuán bù duàn de péng pài dòng néng.

Cải cách mở cửa sâu rộng toàn diện đã khơi dậy mạnh mẽ sức sống đổi mới sáng tạo của toàn xã hội, tiếp thêm nguồn động năng cuộn trào bất tận cho sự phát triển kinh tế xã hội chất lượng cao.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: HOẠT LỰC

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#348

活泼

huó pō

hoạt bát, sôi nổi, nhanh nhẹn

那个性格开朗活泼的小女孩不仅善解人意，而且能歌善舞，深受全校老师与同学们的喜爱。

Nà ge xìng gé kāi lǎng huó pō de xiǎo nǚ hái bù jǐn shàn jiě rén yì, ér qiě néng gē shàn wǔ, shēn shòu quán xiào lǎo shī yǔ tóng xué men de xī ài.

Cô bé có tính tình hoạt bát vui tươi ấy không chỉ biết lắng nghe thấu hiểu mà còn hát hay múa giỏi, được thầy cô và bè bạn toàn trường yêu mến.

📖 26 nét

HÁN VIỆT: HOẠT BÁT

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#349

火柴

huǒ chái

que diêm, bao diêm

安徒生经典童话《卖火柴的小女孩》以深沉的人道主义情怀，打动了全世界无数读者的心灵。

Ān tú shēng jīng diǎn tóng huà 《mài huǒ chái de xiǎo nǚ hái》 yǐ shēn chén de rén dào zhǔ yì qíng huái, dǎ dòng le quán shì jiè wú shù dú zhě de xīn líng.

Truyện cổ tích kinh điển 'Cô bé bán diêm' của Andersen với tình cảm nhân đạo sâu lắng đã lay động hàng triệu trái tim độc giả trên khắp thế giới.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: HOẢ SÀI

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#350

火腿

huǒ tuǐ

thịt đùi hun khói, thịt giăm bông, giăm bông (kim hoa)

我国传统非遗金华火腿选用优质土猪后腿经过数年自然发酵熟化，色泽红润、香气浓郁醇厚。

Wǒ guó chuán tǒng fēi yí jīn huá huǒ tuǐ xuǎn yòng yōu zhì tǔ zhū hòu tuǐ jīng guò shù nián zì rán fā jiào shú huà, sè zé hóng rùn, xiāng qì nóng yù chún hòu.

Đặc sản giăm bông thịt đùi hun khói Kim Hoa di sản phi vật thể truyền thống của nước ta lựa chọn đùi sau lợn bản chất lượng cao trải qua nhiều năm ủ chín lên men tự nhiên, sắc đỏ tươi tắn, hương thơm nồng nàn thuần hậu.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: HOẢ THỐI

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#351

火灾

huǒ zāi

hỏa hoạn, vụ cháy

国家林业和草原局利用高分辨率遥感卫星与无人机巡护网络，实现了对森林草原火灾的秒级实时预警。

Guó jiā lín yè hé cǎo yuán jú lì yòng gāo fēn biān lǜ yǎng sǎo fēn biàn lù yāo gǎn wèi xīng yǔ wú rén jī xún hù wǎng lù, shí xiàn le duì sēn lín cǎo yuán huǒ zāi de miǎo jí shí shí yǔ jǐng.

Cục Quản lý Động cỏ và Lâm nghiệp Quốc gia sử dụng mạng lưới máy bay không người lái tuần tra và vệ tinh viễn thám độ phân giải cao đã thực hiện cảnh báo sớm thời gian thực cấp độ giây đối với hỏa hoạn vụ cháy rừng và đồng cỏ.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: HOẢ TAI



HSK 5 (3.0)

Liên từ

#352

或是

huòshì

hoặc là, hay là

无论是投身基础前沿科学探索，或是服务于大国重器工程攻坚，广大青年都展现出了卓越的使命担当。

Wú lùn shì tóu shēn jī chǔ qián yán kē xué tàn suǒ, huò shì fú wú yú dà guó zhòng qì gōng chéng gōng jiān, guāng dà qīng nián dòu zhān xiàn chū le zhuó yuè de shǐ mìng dān dāng.

Bất kể là cống hiến cho thám hiểm khoa học cơ bản tiên phong, hoặc là hay là phụng sự trận đánh vượt khó công trình đại khí quốc gia, đông đảo thanh niên đều phổ diễn tinh thần gánh vác sứ mệnh trách nhiệm.

17 nét

HÁN VIỆT: HOẶC THÌ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#353

机器人

jīqìrén

người máy, rô-bốt (robot)

在智能化汽车总装车间里，数百台工业机器人与人协同作业，精准完成车身焊接与涂装工序。

Zài zhì néng huà qì chē zǒng zhuāng chē jiān lǐ, shù bǎi tái gōng yè jī qì rén xié tóng zuò yè, jīng zhǔn wán chéng chē shēn hàn jiē yǔ tú zhuāng gōng xù.

Bên trong phân xưởng lắp ráp tổng thể ô tô thông minh hóa, hàng trăm cánh tay rô-bốt người máy công nghiệp cùng hiệp đồng thao tác, hoàn thành chuẩn xác các công đoạn sơn và hàn thân xe.

26 nét

HÁN VIỆT: CƠ KHÍ NHÂN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#354

机制

jīzhì

cơ chế, cơ chế vận hành hệ thống

我们要深化科技体制改革，健全科技成果转化与青年人才多元评价激励机制。

Wǒ men yào shēn huà kē jì tǐ zhì gǎi gé, jiàn quán kē jì chéng guǒ gāo xiào zhuān huà yǔ qīng nián rén cái duō yuán píng jià jī zhì.

Chúng ta phải đi sâu cải cách thể chế khoa học công nghệ, hoàn thiện cơ chế cơ chế vận hành khích lệ và đánh giá đa nguyên nhân tài trẻ tuổi cùng chuyển đổi hiệu quả cao thành quả khoa học công nghệ.

21 nét

HÁN VIỆT: CƠ CHẾ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#355

肌肉

jīròu

cơ bắp, bắp thịt

科学规律的力量抗拒训练配合充足的优质蛋白质补充，能有效促进肌肉合成与骨骼健康。

Kē xué guī lǜ de lì liàng kàng jù xùn liàn pèi hé chōng zú de yōu zhì dàn bái zhǐ bǔ chōng, néng yǒu xiào cù jìn jī ròu hé chéng yǔ gǔ gé jiàn kāng.

Việc tập luyện kháng lực khoa học và điều độ kết hợp bổ sung đầy đủ protein chất lượng cao có thể thúc đẩy hiệu quả quá trình tổng hợp cơ bắp và bảo vệ xương khớp.

22 nét

HÁN VIỆT: CƠ NHỤC

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#356

基地

jīdì

căn cứ, cơ sở nghiên cứu/sản xuất

我国在戈壁荒漠规划建设了数亿千瓦级大型风电光伏清洁能源基地，全力打造国家绿色能源供给大动脉。

Wǒ guó zài gē bì huāng mò guī huà jiàn shè le shù yì qiān wǎ jī dà xíng fēng diàn guāng fú qīng néng yuán jī dì, quán lì dǎ zào guó jiā lǜ sè néng yuán gòng jǐ dà dòng mài.

Nước ta tại các vùng sa mạc hoang mạc Gobi đã quy hoạch xây dựng các căn cứ năng lượng sạch quang điện và phong điện cỡ lớn quy mô hàng trăm triệu kilowatt, dốc toàn lực kiến tạo đại động mạch cung ứng năng lượng xanh quốc gia.

23 nét

HÁN VIỆT: CƠ ĐỊA

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#357

基金

jījīn

quỹ, quỹ tài chính, quỹ tài trợ

国家自然科学基金设立了青年科技人才专项资助基金，重点支持三十五岁以下优秀青年学者自主开展前沿原创研究。

Guó jiā zì rán kē xué jījīn shè lì le qīng nián kē jì rén cái zhuān xiàng zī zhù jījīn, zhòng diǎn zhī chí sān shí wǔ suì yǔ xià yōu xiù qīng nián xué zhě zì zhǔ kāi zhǎn qián yán chuàng yuán jiū.

Quỹ Khoa học Tự nhiên Quốc gia đã thành lập quỹ tài trợ chuyên đề dành cho nhân tài khoa học công nghệ trẻ tuổi, tập trung hỗ trợ các nhà nghiên cứu trẻ tuổi xuất sắc dưới 35 tuổi tự chủ triển khai các nghiên cứu nguyên tắc tiên phong.

24 nét

HÁN VIỆT: CƠ KIM

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#358

即使

jíshǐ

cho dù, dẫu cho, ngay cả khi

即使前行的道路上布满荆棘与未知险阻，我们也绝不轻言退缩，定要奋力拼搏到底。

Jí shǐ qián xíng de dào lù mǎn bù mǎn jīng jí yǔ wèi zhī xiǎn zǔ, wǒ men yě jué bù qīng yán tuì suǒ, dìng yào fèn lì pīn bó dào dǐ.

Dẫu cho chặng đường phía trước có đầy chông gai và hiểm trở khôn lường, chúng ta cũng tuyệt đối không chùn bước, quyết tâm nỗ lực phấn đấu tới cùng.

24 nét

HÁN VIỆT: TỨC SỬ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#359

集团

jítuán

tập đoàn, tập đoàn kinh tế doanh nghiệp

国家骨干能源企业集团大力推进风光水火储多能互补一体化基地建设，筑牢国家能源安全坚强防线。

Guó jiā gǔ gàn néng yuán qì yè jítuán dà lì tuī jìn fēng guāng shuǐ huǒ chǔ duō néng hù bǔ yī tǐ huà jī dì jiàn shè, zhù láo guó jiā néng yuán ān quán jiān qiáng fáng xiàn.

Tập đoàn doanh nghiệp năng lượng rừng cột của đất nước đẩy mạnh xây dựng căn cứ tích hợp bổ trợ đa năng lượng giữa điện gió, điện mặt trời, thủy điện, nhiệt điện và tích trữ năng lượng, xây đắp vững chắc phòng tuyến an ninh năng lượng quốc gia.

19 nét

HÁN VIỆT: TẬP ĐOÀN

HSK 5 (3.0)

Động từ

#360

挤

jǐ

bóp

老师鼓励大家积极挤，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jǐ, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực bóp, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

13 nét

HÁN VIỆT: TẾ


HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ

#361

记忆

jì yì

trí nhớ, ký ức; ghi nhớ

这些珍贵的老照片定格了半个世纪前建设者的奋斗英姿，唤醒了城市几代人的温暖记忆。

Zhèxiē zhēn guì de lǎo zhàopiàn dīng gé le bàn gè shì jì qián jiàn shè zhě de fèn dòu yīng zī, huàn xǐng le chéng shì jǐ dài rén de wēn nuǎn jì yì.

Những bức ảnh cũ quý giá này đã lưu lại tư thế hiên ngang phấn đấu của những người kiến thiết cách đây nửa thế kỷ, đánh thức ký ức ấm áp của nhiều thế hệ người dân đô thị.

24 nét

HÁN VIỆT : KÝ ỨC

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#362

技能

jì néng

kỹ năng, tay nghề chuyên môn

国家大力推进现代职业教育高质量发展，着力培养一大批具备精湛高超专业技能的大国工匠与高素质技术技能人才。

Guójiā dà lì tuī jìn xiàndài zhí yè jiàozhī yù gāo zhì liàng fá zhǎn, zhuó lì péi yǎng yì dà pǐ jù bēi jīng zhàn gāo chāo zhuān yè jì néng de dà guó gōng jiàng yǔ gāo sù zhì jì shù jì néng rén cái.

Nhà nước đẩy mạnh phát triển giáo dục nghề nghiệp hiện đại chất lượng cao, tập trung đào tạo một đội ngũ đông đảo các thợ cả đại đức của đất nước cùng nhân tài kỹ thuật kỹ năng chất lượng cao sở hữu tay nghề kỹ năng chuyên môn tinh xảo tuyệt đỉnh.

20 nét

HÁN VIỆT : KỸ NĂNG

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#363

继承

jì chéng

kế thừa, thừa kế, nối tiếp (truyền thống, di sản)

新时代青年学子当继承和发扬老一辈科学家心怀祖国、艰苦奋斗的崇高爱国情操，勇做科技强国生力军。

Xīn shí dài qīng nián xué zǐ dāng jì chéng hé fá yáng lǎo yī bèi kē xué jiā xīn huái zǔ guó, jiǎn kǔ fèn dòu de chóng gāo ài guó qīng cāo, yǒng zuò kē jì qiáng guó shēng lì jūn.

Học sinh sinh viên thanh niên thời đại mới cần kế thừa và phát huy tinh cảm yêu nước cao đẹp luôn hướng về Tổ quốc, gian khổ phấn đấu của các nhà khoa học tiên bối, dũng cảm làm lực lượng sinh lực xây dựng cường quốc khoa học công nghệ.

17 nét

HÁN VIỆT : KẾ THỪA

HSK 5 (3.0)

Động từ

#364

加热

jiā rè

gia nhiệt, đun nóng, làm nóng

在核聚变实验装置中，科学家通过超大功率射频电磁波将等离子体加热到上亿摄氏度超高温。

Zài hé jù biàn shí yàn zhāng zhì zhōng, kē xué jiā tōng guò chāo dà gōng lǜ shì pín diàn cí bō jiāng děng lí zì tǐ jiā rè dào shàng yì shì dù chāo gāo wēn dù.

Bên trong thiết bị thực nghiệm nhiệt hạch, các nhà khoa học thông qua sóng điện từ tần số vô tuyến công suất siêu lớn đã đun nóng gia nhiệt plasma lên nhiệt độ siêu cao trên một trăm triệu độ C.

27 nét

HÁN VIỆT : GIA NHIỆT

HSK 5 (3.0)

Động từ / Liên từ

#365

加上

jiā shàng

thêm vào, cộng thêm; hơn nữa lại

扎实过硬的基础理论功底，加上持之以恒的求索毅力，是攻克前沿科学顶尖难题的关键要素。

Zhā shí guò yìng de jī chǔ lǐ lùn gōng dǐ, jiā shàng chí zhǐ yǐ héng de qiú suǒ yì lì, shì gōng kè qián yán kē xué dīng jiǎn nán tí de guān jiàn yào sù.

Nền tảng lý luận cơ bản vững vàng xuất sắc, cộng thêm thêm vào đó nghị lực tìm tòi kiên trì bền bỉ, chính là yếu tố then chốt để chinh phục những nan đề đỉnh cao khoa học tiên phong.

21 nét

HÁN VIỆT : GIA THƯỜNG

HSK 5 (3.0)

Động từ

#366

加速

jiā sù

tăng tốc, đẩy nhanh tốc độ, gia tốc

国家重大科学基础设施强流重离子加速装置全面建成，有力加速了我国核物理前沿探索步伐。

Guójiā zhòng dà kē xué jī chǔ shī shè shí qiáng liú zhòng lí zǐ jiā sù zhāng zhì quán miàn jiàn chéng, yǒu lì jiā sù le wǒ guó hé wù lǐ qián yán tàn suǒ bù fá.

Cơ sở hạ tầng khoa học trọng đại quốc gia thiết bị máy gia tốc gia tốc ion nặng dòng cường độ cao đã xây dựng hoàn thành toàn diện, đẩy nhanh tăng tốc mạnh mẽ bước chân thám hiểm tiên phong vật lý hạt nhân nước ta.

26 nét

HÁN VIỆT : GIA TỐC

HSK 5 (3.0)

Động từ / Liên từ

#367

加以

jiā yǐ

tiến hành, đem ra xử lý (đối với việc gì)

对于关键实验中出现的任何异常物理测量数据，科研人员都必须高度重视并加以深入分析排查。

Duì yú guān jiàn shí yàn zhōng chū xiàn de rènhé yì cháng wù lǐ cè liáng shù jù, kē yán rén yuán dōu bì xū gāo dù zhòng shì bìng jiā yǐ shēn rù fēn xī pái chá.

Đối với bất kỳ số liệu đo đạc vật lý bất thường nào xuất hiện trong các thực nghiệm then chốt, cán bộ nghiên cứu đều bắt buộc phải hết sức coi trọng và tiến hành đưa ra phân tích rà soát sâu sắc.

23 nét

HÁN VIỆT : GIA DĨ

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#368

夹

jiā

kẹp, cặp chặt; cái kẹp, kẹp tài liệu

在老一辈战略科学家的工作笔记本中，夹着一张当年在西北试验基地攻坚克难的泛黄历史合影。

Zài lǎo yī bèi zhàn lüè kē xué jiā de gōng zuò bǐ jì běn zhōng, jiā zhe yì zhāng dāng nián zài xī běi shì yàn jī dì gōng jiān kè nán de fàn huáng lì shǐ hé yǐng.

Bên trong cuốn sổ tay công tác của nhà khoa học chiến lược tiên bối kẹp một bức ảnh chụp chung lịch sử ở vàng thời vượt khó chinh phục thử thách tại căn cứ thử nghiệm miền Tây Bắc năm xưa.

8 nét

HÁN VIỆT : GIÁP

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#369

甲

jiǎ

Giáp (can đầu tiên), hạng nhất (A), áo giáp, móng tay

经过严格的多轮技术指标盲评，该方案在全体参评项目中脱颖而出，被评定为甲级优质方案。

Jīng guò yán gé de duō lún jì shù zhǐ biāo máng píng, gāi fāng àn zài quán tǐ cān píng xiàng mù zhōng tuō yǐng érchū, bèi píng dīng wéi jiǎ jí yōu zhì fāng àn.

Trải qua nhiều vòng đánh giá mù nghiêm ngặt về các chỉ tiêu kỹ thuật, phương án này đã vượt lên dẫn đầu trong toàn bộ các dự án tham gia và được xếp hạng là phương án xuất sắc hạng A.

8 nét

HÁN VIỆT : GIÁP


HSK 5 (3.0)

Danh từ

#370

价

jià

giá, giá cả, giá trị; hóa trị

新型绿色化学储能技术利用变价金属离子的高效可逆氧化还原反应，实现了超长寿命安全储能。

Xīn xíng lǜ sè huà xué chǔ néng jī shù lì yòng biàn jià jīn shǔ lí zì de gāo xiào kě nì yuǎn huán yuán fǎn yīng, shí xiàn le chāo cháng shòu mìng ān quán chǔ néng.

Công nghệ lưu trữ năng lượng hóa học xanh kiểu mới tận dụng phản ứng oxy hóa khử thuận nghịch hiệu quả cao của các ion kim loại biến hóa trị giá, thực hiện việc lưu trữ năng lượng an toàn với tuổi thọ siêu dài.

14 nét

HÁN VIỆT : GIÁ

HSK 5 (3.0)

Động từ

#371

驾驶

jià shǐ

lái xe, điều khiển (phương tiện)

在雨雪冰冻等极端恶劣天气条件下驾驶机动车辆出行，必须保持安全车距并减速慢行。

Zài yǔ xuě bīng dòng děng jí duǎn è liè tiān qì tiáo jiàn xià jià shǐ jī dòng chē ché liàng chū xíng, bì xū bǎo chí ān quǎn chē jù bìng jiǎn sù mǎn xíng.

Khi điều khiển phương tiện cơ giới lưu thông trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt như mưa tuyết đường trơn đóng băng, bắt buộc phải giữ khoảng cách an toàn và đi chậm cẩn thận.

22 nét

HÁN VIỆT : GIÁ SỬ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#372

驾照

jiàzhào

bằng lái xe, giấy phép lái xe

公安交管部门全面推行机动车驾驶证（电子驾照）全国一网通办与电子化亮证服务。

Gōng ān jiāo guǎn bù mén quán miàn tuī xíng jī dòng chē jià zhào quán guó yī wǎng tōng bàn yǔ diàn zǐ huà liàng zhèng fú wù.

Bộ phận quản lý giao thông công an đẩy mạnh toàn diện dịch vụ xuất trình giấy phép điện tử và làm thủ tục một cổng thông suốt trên toàn quốc đối với giấy phép lái xe bằng lái xe cơ giới.

18 nét

HÁN VIỆT : GIÁ CHIẾU

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Động từ

#373

坚定

jiān dìng

kiên định, vững vàng, kiên quyết

面对各种风险挑战与风浪考验，我们必须保持战略定力，坚定不移走中国特色社会主义现代化道路。

Miàn duì gè zhǒng fēng xiǎn tiǎo zhàn yǔ fēng làng kǎo yàn, wǒ men bì xū bǎo chí zhàn lüè dìng lì, jiān dìng bù yí zǒu zhōng guó tè sè shè huì zhǔ yì xiàn dài huà dào lù.

Đứng trước muôn vàn thách thức rủi ro cùng thử thách sóng gió, chúng ta bắt buộc phải giữ vững định lực chiến lược, kiên định không ngừng bước đi trên con đường hiện đại hóa chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc.

20 nét

HÁN VIỆT : KIÊN ĐỊNH

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#374

间接

jiàn jiē

gián tiếp

高水平科技自立自强不仅直接推动了高新技术产业跃升，更通过产业链溢出效应间接带动了数百万个高质量就业岗位。

Gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng bù jīn zhí jiē tuī dòng le gāo xīn jì shù chǎn yè yuè shēng, gèng tōng guo chǎn yè lián yì chǔ xiào yīng jiàn jiē dài dòng le shù bǎi wàn gè gāo zhì liàng jiù yè gǎng wèi.

Tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao không chỉ trực tiếp thúc đẩy ngành công nghệ cao phát triển nhảy vọt, mà thông qua hiệu ứng lan tỏa chuỗi công nghiệp còn gián tiếp tạo ra hàng triệu vị trí việc làm chất lượng cao.

17 nét

HÁN VIỆT : GIÁN TIẾP

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#375

肩

jiān

vai, bờ vai; gánh vác

新时代青年科技工作者要主动肩负起历史赋予的崇高使命，在科技强国征程中勇挑重担。

Xīn shí dài qīng nián kē jì gōng zuò zhě yào zhǔ dòng jiān fù qǐ lì shǐ fù yǔ de chóng gāo shǐ mìng, zài kē jì qiáng guó zhēng chéng zhōng yǒng tiǎo zhòng dān.

Những người làm công tác khoa học công nghệ thanh niên thời đại mới cần chủ động gánh vác trên vai gánh vác sứ mệnh cao đẹp do lịch sử trao gửi, dũng cảm đảm đương việc lớn trên hành trình xây dựng cường quốc khoa học công nghệ.

10 nét

HÁN VIỆT : KIÊN

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#376

艰苦

jiān kǔ

gian khổ, khắc nghiệt, vất vả

老一辈地质工作者在极其艰苦的高原戈壁条件下风餐露宿，为国家探明了宝贵的战略矿产资源。

Lǎo yī bèi dì zhì gōng zuò zhě zài jí qí jiān kǔ de gāo yuán gē bì tiáo jiàn xià fēng cān lù sù, wéi guó jiā tàn míng liáo báo guì de zhàn lüè kuàng chǎn zī yuán.

Các thế hệ cán bộ địa chất đi trước trong điều kiện gian khổ khắc nghiệt nơi sa mạc cao nguyên đã dãi gió dầm sương, thăm dò và tìm ra những nguồn tài nguyên khoáng sản chiến lược quý giá cho Tổ quốc.

19 nét

HÁN VIỆT : GIAN KHỔ

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#377

艰难

jiān nán

gian nan, khó khăn gian khổ, trắc trở

经过无数代拓荒者筚路蓝缕的艰难创业，昔日寸草不生的荒芜荒漠终于变成了生机勃勃的现代化塞上绿洲。

Jīng guò wú shù dài tuò huāng zhě bì lù lán lǚ de jiān nán chuàng yè, xī rì cùn cǎo bù shēng de huāng wú huāng mò zhōng yú biàn chéng le shēng jī bó bó de xiān dài huà sài shàng lǜ zhōu.

Trải qua hành trình dựng nghiệp gian nan vượt khó khai hoang mở cõi của biết bao thế hệ, vùng đất sa mạc hoang vu năm nào không một ngọn cỏ nay cuối cùng đã biến thành ốc đảo xanh hiện đại tràn trề sức sống ngoài biên cương.

24 nét

HÁN VIỆT : GIAN NAN

HSK 5 (3.0)

Động từ

#378

减轻

jiǎn qīng

giảm nhẹ, làm vơi bớt, giảm bớt

通过全面推行科研经费“包干制”与简化表格填报，切实减轻了青年科研人员的不必要行政事务负担。

Tōng guo quán miàn tuī xíng kē yán jīng fèi "bāo gān zhì" yǔ jiǎn huà biǎo gé tián bào, qiè shí jiǎn qīng le qīng nián kē yán yuán de bù bì yào xíng zhèng shì wù fù dān.

Thông qua việc đẩy mạnh toàn diện 'chế độ khoán trọn gói' kinh phí nghiên cứu khoa học và tinh giản kê khai biểu mẫu, đã làm vơi bớt giảm nhẹ thiết thực gánh nặng sự vụ hành chính không cần thiết cho cán bộ nghiên cứu trẻ.

24 nét

HÁN VIỆT : GIẢM KHINH



HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#379

剪

jiǎn

cắt, bấm tỉa; cái kéo

在大国重器总装线上，电气工程师手持专业绝缘剪，极其精准地修剪高密度航天天线束接头。

Zài dà guó zhòng qì zǒng zhuāng xiàn shàng, diàn qì gōng chéng shī shǒu chí zhuān yè jué yuán jiǎn, jí qí jīng zhǔn dì xiū jiǎn gāo mì dù háng tiān xiàn shù jiē tóu.

Trên dây chuyền lắp ráp tổng thể đại khí quốc gia, kỹ sư điện tay cầm chiếc kéo cắt tỉa cách điện chuyên dụng, cắt bấm tỉa cực kỳ chuẩn xác các đầu nối bộ dây điện hàng không vũ trụ mật độ cao.

8 nét

HÁN VIỆT: TIẾN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#380

剪刀

jiǎn dāo

cây kéo, kéo cắt

民间剪纸艺人手持一把灵巧的小剪刀，在红纸上翻飞起舞，片刻间便剪出了一幅活灵活现的生肖窗花。

Mín jiān jiǎn zhī yì rén shǒu chí yī bǎ líng qiǎo de xiǎo jiǎn dāo, zài hóng zhǐ shàng fān fēi qǐ wǔ, piàn kè jiān biàn jiǎn chū le yī fú huó líng huó xiàn de shēng xiào chuāng huā.

Nghệ nhân cắt giấy dân gian cầm cây kéo nhỏ thoăn thoắt uốn lượn trên nền giấy đỏ, chỉ trong chớp lát đã cắt nên một bức tranh dân dã số hình con giáp sống động như thật.

22 nét

HÁN VIỆT: TIẾN ĐẠO

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#381

剪子

jiǎn zi

cái kéo, cây kéo (thủ công)

非遗传承人手持一把灵巧的特制小剪子，在薄薄的红纸上行云流水般剪出了精美绝伦的生肖剪纸作品。

Fēi yí chuán chéng rén shǒu chí yī bǎ líng qiǎo de tè zhì xiǎo jiǎn zi, zài báo báo de hóng zhǐ shàng háng yún liú shuǐ bān jiǎn chū le jīng měi jué lún de shēng xiào jiǎn zhī zuò pín.

Nghệ nhân kế thừa di sản phi vật thể tay cầm một chiếc cây kéo cái kéo nhỏ đặc chế thanh thoát, trên tờ giấy đỏ mỏng manh đã cắt tỉa uyển chuyển như mây trôi nước chảy tạo nên tác phẩm cắt giấy 12 con giáp tinh xảo tuyệt luân.

19 nét

HÁN VIỆT: TIẾN TỬ

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#382

检验

jiǎn yàn

kiểm nghiệm, kiểm tra thẩm định; sự thử thách

实践是检验真理的唯一标准；任何前沿科学假说都必须经受住严苛客观的实验复现与实践应用检验。

Shí jiàn shì jiǎn yàn zhēn lǐ de wéi yī biāo zhǔn; rèn hé qián yán kē xué jiǎ shuō dōu bì xū jīng zhù yáng kǎi guān de shí yàn fù xiàn yǔ shí jiàn yìng yòng jiǎn yàn.

Thực tiễn là thước đo duy nhất để kiểm nghiệm chân lý; bất kỳ giả thuyết khoa học tiên phong nào cũng bắt buộc phải vượt qua sự kiểm nghiệm nghiêm ngặt khách quan của việc tái lập thực nghiệm và ứng dụng thực tiễn.

22 nét

HÁN VIỆT: KIỂM NGHIỆM

HSK 5 (3.0)

Động từ

#383

建造

jiàn zào

xây dựng, kiến tạo, đóng tạo

中国空间站的成功建造并全面转入应用与发展新阶段，展现了大国重器的雄厚科技实力。

Zhōng guó kōng jiān zhàn de chéng gōng jiàn zào bìng quán miàn zhuǎn rù yìng yòng yǔ fā zhǎn xīn jiē duàn, zhǎn xiàn le dà guó zhòng qì de xiōng hòu kē jì shí lì.

Việc xây dựng kiến tạo thành công Trạm vũ trụ Trung Quốc và chuyển toàn diện sang giai đoạn mới phát triển và ứng dụng đã phổ biến thực lực khoa học công nghệ hùng hậu của đại khí quốc gia.

25 nét

HÁN VIỆT: KIẾN TẠO

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ

#384

建筑

jiàn zhù

kiến trúc, công trình kiến trúc; xây dựng

中国古代榫卯结构木构建筑在历经数百年多次强震洗礼后依然傲然挺立，展现了惊人的营造智慧。

Zhōng guó gǔ dài sǔn mǎo jié gòu mù gòu jiàn zhù zài lì jīng shù bǎi nián duō cì qiáng zhèn xǐ lǐ hòu yī rán ào rán tǐng lì, zhǎn xiàn le jīng rén de yīng zào zhì huì.

Các công trình kiến trúc gỗ kết cấu mộng ngàm thời cổ đại của Trung Quốc sau khi trải qua nhiều trận động đất mạnh suốt hàng trăm năm vẫn vững vững uy nghiêm, thể hiện trí tuệ kiến trúc đáng kinh ngạc.

25 nét

HÁN VIỆT: KIẾN TRÚC

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Động từ

#385

健全

jiàn quán

hoàn thiện, kiện toàn, lành mạnh đầy đủ

建立健全覆盖全人群、全生命周期的高水平医疗卫生保障与疾病预防控制体系，全力护佑人民群众生命健康。

Jiàn lì jiàn quán fù gài quán rén qún, quán shēng míng zhōu qī de gāo shuǐ píng yī liáo wèi shēng bǎo zhàng yǔ jí bìng yù fáng kòng zhì tǐ xì, quán lì hù yòu rén mín qún zhòng shēng míng jiàn kāng.

Xây dựng và hoàn thiện kiện toàn hệ thống kiểm soát phòng ngừa dịch bệnh cùng bảo đảm y tế sức khỏe trình độ cao bao phủ toàn bộ dân cư và toàn vòng đời, dốc toàn lực bảo vệ tính mạng và sức khỏe cho quần chúng nhân dân.

18 nét

HÁN VIỆT: KIẾN TOÀN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#386

键

jiàn

phím, nút bấm; liên kết hóa học

化学科研团队通过超快飞秒激光精准探测到了分子内部化学键断裂与重组的超快动力学过程。

Huà xué kē yán tuán duì tōng guò chāo kuài fēi miǎo jī guāng jīng zhǔn tàn cè dào le fēn zǐ nèi bù huà xué jiàn duàn liè yǔ chóng zǔ de chāo kuài dòng lì xué guò chéng.

Nhóm nghiên cứu khoa học hóa học thông qua laser siêu nhanh femtosecond đã dò tìm chuẩn xác quá trình động lực học siêu nhanh của sự tái tổ hợp và đứt gãy liên kết hóa học phim liên kết bền trong phân tử.

13 nét

HÁN VIỆT: KIẾN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#387

键盘

jiàn pán

bàn phím (máy tính, đàn)

程序员指尖在机械键盘上飞快敲击，伴随着清脆悦耳的段落声音，一行行优雅的代码跃然屏上。

Chéng yǔ yuán zhǐ jiān zài jī xié jiàn pán shàng fēi kuài qiāo jī, bàn suí zhe qīng cuī yuē ěr de duàn lù shēng yīn, yí xíng xíng yōu yǎ de dài mã yuè rán píng shàng.

Đầu ngón tay người lập trình viên gõ thoăn thoắt trên bàn phím cơ, đi cùng những âm thanh gõ phím giòn giã êm tai, từng dòng mã nguồn trang nhã hiện lên sáng rực trên màn hình.

23 nét

HÁN VIỆT: KIẾN BÀN


HSK 5 (3.0)

Phó từ / Giới từ

#388

将

jiāng

sẽ, sắp; đem, lấy (giới từ tương đương 把)

新一代深空探测卫星将于下月在文昌航天发射场点火升空，全面开启太阳系边际探测任务。

Xīn yí dài shēn kōng tàn cè wèi xīng jiāng yú xià yuè zài wén chāng háng tiān fā shè chǎng diǎn huǒ shēng kōng, quán miàn kāi qǐ tài yáng xì biān jì tàn cè rèn wù.

Vệ tinh thám trắc không gian sâu thế hệ mới sẽ sắp được điểm hỏa phóng bay lên trời vào tháng sau tại Bãi phóng Hàng không Vũ trụ Văn Xương, mở ra toàn diện nhiệm vụ thám trắc ranh giới Thái Dương hệ.

11 nét

HÁN VIỆT: TƯƠNG

HSK 5 (3.0)

Phó từ

#389

将要

jiāng yào

sắp, sắp sửa, sẽ chuẩn bị

历经数年紧张攻关建设，国家重大科技基础设施主体工程将要全面竣工并投入常态化运行。

Lì jīng shù nián jīn zhāng gōng guān jiàn shè, guó jiā zhòng dà kē jì jī chǔ shè shì zhǔ tǐ gōng chéng jiāng yào quán miàn jùn gōng bìng tóu rù cháng tái huà yùn xíng.

Trải qua nhiều năm khẩn trương xây dựng vượt khó, công trình phần thân của cơ sở hạ tầng khoa học công nghệ trọng đại quốc gia sắp sửa sẽ chuẩn bị hoàn công toàn diện và đưa vào vận hành thường xuyên.

24 nét

HÁN VIỆT: TƯƠNG YÊU

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#390

奖励

jiǎng lì

khen thưởng, trao thưởng; phần thưởng danh dự

国家隆重召开科学技术奖励大会，对在战略前沿科技与重大工程攻坚中作出杰出贡献的科研团队实施重奖。

Guó jiā lóng zhòng zhào kāi kē xué jì shù jiǎng lì dà huì, duì zài zhàn yán lüè qián yán kē jì yǔ zhòng dà gōng chéng gōng jian zhòng xué zuò chū jié chū gòng xiàn de kē yán tuán duì shí shī zhòng jiǎng.

Nhà nước đã long trọng tổ chức Đại hội Trao Giải thưởng Khoa học và Công nghệ Quốc gia, trao thưởng lớn cho các nhóm nghiên cứu khoa học có cống hiến kiệt xuất trong công trình vượt khó trọng đại và khoa học công nghệ tiên phong chiến lược.

18 nét

HÁN VIỆT: THƯỜNG LỆ

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#391

交代

jiāo dài

bàn giao, dẫn dắt; khai báo; câu trả lời thỏa đáng

老科学家在退休前夕，把毕生珍贵的实验手稿与未竟的科研课题毫无保留地慎重交代给青年学术骨干。

Lǎo kē xué jiā zài tuì xiū qián xī, bǎ bì shēng zhēn guì de shí yán shǒu gǎo yǔ wèi jìng de kē yán kè tí háo wú bǎo liú dì shèn zhòng jiāo dài gěi qīng nián xué shù gǔ gàn.

Vào đêm trước khi nghỉ hưu, vị nhà khoa học lão thành đã cẩn trọng bàn giao toàn bộ các bản thảo thực nghiệm quý giá cả đời cùng các đề tài nghiên cứu còn dang dở cho các cán bộ học thuật cốt cán trẻ mà không giấu giếm chút nào.

16 nét

HÁN VIỆT: GIAO ĐẠI

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#392

郊区

jiāo qū

ngoại ô, vùng ven đô

每逢周末春光明媚，许多市民喜欢自驾前往生态优美宁静的城市郊区休闲度假露营。

Měi féng zhōu mò chūn guāng míng mèi, xǔ duō shì mǐn xǐ huān zì jià qián wǎng shēng tài yōu měi níng jìng de chéng shì jiāo qū xiū xián dù jià lǚ yíng.

Mỗi dịp cuối tuần nắng xuân chan hòa, rất nhiều người dân thích lái xe về vùng ngoại ô thanh bình phong cảnh sinh thái hữu tình để nghỉ ngơi cắm trại thư giãn.

22 nét

HÁN VIỆT: GIAO ÂU

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#393

胶带

jiāo dài

băng keo, băng dính

实验员使用特制耐高温绝缘胶带，严密固定并包裹高精度超导实验腔体外部的传感测温导线。

Shí yàn yuán shǐ yòng tè zhì nài gāo wēn jué yuán jiāo dài, yán mì gù dìng bǐng bāo guō gāo jīng mì chāo dǎo shí yàn qiāng tǐ wài bù de chuán gǎn cè wēn dǎo xiǎn.

Thí nghiệm viên sử dụng băng dính băng keo cách điện chịu nhiệt độ cao đặc chế, cố định chặt chẽ và bao bọc các dây dẫn đo nhiệt độ cảm biến bên ngoài buồng thực nghiệm siêu dẫn độ chính xác cao.

19 nét

HÁN VIỆT: GIAO ĐỐI

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#394

胶水

jiāo shuǐ

keo dán, hồ dán

在制作高精度手工航模时，请选用速干环保型专业模型专用树脂胶水进行粘接。

Zài zhì zuò gāo jīng dù shǒu gōng háng mó shí, qǐng xuǎn yòng sù gān huán bǎo xíng zhuān yòng mó xíng zhuān yòng shù zhī jiāo shuǐ jìn xíng zhān jiē.

Khi làm mô hình máy bay thủ công có độ chính xác cao, xin hãy chọn loại keo dán nhựa chuyên dụng cho mô hình khô nhanh và thân thiện với môi trường.

19 nét

HÁN VIỆT: GIAO THUỶ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#395

脚步

jiǎo bù

bước chân, nhịp bước, bước đi

尽管科学探索的前进道路充满未知坎坷，但广大科技工作者勇攀高峰的坚实脚步从未停歇。

Jìn guǎn kē xué tàn suǒ de qián jìn dào lù chōng mǎn wèi zhī kǎn kē, dàn guǎng dà kē jì gōng zuò zhě yǒng pān gāo fēng de jiān shí jiǎo bù cóng wèi tíng xiē.

Dẫu con đường tiến lên phía trước của thám hiểm khoa học ngập tràn chông gai và điều chưa biết, nhưng bước chân bước đi vững chắc dũng cảm trên đỉnh cao của đồng đội người làm khoa học chưa bao giờ ngừng nghỉ.

23 nét

HÁN VIỆT: CƯỚC BỘ

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#396

接触

jiē chù

tiếp xúc, tiếp cận, va chạm

多去科技馆与大自然中亲身体验，能够让孩子们尽早接触前沿科学知识并开阔眼界。

Duō qù kē jì guān yǔ dà zì rán zhōng qīn shēn tǐ yàn, néng gòu ràng hái zǐ men jìn zǎo jiē chù qián yán kē xué zhī shí bìng kāi kuò yǎn jiē.

Thường xuyên đến các bảo tàng khoa học và hòa mình trải nghiệm ngoài thiên nhiên sẽ giúp các em nhỏ sớm được tiếp cận với tri thức khoa học tiên phong và mở rộng tầm nhìn hiểu biết.

18 nét

HÁN VIỆT: TIẾP XÚC



HSK 5 (3.0)

Phó từ

#397

接连

jiē lián

liên tiếp, liên tục, nối tiếp

我国深空探测与载人航天工程接连取得历史性突破，多次向全球公开发布颠覆性重大科学原创成果。

Wǒ guó shēn kōng tàn cè yǔ zài rén háng tiān gōng chéng jiē lián qǔ dé lì shǐ xìng tǔ pò, duō cì xiàng quán qiú gōng kāi fā bù diǎn fù xīng zhòng dà kē xué yuán chuàng chéng guǒ.

Công trình hàng không vũ trụ có người lái và thám hiểm không gian sâu nước ta liên tiếp đạt được những đột phá mang tính lịch sử, nhiều lần công khai công bố các thành quả khoa học nguyên tác trọng đại mang tính cách mạng tới toàn thế giới.

20 nét

HÁN VIỆT: TIẾP LIÊN

HSK 5 (3.0)

Động từ

#398

解除

jiě chú

giải trừ, gỡ bỏ, bãi bỏ (cảnh báo, lệnh cấm)

经过多轮严密的地质稳定性勘测与应急加固，防汛抗旱指挥部依法正式解除了特大滑坡险段的黄色预警。

Jīng guò duō lún yán mì de dì zhì wěn dìng xīng kǎn cè yǔ yǐng jí jiā gù, fáng xùn kǎng hàn zhǐ huī bù yǐ fǎ zhèng shì jiě chú le tè dà huá pō xiǎn duàn de huáng sè yù jǐng.

Trải qua nhiều đợt khảo sát độ ổn định địa chất nghiêm ngặt và gia cố khẩn cấp, ban chỉ huy phòng chống thiên tai theo luật định đã chính thức giải trừ gỡ bỏ mức cảnh báo màu vàng đối với đoạn nguy hiểm có nguy cơ sạt lở lớn.

21 nét

HÁN VIỆT: GIẢI TRỪ

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#399

解放

jiě fàng

giải phóng, cởi trói (tư tưởng, sức lao động)

以生成式人工智能为代表的先进数字化工具，正在极大解放脑力劳动者的重复性生产力。

Yǐ shēng chéng shì rén gōng zhì néng wèi dài biào de xiān jìn shù zì huà gōng jù, zhèng zài jí dà jiě fàng nǎo lì láo dòng zhě de chóng fù xìng shēng chǎn lì.

Những công cụ kỹ thuật số tiên tiến với đại diện là trí tuệ nhân tạo tạo sinh đang giải phóng mạnh mẽ sức lao động lặp đi lặp lại của những người lao động trí óc.

25 nét

HÁN VIỆT: GIẢI PHÓNG

HSK 5 (3.0)

Động từ

#400

戒

jiè

bỏ cuộc

老师鼓励大家积极戒，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí jiè, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực bỏ cuộc, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

12 nét

HÁN VIỆT: GIỚI

HSK 5 (3.0)

Lượng từ

#401

届

jiè

khóa, kỳ, lần (hội nghị, khóa học)

第三届全球数字贸易博览会吸引了来自上百个国家和地区的数千家领军企业同台参展。

Dì sān jiè quán qiú shù zì mào yì bō lǎn huì xī yǐn le lái zì shàng bǎi ge guó jiā hé qū de shù qiān jiā lǐng jūn qǐ yè tóng tái cān zhǎn.

Hội chợ Thương mại Số Toàn cầu lần thứ 3 đã thu hút hàng nghìn doanh nghiệp đầu ngành đến từ hàng trăm quốc gia và vùng lãnh thổ cùng nhau tham gia trưng bày triển lãm.

9 nét

HÁN VIỆT: GIỚI

HSK 5 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#402

今日

jīn rì

hôm nay, ngày hôm nay, thời nay

今日之中国，正以生机勃勃、昂扬奋进的崭新姿态，阔步走在以中国式现代化全面推进强国建设的康庄大道上。

Jīn rì zhī zhōng guó, zhèng yǐ shēng jī bó bó, áng yáng fèn jìn de zhǎn xīn zī tài, kuò bù zǒu zài yǐ zhōng guó shì xiàn dài huà quán miàn tuī jìn qiáng guó jiàn shè de kāng zhuāng dà dào shàng.

Trung Quốc của ngày hôm nay hôm nay thời nay, đang bằng tư thế hoàn toàn mới ngập tràn sức sống và hăng hái tiến lên, sải bước dài trên đại lộ thịnh vượng hiện đại hóa kiểu Trung Quốc thúc đẩy toàn diện xây dựng đất nước giàu mạnh.

22 nét

HÁN VIỆT: KIM NHẬT

HSK 5 (3.0)

Liên từ

#403

尽管

jǐn guǎn

dù cho, dầu rằng, cứ việc

尽管科研攻关的道路上充满了未知与艰难险阻，团队依然坚定不移地向既定目标奋进。

Jǐn guǎn kē yán gōng guān de dào lù shàng chōng mǎn le wèi zhī yǔ jiān nán xiǎn zǔ, tuán duì yī rán jiān dìng bù yí de xiàng jì dìng mù biāo fèn jìn.

Dầu cho chặng đường đột phá nghiên cứu khoa học ngập tràn những ẩn số và gian nan trắc trở, cả đội ngũ vẫn kiên định không lay chuyển tiến về mục tiêu đã định.

20 nét

HÁN VIỆT: TẬN QUẢN

HSK 5 (3.0)

Phó từ

#404

尽可能

jǐn kě néng

hết sức có thể, cố gắng tối đa trong khả năng

在重大科学实验方案设计中，必须尽可能消除外界温度波动与震动干扰对测量精度的微小影响。

Zài zhòng dà kē xué shí yàn fāng àn shè jì zhōng, bì xū jǐn kě néng xiāo chú wài jiè wēn dù bō dòng yǔ zhèn dòng gān rǎo duì cè liáng jīng dù de wēi xiǎo yǐng xiǎng.

Trong thiết kế phương án thực nghiệm khoa học trọng đại, bắt buộc phải cố gắng tối đa hết sức có thể triệt tiêu những ảnh hưởng vì mô của sự chấn động và biến động nhiệt độ bên ngoài đối với độ chính xác đo đạc.

32 nét

HÁN VIỆT: TẬN KHẢ NĂNG

HSK 5 (3.0)

Phó từ

#405

紧紧

jǐn jǐn

chặt chẽ, siết chặt, khăng khít

我们要紧紧围绕国家重大战略需求，坚持科技自立自强，全力攻克卡脖子关键核心技术瓶颈。

Wǒ men yào jǐn jīn wéi rào guó jiā zhòng dà zhàn lüè xū qiú, jiān chí kē jì zì lì zì qiáng, quán lì gōng kè qiā bó zǐ guān jiàn hé xīn jì shù píng jīng.

Chúng ta phải bám sát chặt chẽ khăng khít nhu cầu chiến lược trọng đại của quốc gia, kiên trì tự chủ tự cường khoa học công nghệ, dốc toàn lực chinh phục nút thắt công nghệ cốt lõi then chốt nghẽn cổ chai.

16 nét

HÁN VIỆT: KHẮN KHẮN



HSK 5 (3.0)

Phó từ / Danh từ

#406

近来

jìn lái

gần đây, gần đây, thời gian qua

近来, 我国在量子计算、深海探测与新能源汽车等战略前沿科技领域, 重大科技创新成果密集涌现。

Jìn lái, wǒ guó zài liàng zǐ jì suàn, shēn hǎi tàn cè yǔ xīn néng yuán qì chéng dēng zhàn lüè qián yán kē jì lǐng yù, zhòng dà kē jì chuàng xīn chéng guó mǐ jī yōng xiǎn.

Gần đây, trong các lĩnh vực khoa học công nghệ tiên phong chiến lược như tính toán lượng tử, thám hiểm biển sâu và xe ô tô năng lượng mới của nước ta, các thành quả đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ trong dài liên tục bùng nổ xuất hiện dày đặc.

📖 22 nét

HÁN VIỆT CẬN LAI

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#407

进化

jìn huà

tiến hóa, sự tiến hóa sinh học

中国古生物学家通过寒武纪大爆发化石群的系统研究, 深刻揭示了地球早期复杂多细胞生命起源与进化的壮丽画卷。

Zhōng guó gǔ shēng wù xué jiǎ tǒng guò hán wǔ jì dà bào fā huà shí qún de xī tǒng yán jiū, shēn kè jiē shì le dì qiú zǎo qī fù zá duō xī bāo shēng mìng qǐ yuán yǔ jìn huà de zhuàng lì huà juǎn.

Các nhà cổ sinh vật học Trung Quốc thông qua nghiên cứu có hệ thống về quần thể hóa thạch bùng nổ kỷ Cambri đã hé lộ sâu sắc bức tranh tráng lệ về sự khởi nguồn và tiến hóa của sự sống đa bào phức tạp thời kỳ sơ khai của Trái Đất.

📖 20 nét

HÁN VIỆT TIẾN HOA

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#408

经费

jīng fèi

kinh phí, ngân sách chi tiêu, nguồn vốn nghiên cứu

国家持续加大对基础前沿学科的财政科研经费支持力度, 全面推行基于信任的科研经费“包干制”管理。

Guó jiā chí xù jiā dà duì jī chǔ qián yán xué kē de cái zhèng kē yán jīng fèi zhī chí lì dù, quán miàn tuī xíng jī yú xìn rèn de kē yán jīng fèi "bāo gān zhì" guǎn lǐ.

Nhà nước liên tục tăng cường nguồn kinh phí nghiên cứu khoa học ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các môn học tiên phong cơ bản, phổ biến toàn diện cơ chế quản lý kinh phí nghiên cứu khoa học theo hình thức 'Khoản trọn gói' dựa trên sự tin cậy.

📖 25 nét

HÁN VIỆT KINH PHÍ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#409

景象

jǐng xiàng

cảnh tượng, khung cảnh, quang cảnh

秋季广袤辽阔的农田里金浪翻滚、机声隆隆, 呈现出一派五谷丰登、喜获丰收的壮丽景象。

Qiū jì guǎng mào liáo kuò de nóng tián lǐ jīn làng fān gǔn, jī shēng lóng lóng, chéng xiàn chū yī pài wǔ gǔ fēng dēng, xǐ huò fēng shōu de zhuàng lì jǐng xiàng.

Vào mùa thu trên những cánh đồng bao la bát ngát sóng vàng cuộn trào, tiếng máy gặt vang rộn rã, hiện ra một cảnh tượng quang cảnh tráng lệ mùa màng bội thu ngũ cốc đầy bổ.

📖 23 nét

HÁN VIỆT CẢNH TƯỢNG

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#410

警告

jǐng gào

cảnh cáo, cảnh báo nghiêm khắc; lời cảnh cáo

国家气象预警中心向受强降雨影响的重点沿江地区紧急发布了最高级别暴雨红色警告, 要求各地全面严阵以待。

Guó jiā qì xiàng yù jǐng zhōng xīn xiàng shòu qiáng jiàng yǔ yǐng xiǎng de zhòng diǎn yǎng jiāng dì qū jǐn jí fā bù le zuì gāo jí bié bào yǔ hóng sè jǐng gào, yāo qiú gè dì quán miàn yán zhèn yǐ dài.

Trung tâm Cảnh báo Khí tượng Quốc gia đã khẩn cấp ban bố cảnh báo đỏ mưa to cấp cao nhất tới các khu vực trọng điểm ven sông chịu ảnh hưởng của mưa bão lớn, yêu cầu các địa phương chuẩn bị tư thế sẵn sàng toàn diện đối phó.

📖 20 nét

HÁN VIỆT CẢNH CÁO

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ

#411

竞赛

jìng sài

cuộc thi tài, thi đấu, đua tài

全国大学生智能汽车竞赛与创新创业大赛, 为培养拔尖工程创新人才搭建了极具挑战性的实战实训平台。

Quán guó dà xué shēng zhì néng qì chē jìng sài yǔ chuàng xīn chuàng yè dà sài, wèi péi yǎng bá jiā gōng chéng chuàng xīn rén cái dǎ jiàn le jí jù tiǎo zhàn xíng de shí zhān shí xùn píng tái.

Cuộc thi Xe Thông minh và Đổi mới Sáng tạo Khởi nghiệp dành cho Sinh viên Đại học Toàn quốc đã tạo nên một nền tảng thực chiến thực hành đầy tính thử thách để bồi dưỡng nhân tài đổi mới sáng tạo công trình xuất sắc.

📖 23 nét

HÁN VIỆT CẠNH TÀI

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#412

竞争

jìng zhēng

cạnh tranh, thi đua

在日新月异的高科技市场竞争中, 只有持续加大研发投入并掌握核心技术才能立于不败之地。

Zài rì xīn yuè yì de gāo kē jì shì chǎng jìng zhēng zhōng, zhǐ yǒu chí xù jiā dà yán fā tóu rù bīng zhāng wò hé xīn jī shù cái néng lì yú bù bài zhī dì.

Trong cuộc cạnh tranh khốc liệt trên thị trường công nghệ cao thay đổi từng ngày, chỉ có liên tục đầu tư cho nghiên cứu phát triển và làm chủ công nghệ lõi mới giữ vững được vị thế bất bại.

📖 20 nét

HÁN VIỆT CẠNH TRANH

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#413

酒鬼

jiǔ guǐ

kẻ say rượu, ma men, bợm nhậu

全社会大力倡导文明健康的生活方式, 坚决杜绝酗酒滋事与酒后危险驾驶等违法不良行为。

Quán shè huì dà lì chàng wén míng jiàn kāng de shēng huó fāng shì, jiǎn jué dù xué xū jiū zǐ shì yǔ jiǔ hòu wēi xiǎn jià shǐ shì dēng wéi fǎ bù liáng xíng wéi.

Toàn xã hội ra sức kêu gọi lối sống văn minh lành mạnh, kiên quyết bài trừ các hành vi xấu xa vi phạm pháp luật như bợm nhậu say xỉn gây rối ma men và lái xe nguy hiểm sau khi uống rượu.

📖 21 nét

HÁN VIỆT TỬU QUỶ

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#414

救灾

jiù zāi

cứu trợ thiên tai, cứu tế khắc phục thảm họa

国家防汛抗旱应急指挥部紧急调拨中央抢险救灾物资, 全力支持受灾地区抢修恢复基础设施。

Guó jiā fáng xùn kàng hàn yǐng jǐ zhǐ huī bù jīn jī diào bō zhōng yāng qiǎng xiǎn jiù zāi wù zǐ, quán lì zhī chí shòu zāi dì qū qiǎng xiū huī fù jī chǔ shè shī.

Ban Chỉ huy Ứng phó Khẩn cấp Chống hạn và Phòng chống Lũ lụt Quốc gia đã khẩn cấp điều chuyển vật tư cứu tế cứu trợ thiên tai của Trung ương, dốc toàn lực hỗ trợ các vùng bị thiên tai sửa chữa khẩn cấp phục hồi cơ sở hạ tầng.

📖 18 nét

HÁN VIỆT CỨU TÀI



HSK 5 (3.0)

Phó từ

#415

居然

jū rán

lại có thể, không ngờ, thế mà (bất ngờ)

这台已经在高真空超低温环境下连续无故障运转十年的仪器，各项精密参数居然依然保持在出厂标准之内。

Zhè tái yǐ jīng zài gāo zhēn kōng chāo dī wēn huán jīng xià lián xù wú gù zhàng yùn zhuǎn shí nián de yí qì, gè xiàng jīng mì cān shù jū rán yī rán bǎo chí zài chū chǎng biāo zhǔn zhī nèi.

Chiếc máy móc đã vận hành liên tục không một lỗi lầm trong môi trường chân không cao và nhiệt độ siêu thấp suốt 10 năm này, mọi thông số chính xác thế mà lại vẫn duy trì nguyên vẹn trong tiêu chuẩn xuất xưởng.

21 nét

HÁN VIỆT: CƯ NHIÊN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#416

局面

jú miàn

cục diện, tình thế, bối cảnh toàn diện

我国加快构建以国内大循环为主体、国内国际双循环相互促进的新发展格局，开创了高质量发展新局面。

Wǒ guó jiā kuài gòu jiàn yǐ guó nèi dà xún huán wéi zhǔ tǐ, guó nèi guó jì shuāng xún huán xiāng jìn hù cù jìn de xīn fā zhǎn gé jú, kāi chuāng le gāo zhì liàng fā zhǎn xīn jú miàn.

Nước ta đẩy nhanh xây dựng cục diện phát triển mới lấy tuần hoàn lớn trong nước làm chủ thể, tuần hoàn kép trong nước và quốc tế thúc đẩy lẫn nhau, mở ra một cục diện mới phát triển chất lượng cao.

23 nét

HÁN VIỆT: CỤC DIỆN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#417

局长

jú zhǎng

cục trưởng, người đứng đầu cơ quan cục

国家知识产权局局长在新闻发布会上指出，我国发明专利有效拥有量已位居全球前列。Guó jiā zhī shǐ quán jú zhǎng jù jù zhàng zài xīn wén fā bù huì shàng zhǐ chū, wǒ guó fā míng zhuān lì yǒu xiào yōng yǒu liàng yǐ wèi jū quán qiú qián liè.

Cục trưởng Cục Sở hữu Trí tuệ Quốc gia tại buổi họp báo đã chỉ ra rằng, số lượng sở hữu bằng sáng chế phát minh có hiệu lực của nước ta đã đứng trong top đầu toàn cầu.

23 nét

HÁN VIỆT: CỤC TRƯỞNG

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#418

举动

jǔ dòng

hành động, nghĩa cử, cử chỉ hành vi

青年科学家扎根边疆荒漠数十载投身治沙事业的崇高举动，深深感动了全社会亿万人民群众。

Qīng nián kē xué jiā zhā gēn biān jiāng huāng mò shù shí zǎi tóu shēn zhì shā shì yè de chóng gāo jǔ dòng, shēn shēn gǎn dòng le quán shè huì yì wàn rén qún zhòng.

Nghĩa cử cao đẹp của nhà khoa học trẻ tuổi cảm bản nơi sa mạc biên cương suốt hàng chục năm dẫn thân vào sự nghiệp cải tạo chống sa mạc hóa đã làm lay động sâu sắc hàng trăm triệu quần chúng nhân dân trong toàn xã hội.

25 nét

HÁN VIỆT: CỬ ĐỘNG

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#419

拒绝

jù jué

từ chối, cự tuyệt

面对违背职业道德底线的非法商业利益诱惑，他义正辞严、毫不犹豫地予以了坚决拒绝。

Miàn duì wéi bèi zhí yè dǎo dé dǐ xiàn de fēi fǎ shāng yè lì yù huò, tā yì zhèng yán cí, háo bù yóu yù dì yǐ yì le jiǎn jué jù jué.

Đứng trước những cám dỗ lợi ích thương mại phi pháp đi ngược lại đạo đức nghề nghiệp, anh ấy đã thẳng thắn và kiên quyết cự tuyệt không chút đắn đo.

20 nét

HÁN VIỆT: CỰ TUYỆT

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#420

俱乐部

jù lè bù

câu lạc bộ (CLB)

高校青年科技创新俱乐部定期举办学术沙龙与动手创客工坊，为同学们提供了施展才华的广阔舞台。

Gāo xiào qīng nián kē jì chuàng xīn jù lè bù dīng qī jù bàn xué shù shā lóng yǔ dòng shǒu chuàng gōng fāng, wéi tóng xué men tí gòng le shí zhǎn cái huá de guǎng kuò wǔ tái.

Câu lạc bộ Sáng tạo Khoa học Công nghệ Thanh niên Trường đại học định kỳ tổ chức các buổi tọa đàm học thuật và xưởng sáng chế trải nghiệm thực tế, mang lại sân chơi rộng lớn để các bạn trẻ thi thố tài năng.

31 nét

HÁN VIỆT: CÂU LẠC BỘ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#421

剧本

jù běn

kịch bản (phim, kịch, sân khấu)

优秀文艺创作者坚持深入生活、扎根人民，历经数年精心打磨出了一部反映时代巨变与工匠精神的经典话剧剧本。

Yōu xiù wén yì chuàng zào zhě jiān chí shēn rù shēng huó, zhā gēn rén mín, lì jīng shù nián jīng xīn dǎ mó chū le yī bù fǎn yǐng shí dài jù biàn yǔ gōng jiàng jīng shén de jīng diǎn huà jù jù běn.

Người sáng tác văn nghệ xuất sắc kiên trì đi sâu vào đời sống thực tế, bám rễ nơi nhân dân, trải qua nhiều năm công phu trau chuốt đã sáng tác nên một kịch bản kịch nói kinh điển phản ánh sự đổi thay to lớn của thời đại cùng tinh thần người thợ cả.

21 nét

HÁN VIỆT: KỊCH BẢN

HSK 5 (3.0)

Phó từ

#422

决不

jué bù

tuyệt đối không, nhất quyết không

在维护国家核心主权、安全与战略发展利益的根本原则问题上，我们决不作任何妥协退让。

Zài wéi hù guó jiā hē xīn zhǔ quán, ān quán yǔ zhàn lüè fā zhǎn lì yì de gēn běn yuán zé wèn tí shàng, wǒ men jué bù zuò rèn hé tuō xié tuì ràng.

Trên vấn đề nguyên tắc căn bản giữ gìn và bảo vệ an ninh, chủ quyền cốt lõi và lợi ích phát triển chiến lược của quốc gia, chúng ta tuyệt đối không nhất quyết không có bất kỳ sự nhượng bộ thỏa hiệp nào.

25 nét

HÁN VIỆT: QUYẾT BẤT

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Động từ

#423

绝望

jué wàng

tuyệt vọng, bế tắc hoàn toàn

在特大自然灾害面前，只要全国人民心连心、守望相助，就绝不会有任何孤立无援与绝望的境地。

Zài tè dà zì rán zāi hài miàn qián, zhǐ yào quán guó rén mín xīn lián xīn, shǒu wàng xiāng zhù, jiù jué bù huì yǒu rèn hé gū lì wú yuán yǔ jué wàng de jìng dì.

Đứng trước thảm họa thiên tai đặc biệt lớn, chỉ cần nhân dân cả nước đồng lòng một dạ, tương trợ che chở lẫn nhau, thì tuyệt đối sẽ không bao giờ có bất kỳ hoàn cảnh tuyệt vọng hay cô lập không người cứu giúp nào.

25 nét

HÁN VIỆT: TUYỆT VỌNG



HSK 5 (3.0)

Danh từ

#424

军人

jūnrén

quân nhân, người lính bộ đội

人民子弟兵革命军人常年默默坚守在风雪高原边疆一线，用青春和热血筑牢祖国的钢铁长城。

Rén mín zǐ dì bīng gé míng jūn rén cháng nián mò mò jiān shǒu zài fēng xuě gāo yuán biān jiāng yī xiàn, yòng qīng chūn hé rè xuè zhù lǎo zǔ guó de gāng tiě cháng chéng.

Quân nhân người lính bộ đội là con em nhân dân quanh năm âm thầm bám trụ trên tuyến đầu biên cương cao nguyên bảo tuyết, dùng thanh xuân và máu nóng đúc nên bức Vạn Lý Trường Thành thép của Tổ quốc.

20 nét

HÁN VIỆT: QUÂN NHÂN

HSK 5 (3.0)

Động từ

#425

开幕

kāimù

khai mạc, mở màn

全球前沿科技创新与未来产业博览会在国家会议中心隆重开幕，吸引了全球数百家顶尖展商。

Quán qiú qián yán kē jì xī chuàng xīn yǔ wèi lái chǎn yè bó lǎn huì zài guó jiā huì yì zhōng xīn lóng zhòng kāi mù, xī yīn le quán qiú shù bǎi jiā dīng jiǎn zhān shāng.

Triển lãm Ngành nghệ Tương lai và Đổi mới Sáng tạo Khoa học Công nghệ Tiên phong Toàn cầu đã long trọng khai mạc mở màn tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia, thu hút hàng trăm nhà triển lãm hàng đầu thế giới.

24 nét

HÁN VIỆT: KHAI MÀN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#426

开幕式

kāi mù shì

lễ khai mạc

北京冬奥会开幕式以“一朵雪花”贯穿始终的诗意美学创意，向全世界奉献了一场震撼人心的视听盛宴。

Běi jīng dōng ào huì kāi mù shì yǐ "yī duǒ xuě huā" guān chuān shǐ zhōng de shī yì měi xué chuàng yì, xiàng quán shì jiè fèng xiàn le yī cháng zhèn hàn rén xīn de shì tīng shèng yàn.

Lễ khai mạc Thế vận hội Mùa đông Bắc Kinh với ý tưởng mỹ học thi ca xuyên suốt mang hình tượng 'Một bông tuyết' đã cống hiến cho toàn thế giới một bữa tiệc nghe nhìn lay động lòng người.

35 nét

HÁN VIỆT: KHAI MÀN THỨC

HSK 5 (3.0)

Động từ

#427

看成

kànchéng

coi như, xem như là

青年科学家要把服务国家重大战略需求看成是自己毕生追求的崇高学术理想与历史使命。

Qīng nián kē xué jiā yào bǎ fú wú guó jiǎ zhòng dà zhàn lüè xū qiú kàn chéng shì zì jǐ bì shēng zhūi qiú de chóng gāo xué shù lì xiǎng yǔ lì shǐ shǐ mìng.

Nhà khoa học trẻ tuổi cần coi như xem như là việc phục vụ nhu cầu chiến lược trọng đại của đất nước là sứ mệnh lịch sử và lý tưởng học thuật cao đẹp mà cả đời mình theo đuổi.

22 nét

HÁN VIỆT: KHÁN THÀNH

HSK 5 (3.0)

Động từ

#428

看出

kànchū

nhìn ra, nhận thấy, nhận ra

从这组精密的物理实验对比曲线中，可以清晰看出新型材料在超低温下的优越超导特性。

Cóng zhè zǔ jīng mì de wù lǐ shí yàn duì bǐ qǔ xiàn zhōng, kě yǐ qīng xī kàn chū xīn xíng cái liào zài chāo dī wēn xià de yōu yuè chāo dǎo tè xìng.

Từ nhóm đường cong so sánh thực nghiệm vật lý chính xác này, có thể nhìn ra nhận thấy rõ ràng đặc tính siêu dẫn ưu việt của loại vật liệu kiểu mới dưới nhiệt độ siêu thấp.

20 nét

HÁN VIỆT: KHÁN XUẤT

HSK 5 (3.0)

Động từ

#429

看待

kàndài

nhìn nhận, xem xét, đối đãi đánh giá

我们要站在人类文明历史发展的高度，全面、辩证、长远地正确看待全球人工智能技术带来的深刻变革与安全挑战。

Wǒ men yào zhàn zài rén lèi wén míng lì shǐ fā zhǎn de gāo dù, quán miàn, biàn zhèng, cháng yuǎn dì zhèng què kàn dài quán qiú rén gōng zhì néng jì shù dài lái de shēn kè biàn gé yǔ ān quán tiǎo zhàn.

Chúng ta cần đứng trên tầm cao phát triển lịch sử văn minh nhân loại để nhìn nhận xem xét một cách đúng đắn, toàn diện, biện chứng và lâu dài về những biến đổi sâu sắc cùng thách thức an ninh do công nghệ trí tuệ nhân tạo toàn cầu mang lại.

22 nét

HÁN VIỆT: KHÁN ĐÃI

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#430

考核

kǎohé

khảo hạch, kiểm tra đánh giá chất lượng

国家完善以创新质量、绩效和实际贡献为导向的科技人才综合评价考核体系，破除唯论文、唯学历的不良倾向。

Guó jiā wán shàn yǐ chuàng xīn zhì liàng, jì xiào hé shí jì gòng xiàn wéi dǎo xiàng de kǎo hé tǐ xì, pò chú wéi lùn wén, wéi xué lì de bù liáng qīng xiàng.

Nhà nước hoàn thiện hệ thống khảo hạch đánh giá tổng hợp nhân tài khoa học công nghệ lấy chất lượng đổi mới, hiệu suất và cống hiến thực tế làm định hướng, xóa bỏ triệt để các khuynh hướng xấu chỉ chăm chăm nhìn vào bài báo, bằng cấp.

23 nét

HÁN VIỆT: KHẢO HẠCH

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#431

烤肉

kǎoròu

thịt nướng, món thịt nướng

在传统特色美食文化街区，外焦里嫩、香气扑鼻的特色炭火烤肉吸引了众多中外游客品尝。

Zài chuán tǒng tè sè měi shí wén huà jiē qū, wài jiāo lǐ nèn, xiāng qì pū bí de tè sè tàn huǒ kǎo ròu xī yīn le zhòng duō zhōng wài yóu kè pīn cháng.

Bên trong khu phố văn hóa ẩm thực đặc sắc truyền thống, món thịt nướng than hoa đặc sắc giòn rụm bên ngoài mềm ngọt bên trong thơm phức ngào ngạt đã thu hút đông đảo du khách trong và ngoài nước thưởng thức.

25 nét

HÁN VIỆT: KHẢO NHỤC

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#432

烤鸭

kǎoyā

vịt quay

正宗的北京挂炉烤鸭外皮红润酥脆、肉质鲜嫩多汁，配上荷叶饼与甜面酱，堪称中华美食绝味。

Zhèng zōng de běi jīng guà lú kǎo yā wài pí hóng rùn sū cuì, ròu zhì xiān nèn duō zhī, pèi shàng hé yè bǐng yǔ tián miàn jiàng, kǎn chēng zhōng huá měi shí jué wèi.

Món vịt quay lò treo Bắc Kinh chính cống có lớp da đỏ au giòn rụm, thịt vịt tươi mềm mọng nước, ăn kèm với bánh tráng lá sen và nước sốt tương ngọt, xứng danh là tuyệt phẩm ẩm thực Trung Hoa.

25 nét

HÁN VIỆT: KHẢO ÁP



HSK 5 (3.0)

Động từ

#433

靠近

kào jìn

tiến lại gần, tiếp cận, kể bên

在极端深海科考中，无人潜水器小心翼翼地靠近海底热液喷口，精准采集到了极端嗜热微生物标本。

Zài jí duān shēn hǎi kē kǎo zhōng, wú rén qiǎn shuǐ qì xiǎo xīn yì yì dì kào jìn hǎi dǐ rè yè pēn kǒu, jīng zhǔn cǎi jí dào le jí duān shì rè wēi shēng wù biāo běn.

Trong khảo sát khoa học biển sâu cực đoan, tàu lặn không người lái đã cẩn thận nhẹ nhàng tiến lại gần tiếp cận miệng phun thủy nhiệt đáy biển, thu thập chuẩn xác mẫu vật vi sinh vật ưa nhiệt cực đoan.

20 nét

HÁN VIỆT: KHÁO CẬN

HSK 5 (3.0)

Lượng từ

#434

颗

kē

hạt, viên, quả, ngôi (sao, tim, hạt giống)

每一位青年科技工作者心中都应当怀揣着一颗赤诚报国的爱国红心，勇攀世界科技高峰。

Měi yí wèi qīng nián kē jì gōng zuò zhě xīn zhōng dōu yīng dāng huái chuāi zhe yí kē chì chéng bào guó de ài guó hóng xīn, yǒng pān shì jiè kē jì gāo fēng.

Trong trái tim của mỗi cán bộ khoa học công nghệ trẻ đều nên ấp ủ một tấm lòng son sắt phụng sự Tổ quốc, dũng cảm chinh phục đỉnh cao khoa học công nghệ thế giới.

11 nét

HÁN VIỆT: KHOA

HSK 5 (3.0)

Động từ năng nguyện / Phó từ / Liên từ

#435

可

kě

có thể; quả là, thật là; nhưng mà

大国重器的核心关键制造工艺可容不得半点粗心大意，哪怕微米级的偏差都会造成严重后果。

Dà guó zhòng qì de hé xīn guān jiàn zhì zào gōng yì kě róng bù dé bàn diǎn cū xīn dà yì, nǎ pà wēi mǐ jī de piān chā dù huì zào chéng yán zhòng hòu guǒ.

Quy trình chế tạo then chốt cốt lõi của đại khí quốc gia thật là quả là không thể dung thứ cho nửa điểm cầu thả bất cẩn, cho dù là sai lệch cấp độ micromet cũng sẽ gây nên hậu quả nghiêm trọng.

12 nét

HÁN VIỆT: KHẢ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#436

可怜

kě lián

đáng thương, tội nghiệp

看到街角那只在寒冬大雪中瑟瑟发抖的流浪幼猫十分可怜，热心市民特意将它带回宠物医院救治。

Kàn dào jiē jiǎo nà zhǐ zài hán dōng dà xuě zhōng sè sè fā dǒu de liú làng yòu māo shí fēn kě lián, rè xīn shì mǐn tè yì yì jiāng tā dài huí chǒng wù yī yuàn jiù zhì.

Nhìn thấy chú mèo con hoang run rẩy trong trời đông tuyết rơi nơi góc phố trông rất đáng thương, người dân tốt bụng đã đưa bé về bệnh viện thú y để chăm sóc chữa trị.

26 nét

HÁN VIỆT: KHẢ LIÊN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#437

可惜

kě xī

đáng tiếc, tiếc nuối

在这场势均力敌的决赛终场哨响前最后一秒点球遗憾中柱，真是太可惜了！

Zài zhè chǎng shì jūn lì dí de jué sài zhōng chǎng shào xiāng qiǎn zui hòu yí miǎo diǎn qiú yǐ hàn zhōng zhù, zhēn shì tài kě xī le!

Trong giây cuối cùng trước tiếng còi mãn cuộc của trận chung kết cân tài cân sức, quả phạt đền đáng tiếc lại đập trúng cột dọc, thật là vô cùng tiếc nuối!

22 nét

HÁN VIỆT: KHẢ TÍCH

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#438

渴望

kě wàng

khao khát, mong mỏi tha thiết

面对浩瀚深邃的星空宇宙，人类探索未知世界的强烈求知渴望推动着基础科学不断实现颠覆性跨越。

Miàn duì hào hàn shēn suì de xīng kōng yǔ zhòu, rén lèi tàn suǒ wèi zhī shì jiè de qiáng lì qiú zhī kě wàng tuī dòng zhe jī chǔ kē xué bù duàn shí xiàn diǎn fù xìng kuà yuè.

Đứng trước vũ trụ tinh không bao la sâu thẳm, khát vọng tìm tòi tri thức mãnh liệt khám phá thế giới chưa biết của loài người đang thúc đẩy khoa học cơ bản không ngừng đạt được những bước nhảy vọt mang tính cách mạng.

23 nét

HÁN VIỆT: KHÁT VỌNG

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#439

客户

kè hù

khách hàng, đối tác khách hàng

我国自主研发的支线客机以优异的安全可靠性与卓越的燃油经济性，赢得了海内外多家航空公司的客户订单。

Wǒ guó zì zhǔ yán zhì de zhī xiàn kè jī jǐ yǐ yōu yì de ān quán kě kào xìng yǔ zhuó yuè de rán yóu jīng jì xìng, yíng dé le hǎi nèi wài duō jiā háng kōng gōng sī de kè hù dìng dān.

Máy bay chở khách đường bay ngắn do nước ta tự chủ nghiên cứu chế tạo với độ an toàn tin cậy vượt trội cùng tính kinh tế tiết kiệm nhiên liệu xuất sắc đã giành được các đơn đặt hàng khách hàng từ nhiều hãng hàng không trong và ngoài nước.

23 nét

HÁN VIỆT: KHÁCH HỘ

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Động từ

#440

客气

kè qì

khách sáo, lịch sự khiêm nhường

老院士为人谦逊诚恳、平易近人，对待青年学者和学生总是格外热情客气、耐心指点。

Lǎo yuàn shì wéi rén qiān xùn chéng kěn, píng yì jìn rén, duì dài qīng nián xué zhě hé xué shēng zōng shì gé wài rè qīng kè qì, nài xīn zhǐ diǎn.

Vị viện sĩ lão thành tính tình khiêm tốn chân thành, bình dị gần gũi, đối xử với các học giả trẻ và sinh viên luôn hết sức nhiệt tình lịch sự khách sáo, kiên nhẫn chỉ bảo tận tình.

21 nét

HÁN VIỆT: KHÁCH KHÍ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#441

客厅

kè tīng

phòng khách

新中式风格的宽敞客厅里摆放着一套古朴典雅的红木茶桌，显得格外明亮大气、温馨雅致。

Xīn zhōng shì fēng gé de kuān chǎng kè tīng lǐ bǎi fàng zhe yí tào gǔ piǎo diǎn yǎ de hóng mù chá zhuō, xiǎn de gé wài míng liàng dà qì, wēn xīn yǎ zhì.

Trong phòng khách rộng rãi phong cách tân Trung Hoa đặt một bộ bàn trà bằng gỗ gụ cổ kính thanh tao, toát lên vẻ sáng sủa khoáng đạt, ấm cúng và tao nhã.

20 nét

HÁN VIỆT: KHÁCH SẢNH



HSK 5 (3.0)

Danh từ

#442

课题

kètí

đề tài nghiên cứu khoa học; vấn đề lớn

国家重点研发计划设立了针对新一代半导体材料基础性机理的重大战略研究课题。

Guó jiā zhòng yán yán fā jì huà shè lì le zhēn duì xīn yí dài bàn dǎo tǐ cái liào jī chǔ wù xìng jī lǐ de zhòng dà zhàn lüè yán jiū kè tí.

Chương trình Nghiên cứu Phát triển Trọng điểm Quốc gia đã thiết lập các đề tài nghiên cứu chiến lược trọng đại nhằm vào cơ chế tính chất vật lý cơ bản của vật liệu bán dẫn thế hệ mới.

📖 25 nét

HÁN VIỆT : KHOÁ ĐỀ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#443

肯定

kěndìng

chắc chắn, khẳng định

只要全体团队成员心往一处想、劲往一处使，我们就肯定能够按时高质量攻下这个大项目。

Zhǐ yào quán tǐ tuán duì chéng yuán xīn wǎng yī chù xiǎng, jìn wǎng yī chù shǐ, wǒ men jiù kěn dìng néng gòu àn shí gāo zhì liàng gōng xià zhè ge dà xiàng mù.

Chỉ cần toàn thể thành viên trong nhóm cùng chung một ý chí và đồng lòng dốc sức, chúng ta chắc chắn sẽ có thể hoàn thành xuất sắc dự án lớn này đúng hạn.

📖 17 nét

HÁN VIỆT : KHẲNG ĐỊNH

HSK 5 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#444

空中

kōngzhōng

trên không, giữa không trung, trên bầu trời

我国完全自主研制的新型大型灭火水陆两栖飞机在空中完成精准投水测试，展现了卓越性能。

Wǒ guó wán quán zì zhǔ yán zhì de xīn xíng dà xīng miè huǒ shuǐ lù liǎng qī fēi jī zài kōng zhōng wán chéng jīng zhǔn tóu shuǐ cè shì, zhǎn xiàn le zhuó yuè xīng néng.

Dòng máy bay lưỡng dụng thủy lục chữa cháy cỡ lớn kiểu mới do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo đã hoàn thành bài thử nghiệm thả nước chuẩn xác trên không giữa không trung, phổ biến tính năng trắc việt.

📖 17 nét

HÁN VIỆT : KHÔNG TRUNG

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#445

控制

kòngzhì

kiểm soát, khống chế, điều khiển

现代新能源智能汽车配备了先进的车身电子稳定与精准自动巡航控制系统。

Xià dài xīn néng yuán zhì néng qì chē pèi bèi le xiān jìn de chè shēn diǎn zì wěn dìng yú jīng zhǔn zì dòng xún háng kòng zhì xì tǒng.

Xe ô tô thông minh năng lượng mới hiện đại được trang bị hệ thống cân bằng điện tử thân xe tiên tiến cùng hệ thống điều khiển hành trình tự động chuẩn xác.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : KHỐNG CHẾ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#446

口号

kǒuhào

khẩu hiệu, biểu ngữ

伟大梦想不是喊口号喊出来的，而是广大科技工作者脚踏实地、埋头苦干拼出来的。

Wěi dà mèng xiǎng bú shì hǎn kǒu hào hǎn chū lái de, ér shì guāng dà kē jì gōng zuò zhě jiǎo tà shí dì, mái tóu kǔ gàn pīn chū lái de.

Ước mơ vĩ đại không phải là thứ có thể hô to biểu ngữ khẩu hiệu mà thành, mà là do đồng đội những người làm khoa học chân thật vững vàng, vui đấu nỗ lực dốc sức mà nên.

📖 27 nét

HÁN VIỆT : KHẨU GÀO

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#447

库

kù

kho, kho chứa, kho tàng; cơ sở dữ liệu (database)

国家基因库建成了全球规模最大的生物遗传资源样本与高通量基因测序多组学数据库系统。

Guó jiā jī yīn kù jiàn chéng le quán qiú guī mó zuì dà de shēng wù yí chuán zī yuán yàng běn yǔ gāo tōng liàng jī yīn cè xù duō zǔ xué shù jù kù xì tǒng.

Ngân hàng Gen Quốc gia đã xây dựng nên hệ thống cơ sở dữ liệu kho dữ liệu đa hệ gen (multi-omics) giải trình tự gen thông lượng cao và mẫu tài nguyên để truyền sinh học có quy mô lớn nhất thế giới.

📖 13 nét

HÁN VIỆT : KHỔ

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#448

快活

kuàihuó

vui sướng, hoan hỉ, phấn khởi thành thoi

在全面脱贫致富后的现代化美丽乡村广场上，各族村民欢聚一堂载歌载舞，过上了充满欢声笑语的快活幸福新生活。

Zài quán miàn tuō pín zhì fù hòu de xià dài huà měi lì xiāng cūn guǎng chǎng shàng, gè zú cūn mǐn huān jù yì táng zài gē zài wǔ, guò shàng le chōng mǎn huān shēng xiào yǔ de kuài huó xìng fú xīn shēng huó.

Trên quảng trường làng quê tươi đẹp hiện đại hóa sau khi đã hoàn toàn thoát nghèo làm giàu, bà con các dân tộc quây quần tụ họp cùng nhau ca múa rộn ràng, bước vào cuộc sống mới hạnh phúc vui sướng ngập tràn tiếng cười nói rộn rã.

📖 27 nét

HÁN VIỆT : KHOÁI HOẠT

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#449

宽度

kuāndù

chiều rộng, độ rộng, bề rộng

该型号超大型跨海悬索桥钢箱梁的横截面设计宽度达到数十米，具备极高的抗台风气动稳定性。

Gāi xíng hào chāo dà xíng kuà hǎi xuán suǒ qiáo gāng xiāng liáng de héng jié miàn shè jì kuān dù dá dào shù shí mǐ, jù bèi jí gāo de kàng tái fēng qì dòng wěn dìng xìng.

Bề rộng chiều rộng thiết kế mặt cắt ngang của dầm hộp thép cây cầu treo dây văng vượt biển siêu lớn thuộc mẫu này đạt tới hàng chục mét, sở hữu độ ổn định khí động học chống bão cực kỳ cao.

📖 19 nét

HÁN VIỆT : KHOAN ĐỘ

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#450

狂

kuáng

cuồng, cuồng nhiệt; dữ dội, ngông cuồng

在南极极度恶劣的狂风暴雪极端气候中，我国科考队员以钢铁般的意志圆满完成了科考站建设任务。

Zài nán jí jí dù è liè de kuáng fēng bào xuě jí duān qí hòu zhōng, wǒ guó kē kǎo duì yuán yǐ gāng tiě bān de yì zhì yuán mǎn wán chéng le kē kǎo zhàn jiàn shè rèn wù.

Trong khí hậu cực đoan bão tuyết gió cuồng cuồng phong vô cùng khắc nghiệt của Nam Cực, các đội viên khảo sát khoa học nước ta bằng ý chí sắt đá đã hoàn thành mỹ mãn nhiệm vụ xây dựng trạm khảo sát.

📖 14 nét

HÁN VIỆT : CUỒNG



HSK 5 (3.0)

Động từ / Phó từ

#451

亏

kuī

lỗ, thua lỗ; may mà nhờ có; thiếu hụt

多亏了飞控团队提前制定的精密应急预案，空间站轨道交会对接才得以在突发干扰下万无一失。

Duō kuī le fēi kòng tuán duì tí qiǎn zhì dìng de jīng mì yǐng àn, kōng jiān zhàn jiāo duì jiē dé yǐ zài fā tū gān rǎo xià wàn wú yī shī.

May mà nhờ có phương án dự phòng khẩn cấp chính xác do đội ngũ điều khiển bay xây dựng từ trước, việc ghép nối giao hội quỹ đạo trạm vũ trụ mới có thể an toàn tuyệt đối không một sai sót dưới sự can nhiễu đột xuất.

8 nét

HÁN VIỆT: KHUY

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#452

困扰

kùnrǎo

quấy rầy, làm phiền lòng, nỗi bận tâm vướng mắc

我国科研团队成功攻克了长期困扰全球半导体学术界的高温工作环境下芯片散热失效难题。

Wǒ guó kē yán tuán duì chéng gōng gōng kè le cháng qī kùn rǎo quán qiú bàn dǎo tǐ xué shù jiè de gāo wēn gōng zuò huán jīng xià chī piàn sàn rè shī xiào nán tí.

Đội ngũ nghiên cứu khoa học nước ta đã chinh phục thành công nan đề hồng học tản nhiệt chip trong môi trường làm việc nhiệt độ cao từng làm đau đầu quấy rầy quấy nhiễu giới học thuật bán dẫn toàn cầu suốt thời gian dài.

19 nét

HÁN VIỆT: KHỔNH NHIỄU

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ

#453

来信

láixìn

thư gửi đến, nhận được thư

总设计师在百忙之中认真阅读并回复了偏远山区青少年科技兴趣小组寄来的热情来信。

Zǒng shè jì shī zài bǎi máng zhī zhōng rèn zhēn yuè dú bìng huí fù le piǎn yuǎn shān qū qīng shào nián kē jì xìng qǔ xiǎo zǔ jì lái de rè qíng lái xìn.

Vị tổng công trình sư trong lúc trăm công nghìn việc đã cẩn thận đọc và trả lời lá thư gửi đến thư gửi đến chân chứa nhiệt huyết do nhóm sở thích khoa học công nghệ thanh thiếu niên vùng núi xa xôi gửi tới.

20 nét

HÁN VIỆT: LAI TÍN

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Động từ

#454

烂

làn

mục nát, thối rữa; nhừ nát; rực rỡ (xán lạn)

五千年中华优秀传统文化生生不息，在新时代焕发出更加灿烂夺目的文明光芒。

Wǔ qiā nián zhōng huá yōu xiù chuán tǒng wén huà shēng shēng bù xī, zài xīn shí dài huàn fā chū gèng jiā càn làn duó mù de wén míng guāng máng.

Nền văn hóa truyền thống xuất sắc Trung Hoa 5000 năm đời đời bất diệt, trong thời đại mới lại tỏa sáng rực rỡ xán lạn chói lọi ánh hào quang văn minh.

13 nét

HÁN VIỆT: LẠN

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#455

朗读

lǎng dú

đọc to, đọc diễn cảm, ngâm đọc thành tiếng

在书香校园晨读活动中，青年学子们声情并茂地朗读中华古典名篇佳作，朗朗书声回荡在清晨美丽的校园之中。

Zài shū xiāng xiào yuán chén dú huó dòng zhōng, qīng nián xué zǐ men shēng qíng bìng mào dì lǎng dú zhōng huá gù diǎn míng piān jiā zuò, lǎng lǎng shū shēng huí dàng zài qīng chén měi lì de xiào yuán zhī zhōng.

Trong hoạt động đọc sách buổi sớm của khuôn viên trường học tràn ngập hương thơm sách vở, các bạn sinh viên trẻ tuổi đã đọc diễn cảm truyền cảm các áng văn thơ kinh điển xuất sắc của dân tộc, tiếng đọc sách vang vọng ngân nga khắp khuôn viên trường tươi đẹp lúc ban mai.

19 nét

HÁN VIỆT: LÃNG ĐẠU

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#456

浪漫

làng màn

lãng mạn

傍晚和心爱的人手牵手漫步在金色落日余晖洒满的细软海滩上，感觉格外温馨浪漫。

Bàng wǎn hé xīn ài de rén shǒu qiān shǒu màn bù zài jīn sè luò rì yú huī sǎ mǎn de xì ruǎn hǎi tān shàng, gǎn jué gé wài wēn xīn làng màn.

Hoàng hôn nắm tay người mình yêu dạo bước trên bờ cát mịn ngập tràn ánh tà dương vàng óng ả, cảm giác ấm cúng và lãng mạn vô cùng.

23 nét

HÁN VIỆT: LÃNG MẠN

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#457

劳动

láo dòng

lao động, làm việc

劳动是一切幸福与物质财富的源泉，全社会应当大力弘扬崇尚劳动、热爱劳动的光荣时代风尚。

Láo dòng shì yī qiè xìng fú yǔ wù zhì cái fù de yuán quán, quán shè huì yīng dǎng dà lì hóng yáng chóng shàng láo dòng, rè ài láo dòng de guāng róng shí dài fēng shàng.

Lao động là cội nguồn của mọi hạnh phúc và của cái vật chất, toàn xã hội cần phát huy mạnh mẽ phong trào thời đại về vang tôn vinh và yêu quý lao động.

25 nét

HÁN VIỆT: LAO ĐỘNG

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#458

梨

lí

quả lê, trái lê, cây lê

国家现代生态农业示范基地培育出的优质多汁蜜梨皮薄肉脆、甘甜爽口，畅销海内外大市场。

Guó jiā xiàn dài shēng tài nóng yè shì fàn jī dì péi yù zhū de yōu zhì duō zhī mī lí pí báo ròu cuì, gān tián shuǎng kǒu, chāng xiāo hǎi nèi wài dà shì chāng.

Giống lê quả lê mật mọng nước chất lượng cao do Khu Trình diễn Nông nghiệp Sinh thái Hiện đại Quốc gia nhân giống vô mong cùi giòn, ngọt thanh mát lạnh, bán chạy trên các thị trường lớn trong và ngoài nước.

11 nét

HÁN VIỆT: LÊ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#459

礼

lǐ

lễ, lễ nghi, lễ nghĩa; quà tặng lễ vật

中华民族自古以来就是礼仪之邦，崇尚以诚待人、以礼相交、天下大同的崇高文明理念。

Zhōng huá mín zú zì gǔ yǐ lái jiù shì lǐ yí zhī bāng, chóng shàng yǐ chéng dài rén, yǐ lǐ xiāng jiāo, tiān xià dà tóng de chóng gāo wén míng lǐ niàn.

Dân tộc Trung Hoa từ xưa tới nay luôn là một đất nước chuộng lễ nghĩa lễ nghi, tôn sùng quan niệm văn minh cao đẹp thiên hạ đồng đồng, đối xử bằng lễ với nhau và lấy lòng chân thành đối đãi với mọi người.

13 nét

HÁN VIỆT: LỄ



HSK 5 (3.0)

Danh từ

#460

礼拜

lǐ bài

tuần lễ (lǐ bài: thứ/tuần); lễ bái tôn giáo

经过连续几个礼拜的日夜奋战与反复调试, 科研团队终于成功完成了大科学装置的高精度联调。

Jīng guò lián xù jǐ gè lǐ bài de rì yè fèn zhàn yǔ fǎn fù shì tiáo, kē yán tuán duì zhōng yú chéng gōng wán chéng le dà kē xué zhuāng zhì de gāo jīng dù lián diào.

Trải qua vài tuần lễ tuần lễ liên tục ngày đêm chiến đấu và hiệu chỉnh lặp đi lặp lại, đội ngũ nghiên cứu cuối cùng đã hoàn thành thành công việc kiểm tra hiệu chỉnh liên động độ chính xác cao của thiết bị khoa học lớn.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: LỄ BÀI

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#461

礼貌

lǐ mào

lịch sự, lễ phép, phép lịch sự

在人际交往中讲文明、懂礼貌, 是展现一个人良好家庭教育与道德素养的窗口。

Zài rén jì jiāo wǎng zhōng jiǎng wén míng, dǒng lǐ mào, shì zhǎn xiàn yí gè rén liáng hǎo jiā yù yǔ dào dé sù yǎng de chuāng kǒu.

Trong giao tiếp ứng xử biết tôn trọng và giữ phép lịch sự là tấm gương phản chiếu sự giáo dục gia đình tốt đẹp và phẩm chất đạo đức của một con người.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: LỄ MẠO

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#462

厉害

lì hai

lợi hại, ghê gớm, dữ dội

这位青年程序员不仅算法功底极其扎实, 而且在开源社区享有极高声誉, 技术水平非常厉害。

Zhè wèi qīng nián chéng yǔ yuán bù jǐn suàn fǎ gōng dī jí qí zhā shí, ér qiě zài kāi yuán shè qū xiāng yǒu jí gāo shēng yù, jì shù shuǐ píng fēi cháng lì hai.

Lập trình viên trẻ tuổi này không những có nền tảng thuật toán cực kỳ vững chắc mà còn có uy tín rất cao trong cộng đồng mã nguồn mở, trình độ kỹ thuật vô cùng siêu đẳng.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: LỆ HẠI

HSK 5 (3.0)

Động từ

#463

立

lì

đứng, đứng thẳng; thiết lập, lập nên

广大青年学者要立大志、明大德、成大才、担大任, 努力成为堪当民族复兴重任的栋梁之才。

Guǎng dà qīng nián xué zhě yào lì dà zhì, míng dà dé, chéng dà cái, dān dà rèn, nǚ lì chéng wéi kǎn dāng mín zú fù xīng zhòng rèn de dòng liáng zhī cái.

Đồng đạo các học giả trẻ tuổi cần lập chí lớn, thấu hiểu đạo đức lớn, thành tựu tài năng lớn, gánh vác trọng trách lớn, nỗ lực trở thành rường cột gánh vác trọng trách phục hưng dân tộc.

📖 13 nét

HÁN VIỆT: LẬP

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#464

立场

lì chǎng

lập trường, quan điểm lập trường

在维护世界和平与促进共同发展重大原则问题上, 中国始终站在历史正确的一边、坚定站在公平正义的立场。

Zài wéi hù shì jiè hé píng yǔ cù jìn gòng tóng fā zhǎn zhòng dà yuán zé wèn tí shàng, zhōng guó shǐ zhōng zhàn zài lì shǐ zhèng què de yí biān, jiān dìng zhàn zài gōng píng zhèng yì de lì chǎng.

Trong các vấn đề nguyên tắc trọng đại về gìn giữ hòa bình thế giới và thúc đẩy cùng nhau phát triển, Trung Quốc luôn đứng về phía đúng đắn của lịch sử, kiên định đứng trên lập trường công bằng và công lý.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: LẬP TRƯỜNG

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#465

利润

lì rùn

lợi nhuận

企业在追求合理商业经营利润的同时, 必须自觉履行保护环境与关爱员工的崇高社会责任。

Qǐ yè zài zhuī qiú hé lǐ shāng yè jīng yíng lì rùn de tóng shí, bì xū zì jué lǚ xíng bǎo hù huán jīng yǔ guān ài yuán gōng de chóng gāo shè huì zé rèn.

Doanh nghiệp trong khi theo đuổi lợi nhuận kinh doanh thương mại hợp lý bắt buộc phải tự giác thực thi trách nhiệm xã hội cao đẹp về bảo vệ môi trường và chăm lo cho người lao động.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: LỢI NHUẬN

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Tính từ / Động từ

#466

例外

lì wài

ngoại lệ, ngoại lệ đặc biệt

法律面前人人平等; 任何组织或者个人都不得有超越宪法法律的特权, 绝不允许有任何法外特权和例外。

Fǎ lǚ miàn qián rén rén píng děng; rèn hé zǔ zhī huò gè rén dōu bù dé yǒu chāo yuè xià fǎ fǎ lǚ de tè quán, jué bù yǔn xǔ yǒu rèn hé fǎ wài tè quán hé lì wài.

Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật; bất kỳ tổ chức hay cá nhân nào cũng không được có đặc quyền vượt lên trên Hiến pháp và pháp luật, tuyệt đối không cho phép có bất kỳ đặc quyền hay ngoại lệ nào đứng ngoài vòng pháp luật.

📖 16 nét

HÁN VIỆT: LỆ NGOẠI

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#467

连接

lián jiē

kết nối, liên kết, nối liền

港珠澳大桥如同一条巨龙横跨伶仃洋, 紧密连接起粤港澳大湾区三大核心城市枢纽。

Gǎng zhū ào dà qiáo rú tóng yí tiáo jù lóng héng guā lián jiē qǐ gǎng ào dà wān qū sān dà hé xīn chéng shì shǔ niǔ.

Cầu vượt biển Hồng Kông - Chu Hải - Ma Cao tựa như một con cự long vắt ngang biển Lĩnh Đình Dương, nối liền kết nối chặt chẽ ba đầu mối đô thị cốt lõi của Vùng vịnh lớn Quảng Đông - Hồng Kông - Ma Cao.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: LIÊN TIẾP

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#468

联络

lián luò

liên lạc, kết nối liên lạc, kênh liên lạc

深空测控通信网通过超大型天线阵列, 时刻保持与数亿公里之外火星环绕器及火星车的高速稳定联络。

Shēn kōng kè kòng tōng xìn wǎng tōng guò chāo dà xíng tiān xiàn zhèn liè, shí kè bǎo chí zǔ jiǔ yǔ shù yì gōng lǐ zhī wài huǒ xīng huán rào qì jī huǒ xīng chē de gāo sù wěn dìng lián luò.

Mạng lưới thông tin đo đạc điều khiển không gian sâu thông qua mảng anten siêu lớn luôn luôn giữ vững sự liên lạc tốc độ cao và ổn định với tàu thăm dò bay quanh sao Hỏa và xe tự hành sao Hỏa cách xa hàng trăm triệu cây số.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: LIÊN LẠC



HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#469

联想

lián xiǎng

liên tưởng, liên hệ suy tưởng

生物学仿生学者通过观察鸟类羽翼空气动力学流场特征，自然联想并成功设计出新型超低风阻高铁车头造型。

Shēng wù xué fǎng shēng xué zhě tōng guò guān chá niǎo lèi yǔ yì kōng qì dòng lì xué liú chǎng tè zhēng, zì rán lián xiǎng bìng chéng gōng shè jì chū xīn xíng chāo dī fēng zǔ gāo tiě chē tóu zào xíng.

Các học giả phỏng sinh học thông qua quan sát đặc trưng trường dòng khí động học trên cánh chim đã tự nhiên liên tưởng và thiết kế thành công kiểu dáng đầu tàu cao tốc giảm sức cản gió siêu thấp kiểu mới.

21 nét

HÁN VIỆT: LIÊN TƯỞNG

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#470

脸盆

liǎnpén

chậu rửa mặt, cái chậu rửa

在野外地质勘探营帐篷里，生活设施简朴整洁，队员们用搪瓷脸盆盛接清凉的山泉水洗漱。

Zài yě wài dì zhì kǎn tàn lǚ yíng zhàng péng lǐ, shēng huó shè shī jiǎn piǎo zhēng jié, duì yuán men yòng táng cí liǎn pén shèng jiē qīng liáng de shān quán shuǐ xǐ shù.

Bên trong lều cắm trại khảo sát địa chất dã ngoại, tiện nghi sinh hoạt mộc mạc tinh tươm, các đội viên dùng chiếc chậu chậu rửa mặt tráng men hứng dòng nước suối nguồn mát lành để rửa mặt vệ sinh cá nhân.

26 nét

HÁN VIỆT: KIỂM BỒN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#471

脸色

liǎnsè

sắc mặt, vẻ mặt, sắc diện

当在监测大屏上看到核心卫星载荷成功展开并正常运转时，总指挥紧绷的脸色终于露出了舒心的微笑。

Dāng zài jiān cè dà píng shàng kàn dào hé xīn wèi xīng zài hè chéng gōng zhǎn kāi bìng zhèng zhǔn cháng yùn zhuǎn shí, zǒng zhǐ huī jīn bēng de liǎn sè zhōng yú lù chū le shū xīn de wēi xiào.

Khi nhìn thấy tài trọng vệ tinh cốt lõi bung mở thành công và vận hành bình thường trên màn hình giám sát, vẻ mặt sắc mặt căng thẳng của vị tổng chỉ huy cuối cùng đã hé lộ nụ cười nhẹ nhõm an lòng.

25 nét

HÁN VIỆT: KIỂM SẮC

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#472

恋爱

liàn ài

yêu đương, tình yêu đôi lứa

健康的恋爱关系建立在相互尊重、彼此包容、人格独立与共同追求进步的崇高基础之上。

Jiàn kāng de liàn ài guān xì jiàn lì zài xiāng hù zūn zhòng, bǐ cǐ bāo róng, rén gé dú lì yǔ gòng tóng zhuī qiú jìn bù de chóng gāo jī chǔ zhī shàng.

Một tình yêu đôi lứa lành mạnh được xây đắp trên nền tảng cao đẹp của sự tôn trọng lẫn nhau, bao dung thấu hiểu, nhân cách độc lập và cùng nhau phấn đấu tiến bộ.

21 nét

HÁN VIỆT: LUYỄN ÁI

HSK 5 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#473

两岸

liǎng'àn

hai bên bờ, hai bờ sông/hai bờ eo biển

长江两岸郁郁葱葱的生态防护林带蜿蜒千里，构筑起了坚实壮丽的绿色生态屏障。

Cháng jiāng liǎng'àn yù yù cōng cōng de shēng tài fáng hù lín dài wǎn yǎn qiān lǐ, gòu zhù qǐ le jiān shí zhuàng lì de lǜ sè shēng tài bǐng zhàng.

Dải rừng phòng hộ sinh thái xanh tươi bạt ngàn ở hai bên bờ hai bờ sông Trường Giang uốn lượn ngàn dặm, kiến tạo nên bức bình phong sinh thái xanh vững chãi và tráng lệ.

27 nét

HÁN VIỆT: LƯƠNG NGẠN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#474

邻居

línjū

hàng xóm

俗话说“远亲不如近邻”，我们小区里的邻里关系非常和睦融洽、守望相助。

Súhuà shuō “yuǎn qīn bù rú jìn lín”, wǒmen xiǎo qū lǐ de lín lǐ guān xi fēi cháng hé mù róng qià, shǒu wǎng xiāng zhù.

Tục ngữ có câu "Bán anh em xa mua láng giềng gần", bà con lối xóm trong khu chung cư của chúng tôi sống rất chan hòa, tương trợ lẫn nhau.

19 nét

HÁN VIỆT: LÂN CƯ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#475

铃

líng

chuông, tiếng chuông

清脆悠扬的下课铃声在校园林荫道间回荡，同学们有说有笑地走出教学楼。

Qīng cuī yōu yáng de xià kè líng shēng zài xiào yuán lín yīn dào jiān huí dàng, tóng xué men yǒu shuō yǒu xiào de zǒu chū jiào xué lóu.

Tiếng chuông tan học trong trẻo ngân vang giữa những hàng cây rợp bóng mát trong khuôn viên trường, các bạn học sinh vừa cười nói vui vẻ vừa bước ra khỏi giảng đường.

11 nét

HÁN VIỆT: LINH

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#476

铃声

língshēng

tiếng chuông, hồi chuông

随着清脆悦耳的下课铃响起，同学们怀着求知的渴望有序前往图书馆阅览室继续查阅文献。

Suí zhe qīng cuī yuè ěr de xià kè líng shēng xiǎng qǐ, tóng xué men huái zhe qiú zhī de kě wàng yǒu xù qián wǎng tú shū guǎn yuè lǎn shì jì xù chá yuè wén xiàn.

Cùng với tiếng chuông hồi chuông tan học trong trẻo êm tai vang lên, các bạn học sinh mang theo khát khao tìm kiếm tri thức trật tự đi tới phòng đọc thư viện để tiếp tục tra cứu văn hiến.

23 nét

HÁN VIỆT: LINH THANH

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#477

领带

lǐngdài

cà vạt, ca-vát

在重大国际学术报告会上，青年学者身着深色西装并系好整洁的领带，从容登台发表前沿学术演讲。

Zài zhòng dà guó jì xué shù bào gào huì shàng, qīng nián xué zhě shēn zhe shēn sè xī zhuāng bìng jì hǎo zhěng jié de lǐng dài, cóng róng dēng tái fā biào qián yán xué shù yǎn jiǎng.

Tại hội nghị báo cáo học thuật quốc tế trọng đại, người học giả trẻ tuổi mặc bộ vest màu sẫm và thắt chiếc cà vạt ca-vát tinh tươm, ung dung bước lên bục giảng phát biểu bài thuyết trình học thuật tiên phong.

17 nét

HÁN VIỆT: LÃNH ĐỚI


HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#478

令

lìng

khiến cho, làm cho; mệnh lệnh; tiết lệnh

中国自主建造空间站展现出的非凡科技实力与大国担当，令全世界科学界为之由衷赞叹。

Zhōng guó zì zhủ jiàn zào kōng jiān zhàn zhǎn xiàn chū de fēi fán kē jì shí lì yǔ dà guó dān dāng, lìng quán shì jiè kē xué jiè wèi zhī yóu zhōng zàn tàn.

Thực lực khoa học công nghệ phi phạm và tinh thần gánh vác trách nhiệm nước lớn do việc Trung Quốc tự chủ xây dựng trạm vũ trụ phổ biến đã khiến cho làm cho giới khoa học toàn thế giới phải từ đáy lòng thán phục.

9 nét

HÁN VIỆT: LỆNH

HSK 5 (3.0)

Động từ / Tính từ

#479

流动

liúdòng

lưu động, trôi chảy, di chuyển lưu thông

国家大力破除体制机制壁垒，促进科研人才与创新要素在高校、科研院所与企业之间高效自主流动。

Guó jiā dà lì pò chú tǐ zhì jī zhì bì lěi, cù jìn kē yán rén cái yǔ chuàng xīn yào sù zài gāo xiào, kē yán yuán suǒ yǔ qì yè zhī jiān gāo xiào zì zhǔ liú dòng.

Nhà nước ra sức phá bỏ các rào cản cơ chế thể chế, thúc đẩy nhân tài nghiên cứu và các yếu tố đổi mới sáng tạo di chuyển lưu thông lưu động tự chủ hiệu quả cao giữa doanh nghiệp, viện nghiên cứu và trường đại học.

26 nét

HÁN VIỆT: LƯU ĐỘNG

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#480

流通

liú tōng

lưu thông, luân chuyển hàng hóa/tiền tệ

加快建设高效规范、公平竞争、充分开放的全国统一大市场，坚决打破地方保护和畅通现代商贸物流流通体系。

Jiā kuài jiàn shè gāo xiào guī fàn, gōng píng jìng zhēng, chōng fèn kāi fàng de quán guó tóng yì dà shì chǎng, jiǎn jué dà pò dì fāng bǎo hù hé chāng tōng xiān dài shāng mào wù liú liú tōng tǐ xì.

Đẩy nhanh xây dựng thị trường lớn thống nhất toàn quốc cạnh tranh công bằng, hiệu quả chuẩn mực và mở cửa đầy đủ, kiên quyết phá bỏ chủ nghĩa bảo hộ địa phương và khơi thông hệ thống lưu thông logistics thương mại hiện đại.

20 nét

HÁN VIỆT: LƯU THÔNG

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#481

漏

lòu

rò rỉ, chảy, dột, rò rỉ (thông tin)

在安全巡检中，技术人员使用激光气体探测仪精准排查出了一处隐蔽的天然气管道微漏隐患。

Zài ān quán xún jiǎn zhōng, jì shù rén yuán shǐ yòng jī guāng qì tǐ tàn cè yí jīng zhǔn pái chá chū le yí yǐn yuán de tiān rán qì guǎn dào wēi lòu yīn huàn.

Trong đợt tuần tra kiểm tra an toàn, cán bộ kỹ thuật đã dùng máy dò khí bằng tia laser để phát hiện chuẩn xác một điểm rò rỉ khí gas ngầm hiểm hóc trong đường ống dẫn khí đốt tự nhiên.

12 nét

HÁN VIỆT: LẬU

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#482

漏洞

lòudòng

lỗ hổng (bảo mật/pháp lý), sơ hở

国家网络安全防护团队建立了全天候智能监测响应机制，及时修复并堵塞了多项重大底层系统漏洞。

Guó jiā wǎng lǎo ān quán fáng hù tuán duì jiàn lì le quán tiān hòu zhì néng jiān cè xiāng yīng jī zhì, jí shí xiū fù bìng bǔ sāi le duō xiàng zhòng dà dī céng xì tǒng lòu dòng.

Đội ngũ phòng hộ an toàn không gian mạng quốc gia đã thiết lập cơ chế giám sát ứng phó thông minh 24/7, kịp thời bít lấp và sửa chữa nhiều lỗ hổng lỗ hổng bảo mật hệ thống nền tảng trọng đại.

24 nét

HÁN VIỆT: LẬU ĐỘNG

HSK 5 (3.0)

Động từ

#483

率领

shuài lǐng

dẫn đầu, dẫn dắt, thống suất chỉ huy

总工程师率领科研攻坚团队夜以继日奋战在工程一线，攻克了特长海底沉管隧道高精度安装的世界级施工难题。

Zōng gōng chéng shǐ shuài lǐng kē yán gōng jiān tuán duì yè yǐ jì rì fèn zhàn zài gōng chéng yí xiàn, gōng kè le tè cháng hǎi dǐ chén guǎn suǐ dào gāo jīng dù ān zhuāng de shì jiè jí shī gōng nán tí.

Vị tổng công trình sư đã dẫn đầu dẫn dắt đội ngũ xung kích nghiên cứu khoa học ngày đêm chiến đấu nơi tuyến đầu công trình, chinh phục nan đề thi công đẳng cấp thế giới về lắp đặt hầm chìm dưới đáy biển siêu dài với độ chính xác cao.

16 nét

HÁN VIỆT: LƯỢT LÃNH

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#484

逻辑

luó jì

logic, tính logic, lý lẽ chặt chẽ

撰写高水平学术专著时，论证结构必须严谨周密，层层递进、逻辑清晰自治。

Zhuàn xiě gāo shuǐ píng xué shù zhuān zhù shí, lùn zhèng jié gòu bì xū yán jìn zhōu mì, céng céng dì jìn, luó jì qīng xī zì qì.

Khi viết các công trình chuyên khảo học thuật đỉnh cao, cấu trúc lập luận nhất thiết phải chặt chẽ thấu đáo, dẫn dắt từng bước và logic rõ ràng, tự tương thích.

24 nét

HÁN VIỆT: LA TẬP

HSK 5 (3.0)

Động từ / Tính từ

#485

落实

luò shí

thực hiện triệt để, cụ thể hóa vào thực tế, đồn đốc thi hành

各级政府部门以钉钉子精神狠抓各项强农惠农富农政策落实，确保各项便民惠企举措真正落地见效。

Gè jí zhèng fǔ bù mén yǐ dīng dīng zǐ jīng shén hēn zhuā gè xiàng qiáng nóng huì nóng fù nóng zhèng cè luò shí, què bǎo gè xiàng biàn mín huì qǐ jǔ cuò zhēn zhèng luò dì jiàn xiào.

Các cơ quan chính quyền các cấp bằng tinh thần đóng đinh bền bỉ tập trung đồn đốc thực thi triệt để các chính sách mạnh nông, hỗ trợ nông nghiệp và làm giàu cho nông dân, bảo đảm mọi biện pháp thuận tiện cho dân và hỗ trợ doanh nghiệp thực sự đi vào đời sống phát huy hiệu quả.

21 nét

HÁN VIỆT: LẠC THỰC

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#486

码头

mǎ tóu

bến tàu, cầu cảng, bến cảng

在全自动化“无人”集装箱智能码头上，无人集卡车队与自动化轨道吊在算法指挥下高效精准装卸集装箱。

Zài quán zì dòng huà "wú rén" jí zhuāng xiāng zhì néng mǎ tóu shàng, wú rén jí kǎ chē duì yǔ zì dòng huà guǐ dào diào zài suàn fǎ zhǐ huī xià gāo xiào jīng zhǔn zhuāng xié jí zhuāng xiāng.

Trên bến cảng thông minh container 'không người' tự động hóa hoàn toàn, đoàn xe tải container tự hành cùng cần cầu trục đường ray tự động dưới sự chỉ huy của thuật toán đang bốc dỡ các container một cách chính xác và hiệu quả cao.

23 nét

HÁN VIỆT: MÃ ĐẦU



HSK 5 (3.0)

Động từ

#487

骂

mà

la mắng

老师鼓励大家积极骂，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí mà, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực la mắng, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

12 nét

HÁN VIỆT: MẠ

HSK 5 (3.0)

Động từ

#488

买卖

mǎi mài

mua và bán

老师鼓励大家积极买卖，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí mǎi mài, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực mua và bán, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

25 nét

HÁN VIỆT: MǎI MẠI

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#489

漫画

màn huà

truyện tranh, tranh biếm họa, tranh hoạt hình manga

优秀科普创作者运用幽默生动的国风手绘漫画形式，向广大中小学生生动普及深空探测与人工智能前沿科学知识。

Yōu xiù kē pǔ chuàng zhuàng yòng yōu mò shēng dòng de guó fēng shǒu huì màn huà xíng shì, xiàng guǎng dà zhōng xiǎo xué shēng shēng dòng pǔ jí shēn kōng tàn cè yǔ rén gōng zhī néng qián yán kē xué zhī shì.

Tác giả sáng tác phổ biến khoa học xuất sắc đã vận dụng hình thức truyện tranh vẽ tay phong cách dân tộc sinh động hình ảnh để phổ cập sinh động các kiến thức khoa học tiên phong về trí tuệ nhân tạo và thám hiểm không gian sâu tới đồng đạo các em học sinh phổ thông.

22 nét

HÁN VIỆT: MẠN HOA

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#490

漫长

màn cháng

dài

在面对复杂的挑战时，保持漫长的心态尤为重要。
zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí màn cháng de xīn tài yóu wéi zhòng yào.
Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái dài đặc biệt quan trọng.

22 nét

HÁN VIỆT: MẠN TRƯỞNG

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#491

毛笔

máobǐ

bút lông, bút lông viết thư pháp

老书法家手握一支精良的湖州传统羊毫毛笔，在宣纸上挥毫泼墨、气韵生动。
Lǎo shū fǎ jiǎ shòu wò yī zhī jīng líng de hú zhōu chuán tǒng yáng háo máo bǐ, zài xuān zhǐ shàng huī háo pō mò, qì yùn shēng dòng.
Nhà thư pháp lão thành tay cầm cây bút lông lông cừu truyền thống Hồ Châu tinh xảo, vung bút phóng mực trên giấy xuyên chỉ, khí vận sinh động ngập tràn sức sống.

20 nét

HÁN VIỆT: MAO BÚT

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#492

矛盾

máo dùn

mâu thuẫn, xung đột; trái ngược nhau

唯物辩证法告诉我们，事物内部固有的矛盾运动是推动一切事物向前发展的根本动力。
Wéi wù biàn zhèng fǎ gào sù wǒ men, shì wù nèi bù gù yǒu de máo dùn yùn dòng shì tuī dòng yī qiè shì wù xiàng qián fā zhǎn de gēn běn dòng lì.
Phép biện chứng duy vật chỉ ra rằng, sự vận động của những mâu thuẫn nội tại vốn có bên trong sự vật chính là động lực căn bản thúc đẩy mọi sự vật tiến lên phía trước.

23 nét

HÁN VIỆT: MÂU THUẦN

HSK 5 (3.0)

Động từ

#493

冒

mào

bất chấp, mạo hiểm; bốc lên, tỏa ra (khói)

广大边防官兵冒着零下四十摄氏度的极度严寒与狂风暴雪，坚决守卫着祖国的神圣边防线。

Guǎng dà biān fáng guān bīng mào zhe líng xià sì shí shè shì dù de jí dù yán hán yǔ kuáng fēng bào xuě, jiǎn jué shǒu wèi zhe zǔ guó de shén shèng biān fáng xiàn.

Đồng đạo cán bộ chiến sĩ biên phòng bất chấp mạo hiểm bão tuyết gió cuồng và giá rét cực độ âm 40 độ C, kiên quyết giữ gìn bảo vệ đường biên phòng thiêng liêng của Tổ quốc.

9 nét

HÁN VIỆT: MAO

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ

#494

贸易

mào yì

thương mại, mậu dịch, buôn bán quốc tế

我国持续扩大高水平对外开放，与“一带一路”共建国家之间的双边经贸往来与货物贸易总额屡创新高。

Wǒ guó chí xù kuò dà gāo shuǐ píng duì wài kāi fàng, yǔ "yī dài yī lù" gòng jiàn guó jiā zhī jiān de shuāng biān jīng mào wǎng lái yǔ huò wù mào yì zǒng é lì chuāng xīn gāo.

Nước ta tiếp tục mở rộng mở cửa đối ngoại ở trình độ cao, trao đổi kinh tế thương mại song phương và tổng kim ngạch thương mại hàng hóa với các nước cùng xây dựng 'Vành đai và Con đường' liên tục lập kỷ lục mới.

20 nét

HÁN VIỆT: MẬU DỊCH

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#495

煤

méi

than đá, than mỏ

国家加快推进煤炭绿色清洁高效利用与智能化绿色煤矿建设，全面保障国家能源安全。

Guó jiā jiā kuài tuī jìn méi tàn lǜ sè qīng jié gāo xiào lì yòng yǔ zhì néng huà lǜ sè méi kuàng jiàn shè, quán miàn bǎo zhàng guó jiā néng yuán ān quán.

Nhà nước đẩy nhanh thúc đẩy xây dựng mỏ than than đá xanh thông minh hóa và sử dụng hiệu quả cao sạch xanh than đá, bảo đảm toàn diện an ninh năng lượng quốc gia.

14 nét

HÁN VIỆT: MÔI



HSK 5 (3.0)

Danh từ

#496

煤气

méiqì

khí gas than, khí đốt gas

城市全面实施燃气管网安全智慧改造，为千家万户安装管道煤气智能防泄漏自动切断阀。

Chéng shì quán miàn shí shí rǎn qì guǎn wǎng ān quán zhì huì gǎi zào, wéi qiān jiā wàn hù ān zhuāng guǎn dào méi qì zhì néng fáng xiè lòu zì dòng qiē duǎn fá.

Thành phố triển khai toàn diện cải tạo thông minh an toàn mạng lưới đường ống dẫn khí đốt, lắp đặt van tự động ngắt chống rò rỉ thông minh khí đốt gas đường ống cho muôn nhà muôn hộ.

📖 26 nét

HÁN VIỆT MÔI KHÍ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#497

门诊

mén zhěn

khám ngoại trú, phòng khám bệnh viện

三甲公立医院全面推行多学科联合门诊与分时段精准预约挂号服务，大幅缩短了急危重症患者的就医等候时间。

Sān jiǎ gōng lì yī yuàn quán miàn tuī xíng duō xué kē lián hé mén zhěn yǔ fēn shí duàn jīng zhǔn yù huà yuē guà hào fú wù, dà fú suǒ duǎn le jí wēi zhòng zhèng huàn zhě de jiù yī děng hòu shí jiān.

Bệnh viện công lập hạng 3A đã triển khai toàn diện phòng khám ngoại trú phối hợp đa ngành cùng dịch vụ đăng ký khám hẹn giờ chính xác theo từng khung giờ, rút ngắn vượt bậc thời gian chờ đợi khám chữa bệnh của người bệnh nhân nguy kịch hiểm nghèo.

📖 20 nét

HÁN VIỆT MÔN CHẨN

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#498

迷人

mí rén

quyến rũ, mê hồn, cuốn hút lòng người

九寨沟那色彩斑斓的高山钙华梯池如梦似幻，水质澄澈见底，展现出了大自然鬼斧神工的迷人魅力。

Jiǔ zhài gǒu nà sè cǎi bān lán de gāo shān gài huá tī chí rú mèng sì huàn, shuǐ zhì chéng chè jiàn dǐ, zhǎn xiàn chū le dà zì rán guǐ fǔ shén gōng de mí rén mèi lì.

Những hồ nước bậc thang với hóa trên núi cao muôn màu muôn vẻ ở Cửu Trại Câu đẹp tựa như mơ như ảo, nước trong veo thấy tận đáy, phô diễn sức quyến rũ mê hồn tài tình kỳ diệu của mẹ thiên nhiên.

📖 17 nét

HÁN VIỆT MÊ NHÂN

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ

#499

迷信

mí xìn

mê tín, mê tín mù quáng; sùng bái mù quáng

大力弘扬科学精神与普及现代科学知识，破除封建迷信与盲从权威，在全社会营造崇尚科学的浓厚氛围。

Dà lì hóng yáng kē xué jīng shén yǔ pǔ jí xiàn dài kē xué zhī shí, pò chú fēng jiàn mǐ xìn yǔ máng cóng quán wēi, zài quán shè huì yíng zào chóng shàng kē xué de nóng hòu fēn wéi.

Đẩy mạnh hoảng dương tinh thần khoa học và phổ cập tri thức khoa học hiện đại, bài trừ mê tín dị đoan phong kiến cùng việc mù quáng nghe theo thẩm quyền, xây dựng bầu không khí đậm đà tôn sùng khoa học trong toàn xã hội.

📖 18 nét

HÁN VIỆT MÊ TÍN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#500

面貌

miàn mào

diện mạo, bộ mặt, tinh thần diện mạo mới

全面推进乡村振兴战略使广袤农村的基础设施与人居环境发生了翻天覆地的历史性变化，乡村面貌焕然一新。

Quán miàn tuī jìn xiāng cūn zhàn lüè shǐ guǎng mào nóng cūn de jī chǔ shè shī yǔ rén jū huán jīng fā shēng le fān tiān fù dì de lì shǐ xìng biàn huà, xiāng cūn miàn mào huàn rán yī xīn.

Thúc đẩy toàn diện chiến lược chấn hưng nông thôn đã giúp cơ sở hạ tầng cùng môi trường sống của các vùng nông thôn bao la có những biến đổi lịch sử nghiêng trời lệch đất, diện mạo làng quê rạng rỡ đổi mới hoàn toàn.

📖 18 nét

HÁN VIỆT DIỆN MẠO

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#501

面子

miàn zi

thể diện, sĩ diện, danh dự mặt mũi

开展党内严肃认真的批评与自我批评时，必须坚持实事求是、抛开面子，红红脸、出出汗以切实解决实际问题。

Kāi zhǎn dǎng nèi yán sù rèn zhēn de pī píng yǔ zì wǒ pī píng shí, bì xū jiān chí shí shì qǐú shì, pào kāi miàn zi, hóng hóng liǎn, chū chū hàn yī qiè shí jié jué shí jì wèn tí.

Khi triển khai tự phê bình và phê bình nghiêm túc trong Đảng, bắt buộc phải kiên trì thực sự cầu thị, gạt bỏ sĩ diện thể diện, đỏ mặt toát mồ hôi để giải quyết thiết thực các vấn đề trong thực tế.

📖 21 nét

HÁN VIỆT DIỆN TỬ

HSK 5 (3.0)

Lượng từ / Danh từ

#502

秒

miǎo

giây (đơn vị đo thời gian)

我国科研团队成功研制出几十亿年误差不过一秒的高精度光谱标光学原子钟，刷新世界精度纪录。

Wó guó kē yán tuán duì chéng gōng yán zhì chū jǐ shí yǐ nián wù chā bù chāo guò yī miǎo de gāo jīng dù guāng pīn biāo guāng xué yuán zì zhōng, shuā xīn shì jì jīng dù jì lù.

Đội ngũ nghiên cứu khoa học nước ta đã nghiên cứu chế tạo thành công đồng hồ nguyên tử quang học chuẩn tần số ánh sáng độ chính xác cao mấy tỷ năm sai số không vượt quá một giây giây, phá kỷ lục độ chính xác của thế giới.

📖 9 nét

HÁN VIỆT MIỂU

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#503

敏感

mǐn gǎn

nhạy cảm

在面对复杂的挑战时，保持敏感的心态尤为重要。

Zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí mǐn gǎn de xīn tài yóu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái nhạy cảm đặc biệt quan trọng.

📖 22 nét

HÁN VIỆT MĨN CẢM

HSK 5 (3.0)

Tính từ

#504

明亮

míngliàng

sáng sủa, sáng ngời, trong sáng

在宽敞明亮的现代国家重点实验室里，青年科研骨干正聚精会神地开展前沿芯片物理特性测试。

Zài kuǎn chǎng míng liàng de xiàn dài guó jiā zhòng diǎn shí yàn shì lì, qīng nián gǎn yán gǔ gàn zhèng jù jīng huì shén dì kāi zhǎn qián yán xīn piàn wù lǐ tè xìng cè shì.

Bên trong phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia hiện đại sáng ngời rộng rãi sáng sủa, các cán bộ nòng cốt nghiên cứu trẻ tuổi đang tập trung cao độ triển khai kiểm tra đặc tính vật lý của chip tiên phong.

📖 21 nét

HÁN VIỆT MINH LƯỢNG



HSK 5 (3.0)

Phó từ

#505

明明

míng míng

rõ ràng là, rành rành, hiển nhiên

在铁证如山的出土文物铭文证据面前，个别西方政客明明知晓历史真相，却依然出于政治目的蓄意歪曲事实。

Zài tiě zhèng rú shān de chū tǔ wén wù míng wén zhèng jù miǎn qián, gè bié xī fāng zhèng kè míng míng zhī xiǎo lì shǐ zhēn xiàng, què yī rán chū yú zhèng zhì mù dì xū yì wǎi qū shì shí.

Đứng trước các chứng cứ văn tự khắc trên cổ vật khai quật xác thực như núi chứng cứ, một số chính khách phương Tây rõ ràng là rành rành biết rõ chân tướng lịch sử nhưng vẫn vì mục đích chính trị cố tình bóp méo sự thật.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: MINH MINH

HSK 5 (3.0)

Động từ / Danh từ

#506

命令

mìng lìng

ra lệnh, chỉ thị, mệnh lệnh

在抢险救灾的关键时刻，全体救援队员闻令而动、坚决贯彻执行指挥部的紧急救援命令。

Zài qiǎng xiǎn jiù zāi de guān jiàn shí kè, quán tǐ jiù yuán duì yuán wén lìng ér dòng, jiǎn jué guān chè zhí xíng zhǐ huī bù de jǐn jí jiù yuán mìng lìng.

Vào thời khắc then chốt của công tác cứu hộ thiên tai, toàn thể cán bộ cứu hộ vừa nghe lệnh đã lập tức hành động, kiên quyết quán triệt thực thi mệnh lệnh cứu hộ khẩn cấp của ban chỉ huy.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: MỆNH LỆNH

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#507

模范

mó fàn

mẫu mực, gương mẫu, tấm gương sáng

全国劳动模范和先进工作者在平凡岗位上默默奉献，用崇高的工匠精神与劳动品格书写了不平凡的时代荣光。

Quán guó láo dòng mó fàn hé xiān jìn gōng zuò zhě zài píng fán gǎng wèi shàng mò mò fèng xiàn, yòng chóng gāo de gōng jiàng jīng shén yǔ láo dòng pǐn gé shū xiě le bù píng fán de shí dài róng guāng.

Những gương mặt lao động kiểu mẫu toàn quốc và cán bộ tiên tiến nơi vị trí công tác bình dị đã âm thầm cống hiến, dùng tinh thần người thợ cả cao đẹp cùng phẩm chất lao động viết nên ánh hào quang thời đại phi thường.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: MÔ PHẠM

HSK 5 (3.0)

Động từ

#508

模仿

mó fǎng

bắt chước, mô phỏng, nhại theo

艺术创作可以从早期的临摹与模仿起步，但唯有融入独特的艺术个性才能自成一家。

Yì shù chuàng zuò kě yǐ kǎo yǐ cóng zǎo qī de lín mó yǔ mó fǎng qǐ bù, dàn wéi yǒu róng rù dù tè de yì shù gè xìng cái néng zì chéng yí jiā.

Sáng tác nghệ thuật có thể khởi đầu từ việc sao chép và mô phỏng ban đầu, nhưng chỉ khi hòa quyện cá tính nghệ thuật độc đáo của riêng mình mới có thể tạo nên trường phái đỉnh cao.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: MÔ PHỎNG

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Động từ

#509

模糊

mó hu

mờ mịt, mơ hồ, không rõ ràng; làm mờ

经过高分辨率图像超分辨率重建算法处理，原先模糊不清的历史老照片瞬间变得清晰锐利。

Jīng guò gāo fēn biān lǜ tú xiàng chāo fēn biān lǜ chōng jiàn suàn fǎ chǔ lǐ, yuán xiān mó hū bù qīng de lì shǐ lǎo zhào piàn shùn jiān biàn dé qīng xī ruǐ lì.

Sau khi được xử lý bằng thuật toán tái cấu trúc siêu phân giải hình ảnh độ nét cao, những bức ảnh lịch sử cũ vốn mờ mịt không rõ nét tức thì trở nên sắc nét và chi tiết.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: MÔ HỒ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#510

模式

mó shì

mô thức, mô hình phương thức vận hành

中国式现代化创造了人类文明新形态，拓展了发展中国家走向现代化的全新路径与多元发展模式选择。

Zhōng guó shì xiàn dài huà chuàng zào le rén lèi wén míng xīn xíng tài, tuò zhǎn le fā zhǎn zhōng guó jiǎ zǒu xiàng xiàn dài huà de quán xīn lù jīng yǔ duō yuán fā zhǎn mó shì xuǎn zé.

Hiện đại hóa đất nước đã kiến tạo nên hình thái mới của nền văn minh nhân loại, mở rộng con đường hoàn toàn mới cùng sự lựa chọn mô hình phương thức phát triển đa nguyên cho các quốc gia đang phát triển tiến tới hiện đại hóa.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: MÔ THỨC

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#511

模样

mú yàng

dáng vẻ, diện mạo hình dáng; chừng độ khoảng chừng

在现代化智能农场里，曾经面朝黄土背朝天的传统耕作方式彻底改变，展现出了未来智慧农业的高科技模样。

Zài xiàn dài huà zhì néng nóng chǎng lǐ, céng jīng miàn cháo huáng tǔ bèi cháo tiān de chuán tǒng gēng zuò fāng shì chè dǐ gǎi biàn, zhǎn xiàn chū le wèi lái zhì huì nóng yè de gāo kē jì mú yàng.

Bên trong trang trại thông minh hiện đại hóa, phương thức canh tác truyền thống bán mặt cho đất bán lưng cho trời năm xưa đã thay đổi hoàn toàn, phô diễn dáng vẻ diện mạo công nghệ cao của nền nông nghiệp thông minh tương lai.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: MÔ DẠNG

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Động từ

#512

摩擦

mó cā

ma sát; va chạm bất đồng, ma sát thương mại

通过多边平等对话与建设性协商化解经贸分歧，推动全球经济治理体系向着更加公正合理的方向健康发展。

Tōng guò duō biān píng děng duì huà yǔ jiàn shè xìng xié shāng huà jiě jīng mào fēn qí, tuī dòng quán qú jīng jì zhì lǐ tí xī xiàng zhè gēng jiā gōng zhèng hé lí de fāng xiàng jiàn kāng fā zhǎn.

Thông qua đối thoại bình đẳng đa phương và thương lượng mang tính xây dựng để hóa giải các bất đồng ma sát kinh tế thương mại, thúc đẩy hệ thống quản trị kinh tế toàn cầu phát triển lành mạnh theo hướng công bằng và hợp lý hơn.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: MA SÁT

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#513

摩托

mó tuō

xe mô-tô, xe máy

在偏远崎岖的高山林区，护林员骑着专业越野巡护摩托穿行在林间小道上，严密监测森林火情。

Zài piǎn yuǎn qí qū de gāo shān lín qū, hù lín yuán qí zhe zhuān yè yuē yě xún hù mó tuō chuān xíng zài lín jiān xiǎo dào shàng, yán mì jiān cè sēn lín huǒ qíng.

Tại khu vực rừng núi cao hiểm trở xa xôi, nhân viên kiểm lâm cưỡi chiếc xe máy xe mô-tô tuần tra việt dã chuyên dụng chạy xuyên qua những con đường mòn trong rừng, giám sát nghiêm ngặt tình hình cháy rừng.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: MATHÁC



HSK 5 (3.0)

Danh từ

#514

目光

mù guāng

ánh mắt, ánh nhìn; tầm nhìn xa
trông rộng

战略科学家以极其深邃前瞻的战略目光，准确预判了未来数十年人工智能与量子科学深度融合的发展趋势。

Zhàn lüè kē xué jiā yǐ jí qí shēn suī qián zhān de zhàn lüè mù guāng, zhǔn què yù pàn le wèi lái shù shí nián rén gōng zhì néng yǔ liàng zǐ kē xué shēn dù jiāo róng de fā zhǎn qū shì.

Nhà khoa học chiến lược bằng ánh mắt và tầm nhìn chiến lược vô cùng sâu sắc đón đầu đã dự đoán chuẩn xác xu thế phát triển dung hợp sâu rộng giữa khoa học lượng tử và trí tuệ nhân tạo trong nhiều thập kỷ tới.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: MỤC QUANG

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#515

耐心

nài xīn

kiên nhẫn, nhẫn nại

教导初学外语的幼童需要极大的爱心与耐心，循序渐进地引导他们感受语言的魅力。

Jiào dǎo chū xué wài yǔ de yòu tóng xū yào jí dà de ài xīn yǔ nài xīn, xún xù jiàn jìn dì yǐn dǎo tā men gǎn shòu yǔ yán de mèi lì.

Dạy dỗ các em nhỏ mới bắt đầu học ngoại ngữ cần rất nhiều tình yêu thương và sự kiên nhẫn, từng bước từng bước dẫn dắt các em cảm nhận được vẻ đẹp của ngôn ngữ.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: NẠI TÂM

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#516

男性

nánxìng

nam giới, phái nam, đàn ông

在推进科技创新的伟大征程中，广大男性与女性科技工作者并肩携手攻坚，展现了卓越的智慧与担当。

Zài tuī jìn kē jì chuàng xīn de wēi dà zhēng chéng zhōng, guāng dà nán xìng yǔ nǚ xìng kē jì gōng zuò zhě bìng jiān xié shǒu gòng jǐn, zhǎn xiàn le zhuó yuè de zhì huì yǔ dān dāng.

Trên hành trình vĩ đại thúc đẩy đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ, đông đảo người làm công tác khoa học phái nam nam giới và nữ giới đã kề vai sát cánh cùng nhau vượt khó, phô diễn trí tuệ và tinh thần gánh vác trách nhiệm.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: NAM TÍNH

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#517

南北

nánběi

nam bắc, hai miền Nam Bắc

纵贯南北的京沪高铁如同一条钢铁巨龙，将我国北方与南方两大核心经济圈紧密串联在一起。

Zòng guàn nán běi de jīng hù gāo tiě rú tóng yī tiáo gāng tiě jù lóng, jiāng wǒ guó běi fāng yǔ nán fāng liǎng dà hé xīn jīng jì quān jìn mì chuán lián zài yì qǐ.

Tuyến đường sắt cao tốc Bắc Kinh - Thượng Hải chạy dọc nam bắc hai miền Nam Bắc tựa như một con cự long thép, kết nối chặt chẽ hai vành đai kinh tế cốt lõi miền Nam và miền Bắc nước ta lại với nhau.

📖 27 nét

HÁN VIỆT: NAM BẮC

HSK 5 (3.0)

Danh từ riêng

#518

南极

Nánjí

Nam Cực, vùng Nam Cực

我国在南极内陆冰盖最高点成功建成了高水平科学考察站，开启了探索极地气候演变的新篇章。

Wǒ guó zài nán jí nèi lù bīng gài zuì gāo diǎn chéng gōng jiàn chéng le gāo shuǐ píng kē xué kǎo chá zhàn, kāi qǐ le tàn suǒ jí dì qì hòu yǎn biàn de xīn piān zhāng.

Nước ta đã xây dựng thành công trạm khảo sát khoa học trình độ cao tại điểm cao nhất của dải băng nội lục Nam Cực, mở ra chương mới cho việc thám hiểm sự biến đổi khí hậu vùng địa cực.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: NAM CỰC

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#519

难得

nán dé

hiếm có, quý báu khó tìm, hiếm khi

国家大科学装置在极佳的天文观测窗口期内，成功捕获到了极难得一见的高能宇宙射线超新星爆发全光谱数据。

Guó jiā dà kē xué zhuāng zhì zài jí jiā de tiān wén guān cè chuāng kǒu qī nèi, chéng gōng bǔ huò dào le jí nán dé yí jiàn de gāo néng yǔ zhòu shè xiàn chāo xīn xīng bào fā quán guāng pǔ shù jù.

Đại thiết bị khoa học quốc gia bên trong khung cửa sổ quan trắc thiên văn tuyệt hảo đã bắt trọn thành công toàn bộ số liệu quang phổ về vụ nổ siêu tân tinh tia vũ trụ năng lượng cao cực kỳ hiếm có khó tìm.

📖 28 nét

HÁN VIỆT: NAN ĐẮC

HSK 5 (3.0)

Phó từ

#520

难以

nányǐ

khó mà, khó lòng, khó có thể

深空探测面临着超远距离测控与极端严酷宇宙环境等多重难以想象的巨大技术挑战。

Shēn kōng tàn cè miàn lín zhe chāo yuǎn líng wù kòng zhòng yǐ xiǎng xiàng de jù dà jī shù tiǎo zhàn.

Thăm trắc không gian sâu đang phải đối mặt với muôn vàn thử thách công nghệ to lớn khó mà khó lòng tưởng tượng nổi như môi trường vũ trụ khắc nghiệt cực đoan và đo kiểm điều khiển khoảng cách siêu xa.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: NAN DĨ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#521

脑子

nǎozi

đầu óc, trí não, bộ óc

做高深理论推演不仅需要扎实的数学基础，更需要开动脑子、敢于打破思维定式。

Zuò gāo shēn lǐ lùn tuī yǎn bù jìn xū yào zhā shí de shù xué jī chǔ, gèng xū yào kāi dòng nǎo zǐ, gǎn yú dǎ pò sī wéi dìng shì.

Làm suy diễn lý luận thâm sâu không chỉ đòi hỏi nền tảng toán học vững chắc, mà càng cần phải vận dụng đầu óc trí não, dám phá vỡ lối mòn tư duy.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: NÃO TỬ

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#522

内在

nèi zài

nội tại, bên trong, bản chất nội hàm
bên trong

绿色发展是高质量发展的底色，新质生产力本身就是符合新发展理念的绿色生产力，二者具有深刻的内在统一性。

Lǜ sè fā zhǎn shì gāo zhì liàng fā zhǎn de dǐ sè, xīn zhì shēng chǎn lì běn shēn jiù shì fù hé xīn fā zhǎn lǐ niàn de lǜ sè shēng chǎn lì, èr zhě jù yǒu shēn kè de nèi zài tǒng yī xìng.

Phát triển xanh là màu nền cốt lõi của phát triển chất lượng cao, bản thân lực lượng sản xuất chất lượng mới chính là lực lượng sản xuất xanh phù hợp với quan niệm phát triển mới, hai yếu tố này sở hữu tính thống nhất nội tại sâu sắc.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: NỘI TẠI



HSK 5 (3.0)

Danh từ

#523

能量

néng liàng

năng lượng; nguồn năng lượng tích cực (xã hội)

【全超导托卡马克核聚变实验装置成功实现千秒级高参数高约束稳态运行，为未来聚变清洁能源应用奠定了基石。

Quán quán chāo dǎo tuō kǎ mǎ kē hé hé jù biàn shí yàn zhuāng zhì chéng gōng shí xiàn qiān miǎo jí gāo cān shù gāo yuē shù wēn tài yǔn xíng, wèi wèi lái jù biàn qīng jié néng liàng yìng yòng diǎn dīng le jī shí.

Thiết bị thực nghiệm nhiệt hạch hạt nhân Tokamak siêu dẫn toàn phần đã thực hiện thành công việc vận hành trạng thái ổn định giam giữ cao với thông số cao ở cấp độ ngàn giây, đặt nền móng hòn đá tảng cho ứng dụng năng lượng sạch nhiệt hạch trong tương lai.

21 nét

HÁN VIỆT · NĂNG LƯỢNG

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#524

年度

nián dù

niên độ, năm tài chính, năm thường niên

【在国家科学技术奖励年度大会上，数十位为国家重大战略工程作出卓越原创贡献的领军科学家受到了隆重表彰。

Zài guó jiā kē xué jì shù jiǎng lì nián dù dà huì shàng, shù shí wèi wèi guó jiā zhòng dà zhàn lüè gòng chéng zuò chū zhūo yuè yuán chuàng gòng xiàn de lǐng jūn kē xué jiā shòu dào le lóng zhòng biǎo zhāng.

Tại Đại hội Thường niên Trao Giải thưởng Khoa học và Công nghệ Quốc gia, hàng chục nhà khoa học đầu ngành có cống hiến nguyên tác kiệt xuất cho các công trình chiến lược trọng đại của đất nước đã được long trọng biểu dương khen thưởng.

21 nét

HÁN VIỆT · NIÊN ĐỘ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#525

年龄

nián líng

tuổi tác, tuổi đời

【追求知识与追寻梦想从来不受年龄的限制，只要心怀热忱，任何时候出发都不算晚。

Zhuī qiú zhī shí yǔ zhuī xún mèng xiǎng cóng lái bú shòu nián líng de xiàn zhì, zhǐ yào xīn huai rè chén, rèn hé shí hòu chū fā dōu bù suàn wǎn.

Mưu cầu tri thức và theo đuổi ước mơ chưa bao giờ bị giới hạn bởi tuổi tác, chỉ cần trong lòng luôn ấp ủ bầu nhiệt huyết thì bắt đầu vào bất cứ lúc nào cũng không hề muộn màng.

23 nét

HÁN VIỆT · NIÊN LINH

HSK 5 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#526

年前

nián qián

trước Tết, trước năm mới; năm trước

【经过全队连续数月的日夜奋战，大科学装置核心部件联调测试终于在年前圆满完成。

Jīng guò quán duì lián shù yuè de rì yè fèn zhàn, dà kē xué zhuāng zhì hé xīn bù jiàn jiàn lián diào cè shì zhōng yú zài nián qián yuán mǎn wán chéng.

Trải qua nhiều tháng ngày đêm chiến đấu liên tục của toàn đội, bài thử nghiệm kiểm tra hiệu chỉnh liên động linh kiện cốt lõi của thiết bị khoa học lớn cuối cùng đã hoàn thành mỹ mãn trước Tết trước năm mới.

24 nét

HÁN VIỆT · NIÊN TIỀN

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#527

牛仔裤

niú zǎi kù

quần bò, quần jeans

【经典复古的深蓝色纯棉牛仔褲以其耐磨舒适与百搭版型，深受全球年轻人的喜爱。

Jīng diǎn fù gǔ de shēn lán sè chún mian niú zǎi kù yǐ qí nài mǎ shù shì yǔ bài dà bǎn xíng, shēn shòu quán qiú nián qīng rén de xǐ ài.

Chiếc quần jeans cotton màu xanh đậm phong cách cổ điển nhờ vào độ bền chống mài mòn, sự thoải mái và phom dáng dễ phối đồ đã được giới trẻ khắp thế giới vô cùng ưa chuộng.

33 nét

HÁN VIỆT · NGŨ TỂ KHỐ

HSK 5 (3.0)

Danh từ

#528

农产品

nóng chǎn pǐn

nông sản, sản phẩm nông nghiệp

【现代农业冷链物流网络全面覆盖乡村，让优质绿色特色农产品能在二十四小时内直达全国各大城市餐桌。

Xià dài nóng yě lǐng lián wù liú wǎng luò quán miàn fù gài xiāng cūn, ràng yōu zhì lǜ sè tè sè nóng chǎn pǐn néng zài èr shí sì xiǎo shí nèi zhí dá quán guó gè dà chéng shì cān zhuō.

Mạng lưới logistics chuỗi cung ứng lạnh nông nghiệp hiện đại phủ khắp làng quê, giúp các nông sản sản phẩm nông nghiệp đặc sắc xanh chất lượng cao có thể vận chuyển thẳng tới bàn ăn các đô thị lớn trên toàn quốc trong vòng 24 giờ.

35 nét

HÁN VIỆT · NÔNG SẢN PHẨM

HSK 5 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#529

女性

nǚ xìng

phụ nữ, phái nữ, nữ giới

【在国家战略重大科技工程攻关战线上，一大批杰出女性科学家勇挑重担，展现了卓越的巾帼风采。

Zài guó jiā zhàn lüè zhòng dà kē jì gōng chéng gōng guān zhàn xiàn shàng, yī dà pī jié chū nǚ xīng kē xué jiā yǒng tiāo zhòng dān, zhǎn xiàn le zhūo yuè de jīn guó fēng cǎi.

Trên tuyến tuyến mặt trận vượt khó công trình khoa học công nghệ trọng đại chiến lược quốc gia, một lực lượng lớn các nhà khoa học phụ nữ phái nữ kiệt xuất đã dũng cảm đảm đương việc lớn, phô diễn phong thái anh thư trác việt.

HSK 5 (3.0)

Tính từ / Động từ

#530

暖

nuǎn

ấm, ấm áp, ấm áp tình người; sưởi ấm

【党和国家对广大一线科研人员与老专家生活上的无微不至关怀，温暖了全体科技工作者的心田。

Dǎng hé guó jiā duì guǎng dà yī xiàn kē yán rén yuán yǔ lǎo zhuān jiā shēng huó shàng de wú wēi bù zhì guān huái, wēn nuǎn le quán tǐ kē jì gōng zuò zhě de xīn tián.

Sự quan tâm chăm sóc tỉ mỉ chu đáo trong cuộc sống của Đảng và Nhà nước đối với các chuyên gia lão thành và cán bộ nghiên cứu nơi tuyến đầu đã sưởi ấm làm ấm áp ấm áp cõi lòng của toàn thể những người làm công tác khoa học.

HOÀN THÀNH
TẬP 1 (530
TỪ!)

Đã
đọc
thuộc
lòng
100%
phiên
âm
Pinyin



Đã
nhớ
trọn
vẹn
âm
âm
Hán
Viết
để
hiểu
gốc
từ



Đã
quét
mã
QR
nghe
giọng
đọc
chuẩn
Bắc



Đã
làm
bài
tập
ôn
tập
ngắt
quãng
SR5



Sẵn sàng mở tiếp Tập 2! 🦊

LỘ TRÌNH CHINH PHỤC HÁN NGỮ FOXHSK

Đồng hành cùng hàng vạn học viên Việt Nam bứt phá chứng chỉ HSK & HSKK với phương pháp học tập cá nhân hóa chuẩn thể hệ mới.

BẬC SƠ CẤP

HSK 1 – 2 – 3

Xây dựng nền tảng phát âm chuẩn Bắc Kinh, nắm chắc bộ thủ, cấu trúc ngữ pháp cơ bản và phản xạ giao tiếp đời sống thường nhật.

BẬC TRUNG CẤP

HSK 4 – 5

Mở rộng 1.200 – 2.500 từ vựng thực chiến, rèn luyện kỹ năng đọc hiểu chuyên sâu, chinh phục học bổng du học toàn phần Trung Quốc.

BẬC CAO CẤP

HSK 6 & HSK 7–9

Làm chủ văn phong học thuật, thương mại và dịch thuật song ngữ. Đạt ngưỡng ngôn ngữ tinh thông như người bản xứ.



Phòng Thi Thử HSK Trực Tuyến

Bộ đề thi thật có bấm giờ, chấm điểm tự động & giải thích chi tiết



Học Từ Vựng Thông Minh SRS

Thuật toán ghi nhớ ngắt quãng tối ưu theo đường cong quên lãng



Tập Viết Chữ Hán Động Chuẩn Nét

Mô phỏng thứ tự nét bút chuẩn giáo khoa kèm quy tắc bút thuận



Trợ Lý AI Cáo Foxi 24/7

Giải đáp ngữ pháp, dịch song ngữ và chỉnh sửa lỗi sai bài thi

Tham Gia Hệ Sinh Thái Học Tập FoxHSK

Truy cập website chính thức để thi thử đề HSK miễn phí, tra cứu hơn 11.000 từ vựng và tải trọn bộ tài liệu học tập độc quyền.

[TRUY CẬP FOXHSK.COM →](https://foxhsk.com)

